NĂM THỨ SÁU • # 61 • MAY 1994

English Section Page 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 ● TEL (714) 894-9021 ● FAX (714) 894-2752

LƯU VĂN VỊNH
ĐI CHÙA HƯƠNG

HUỲNH HỮU ỦY
ĐÔI NÉT VỀ CÁC PHO TƯỢNG PHẬT

MIÊNG
NHÂN CHỨNG

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
Vietnamese American Arts & Letters Association

TRÌNH TẤU DƯƠNG CẦM

(Chopin, Brahms, Beethoven...)

ĐỖ BẰNG LĂNG

Giải Ưu hạng "Les Journées de la Musique Francaise"
Giải Nhất "Stepping Stones International"

8 giờ tối Chủ Nhật 8 tháng Năm 1994
tại Huntington Beach Library Theater
7111 Talbert Ave., Huntington Beach CA 92648

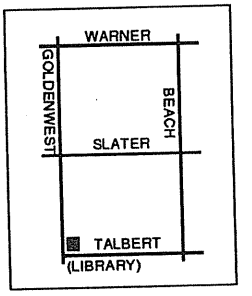

Rạp nhỏ, chỉ 300 chỗ ngồi, trong Thư Viện ở góc Công Viên Thành Phố
Khung cảnh thanh lịch tuyệt vời. Đường dễ tìm, chỗ đậu xe thoải mái
ngay trước lối vào rạp.
Liên lạc lấy vé trước: a. Hạng Bảo Trợ $25.00. b. Vé thường $15.00
Hội viên VAALA / Sinh viên $13.00
Hỏi Ô.Vũ Duy Tự (714) 894-5630; Ô.Trần Đại Lộc (714) 892-9414
14901 Moran St., Westminster, CA 92683

Đêm Nhạc Hội

TÌNH XUÂN

A Concert of Vietnamese Music

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NHỚ CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

A Mostly Vu Thanh Program

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ - WORKS & COMPOSERS

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục...
* Dân ca ba miền của Lê Ngọc Chân.

CA SĨ - VOCALISTS:

- Kim Tước
- Mai Hương
- Quỳnh Giao
- Lệ Thu
- Hà Thanh
- Ái Vân
- Anh Ngọc
- Tuấn Ngọc
- Vũ Anh
- Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM - ARRANGEMENTS BY:

- Nghiêm Phú Phi
- Lê Văn Khoa
- Văn Phụng
- Lê Ngọc Chân
- Phạm Đình Chương
- Đoàn Châu Nhi

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG - CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 22 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
- Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
- Với sự góp mặt đặc biệt của:
  * Karen Lak (first violinist), Master of Music
  * Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
  * Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG - CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

- MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM - WHEN & WHERE:

PLUMMER AUDITORIUM

201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.

Đúng 8:00 PM Thứ Bảy ngày 25 tháng Sáu (June) năm 1994

(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI - TICKETS AVAILABLE AT:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St., Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave., Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave., Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 892-0801.
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 897-4519.

Giá ủng hộ: $50 - Giá đồng hạng: $25

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:

P.O. Box 17073 Anaheim Hills, CA 92817 - 7073 * Phone: (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY
DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / issues (US$17.10) ☐12 số / issues (US$32.40) ☐24 số / issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

Bảy số báo một tuần

Tin tức Việt Nam, cộng đồng khắp nơi và quốc tế...
Kiến thức phổ thông, tìm hiểu và giải trí vui tươi, thanh nhã...

Nhật báo

NGƯỜI VIỆT

CƠ QUAN TRANH ĐẤU THỜI SỰ VĂN NGHỆ GIÁO DỤC

(Xuất bản từ 1978)

Nhật báo tới tay độc giả mỗi ngày tại Los Angeles, và Orange County bằng nhiều hệ thống:

- Thùng báo
- Phát tận nhà
- Bán lẻ tại các tiệm
- Gửi qua đường bưu điện

Báo gửi qua đường Bưu Điện, lâu nay chỉ có loại bulk-rate (giá dài hạn 1 năm $102.00), phải mất từ 7 tới 15 ngày mới tới tay độc giả. Loại "two day express" rất nhanh, chỉ có hai ngày, và bảo đảm không mất báo!

Với cách phát hành mới, dù ở bất cứ nơi đâu trong nước Mỹ,
bạn cũng được đọc "Nhật báo Người Việt" một tuần một lần,
bảy số báo gửi bằng "two-day express" tới tận nhà.
Bạn chỉ phải trả $5.00 một tuần cho cả tiền báo lẫn cước phí!

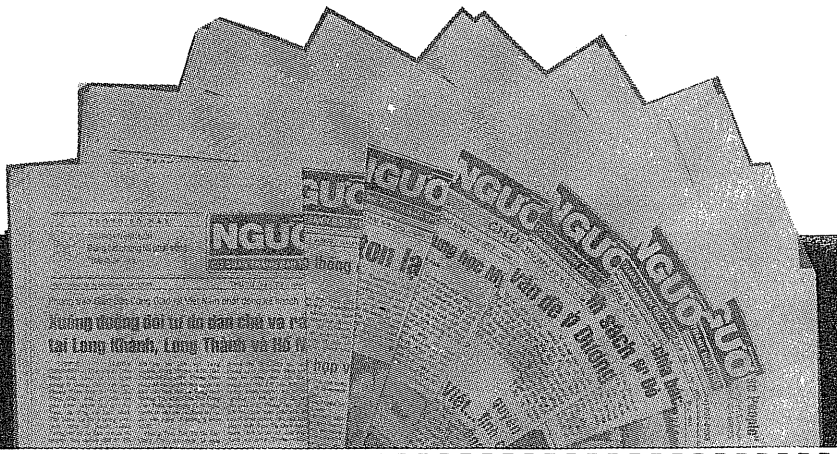

PHIẾU MUA BÁO NGƯỜI VIỆT

(gửi bằng two-day express)

Gửi cho Ông / Bà / Cô.....

Địa chỉ.....

.....Điện thoại.....

☐ 13 tuần: $65.00 ☐ 26 tuần: $120.00 ☐ 52 tuần: $230.00

Ngân phiếu trả cho NGƯỜI VIỆT, gửi về:
Người Việt, 14891 Moran Street, Westminster, CA 92683
ĐT. (714) 892-9414 * Fax: (714) 894-1381

GHI CHÚ: Mua một năm (52 tuần), bạn tiết kiệm được tới $102.80!
Giá biểu này chỉ áp dụng trong nước Mỹ, và có giá trị đến hết tháng Tám 1994.

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Chúc Mừng Năm Mới

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa **Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn** tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

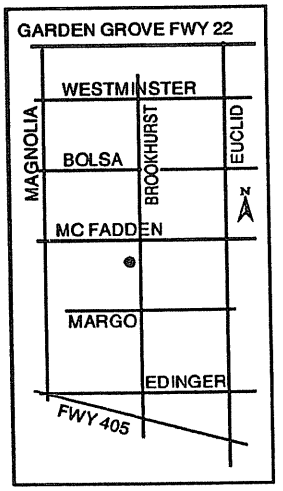

Xin khám bệnh theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988
Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Tranh bìa: *Nguyễn Thị Hợp*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Đinh Cường, Nguyễn Hữu Nhật, Nguyễn Thị Hợp*
Ảnh: *Lê Tam Ca, Ngô Thanh Tùng, Phạm Thế Trung*
Kỹ Thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

SỐ 61 * THÁNG NĂM 1994

CHÍNH TRỊ
* Đường Lối Ngoại Giao của Đảng Cộng Sản Việt Nam (*Tôn Thất Thiện*) 10
* Nhận định về việc bảy trí thức Hoa Lục... (*Từ Mai*) 18

KINH TẾ
* Kinh tế Việt Nam: Bề ngoài và thực tế (*Lê Mạnh Hùng*) 22

TRIẾT HỌC
* Con gà hay trứng gà có trước? (*Huỳnh Hữu Cửu*) 25

ĐỜI SỐNG TÂM LINH
* Có nên cầu nguyện không? (*Nguyễn Hoài Vân*) 27

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
* Đôi nét về các pho tượng... (*Huỳnh Hữu Ủy*) 30
* Tại sao tôi viết văn (*Trần Văn Ân*) 34
* Về vụ viết văn (*Mai Kim Ngọc*) 39
* Thơ tình Trần Dạ Từ *(Võ Phiến)* 57
* Bà Nẫm (*Nguyễn Tuyển*)..... 65
* Đi chùa Hương... (*Lưu Văn Vịnh*) 73
* Từ phố Hàng Bè (*Phạm Đỗ Thăng Long*) 76
* Nhân Chứng (*Miêng*) 79

THỂ THAO - DU LỊCH - KHOA HỌC
* Nữ lực sĩ sắp bắt kịp nam lực sĩ... (*Trần Quán Niệm*) 55
* Công Viên Đôi: Sequoia - Kings Canyon (*Ngô Thanh Tùng*) 69
* Du hành trong thời gian (*Nguyễn Viết Khánh*) 61

TIẾNG VỌNG
* Cảm nghĩ của người y sĩ tỵ nạn (*Trần Mộng Lâm*) 53

THƠ
* Mai sau dù có bao giờ (*Hoàng Cầm*) 29
* Cõi không (*Tạ Tỵ*) 41
* Hư Ảo (*Trương Ái Minh*) 56
* Vạn Trùng Hoa (*Tâm Vệ*) 58
* Ta Bà (*Huỳnh Liễu Ngạn*) 60
* Hôn Em Răng Khểnh (*Nguyên Dũng*) 72
* Yêu Người (*Đoàn Nhật*) 77
* Hạt Cát Biển Đông (*Trần Hồng Châu*) 84

ANH NGỮ - ENGLISH SECTION
* Fighting Poverty ... (*Nguyen Xuan Giang Tuong*) 45
* In Between (*Teresa T.A.Phan*) 47
* And Slowly Flowed the Perfume River (*Cao Xuân Tu*) 48
* Seven Decades and a Little Geometry (*Ruth Talovich*) 50
* News in Brief 57

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

THƯ TÒA SOẠN

Số tháng Năm này nhằm mùa Phật Đản, có một số bài liên quan xa gần đến đạo Phật. Bài "Đôi Nét Về Các Pho Tượng Trong Những Ngôi Chùa Cổ" của Huỳnh Hữu Ủy trình bày một nghệ thuật rất cổ xưa của Việt Nam, là nghệ thuật điêu khắc tượng Phật. Trong bài "Con Gà Hay Trứng Gà Có Trước," Huỳnh Hữu Cửu cố gắng trả lời câu hỏi muôn đời này bằng quan điểm của Thiền Tông Phật Giáo. Nhưng Lưu Văn Vịnh lại tiếp cận Phật Giáo một cách nhẹ nhàng thanh thoát với bài "Đi Chùa Hương... Tìm Loài Hoa Nghìn Năm Mới Xuất Hiện Một Lần," một tùy bút thấm đẫm không khí "Bầu Trời Cảnh Bụt" của Hương Sơn...

Trong các mục thường lệ, Thế Kỷ 21 có bài điểm cuốn sách "Việt Nam: Nhìn Từ Bên Trong Và Bên Ngoài" của hai tác giả Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa do Văn Lang xuất bản, một cuốn sách mà chúng tôi cho là đáng đọc hiện nay. Đồng thời cũng xin giới thiệu truyện ngắn của một văn hữu từ Pháp lần đầu tiên cộng tác với Thế Kỷ 21: tác giả Miêng với truyện Nhân Chứng.

Như đã thông báo tháng trước, số tháng Sáu 1994 sẽ là số kỷ niệm Thế Kỷ 21 lên sáu tuổi. Các văn hữu và bạn đọc có cảm thấy vui buồn gì đặc biệt với tờ báo trong thời gian ấy không? Tòa soạn tự nhìn lại mình có lẽ không bằng những cái nhìn từ ngoài vào, vì sẽ không khách quan và chính xác bằng. Chính vì thế chúng tôi vẫn có ý mong chờ bài viết và ý kiến của quý văn hữu và độc giả nhân dịp kỷ niệm này.

Đó là nhìn lui. Còn nhìn tới, sáu năm nữa chúng ta thực sự bước vào thế kỷ 21. Con số sáu trùng điệp đó cũng gợi cho chúng ta một cảm hứng nào đó. Chúng tôi mời quý bạn tham dự một "bàn tròn" vào hồi 3 giờ chiều thứ Bảy 21 tháng Năm 1994, tại tòa soạn Thế Kỷ 21, góp ý về đề tài "Việt Nam, thế kỷ 20". Người đặt vấn đề và điều hòa một cuộc thảo luận sẽ là Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm sáng lập Thế Kỷ 21, hiện là chủ nhiệm nhật báo Người Việt. Thế kỷ 20, một thế kỷ máu lửa của dân tộc Việt Nam, cũng lại là một thế kỷ mở ra cho dân tộc nhiều chân trời mới, về tư tưởng, kỹ thuật và lối sống... Những năm cuối thế kỷ lại là một chương độc đáo trong lịch sử gần 5000 năm của dân tộc Việt, và có lẽ độc đáo đối với lịch sử các dân tộc nói chung nữa.

Quý bạn nào không về "ngồi" ở bàn tròn được, xin gửi bài, ý kiến, sáng tác, biên khảo v.v... góp cho số báo tháng Sáu (và các số tiếp theo).

THẾ KỶ 21

Tôi đã yếu, nhưng muốn viết lấy...

Đã trên một tháng qua, tôi có ý muốn viết cho *Thế Kỷ 21* một bài về "Tại sao tôi viết văn?" nhưng tôi không làm được, vì phải bệnh liên miên, rồi còn thêm mổ cục *kyste* ở cổ — nhờ bác sĩ Nguyễn Hoài Vân. Rồi nằm nghỉ. Hôm qua Vân tới thăm, sẵn lòng viết theo ý tôi. Tôi bảo **không được**, vì loại bài này rất tế nhị và rất hữu ích cho bạn trẻ. "Để bác cố gắng. Ngày mai, 06-03-94, bác sẽ bắt đầu viết," mặc dầu tinh thần rất suy kém. Vậy, như tự hứa, Ân tôi xin viết, và xin nói trước, nếu bài có lượm thượm, nhờ các bạn chữa dùm. Lão ký giả Trần Văn Ân, năm nay đã thành ông già "Độ mười mươi"... trí óc có lúc không vững và thường "lộn xộn."

Cũng cố gắng góp mặt với bạn trẻ.

Văn Lang Trần Văn Ân
Rennes, Pháp

Tấm lòng của cụ đối với Thế Kỷ 21 *nói riêng, và lớp trẻ nói chung, thật đáng quý, và đã thúc đẩy chúng tôi phải cố gắng nhiều hơn nữa. Kính thăm và chúc cụ an khang.*

Báo có ích cho việc học

Khoảng thời gian qua cháu cũng có bị bận rộn vì việc học và chờ đợi kết quả của bản "questionnaire" nên mọi chuyện đều bị tạm gác lại dịp khác.

Hai số báo vừa rồi của chú có nhiều bài rất đặc sắc và cần thiết cho công việc học của cháu. Tuy nhiên đọc báo của chú xong và nhận được những lời khuyến khích của các nhà văn nữ gởi trả lời bản "*questionnaire*" cháu chợt cảm thấy hổ thẹn, tự nghĩ không hiểu mình có đủ sức hoàn thành công trình nghiên cứu này không. Dù sao cháu cũng tự hứa sẽ cố gắng nhiều hơn để xứng đáng với sự khuyến khích của chú và mọi người.

Nguyễn Quỳnh Hương
Melbourne, Úc

Giúp được một độc giả của mình, dù việc nhỏ, Thế Kỷ 21 *cũng rất vui rồi. Giúp QH chuyển những bản câu hỏi cho các nhà văn nữ Việt Nam ở hải ngoại là việc "phải làm" chứ. Bao giờ xong "luận án" nhớ gửi cho TK21 một bản nhé..*

Ông thày ngã gẫy chân tự trào

Tôi nghe cặp kính nó lừa ông: tròng trên tròng dưới.

Họ kể quê ngoại nó kêu ông: bước thấp bước cao.

Nghĩ lại: hăm mốt năm đầy ải, chừ được phòng văn xa Vũng Than Đen.

Nhớ đến: sau ba năm thất sở, nay có nhà riêng trên "Núi Vàng Xưa".

Hí hửng nào xin thẻ mượn sách thư viện,
Tấp tểnh đi ăn bánh điểm tâm xíu mại.
Kìa: Chiếc cổng lớn mái cong "Thiên hạ vi công,"
Đó: Cặp lân to màu xanh, khách du tấp nập.
Đang lững thững ngao du, vé xe cao niên nằm yên trong túi,
Bỗng hẫng hụt bậc đá, xương gối bẩy mươi gẫy đốp trên thềm.
Kẻ bàng quan xúm quanh: ông già tàu, tỉnh như sáo sậu, khai họ khai tên,
Khách bộ hành ngó xuống: thanh niên Mĩ, kĩ tựa cảnh binh, hỏi số dây nói.
Lính cứu hỏa đến ngay khoảnh khắc,
Xe cứu thương còn phải đợi một giờ.
Chở gấp vào Bệnh viện Trường Thánh Phan,
Nơi vẫn chuyên về Khoa Xương Cốt.
Bác sĩ Đan Mạch chụp hình xác nhận bánh chè bị bể,
Bệnh nhân Việt-Mĩ lạy Phật mừng thay, đầu óc không sao!
Hôm sau, mười hai tháng ba...
Mổ đầu gối, chẳng buộc chỗ xương bong, chân bên trái bó bột thẳng cẳng.
Tỉnh thuốc mê, nhận dạng đám vợ con, lưng giường ngả đứng thoải mái lạ!
Hú vía! Được nằm nhà thương, ăn cơm Mĩ bốn hôm,
Mất hồn! Phải ngủ bệnh viện, nhớ cơm ta ba bữa.
Bóng rổ, bóng chầy, coi hoài mà không khoái,
Thư nhà, báo bạn, xem mãi cũng chẳng chê.
Tốp dạy học, nhờ người thay thế: Ha ha!
Khỏi chấm thi, đỡ chuyện kì kèo: Hì hì!
Báo cáo lâm sàng, xin được tạm nghỉ,
Sau khi xuất viện, phân giải tiếp theo...
Lâm thời, hoan hô cái nạng bốn chân giúp tôi di chuyển!

San Francisco, 14 tháng 3 năm 1994

Nguyễn Đình Hòa
(415) 584-0498

Giáo sư Nguyễn Đình Hòa, cố vấn phần Anh ngữ của Thế Kỷ 21, *bị té, rất may đã chữa lành chỗ xương bị giập ở bánh chè. Xin gửi lời mừng và chúc lành tới giáo sư.*

Tên viết sai rồi các ông ơi!

Đọc *Thế Kỷ 21*, tôi có cái thú vị là bài vở ít bị lỗi — Lỗi "ấn công", lỗi chính tả. Được thế là do tòa soạn "khổ công" chữa bài, xin ghi một điểm son cho tòa soạn.

Thế nhưng đọc TK21 số 59 (tháng Ba 1994), tôi bất mãn vì một lỗi lớn lặp đi lặp lại nhiều lần: Bài "Henri Miller, nhà văn và hiện thực" của Nguyên Hương đã viết sai tên của nhà văn Mỹ này, suốt bài viết là "Henri" thay vì HENRY. Tôi cho đây là lỗi không nhỏ chút nào của tác giả (nếu tác giả đã viết như thế) và của tòa soạn (đã không nhuận sắc lại cho đúng). Giả dụ, một tác giả nổi tiếng Việt Nam là *Võ Phiến* mà cứ bị viết ra là *Vũ Phiến* thì chắc chắn tác giả *Đêm Xuân Trăng Sáng* và rộng rãi quần chúng lấy làm phiền lòng lắm chứ! Vậy mong tòa soạn khi đọc bài vở nên cẩn thận ở điểm này cho.

Một điểm nhỏ nữa, cũng số báo trên, trong bài "Mấy Điều Cần Nói Thêm" của Tôn Thất Thiện có câu "... tôi đọc Gide có một câu, mà tới nay không còn nhớ rõ ở tác phẩm nào (*Du côté de chez Swan*, hay *Nourriture terrestre?*)..." Xin góp ý ngay: cuốn *Du côté de chez Swan* là của Marcel Proust chứ không phải của André Gide.

Bùi Vinh
Irvine

Đa tạ sự góp ý của bạn và xin lãnh ý.

Chưa gọi là cực đoan được

Trong số tháng Tư, quý báo có đăng thư của ông Nguyễn Dương (trang 7). Ông Dương nói là *Thế Kỷ 21* có luận điệu "cực đoan": "Nói về cộng sản Việt Nam toàn những sai lầm xấu xa hết thuốc chữa y như báo cộng sản nói về đế quốc."

Xin trả lời ông Dương là, theo tôi nhận xét, *Thế Kỷ 21* không cực đoan. Tôi cho là những sai lầm xấu xa của Cộng Sản (nói tội ác mới đúng) *Thế Kỷ 21* nói chưa hết và còn quá nhẹ. Bảy mươi triệu dân Việt Nam, trừ một thiểu số, đều mất thấy tai nghe, chết một đời vì Cộng Sản. Cộng Sản và Tư Bản đều là ma vương, nhưng người Việt (kể cả ông Dương) hết đường sống, đành phải nương tựa vào cái gì tương đối ít nguy hại hơn, dễ thở hơn.

Tại sao không muốn nhìn nhận sự thật? Hoặc giả ông Dương chưa có kinh nghiệm máu xương vì đi di tản trước 1975? Hoặc biết đâu ông không là một... cựu đội trưởng lao động xuất ngoại ở Đức chẳng hạn, vì ta thấy ông giỏi tiếng Đức, dẫn giải đến cả phương ngôn ngạn ngữ Đức!

L.P. Phương Khanh
Anaheim

Mỗi người, với kinh nghiệm sống khác nhau, có cái nhìn khác về cùng một sự kiện, hay một vấn đề. Đó là chuyện thường tình, là nét đáng yêu và cũng là nguồn gốc của... bệnh nhức đầu trong xã hội dân chủ! Xin cám ơn cô đã góp ý.

Tác quyền

Đọc TK21 thấy có độc giả đặt vấn đề tác quyền sách TLVĐ. Sự thực buồn lắm. Ở hải ngoại, tất cả sách TLVĐ đều tái bản tự phát, không xin phép gì con trưởng cũng như con thứ Nhất Linh, Thạch Lam đang sống ở Mỹ. Con thứ Nhất Linh có thử đòi tác quyền, và được một nhà xuất bản trả cho $200. Thế là hết. Không tính tới kiện cáo vì tiền luật sư sẽ tốn gấp nhiều lần số tiền hy vọng đòi được. Nội địa đàng hoàng hơn, trả tác quyền cho thừa kế. Nhưng trả theo lối đếm chữ đếm trang, chỉ cỡ 30-50 dollar một cuốn. Con thứ Nhất Linh ở Việt Nam cũng chả thu nhập được là bao, vì thế. Chế độ nào của Việt Nam (kể cả các hội đoàn ở hải ngoại) đều ghét và bạc đãi nhà văn cả. Bởi thế Việt Nam nói chung chưa khá được.

Thế Uyên
Seattle

Sách TLVĐ đã... quá hạn (?) bản quyền, và trở thành tài sản chung rồi! Chúng tôi đùa vui vậy thôi, chứ sự thực chúng ta đã và sẽ còn phải đương đầu với vấn đề này — cả trong lẫn ngoài nước.

Xin bạn vui lòng sửa

Corrections: In CXT's story "And Slowly Flowed The Perfume River", TK21 No 60 (April 1994) on page 48, column 1, line 13: please read "footfall" instead of "football". On page 49, column 2, line 16: please read "hearing" instead of "learning".

Cao Xuân Tứ
Amsterdam

Bài "Cầu thủ nào mang tên họ Nguyễn họ Trần" có một chữ in sai. Đó là chữ "NHAI" chứ không phải chữ THAI trong câu *"... đồng thị thiên nhai luân lạc khách"*, trích văn của ông Nhẫn. Có lẽ từ chữ *hải giác thiên nhai* là góc biển chân trời. Nếu thấy cần, xin quý vị vui lòng cho một dòng đính chính. Xin chân thành cảm tạ.

Nguyễn Hưng Quảng
Connecticut

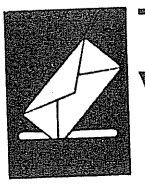

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Nguyễn Tri Hải (Bielefeld ĐỨC), Nguyễn Thừa Tín (Gelsenkirchen ĐỨC), Vũ Thị T.H. (Berlin ĐỨC), Nguyễn Văn Cường (Olsvik NAUY), Trần Thị Ngọc Dung (Oakland CA), Trần văn Tám (Etobitoke CND), Lâm Lễ Trinh (Huntington Beach CA), Trịnh Bích Đào (Silver Spring MD), Dương Canh (Jacksonville FL), Vũ Quốc Liên (El Cajon CA), Nguyễn Tri Thức (Eagan MN), Lưu Hà (San Diego CA), Divine Word College (Epworth IA), Nguyễn Hữu Liêm (San Jose CA), Zan Dubin (Costa Mesa CA), Nguyễn Văn Ngọc (Bridgeport CT), Lê Bá Cường (Beaverton OR), HD tặng), Nguyễn Văn Diệu (Portland OR, HD tặng), Đỗ Trọng Tri (Portland OR), Nguyễn Vũ Văn (Portland OR), City of Hindmarsh (Woodville ÚC), Nguyễn Hà (Chicago IL), Nguyễn Thanh Hùng (Lake Forest CA), Đào Duy Anh (Elizabeth KY, NPP tặng), Lê Duy Hồng (San Diego CA), Đỗ Văn Thư (Chicago IL), Nguyễn Hữu Phúc (Westminster CA), Nguyễn Đăng Thường (London ANH), Lê Văn Hương (Los Angeles CA), Lê Mạnh Hùng (Surrey ANH), Trần M Lục (Falls Church VA), Đặng Chu (San Rafael CA), Danny Ho (Gatineau CND), Nguyễn Hoàng Thịnh (Canada), Nguyễn Thanh Phàn (San Diego CA), Phạm Gia Long (London ANH), Phan Hồng Diêu (Chicago

IL),Hà Thế Hồng Nhật (Springvale ÚC), Huỳnh Thị Lộc (San Jose CA), Nguyễn Vinh (Memphis TN, KN tặng).

Báo bị trả về: Canh Bui (Aurora CA), Phung Thu (Kishinev NGA), Lại Ánh Mai (Oberursel ĐỨC).

Nhắn tin chung quý độc giả "gia hạn" báo:

Xin gửi cho chúng tôi mẫu "label" dán trên bìa sau tờ báo. Nếu không muốn bóc "label," xin viết trong phiếu hoặc thư, HỌ TÊN của quý vị ĐÚNG NHƯ TRÊN "LABEL" để tránh tình trạng bị "xử lý" lầm là "độc giả mới!" (chẳng hạn, đã gửi tiền gia hạn, mà vẫn nhận được thư...đòi tiền, vì cùng một người mà họ bị đổi thành tên!)

Chúng tôi chọn cách viết theo lối Việt Nam: họ trước tên sau. Nếu tên Mỹ (hoặc Đức, Pháp,...), chúng tôi giữ theo cách viết tên trước họ sau. Hai con số bên trên họ tên của quý vị là số báo đầu tiên và số báo cuối cùng của hạn kỳ báo. Quý vị sẽ giúp tòa báo đỡ tốn tiền in thư, tiền tem, nếu gửi tiền gia hạn đúng hoặc trước kỳ hạn. Cám ơn quý vị, và mong được quý vị giúp tờ báo có thêm độc giả. Thân ái chào và chúc quý vị luôn vui.

Nhắn tin chung quý đồng nghiệp:

Các độc giả của TK 21 ở một số tiểu bang cho tòa soạn biết (và có người gửi kèm báo của quý đồng nghiệp) có đồng nghiệp đã trích đăng bài của TK 21. Việc đăng lại bài vở thực ra giúp phổ biến sâu rộng thêm những công trình sáng tạo hoặc nghiên cứu của người cầm bút, chúng tôi hoan nghênh. Nhưng, xin quý đồng nghiệp:

1.gửi thư hoặc điện thoại xin trích đăng;

2.khi đăng, cho biết xuất xứ;

3.nếu là báo bán hoặc có bán trang quảng cáo, xin góp một phần phí tổn nhuận bút do hai tòa báo cùng ấn định.

Nhắn tin chung quý văn hữu:

Gần đây, tòa soạn nhận được bài của quý vị đã đánh sẵn trong đĩa. Thật là tiện lợi (đỡ tốn thì giờ và tiền bạc, lại bảo đảm ít lỗi đánh máy). Chúng ta hãy cùng nhau hoan hô những tiến bộ kỹ thuật và công nghiệp, và phát huy tối đa thành quả của những tiến bộ này. Tòa soạn cám ơn quý vị lắm lắm.

Tuy nhiên, chúng tôi xin quý vị chỉ gửi về những đĩa: 1.đánh bằng IBM/PC; 2.dùng các thảo chương VNI hoặc VNlabs; 3.để nguyên bài ở dạng text (ASCII), không cần cho kiểu chữ, cỡ chữ, cột, trang gì cả; 4.nếu gửi bằng bưu điện nên dùng đĩa nhỏ 3.5, ít rủi ro hơn đĩa lớn.

Nếu quý vị có modem, và muốn gửi thẳng vào máy của tòa soạn, hoặc để tòa soạn lấy (retrieve) từ máy của quý vị, xin liên lạc điện thoại trước để cùng sắp xếp ngày giờ thuận tiện. Thân ái chào và mong nhận được tin và bài của quý vị đều đều! Thân ái.

Hồ Phổ Lại (*Gatineau CND*): Đã nhận được thư và truyện. Cám ơn những cảm tình nồng hậu dành cho TK21. Truyện đã đăng rồi, dù viết lại, cũng không nên đăng nữa. Xin cho truyện mới. Thân ái.

Tăng Fước (*Berlin Đức*): Trị sự đã nhận được thư, và đồng thời cũng đã liên lạc với đại diện TK21 ở Dortmund. Điều lạ là báo gửi đều mỗi tháng, mà sao hai tháng 7 và 10/93 "không có". Cám ơn những lời chúc đầu năm, và cũng xin chúc lại các bạn vạn sự như ý.

BS Trần Mộng Lâm (*Montréal CND*): Tòa soạn đã nhận đủ các thư và bài (gửi bưu điện và fax). Rất cám ơn và nhân đây cũng xin cáo lỗi về việc không hồi âm ngay được. Kính.

Nguyễn Thị Vinh (*Kalbakkv Na Uy*): Bưu điện Westminster thông báo rằng bưu điện Na Uy đã nhận gói báo... bị rách. Và cả hai bưu điện đều không chịu trách nhiệm! Nếu cần gửi 10 tờ báo khác, xin chị cho biết. Thăm anh Nhật và cháu Dương Kim. Thân ái.

Xuân Sương (*Paris Pháp*): Xin cứ gửi đĩa như kỳ rồi, nếu có bản in kèm theo, với những chỉ dẫn về những điểm đặc biệt trong bài, càng hay. Mong nhận được thêm. Cám ơn và chúc vui.

Bùi Xuân Quang (*Paris Pháp*): Đã gửi sách theo yêu cầu. Xin anh gửi tiền (quan Pháp) cho M. Lê Tất Luyện ở Paris. Cũng đã nhận được bài trong đĩa. Cám ơn anh nhiều. Thân chào.

Trần Vấn Lệ (*Milpitas CA*): Đã nhận được những bài thơ mới. Sẽ đăng dần. Cám ơn anh và xin chúc vui.

Nguyễn Hoài Vân (*Vitré Pháp*): Đã nhận được hai bài "tiểu luận". Anh cho phép tòa soạn... từ từ giải quyết nhé. Đọc thư cụ Ân, biết anh thường xuyên săn sóc cụ, không những về sức khỏe thể chất, mà còn gợi hứng cho cụ viết để lưu lại cho lớp hậu sinh những kinh nghiệm quý báu, chúng tôi rất cảm động. Mong tin luôn, và chúc vui.

Lê Văn Xe (*Tokyo Nhật*): Đã gửi sách theo yêu cầu. Cám ơn anh có lòng ưu ái với TK21. Thân ái.

Lâm Lễ Trinh (*Huntington Beach CA*): Chúng tôi đã nhận được bài tiếng Anh, sẽ đăng trong số tới. Chắc ông cũng đã nhận được báo? Kính chúc vạn an.

Nguyễn Kết (*Sabro DM*): Cám ơn đã "góp ý". Sẽ đăng. Bài dịch sẽ có ý kiến sau. Mong tin luôn. Thân chào.

Kim Anh (*Bergen Na Uy*): Đã gửi sách, chắc hẳn, như chị đoán trong thư, sẽ phải mất hơn một tháng mới "bò" tới nơi. Thân ái.

Nhất Uyên (*Paris Pháp*): Thơ sẽ đăng dần. Bài về GD chuyển sang Người Việt. Chúng tôi cũng có xem một băng video có Hải Phương biểu diễn (ở Sàigòn) — tuyệt vời, đúng là "con nhà tông"! NĐQ cũng gửi lời thăm và chúc vui.

Trần Chung Ngọc (*Madison WI*): Vừa nhận được "vài ý kiến", sẽ đăng số sau. Tòa soạn rất cần những góp ý như thế. Cám ơn anh và mong được tin anh luôn.

Trần Văn Sơn (*Glendale Heights IL*): Cám ơn ông đã gửi tặng tập thơ "con Xoáy Dòng Đời" và tập tùy bút "Gia Tài Châu Báu". Tòa soạn đang đọc và sẽ xin góp ý sau. Kính chào.

Phạm Kim Khôi (*Palm Desert VA*): Sao "thiền" rồi, mà vẫn "bi phẫn" quá thế? Chưa "dừng" được, phải không? Chúc an lạc.

Kezia Nguyễn (*W Covina CA*): Cám ơn đã cho hai bài thơ của HT. Sẽ đăng. Sẽ gửi báo cho NV — lại cám ơn nữa vì đã ủng hộ tích cực! Thân ái.

ĐƯỜNG LỐI NGOẠI GIAO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM: "TRƯỚC SAU NHƯ MỘT"

(Vài nhận xét về Đại Hội VII-B của ĐCSVN)

TÔN THẤT THIỆN

Đường lối lê-ni-nít

Sự kiện quan trọng nhứt về Đại Hội giữa nhiệm kỳ (Đại Hội VII-B) của Đảng Cộng Sản Việt Nam (ĐCSVN) họp trong những ngày 20-25 tháng 1 năm 1994 là Đại Hội đó khẳng định: "quyết tâm thực hiện thành công" nghị quyết của Đại Hội VII (Đại Hội VII-A). (1) Theo nghị quyết của đại hội này (tháng 6, năm 1991) thì "Đảng trung thành với chủ nghĩa Mác—Lê-nin," lấy chủ nghĩa này và tư tưởng Hồ Chí Minh "làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động..." Đại Hội cũng khẳng định: "kiên trì chủ nghĩa Mác—Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc đối với Đảng ta..." (2)

Nghị quyết trên đây xác định một lần nữa một sự kiện mà ta nhận thấy rõ ràng khi ta xét kỹ những bản cương lĩnh và quyết nghị của những đại hội Đảng từ lúc thành lập, hay đúng hơn, từ lúc ông Hồ Chí Minh "tiếp thu" chủ nghĩa Lê-nin, nghĩa là từ năm 1920 đến nay. Qua thời gian, và sau 75 năm, đường lối của ĐCSVN vẫn không có thay đổi, vẫn "trước sau như một."

Cụm từ "không có thay đổi" ở đây nên hiểu theo nghĩa là không có thay đổi về căn bản, về mục tiêu và nội dung, về quan điểm và hướng đi, nghĩa là về chiến lược. Về phương diện vận dụng, phương pháp, hình thức, thích ứng với cục diện và thời điểm, nghĩa là về phương diện chiến thuật (sách lược), tất nhiên phải có thay đổi, hoặc nhiều hoặc ít, vì nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Lê-nin là tuy hết sức cứng rắn về nguyên tắc nhưng phải hết sức uyển chuyển về hình thức.

Nhóm lãnh đạo hiện nay của ĐCSVN như một con ngựa già, quen chỉ một con đường, và biết chỉ một con đường, hễ nghe hô "đi" là bon bon chạy theo hướng cũ.

Vì khung khổ thời gian eo hẹp nên tôi không thể đi vào chi tiết của khía cạnh này của vấn đề. Tôi chỉ đề cập đến vài điểm then chốt cần ghi nhớ khi xét đến đường lối ngoại giao của ĐCSVN. Đường lối đó được Lê Duẩn diễn tả như sau trong Báo cáo chính trị ở Đại Hội V (1982):

> *"đó là chính sách đối ngoại lê-ni-nít do đồng chí Hồ Chí Minh đề xướng và kiên trì, và Đảng đã thực hành trong nửa thế kỷ hoạt động của Đảng trong tất cả các thời kỳ phát triển của cách mạng Việt Nam. Nó kết hợp thuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng. Đó là nguyên nhân thắng lợi của Đảng, và đồng thời bảo đảm sự nghiệp cách mạng thế giới." (3)*

Chủ nghĩa "yêu nước chân chính" và chủ nghĩa "quốc tế vô sản trong sáng", ý chí "góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới," cộng với sự "trung thành tuyệt đối với chủ nghĩa Mác-Lê," đặt ĐCSVN vào thế phụ thuộc hoàn toàn Đệ Tam Quốc Tế và phải phục vụ những mục tiêu quá xa vời và quá sức đối với dân Việt Nam. Nhưng đó là con đường mà ông Hồ, "người cộng sản Việt Nam đầu tiên... người học trò ưu tú của Lê-nin..." (4) và "chiến sĩ gương mẫu trong phong trào cộng sản quốc tế" (5) đã lựa chọn và truyền cho môn đệ của ông.

Trong *Đường Kách Mệnh*, do ông soạn để làm tài liệu huấn luyện những môn đệ đầu tiên ở Quảng Châu trong những năm 1925-1927, ông Hồ nhấn mạnh rằng: 1) muốn làm cách mạng thì phải theo gương Nga và theo chủ nghĩa Mác—Lê-nin và nhờ ĐTQT; 2) ĐTQT là một đảng cộng sản duy nhất cho toàn thế giới, các đảng quốc gia chỉ là chi bộ của đảng này, và chủ trương của ĐTQT là đánh đổ tư bản làm cách mạng thế giới; 3) đảng viên phải thực hành cho được nghị quyết và chính sách của ĐTQT, việc gì chưa có mệnh lệnh và kế hoạch ĐTQT thì không được làm. (6) Ông Hồ nhấn rất mạnh một điều mà Lê-nin đòi hỏi gắt gao: người cộng sản phải từ bỏ tinh thần "vị quốc" và phải có tinh thần yêu nước "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản "trong sáng."

Những môn đệ đầu tiên của ông, sau này sẽ trở thành lãnh tụ cao cấp của Đảng, đã hấp thụ rất sâu đậm những điều đó, và sau này truyền lại nó cho môn đệ của họ cũng như thế. Sách giáo khoa

của Trường Đảng Cao Cấp Nguyễn Ái Quốc giải thích liên quan giữa tinh thần yêu nước "chân chính" và tinh thần quốc tế "trong sáng" như sau:

> *"... Người cộng sản không thể không đặt mình trong đội quân quốc tế của cách mạng thế giới... Có nắm vững mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng nước mình với cách mạng thế giới thì mới đề ra đường lối chiến lược, sách lược đúng đắn... Lê-nin đã từng căn dặn... khi lợi ích dân tộc mâu thuẫn với lợi ích quốc tế, thì phải biết hy sinh lợi ích dân tộc, đặt lợi ích quốc tế lên trên." (7)*

Và sách này (ấn hành năm 1986) nhấn mạnh: "Trong chỉ đạo cách mạng, Đảng ta thực hiện nghiêm túc lời chỉ dẫn đó của Lê-nin." Sự "nghiêm túc" đó đem lại những hậu quả to lớn và tai hại: nó làm cho ĐCSVN luôn luôn mang tròng, nhìn lệch, và buộc dân chúng Việt Nam phải sống triền miên trong bầu không khí chiến tranh.

Các văn kiện của ĐCSVN thường nhắc đến sự kiện dân Việt Nam bị "một cổ hai tròng" (Pháp và Nhật) trong những năm 1940-1945. Nhưng tình trạng này cũng chính là tình trạng của những người đã theo Đảng trong suốt 60 năm qua, với khác biệt là nó có tính cách tự nguyện. Hai tròng đó là Đảng Cộng Sản Liên Xô (ĐCSLX) và Đảng Cộng Sản Trung Quốc (ĐCSTQ). Đó là vì họ là cộng sản, và ĐCSVN là thành viên của ĐTQT. Nếu ta ghi thêm sự kiện theo quy chế của ĐTQT, ĐCSVN thuộc thẩm quyền ĐCS Pháp trong Ban Tây Âu và Nam Mỹ, thì thực sự ĐCSVN một cổ mang đến ba tròng! Tròng chính là tròng ĐCSLX, và trong thực tế, là tròng chủ nghĩa lê-ni-nít với thế giới quan của nó.

Thế giới quan lê-ni-nít là một thế giới quan đối đầu và chủ chiến. Lê-nin quan niệm rằng bản chất tư bản không khi nào thay đổi, cuộc đối chọi giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản không thể hòa giải được, và chỉ giải quyết được bằng chiến tranh. ĐCSVN, "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Lê-nin, tất phải chấp nhận thế giới quan này một cách tuyệt đối, luôn luôn áp dụng một chiến lược "tiến công không ngừng," hoặc chuẩn bị chiến tranh, và không khi nào chấp nhận hòa giải thực sự (n.l. chiến lược) với những giới tư bản, hay tin thiện chí, hoặc thành thực, hoặc sáng suốt, của họ. Như vậy tất nhiên cái nhìn của họ luôn luôn lệch, thế giới quan của họ chỉ là một thế giới quan đối đầu không ngừng, và họ phải luôn luôn đặt dân chúng Việt Nam trong tình trạng chiến tranh, hoặc báo động, hoặc chuẩn bị chiến tranh.

Sự nhận định tình hình và lựa chọn đường lối chiến lược về ngoại giao của ĐCSVN hoàn toàn căn cứ trên tiêu chuẩn "cách mạng thế giới" — trong thực tế, trên sự tuyệt đối phục tùng ĐTQT, và sau 1943, ĐCSLX — và trên ý thức hệ. Nó không căn cứ trên quyền lợi quốc gia thiết thực và những yếu tố địa lý chính trị (géopolitique) của Việt Nam.

Tình trạng trên đây là tình trạng mà ta nhận thấy khi ta nghiên cứu kỹ đường lối ngoại giao của ĐCSVN suốt qua bảy Đại Hội của Đảng. Khi thì Đảng mang cả hai tròng — ĐCSLX và ĐCSTQ — , khi thì Đảng dựa bên này lên án bên kia "phản bội cách mạng" hoặc đi lệch hướng xã hội chủ nghĩa Mác—Lê-nin. Luôn luôn Đảng tự hào rằng Đảng "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin và "làm tròn nghĩa vụ quốc tế."

Đại Hội VII-B là một dịp tốt để kiểm chứng những điều nói trên, trong bối cảnh của những biến chuyển lớn lao trên thế giới trong mấy năm qua, đặc biệt là trong các nước cộng sản Âu Châu, và xem lãnh đạo của ĐCSVN phản ứng thế nào. Tất nhiên vì những gì xảy ra trước và quanh đại hội này ảnh hưởng đến nó nên ta phải nhìn lui lại những biến chuyển quan trọng của những năm, hay cả những thập niên, trước, đặc biệt là sau Đại Hội VI. Trong khung khổ thời gian ở đây tất nhiên ta chỉ có thể đề cập đến những biến chuyển đó một cách tổng quát và tóm lược.

Đại Hội VI (1986)

Cộng sản Việt Nam luôn luôn nói đến Đại Hội VI như là một diễn biến có một tầm quan trọng hết sức lớn, khởi điểm của một hướng đi hoàn toàn mới của Đảng. Nhưng thực ra, như Cách Mạng tháng Tám là con đẻ của Cách mạng tháng Mười Nga, "đổi mới" của ĐCSVN cũng chỉ là con đẻ của *perestroika* của Gorbachev. Trong một bài về "Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt Nam" nhân dịp kỷ niệm 70 năm Cách mạng tháng Mười, Nguyễn Văn Linh viết:

> *"Được sự cổ vũ to lớn của Đại Hội XXVII Đảng cộng sản Liên Xô và của công cuộc cải tổ ở Liên Xô, Đại Hội thứ VI Đảng cộng sản Việt Nam nêu cao tinh thần đổi mới, vận dụng tinh thần phê phán của triết học mác-xít để nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật..." (8)*

Tưởng cũng nên ghi ở đây rằng Lê Duẩn, Trường Chinh và Nguyễn Văn Linh đều được Gorbachev giải thích về *perestroika*. Không biết trong những buổi đàm thoại với Lê Duẩn (tháng 6 năm 1986), Trường Chinh và Nguyễn Văn Linh (tháng 8 và 11 năm 1986) Gorbachev đã trình bày đường lối *perestroika* của ông ra sao. Nhưng căn cứ trên những tuyên bố của ông trước các cơ quan Liên Xô thì ta thấy rằng chính ông ta cũng muốn cứu chủ nghĩa xã hội và xử sở Liên Xô của ông ra khỏi "tình trạng đình trệ," và ông tin rằng áp dụng chủ nghĩa lê-ni-nít là phương thức thích hợp để thực hiện mục tiêu đó. Điều này rất rõ trong bài phúc trình của ông cho TƯ ĐCSLX và Quốc Hội Liên Xô ngày 2 tháng 11 năm 1987 về vấn đề *perestroika*. Bài đó bắt đầu với câu: "Phần chính yếu của ưu tư và công tác của chúng ta ngày nay, nhiệm vụ và bổn phận của chúng ta ngày nay là đẩy chủ nghĩa xã hội tiến lên và phát huy những lý thuyết và thực hành của chủ nghĩa Lê-nin và Cách mạng tháng Mười," và kết thúc với câu: "Chúng ta không khi nào từ bỏ chủ nghĩa cộng sản." (9) Những lời trên đây rất hợp ý ban lãnh đạo ĐCSVN. Nhưng nó cũng làm cho họ có nhiều ảo tưởng. Cho nên họ rất lạc quan về tình hình

hiện tại cũng như về tương lai. Báo cáo chính trị nhận định như sau:

"Trong những năm tới, cách mạng nước ta tiếp tục phát triển trong bối cảnh quốc tế có nhiều sự biến đổi.

Các lực lượng cách mạng thế giới đang không ngừng mạnh lên và rõ ràng ở thế chủ động. Lực lượng mọi mặt của hệ thống xã hội chủ nghĩa, do Liên Xô làm trụ cột, ngày càng được tăng cường. Đại hội lần thứ XXVII Đảng cộng sản Liên Xô mở ra một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặc, giai đoạn phát triển năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước xô viết. Với chiến lược đẩy nhanh kinh tế-xã hội, nền kinh tế xô viết đang chuyển mạnh sang hướng phát triển theo chiều sâu nhằm thực hiện những mục tiêu to lớn trong những năm còn lại của thế kỷ XX.

.....

Những thành tựu của cộng đồng xã hội chủ nghĩa... là nhân tố quyết định thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trong sự tranh đua giữa hai hệ thống chính trị-xã hội đối lập trên thế giới." (10)

Ở một đoạn khác, Báo cáo nói Cương lĩnh của Đại Hội XXVII của ĐCSLX là "một mẫu mực của sự vận dụng sáng tạo học thuyết mác-xít-lê-ni-nít." (11) Trong nhãn quan của những người đã mục kích những biến chuyển trên thế giới từ lúc bức tường Béc Linh bị đập bể đến nay, những nhận định trên thật là vớ vẩn. Lúc đó Nguyễn Văn Linh chưa được bầu làm Tổng thư ký thay Lê Duẩn (mất mấy tháng trước) và Báo cáo này do Trường Chinh đọc. Nhưng ông tân Tổng thư ký Nguyễn Văn Linh cũng không kém lạc quan. Theo ông ta thì

"Đại hội XXVII... đã kế tục và nêu cao tinh thần đổi mới và sáng tạo của Lê-nin và của Cách mạng tháng Mười. Đại hội... đưa ra những nhận thức mới, phát triển sáng tạo học thuyết Mác-Lê-nin trên tất cả các lĩnh vực quan trọng nhất, soi sáng con đường đi của thời đại và của chủ nghĩa xã hội. Điều đó giúp chúng ta hiểu sâu sắc hơn về thời đại, về con đường hiện tại và tương lai của chủ nghĩa xã hội cùng với các quy luật khách quan của nó."

.....

Cuộc cải tổ được tiến hành... là cuộc cách mạng toàn diện và triệt để... chắc chắn có giá trị lý luận và thực tiễn đối với chủ nghĩa xã hội thế giới... do tính chất và quy mô của nó, thực tế là một sự nghiệp hoàn toàn mới, nó có ảnh hưởng to lớn và tác động sâu sắc đến tiến trình cách mạng thế giới..." (12)

Cũng như Trường Chinh, Nguyễn Văn Linh tin chắc rằng đặc điểm của thời đại là "sự lớn mạnh chưa từng có của lực lượng xã hội chủ nghĩa trên thế giới, nòng cốt là Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa, đang quyết định chiều hướng phát triển của xã hội loài người," và đường lối cải tổ của Đại Hội XXVII "là câu trả lời đúng đắn" đối với những thách thức gay gắt hiện nay đang đặt ra trước Liên Xô và chủ nghĩa xã hội. (13) Họ ôm chặt lấy "đổi mới" và Liên Xô, trong niềm tin rằng, với "đổi mới", Đại Hội VI "là một bước ngoặt có ý nghĩa quyết định trong việc tăng cường sức mạnh của Đảng..." và "một cuộc cải tổ rộng lớn có ý nghĩa cách mạng sâu sắc, chắc chắn sẽ tạo ra biến đổi to lớn trong một thời gian không xa." (14)

Riêng về ngoại giao, Báo cáo chính trị tuyên bố:

"Tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện *với Liên Xô* là hòn đá tảng trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà Nước ta. *Liên Xô... là biểu tượng sáng ngời của sức mạnh và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội và quốc tế xã hội chủ nghĩa. Đảng ta... bày tỏ sự* ủng hộ hoàn toàn chính sách đối nội và đối ngoại *được thông qua tại đại hội lần thứ XXVII...* ủng hộ hoàn toàn Cương lĩnh *của Đảng Cộng Sản Liên Xô..." (15) (Tác giả nhấn mạnh)*

Ngoài việc Liên Xô cam kết bảo vệ Việt Nam chống Trung Quốc với Hiệp ước hữu nghị Việt-Xô ngày 3 tháng 11 năm 1978, nhân dịp Nguyễn Văn Linh dẫn một phái đoàn đại biểu ĐCSVN viếng thăm Liên Xô vào tháng 5 năm 1987, Liên Xô còn hứa sẽ gia tăng gấp bội viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Do đó, Nguyễn Văn Linh ghi nhận "bước phát triển mới" này trong bang giao Việt-Xô và nhấn mạnh rằng ĐCSVN *"coi sự hợp tác và sự giúp đỡ của Liên Xô là cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại của Việt Nam..."*, và tuyên bố trong 70 năm qua, Liên Xô là *"nguồn cổ vũ và là chỗ dựa đáng tin cậy* của những người cách mạng", và... không có Liên Xô và sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô... thì Việt Nam không dành được độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước và đi lên xã hội chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa." Cho nên "uống nước nhớ nguồn," ĐCSVN "đời đời" ghi nhớ công ơn to lớn của Cách mạng tháng Mười..." (16)

Ban lãnh đạo ĐCSVN đã có một nhận định sai lầm rất lớn về Gorbachev và *perestroika* vì sự "trung thành tuyệt đối" của họ với chủ nghĩa Lê-nin. Chấp nhận vô điều kiện nguyên tắc dân chủ tập trung cùng sự lãnh đạo của ĐCSLX và lãnh tụ của nó, họ nhắm mắt tin vào sự sáng suốt của Gorbachev và sự nhạy bén của *perestroika*, và hoàn toàn không nghĩ đến khả năng thất bại.

Đại Hội VII (1991)

Chỉ một năm sau cuộc thảo luận "nhất trí" tháng 5 năm 1987 giữa Gorbachev và Nguyễn Văn Linh có những bằng chứng rõ ràng về thay đổi lớn đường hướng của Liên Xô.

Bằng chứng cụ thể về thay đổi thái độ của Liên Xô thể hiện trong một đợt hội giữa đại biểu ĐCSVN và ĐCSLX. Theo thông lệ, trước khi đưa Cương lĩnh ra trình Đại Hội Toàn Đảng, TƯ-ĐCSVN trình cương lĩnh này cho TƯ-ĐCSLX duyệt phê. Do đó, tháng 5 năm 1988 TƯ-ĐCSVN cử một phái đoàn gồm 12 đại biểu cao cấp do Nguyễn Đức Bình cầm đầu mang dự thảo Cương lĩnh Đại Hội VII sang Mạc Tư Khoa để thảo luận với một phái đoàn hùng hậu của ĐCSLX gồm 13 tiến sĩ. Phái đoàn

Liên Xô chỉ trích bản dự thảo Cương lĩnh của ĐCSVN một cách nặng nề và thẳng thừng. Theo phúc trình mật của Nguyễn Đức Bình cho TƯ Đảng, phái đoàn Liên Xô cho rằng một số quan điểm đưa ra "quá sớm" (như quan điểm nói chủ nghĩa xã hội đóng vai trò quyết định của nhân loại), hoặc "quá lạc quan và không phù hợp với thực tế" (như quan điểm nói lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm cột trụ đã đạt được một bước phát triển mới cả chiều rộng lẫn chiều sâu), "không đúng" (như chủ nghĩa tư bản giẫy chết), "đặt sai ưu tiên" (như quan điểm nói đến nhu cầu đấu tranh "ai thắng ai"), "chệch hướng vào chủ nghĩa xã hội kiểu trại lính" (như quan điểm về bạo lực cách mạng) v.v... Nói chung, họ khuyến cáo ĐCSVN phải tìm một con đường "thích hợp với thực tế hơn", và muốn giải quyết nghèo đói phải "tránh lập lại kinh nghiệm đau đớn của Liên Xô." (17)

Tuy vậy, Báo cáo chính trị của BCHTU tại Đại Hội VII-A vẫn tuyên bố "quyết tâm theo đuổi đến cùng" con đường dẫn đến xã hội chủ nghĩa, "kiên trì chủ nghĩa Mác-Lê-nin là vấn đề có tính nguyên tắc số một đối với Đảng ta...," và "không chấp nhận con đường nào khác." Về Liên Xô, Báo cáo ghi nhận "lòng tin cậy và sự ủng hộ mạnh mẽ" của ĐCSLX và nhân dân Liên Xô, và tuyên bố rằng "trước sau như một" Đảng sẽ "tăng cường đoàn kết hợp tác với Liên Xô..." (18)

Điều đáng ghi ở đây là Nguyễn Văn Linh đọc Báo cáo này vào ngày 24 tháng 6 năm 1991 chỉ hai tháng trước sự giải tán ĐCSLX (tháng 8 năm 1991) và sự giải thể của ngay cả Liên Xô (tháng 12 năm 1991).

Hậu quả không thể tránh được của những biến chuyển nêu trên là ĐCSLX không còn là "nguồn cổ vũ và chỗ dựa đáng tin" của ĐCSVN nữa. Hải quân và không quân Nga rút khỏi Cam Ranh. Hiệp ước "hữu nghị" (quân sự) tuy trên lý thuyết còn hiệu lực đến 1998, nhưng nó được ký với Liên Xô, mà nay Liên Xô giải thể rồi, thì trên thực tế nó chỉ có giá trị một mảnh giấy. Hội đồng tương trợ kinh tế (CMEA) giải tán, viện trợ Nga chấm dứt. Sự viện trợ của Liên Xô không còn là "cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại" của ĐCSVN nữa. Cái mốc chính yếu của chủ thuyết Lê-nin đã làm cho ông Hồ khóc lên và "hoàn toàn tin tưởng" vào Lê-nin vào ĐTQT năm 1920 khi ông đọc thấy Lê-nin quả quyết rằng một nước như Việt Nam có thể bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa và tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội vì có ĐCS đàn anh Nga trợ giúp nay không còn nữa. Bây giờ làm sao đây để tiến lên chủ nghĩa xã hội? Không tiến được thì phải dừng lại? Hay lùi?

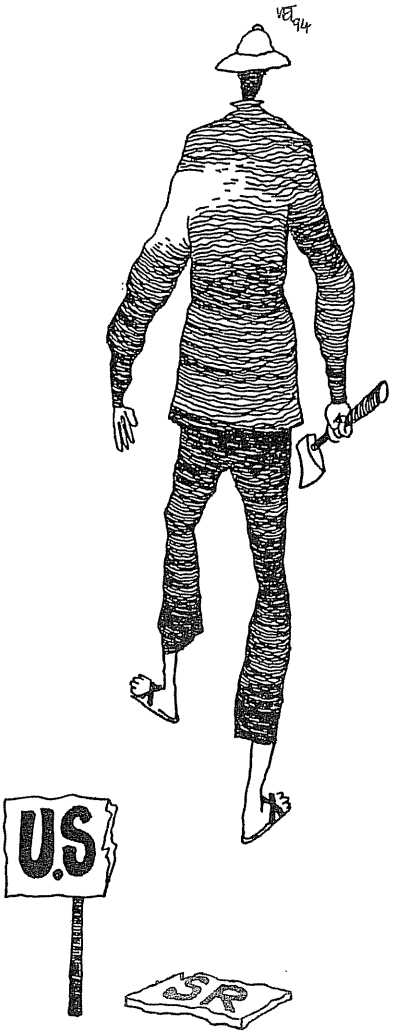

Sự tiêu vong của Liên Xô trên đây được Đại Hội VII-B ghi nhận, nhưng một cách gián tiếp, với sự trừ bỏ những câu sáo mà ĐCSVN hằng ca trong những năm qua. Trong Báo cáo chính trị của BCHTU, Đỗ Mười, người thay Nguyễn Văn Linh ở chức vụ Tổng bí thư, và cũng là Tổng bí thư đầu tiên của ĐCSVN không được công du Liên Xô hàng năm, và không được tiếp rước chính thức ở điện Kremlin, chỉ đề cập đến Nga với mấy chữ: "Duy trì và thúc đẩy quan hệ hợp tác vốn có với Liên bang Nga, các nước thuộc Liên Xô trước đây, và các nước Đông Âu."

Lãnh đạo ĐCSVN đã lấy đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô làm "hòn đá tảng" của chính sách ngoại giao của Đảng. Do đó, sự phá vỡ bức tường Béc-linh và những biến chuyển tiếp theo đó làm cho họ kinh ngạc và dao động lớn. Sau vụ đảo chính hụt 17-8-1991 và sự giải thể ĐCSLX Đỗ Mười thú nhận rằng tình hình Đông Âu và Liên Xô "tác động mạnh vào nội bộ Đảng khiến cho ý chí chiến đấu của một bộ phận

đảng iên đã sút kém càng giảm sút hơn." (19) Ngay cả một người Cộng Sản kiên cường như Đào Duy Tùng cũng phải thú nhận rằng "sự tan rã nhanh chóng" của nhiều nước xã hội chủ nghĩa "làm cho một số người choáng váng, dao động, mất đi lòng tin vào chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng nhiều năm." (20)

Tất nhiên, lãnh đạo của Đảng phải tìm hiểu và đưa ra những biện giải thích nghi tại sao có sự sụp đổ như vậy, để trấn an hàng ngũ, và ngay cả chính mình, đồng thời để xác định thế giới quan làm nền tảng cho đường lối ngoại giao của Đảng trong tình thế mới này.

Giải thích của lãnh đạo ĐCSVN về sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô có thể chia thành hai loại. Loại thứ nhất cho rằng nguyên do của sự sụp đổ đó là kẻ địch đã thực hành hữu hiệu "diễn biến hòa bình" nhờ lợi dụng được tình trạng chủ quan mất cảnh giác do "phá hoại, phản bội từ bên trong," mà chính yếu là "trào lưu cơ hội... đồng minh tự nhiên của chủ nghĩa đế quốc," gây ra. Nhận xét này, do Trung tướng Đoàn Chương trình bày, phản ảnh quan điểm của giới lãnh đạo quân đội. (21) Nhưng nó cũng là quan điểm của một số lãnh đạo cốt cán của Đảng, như Đặng Xuân Kỳ, viện trưởng Viện Nghiên Cứu Mác-Lê-nin. Theo ông này, "tình trạng thoái trào" của khối xã hội chủ nghĩa do "tấn công điên cuồng" của "những thế lực thù nghịch" cùng "bọn cơ hội xét lại, những kẻ phản bội đầu hàng" gây ra. (22)

Vì lý do dễ hiểu, lãnh đạo ĐCSVN không thể công khai lên án đích danh Gorbachev, nhưng họ không ngăn cản cán bộ ở cấp thấp hơn làm chuyện đó. Ví dụ, Nguyễn Phú Trọng, một giáo sư về môn sử, viết trong tạp chí của Trung Ương Đảng, cho rằng lý do của suy sập là "ngay ở sự hoạt động, vận động của bản thân ĐCSLX mà nòng cốt là một số người lãnh đạo chủ chốt của Đảng (nghĩa là Gorbachev); và Khổng Doãn Lợi, một chuyên viên cấp cao của Viện Mác-Lê-nin, đề cập đến "những người cơ hội đủ màu sắc... quan niệm rằng sự phát triển bây giờ không cần đến cách mạng nữa," không do dự viết: "chẳng ai khác mà chính ông Gorbachev... người thuyền trưởng con tàu CCCR đang chìm xuống biển... đã đưa ra lập luận tương tự" và đã "khuyên đại hội đảng hãy từ bỏ giáo điều về đấu tranh giai cấp." (23)

Loại giải thích thứ hai, tế nhị hơn, là phản ứng của những người không chấp nhận hoàn toàn lập luận cho rằng nguyên do của sự suy sập của Đông Âu và Liên Xô là âm mưu của chủ nghĩa đế quốc. Họ cho rằng điều đó đúng nhưng không đủ, vì như thế "là gán cho đế quốc sức mạnh mà đế quốc không có". Theo họ, Liên Xô đã phạm một loại sai lầm như chủ quan, duy ý chí, phạm nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê-nin. (24) Nguyên do của sụp đổ là sự phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin, đã không coi chủ nghĩa Mác-Lê-nin như là nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng Sản. Quan điểm này được Nguyễn Phú Trọng trình bày chi tiết trong tạp chí tư tưởng của TƯ Đảng như sau:

> *"Trong các văn kiện chính thức vài năm gần đây của ĐCSLX không nói đến chủ nghĩa Mác-Lê-nin như nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng Sản mà chỉ nói kế thừa các giá trị tư tưởng của Mác Ăng-ghen, Lê-nin, đồng thời tiếp thu các nguồn khác của văn minh nhân loại. Trên thực tế là đã mắc mưu của chủ nghĩa đế quốc, của các tư tưởng chống cộng, hạ thấp, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin, thay đổi những nguyên lý cơ bản bằng những luận điểm của chủ nghĩa xã hội dân chủ.*
>
> *Một loạt vấn đề cơ bản của học thuyết Mác-Lê-nin đã bị "tư duy chính trị mới" làm cho sai lạc. Đặc biệt người ta xem nhẹ vấn đề đấu tranh giai cấp, nhấn mạnh những giá trị chung của toàn nhân loại; xem nhẹ chuyên chính vô sản, nhấn mạnh hòa hoãn, nhân quyền; cho rằng chủ nghĩa tư bản đã thay đổi dân tộc, xem nhẹ chủ nghĩa quốc tế; nhấn mạnh vấn đề dân chủ công khai, xem nhẹ vấn đề kỷ luật tập trung thống nhất trong Đảng...*
>
> *Từ chỗ xa rời chủ nghĩa Mác-Lê-nin, người ta (n.l. Gorbachev) phạm sai lầm nghiêm trọng về đường lối, xa rời con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa, ngã dần sang phương Tây, đi theo con đường xã hội dân chủ, ảo tưởng trông chờ vào sự cứu mang giúp đỡ của chủ nghĩa tư bản nước ngoài. Rõ ràng sự xa rời, phủ nhận chủ nghĩa Mác-Lê-nin là nguyên nhân tệ hại dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực và làm tan rã Đảng về mặt chính trị tư tưởng." (25)*

Đoạn văn trích trên đây nêu ra một cách chi tiết tất cả những gì mà lãnh đạo ĐCSVN sẽ làm ngược lại sau đó, và cho đến nay. Ta cần nắm vững điều này nếu ta muốn hiểu và dự đoán đường lối của ĐCSVN trong những năm tới.

Đường lối "trước sau như một" và "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin sẽ dồn ĐCSVN vào thế phải chuyển hướng từ dựa vào ĐCSLX sang dựa vào ĐCSTQ. Họ sẽ bị kẹt với Trung Quốc. Như một châm ngôn Pháp nói: "qui se ressemble s'assemble". Chính thức, Trung Quốc vẫn là một quốc gia xã hội chủ nghĩa theo chủ thuyết Mác-Lê-nin, và hiện tại ĐCSTQ đang chống "diễn tiến hòa bình" một cách kịch liệt. Về phía Việt Nam, ĐCSVN cũng kịch liệt chống "diễn tiến hòa bình" Thêm vào đó, ĐCSVN, đã mất "chỗ dựa vững chắc" là ĐCSLX mà lại đối đầu với Hoa Kỳ tất nhiên cần một "chỗ dựa vững chắc" khác, và chỗ dựa này chỉ có thể là ĐCSTQ vì nó là một đảng Cộng Sản, đảng của một nước lớn, thâm niên hơn ĐCSVN, và Trung Quốc nằm ngay trên đầu Việt Nam.

Đại Hội VII-A quyết định, trong lý thuyết và hành động, nhất quyết vẫn tiếp tục lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin làm "kim chỉ nam". Điều đặc biệt là kim chỉ nam này là người đi, ĐCSVN, luôn luôn đi về hướng Bắc: hết Trung Quốc đến Liên Xô, và hết Liên Xô lại đến Trung Quốc. Chỉ vì "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin mà ĐCSVN luôn luôn phải mang một tròng lớn quanh cổ. Lần này, như những năm 1950 - 1964, ĐCSVN lại mang tròng ĐCSTQ.

Mang tròng ĐCSTQ tất nhiên

phải học bài của ĐCSTQ. Trong những năm 1950 ĐCSVN phải học bài "cải cách ruộng đất" và Mỹ là "một kẻ địch chính" của nhân dân Việt Nam. Bây giờ thì lại phải học bài "chống diễn biến hòa bình" và Mỹ lại là kẻ địch của nhân dân Việt Nam. Trong tài liệu học tập có quyển *Bàn Về Vấn Đề Chống Diễn Biến Hòa Bình* của Đại Học Công An Nhân Dân Trung Quốc mà Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia vừa cho dịch và xuất bản (26). Quyển sách này chỉ để dành riêng cho cán bộ Đảng học tập. Trong lời tựa, nhà xuất bản nói họ hy vọng quyển sách này "không chỉ cung cấp cho bạn đọc những thông tin và tư liệu bổ ích, mà còn gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ về cách phòng và chống "diễn biến hòa bình" nhằm thúc đẩy công cuộc đổi mới, bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở đất nước ta." Điều quái gỡ ở đây là theo quan điểm được trình bày trong ngay bài đầu của quyển sách này là chiến lược "diễn biến hòa bình" bắt đầu từ năm 1949, và người đề ra chiến lược đó là ông Acheson, ngoại trưởng Hoa Kỳ thời Tổng Thống Truman! ĐCSVN theo ĐCSTQ thụt lùi lại 49 năm! Sách viết:

> *"Chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa tư bản là hai chế độ xã hội đối lập căn bản. Sự đối lập và đấu tranh giữa hai chế độ này từ trước đến nay chưa bao giờ ngưng. Các thế lực phản động quốc tế từ trước đến chưa bao giờ từ bỏ lập trường căn bản thù địch và lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa. Bắt đầu từ năm 1950, sau khi bị thất bại trong cuộc can thiệp vũ trang vào các nước xã hội chủ nghĩa, chúng đã chuyển trọng điểm của chính sách sang "diễn biến hòa bình". (27)*

Tự diễn biến hòa bình?

Quan điểm của ĐCSTQ rất phù hợp với quan điểm của những người lãnh đạo ĐCSVN hiện tại. Sự kiện này thể hiện rất rõ trong phản ứng của những người này về sự sụp đổ của các nước Cộng Sản Đông Âu và Liên Xô. Họ đồng nhứt về ba điểm. Một là tuy phe xã hội chủ nghĩa đang lâm vào tình trạng thoái hóa và cán cân lực lượng thế giới thay đổi bất lợi cho phe này, nhưng sự "chuyển hóa" đó "chưa phải là tiếng nói cuối cùng, chưa phải là tiếng còi kết thúc trận đấu." (28) Nó chỉ là "một keo tạm thời," (29) và tư tưởng xã hội chủ nghĩa "vẫn tiếp tục con đường phát triển của nó, không có một lực lượng nào có thể xóa bỏ được." (30) Hai là cuộc chiến tranh "ai thắng ai" là "một quy luật tất yếu" của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Ba là không thể từ bỏ chủ nghĩa Mác-Lê-nin được. Từ bỏ là phản bội. Trái lại phải tiếp tục tấn công. Trung tướng Lê Xuân Lựu viết trong *Tạp Chí Cộng Sản:*

> *"... Từ bỏ tư tưởng Mác-Lê-nin sẽ đưa đến con đường phản bội sự nghiệp của nhân dân.*
>
> *Ngày nay, cuộc đấu tranh tư tưởng đang diễn ra gay gắt và không khi nào ngừng trên phạm vi thế giới. Cuộc đấu tranh đó đã và đang diễn ra xoay quanh vấn đề trung tâm của thời đại là vấn đề con đường mà nhân loại sẽ lựa chọn: chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản? Đây là một cuộc chiến tranh không thể điều hòa và không một ai có thể trung lập, vì trong ý thức con người không hề có thể chân không. Hơn nữa, thế giới quan mác-xít đòi hỏi chúng ta không phải chỉ có phòng thủ, bảo vệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa của chúng ta, mà trước hết phải chủ động tấn công vạch trần và đập tan mọi luận điểm của các thế lực phản động." (31)*

Ông ta cho rằng diễn biến hòa bình "là một loại chiến tranh không có khói súng". Quan điểm này được ghi vào Cương lĩnh của Đại Hội VII-A và được nhắc lại trong nghị quyết của Đại Hội VII-B. Một trong những nhiệm vụ ghi trong cương lĩnh Đại Hội VII-A là "đấu tranh kiên quyết chống âm mưu "diễn biến hòa bình"", và trong Báo cáo chính trị của Đại Hội VII-B, Đỗ Mười liệt diễn biến hòa bình vào loại "thách thức lớn" mà Đảng có nhiệm vụ khắc phục. (32)

Theo Trung tướng Lê Xuân Lựu "diễn biến hòa bình," loại "chiến tranh không có khói súng," được triển khai "một cách toàn diện," tấn công vào các cơ cấu ý thức xã hội "cả chiều ngang lẫn chiều dọc."(33) Điểm này được bình luận viên chính trị của báo *Quân Đội Nhân Dân* Phan Lang triển khai chi tiết như sau: chủ nghĩa thực dân mới "mà tiêu biểu là thực dân mới của Hoa Kỳ" chỉ "thay hình đổi dạng" và "giấu mặt hoàn toàn", nhưng dùng tất cả thủ đoạn — "đế quốc văn hóa," "đế quốc kỹ thuật," "đế quốc kinh tế" — để thống trị các quốc gia khác; ngay cả viện trợ kinh tế, hay cho vay nợ lãi, cũng chỉ là thủ đoạn đế quốc; "cách tước đoạt người khác nhẹ nhàng nhất". Ông Lang nói rõ rằng quan điểm trên đây lấy trong công trình nghiên cứu của một tác giả Trung Quốc, Quách Châu Viên, do quân đội Trung Quốc ấn hành. (34)

Từ bảy năm nay ĐCSVN không ngớt nói đến "đổi mới" Nhưng những quan điểm trên đây là quan niệm theo chủ nghĩa Lê-nin thuần túy, mà Lê-nin đã đề ra cách đây hơn 70 năm. Như Hà Sỹ Phu, một trí thức Cộng Sản đã suy tư nhiều về đường lối của Đảng, nhận xét: "Đổi mới (như lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN đang làm) chẳng qua là trở về với những nguyên lý cơ bản của Mác-Lê-nin." (35) Thế giới quan cơ bản của chủ nghĩa Lê-nin là một thế giới quan đối đầu, "đấu tranh sinh tử cuối cùng, một mất một còn". (36) Đây là luận thuyết chiến tranh không thể tránh được giữa tư bản và Cộng Sản.

Nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN quan niệm rằng "trước sau như một" phải "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin "trong sáng". Cho nên họ phải tiếp tục chiến lược "tấn công cách mạng," và quan niệm "diễn biến hòa bình" là một loại chiến tranh. Từ ngày thành lập đến nay, Đảng luân phiên chống Pháp, chống Mỹ, chống Trung Quốc. Nay họ lại cho rằng lãnh đạo ĐCSLX là phản bội, đồng thời họ vẫn tiếp tục coi Hoa Kỳ như là kẻ thù nguy hiểm. Trong công cuộc "đổi mới" họ "đổi mới" chiến tranh lạnh, cho nó tên mới là "diễn biến hòa bình". Khi nào và nơi nào họ cũng thấy thù địch.

Nguyễn Thanh Giang, một trí thức Cộng Sản khác đã thắc mắc

nhiều về đường lối của ĐCSVN, đặt câu hỏi sau đây về đường lối ngoại giao của Đảng:

"... Do đâu mà hơn 40 năm qua chúng ta lại phải đương đầu với quá nhiều lực lượng thù địch trên thế giới như vậy? Chúng ta không những phải đánh nhau với cái mà chúng ta gọi là "kẻ thù không đội trời chung" mà cả với những người mà mới hôm qua chúng ta xác định "tình hữu nghị đời đời bền vững"... Trong lịch sử hiện đại của nhân loại, Việt Nam là hiện tượng độc nhất có lẽ là ở chỗ ta phải chiến đấu chống lại hầu hết các cường quốc trên thế giới... Vì sao mà thế giới cứ luôn luôn là đối tượng cảnh giác của ta như thế?... Trong xu thế thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, lởn vởn trước mắt ta vẫn cái bóng ma "diễn biến hòa bình"... Phải chăng chính chúng ta tự "diễn biến hòa bình"?" (37)

Và ông ta trả lời: không phải vì nhân loại muốn ỷ lại đã giao tất cả sứ mệnh lịch sử nặng nề cho Việt Nam. "Sở dĩ chúng ta có quá nhiều kẻ thù vì chúng ta nhìn thế giới qua lăng kính đối nghịch... Rõ ràng là từ lâu ta đã thể hiện một nhân quan không trong sáng, một thế giới quan không đúng đắn?" (38)

Giải thích trên đây rất đúng. Lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN đã luôn luôn, "trước sau như một," có một quan niệm đối đầu về thế giới, và có những hành vi hung hăng và hiếu chiến thích nghi với quan niệm đó, vì họ là những người "trung thành tuyệt đối" với chủ nghĩa Mác-Lê-nin. Họ phải chứng minh rằng tinh thần yêu nước của mình là "chân chính" và tinh thần quốc tế vô sản của mình là "trong sáng," rằng họ không ngừng tranh đấu cho "cách mạng thế giới," luôn luôn hăng say chiến đấu trong cuộc tranh đấu giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản "ai thắng ai" để "góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới". Họ như một người nhe răng trợn mắt nhìn vào tấm gương, thấy người đối diện mình có vẻ hung hăng hiếu chiến nên mình phải lên cò súng. Họ không ý thức được rằng người hung hăng hiếu chiến ấy chính là mình! Cũng như họ không ý thức được rằng ngày nào họ còn nhứt quyết ôm chặt chủ nghĩa Mác-Lê-nin "trong sáng" và Cách mạng tháng Mười "vĩ đại" thì tư tưởng và đường lối của họ chỉ có thể là tư tưởng và đường lối đối đầu, chỉ thích hợp với tình hình trong một thế giới khác hẳn thế giới ngày nay.

Tất nhiên, về mặt chiến thuật (sách lược) họ đưa ra đường lối "đổi mới" này nọ về ngoại giao. Báo cáo chính trị Đại Hội VII-B có nói đến chính sách "rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, tranh thủ tối đa mặt đồng, hạn chế mặt bất đồng", (39) và Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm có đề cập đến "chuyển hướng đối ngoại" như là "một quá trình tất yếu." (40) Nhưng Đại Hội VII-A đã giải thích rõ ràng rằng: "Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có kết quả... bằng những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp." (41) Nhưng đó chỉ là thủ đoạn chiến thuật (sách lược) Lê-ni-nít. Như Hà Sỹ Phu đã nói (ở đoạn trên) đổi mới như thế chỉ là "trở về" với cái cũ. Trong chiều hướng đó một trong những nguyên tắc chỉ đạo mà Đại Hội VII-B đề ra là "tiến hành cuộc đấu tranh toàn dân, toàn diện, lâu dài" chống "âm mưu và hành động "diễn biến hòa bình"". (42) Ta có cảm tưởng nghe Trường Chinh giảng về "Chiến tranh trường kỳ", hay Tướng Võ Nguyên Giáp giảng về "Chiến tranh nhân dân, toàn dân toàn diện" những năm 1945 - 1950. Sau 50 năm chiến tranh, vẫn đấu tranh "toàn dân, toàn diện, lâu dài"! Trước sau vẫn như một!

Cương lĩnh của tất cả năm đại hội của ĐCSVN từ 1975 đến nay đều nhấn mạnh rằng Đảng nhất quyết kiên định đi con đường xã hội chủ nghĩa, lấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin làm cơ sở lý luận và hành động, và ngoài đường ấy ra không có con đường nào khác. Điều này đúng, nhưng nó chỉ

đúng theo nghĩa là Đảng không có con đường nào khác chỉ vì Đảng nhất quyết theo chủ nghĩa Mác-Lê. Ngày nào Đảng còn ôm cứng chủ nghĩa này thì thế giới quan của Đảng chỉ có thể là một thế giới quan đối đầu tai hại. Tai hại lớn nhất là mọi phát triển của xứ sở bị đình trệ, đặc biệt là phát triển kinh tế, cơ sở của một đời sống tốt đẹp hơn. Nhưng nếu Đảng bỏ quyết tâm ôm cứng chủ nghĩa Lê-nin thì trước mặt Đảng sẽ hiện ra hàng chục con đường khác đưa đến những chân trời mới trong một thế giới mới. Trong thế giới này, mê si nhường chỗ cho trí tuệ, chiến tranh nhường chỗ cho hòa bình, đối đầu nhường chỗ cho hòa giải, đối thoại và hợp tác, và dân tộc Việt Nam có thể tạo cho mình một chỗ đứng thỏa đáng trong hàng ngũ những dân tộc được hưởng hòa bình, an lạc, tự do và sung mãn.

Tuy nhiên, trong sự lựa chọn một đường lối ngoại giao khác cho Việt Nam, có hai quy tắc lớn phải được tôn trọng. Một là nếu trong quá khứ sự lựa chọn của nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN căn cứ trên những tiêu chuẩn ý thức hệ theo đặc hứng của một nhóm người lấy phục vụ giai cấp và cách mạng thế giới làm chủ đích, thì nay, sự lựa chọn phải căn cứ trên những điều kiện địa lý chính trị (géopolitique) được cứu xét một cách khoa học và cân nhắc kỹ lưỡng, với chủ đích là phục vụ toàn thể quốc dân Việt Nam, và ưu tiên số một là phục vụ quyền lợi thiết thực của nước Việt Nam. Hai là lãnh đạo Việt Nam phải từ bỏ triết lý cực đoan của Tây phương và trở về với triết lý trung dung của Đông phương: làm cách mạng, nhưng phải trung dung trong cách mạng, không bất cập, nhưng cũng không thái quá.

Paris,

Ngày 10 tháng 4 năm 1994.

Tham luận tại Hội thảo về "Việt Nam sau bỏ cấm vận" do Ủy Ban Dân Chủ tổ chức

GHI CHÚ

(1) Đỗ Mười, Báo cáo chính trị... (VII-B), *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1994.

(2) ĐCSVN, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Hà Nội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1991, tr. 127.

(3) Hội người Việt Nam tại CHLB Đức, *Báo cáo chính trị của ban chấp hành trung ương... Đại hội V... 4-1982*, tr. 55-58.

(4) Lê Duẩn, *Chủ Tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của Đảng ta và nhân dân ta*, Hà Nội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1986, tr. 46.

(5) Phạm Văn Đồng, *Chủ Tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại*, Hà Nội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1970, tr. 7-8.

(6) "Đường Kách Mệnh," tr. 228-302, trong *Hồ Chí Minh Tuyển Tập*, tập II, Hà Nội, Nhà xuất bản Sự Thật, 1980. Sau đây gọi là: HCM-TT-II.

(7) Trường Đảng Cao Cấp Nguyễn Ái Quốc, *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, tập IV, Hà Nội, Nhà xuất bản sách giáo khoa Mác-Lê-nin, 1986, tr. 163. Sau đây gọi là: TĐCCNAQ-LSĐCSVN.

(8) Nguyễn Văn Linh, "Cách mạng tháng Mười và Cách mạng Việt Nam," *Tạp Chí Cộng Sản* số đặc biệt nhân dịp kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng tháng Mười Nga, in lại trong *Đổi mới để tiến lên*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1988, tr. 205 vkt.

(9) Mikhail Gorbachev, *October and Perestroika: The Revolution Continues*, Moscow, Novosti Press Agency Publishing House, 1987.

(10) *Văn Kiện Đại Hội VI*, tr. 31.

(11) — *n.t.* — , tr. 63

(12) Nguyễn Văn Linh, *sđd*, tr. 207, 209, 210.

(13) — *n.t.* — , tr. 213, 222.

(14) *Văn Kiện Đại Hội VI*, tr. 30, 32.

(15) — *n.t.* — , tr. 63.

(16) Nguyễn Văn Linh, *sđd.*, tr. 217-223.

(17) Xem chi tiết về vụ này trong Tôn Thất Thiện, "Vẫn đơn phương theo đuổi chính sách hại dân hại nước," *Thông Luận*, số 42, tháng 03 năm 1992.

(18) Đảng Cộng Sản Việt Nam, *Văn Kiện Đại Biểu Toàn Quốc lần thứ VII*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật 1991, tr. 109, 168, 146. Sau đây gọi là: *Văn Kiện Đại Hội VII.*

(19) Đỗ Mười, *Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1992, tr. 100. Phát biểu tại Đại Hội đại biểu Hà Nội, 16-11-1991.

(20) Đào Duy Tùng, trong một khóa giảng cho cán bộ cao cấp Đảng tại Học Viện Nguyễn Ái Quốc, đầu tháng 8, 1991, trong Nhà Xuất Bản Sự Thật, *Về con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Hà Nội, NXBST, tr. 49.

(21) Trung tướng Đoàn Chương, "Bài học thời đại," *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1992.

(22) Đặng Xuân Kỳ, "Bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lê-nin," *Tạp Chí Cộng Sản*, 11-1993.

(23) Khổng Doãn Lợi, "Phải chăng đấu tranh giai cấp là giáo điều," *Tạp Chí Cộng Sản*, 5-1992.

(24) Sóng Tùng, "Vì sao chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên Xô sụp đổ?", *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1992.

(25) Nguyễn Phú Trọng, "Vì sao Đảng Cộng Sản Liên Xô tan rã?", *Tạp Chí Cộng Sản*, 4-1992.

(26) Nhà xuất bản Chính Trị Quốc Gia, *Bàn về vấn đề chống diễn biến hòa bình*, Hà Nội, 1993.

(27) *Sđd.*, tr. 9.

(28) Trung tướng Đoàn Chương, bài đã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1992.

(29) Nguyễn Phú Trọng, bài đã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1992.

(30) Sóng Tùng, bài đã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1992.

(31) Trung tướng Lê Xuân Lựu, "Sự phá hoại về tư tưởng của các thế lực phản động trong chiến lược "diễn biến hòa bình," *Tạp Chí Cộng Sản*, 4-1993.

(32) Đỗ Mười, bài đã dẫn, *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1994.

(33) Lê Xuân Lựu, *bài đã dẫn.*

(34) Phan Lang, *Còn hay không còn chủ nghĩa thực dân*, Hà Nội, Nhà Xuất Bản Sự Thật, 1991.

(35) Hà Sỹ Phu, "Biện chứng và Ngụy biện trong công cuộc đổi mới" trong *Đôi điều suy nghĩ của một công dân*, Phụ bản *Tin Nhà*, 1993, p. 46.

(36) — n.t. — , tr. 27.

(37) Nguyễn Thanh Giang, "Đóng góp của một đảng viên," *Thông Luận*, số 67, tháng 01, 1994.

(38) — n.t. —

(39) Đỗ Mười, Báo cáo chính trị. Đại Hội VII-B, *Tạp Chí Cộng Sản*, 2-1994.

(40) Nguyễn Mạnh Cầm, "Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới," *Tạp Chí Cộng Sản*, 4-1993.

(41) Đại Hội VII, tr. 53.

(42) — n.t. —

NHẬN ĐỊNH VỀ VIỆC BẢY TRÍ THỨC HOA LỤC KÊU GỌI NHÀ CẦM QUYỀN CHẤM DỨT ĐÀN ÁP TỰ DO TƯ TƯỞNG VÀ TỰ DO NGÔN LUẬN

TỪ MAI

人權上書全文

七位大陸學者昨天聯名上書國家主席江澤民、人大委員長喬石，呼籲重視人權，以下爲上書全文：

近來，北京、上海等地發生了多起因思想言論問題遭到當局拘捕、拘詢的事件，國際輿論譁然。關心國家民族命運，有志於我國現代化事業的有識之士無不爲之震驚，並深感不安和憂慮。

綜觀人類文明發展史，現代文明發端於人的現代化，即人的覺醒，擺脫古代和中世紀專制的思想禁錮，認識到人應該有獨立的人格和尊嚴，享有不可轉讓和不可侵犯的基本權利，首先是思想言論自由的權利。這就是現代人的人權意識。捨人權而侈談現代化，無異於緣木求魚。二〇五年前法國的「人和公民權利的宣言」即已明白揭示「對人權的無知、忽視或蔑視，是公衆不幸和政府腐敗的唯一原因」。中國的歷史和現實同樣印證了這千古不易的真理。隨著廿世紀四十年代反法西斯戰爭的勝利，爭取和維護人權已經成爲全世界人民的共識。一九四八年聯合國大會通過「世界人權宣言」，宣告：「人人享有生命、自由和人身安全」，「任何人不得加以任意逮捕、拘禁或放逐」「人人有思想、良心和宗教自由的權利」，「人人有權享有主張和發表意見的自由」。中國是聯合國的發起國，並且是安全理事會的常任理事國，理應率先恪守聯合國有關人權的各項公約，而不應因國內的人權問題而成爲國際輿論的譴責對象。

爲此，我們呼籲當局果敢地結束我國幾千年來因思想、言論、文字治罪的歷史，釋放所有因思想、言論問題而被關押的人員。我們認爲，只有尊重人權，確保公民各項應有的權利，社會才會有真正的安定，否則，只會激化矛盾，誘發動亂，以致一發而不可收拾。

許良英、王來棣、丁子霖、蔣培坤、邵燕祥、劉逖、張抗抗

一九九四年三月九日

Nguyên văn bức thư của bảy nhà trí thức

Theo nhiều tờ báo quốc tế trong số ra ngày 11 tháng 3-1994 (tiêu biểu: nhật báo Anh ngữ *The New York Times*, nhật báo Hoa ngữ *Thế Giới Nhật Báo*), ngày 9 tháng 3 vừa qua, bảy trí thức hàng đầu của Trung Quốc đã công khai gửi thư tới Chủ tịch đảng Cộng Sản kiêm Chủ tịch nhà nước Giang Trạch Dân (*Jiang Zemin*) và Chủ tịch Quốc Hội Kiều Thạch (*Qiao Shi*), yêu cầu chính quyền chấm dứt đàn áp các tự do tư tưởng và tự do ngôn luận. Bức thư ấy cũng yêu cầu nhà cầm quyền trả tự do cho tất cả những người bị giam giữ vì phạm phải các điều cấm kỵ nói trên:

"Nhìn vào lịch sử nhân loại, chúng tôi thấy rằng nền văn minh hiện đại bắt đầu khi con người thức tỉnh để trút bỏ những trói buộc về tư tưởng của các chế độ chuyên chế thượng cổ cũng như trung cổ, và để ý thức rằng con người cần có nhân cách độc lập, cần được hưởng một số quyền căn bản, bất khả chuyển nhượng cùng bất khả xâm phạm, đứng đầu là các quyền tự do tư tưởng và tự do ngôn luận."

Sau khi ví việc quăng bỏ nhân quyền nhưng lại muốn "hiện đại hóa" như hành động "leo lên cây để tìm cá," bức thư nhắc tới bản "Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền" của Cách mạng 1789 ở Pháp: "Không biết tới hoặc không đếm xỉa tới nhân quyền là nguyên

nhân duy nhất gây nên các nỗi bất hạnh trong dân chúng và tệ trạng tham nhũng trong chính phủ." Bức thư cũng nhắc tới bản "Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền" của Liên Hiệp Quốc với các điều khoản:

— Mọi người đều có quyền tự do tư tưởng, tự do lương tâm, tự do tôn giáo;

— Mọi người đều có quyền tự do phát biểu những ý kiến của mình;

— Không ai có quyền bắt bớ, giam giữ, hoặc phóng trục người khác nếu không có lý do chính đáng;

để đi tới kết luận:

"Vì thế, chúng tôi kêu gọi nhà cầm quyền hãy can đảm chấm dứt giai đoạn lịch sử chỉ vin vào ý nghĩ, lời nói, hoặc văn tự mà buộc tội con người của đất nước chúng ta từ mấy ngàn năm nay, và trả tự do cho những người bị giam giữ chỉ vì ý nghĩ và lời nói của họ."

Bản lên tiếng kết thúc với câu:

"Chúng tôi nhận thấy: chỉ sau khi nhân quyền được tôn trọng và quyền lợi của mọi thành phần dân chúng được thật sự bảo vệ thì xã hội mới thật sự yên định. Nếu không, sẽ chỉ khiến các mâu thuẫn trầm trọng thêm, gây nên những biến động và hỗn loạn không thể nào cứu vãn nổi."

Danh sách và thành phần bảy nhà trí thức

Bảy trí thức ký tên dưới bản lên tiếng là những học giả, sử gia, khoa học gia, văn nghệ sĩ... đứng hàng đầu của lục địa Trung Hoa hiện nay. Đó là:

1. Giáo sư Hứa Lương Anh (*Xu Liangying*): 74 tuổi, sử gia, khoa học gia, tòng sự tại Hàn Lâm Viện Khoa Học, người đã góp công rất nhiều trong việc phiên dịch toàn bộ tác phẩm của nhà khoa học Albert Einstein sang Hoa ngữ;

2. Sử gia Vương Lai Lệ (*Wang Laili*): tác giả nhiều công trình nghiên cứu giá trị, là vợ giáo sư Hứa Lương Anh;

3&4. Các giáo sư Đinh Tử Lâm (*Dinh Zilin*) và Tưởng Bồi Khôn (*Jiang Peikun*): giáo sư triết học, cùng có con bị thảm sát trong cuộc đàn áp tại Thiên An Môn năm 1989;

5. Giáo sư Lưu Liêu (*Liu Liao*): nhà vật lý học;

6. Nhà thơ nổi danh Thiệu Yên Tường (*Shao Yanxiang*);

7. Nhà văn nữ nổi danh Trương Kháng Kháng (*Zhang Kangkang*).

Trong số bảy nhà trí thức thì năm vị là nam, hai vị nữ. Có những vị từng đem những năm mạnh mẽ và lý tưởng nhất của đời mình tranh đấu cho chủ nghĩa Cộng Sản, và đã thực sự góp phần dựng nên chế độ Cộng Sản Trung Hoa như giáo sư Hứa Lương Anh; nhưng cũng có người sinh ra sau khi chế độ Cộng Sản đã được thiết lập và hoàn toàn lớn lên trong chế độ ấy như nhà văn Trương Kháng Kháng.

Giáo sư Hứa Lương Anh sinh năm 1920, được 17 tuổi khi Nhật xâm lăng Trung Hoa năm 1937. Ông hoạt động trong phong trào Cộng Sản ở Hoa Nam để kháng Nhật trong khoảng 1940-1945 cùng với đương kim Ủy Viên Chính Trị Bộ kiêm Chủ tịch Quốc Hội Kiều Thạch (ông hơn họ Kiều 4 tuổi). Sau 1945, ông tiếp tục hoạt động cho đến khi đảng Cộng Sản toàn thắng, làm chủ toàn cõi Trung Hoa. Năm 1949, sau khi Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc được thiết lập, ông được cử giữ một chức vụ cao trong lãnh vực giáo dục. Năm 1958, vì bất đồng ý kiến với Mao khi họ Mao thanh trừng các trí thức, ông bị hạ tầng công tác. Sau đó ông bị đẩy vào bóng tối và đày đọa suốt 20 năm cho tới 1978. Chỉ sau khi Mao chết, Đặng Tiểu Bình cần người có thực tài cho chương trình "hiện đại hóa khoa học," ông mới được phục hồi. Từ đó, ông liên lạc với nhiều nhà trí thức khác để khai sáng ra phong trào "Khoa học và Dân chủ."

Nhà văn Trương Kháng Kháng sinh năm 1950, sau khi đảng Cộng Sản đã nắm quyền ở Trung Hoa được hơn một năm. Tuy sinh trưởng ở Hàng Châu (Chiết Giang) thuộc miền Hoa Nam ấm áp, sau khi tốt nghiệp Trung Học, bà đã tình nguyện đến sinh sống ở một làng thôn dã và giá rét ở bắc Mãn Châu, thuộc đông bắc Trung Hoa. Sống tại đó 8 năm, có dịp quan sát những nỗi khổ và cảnh bất công người dân phải chịu, bà cầm bút để "ghi lại những cảm xúc của mình." Truyện ngắn và tiểu thuyết của bà rất được độc giả, nhất là giới trẻ, hâm mộ. Sau một cuộc trưng cầu ý kiến độc giả, hai tập truyện trong các tác phẩm bà viết được công nhận là "tác phẩm văn chương hay nhất nước." Tuy tương đối còn trẻ, bà là một trong số khá hiếm các nhà văn được ghi danh trong cuốn *Who's Who in the People's Republic of China* do nhà xuất bản K.G. Saur ấn hành đồng thời tại Munchen, Paris, London, New York. Bà cũng được cử thay mặt các nhà cầm bút Hoa Lục đi họp với văn giới quốc tế nhiều lần ở Pháp cũng như ở Đức, và có nhiều bạn trong số các văn gia ngoại quốc.

Nhà thơ Thiệu Yên Tường được quý trọng vì những lý do khác. Sinh năm 1933 trong một gia đình trí thức ở Bắc Kinh, văn tài của ông nảy nở rất sớm. Năm 1946, mới 13 tuổi và còn đang ở năm đầu Trung học, ông đã có thơ, truyện ngắn, và nhiều bài nghị luận được đăng trên các báo. Năm 1949, sau khi chế độ Cộng Sản được thiết lập, tuy mới 16 tuổi và vẫn còn đi học, ông được đặc cách biệt phái đến góp mặt ở đài phát thanh Bắc Kinh với tư cách một biên tập viên. Năm 1957, trở thành một trong những nạn nhân của chính sách thanh lọc trí thức do Mao đề xướng, ông bị treo bút và phải sống cơ cực trong bóng tối suốt 20 năm. Mãi đến 1977 ông mới được phục hồi và được sáng tác trở lại. Bên cạnh những thi phẩm dành cho người lớn, ông còn là tác giả nhiều vần thơ trong sáng viết cho thiếu nhi. Trong hai năm 1956-1957, trước khi bị đảng Cộng Sản cấm sáng tác, ông đã ấn hành hai thi tập dành cho tuổi thơ. Sau khi được phục hồi danh dự, ông được bầu vào Chủ tịch đoàn Hội Nhà Văn, và cũng là một trong số rất hiếm các nhà thơ ở Trung Hoa hiện nay được ghi danh trong *Who's Who in the People's Republic of China.*

Bảy vị trên đều rất nổi danh, với ảnh hưởng và uy tín đáng kể ở Hoa Lục. Năm giáo sư, học giả rất đông sinh viên và rất được đồng nghiệp cùng sinh viên quý trọng. Nhà văn và nhà thơ thuộc thành phần những người làm văn nghệ có chân tài cùng được độc

giả theo dõi, hâm mộ nhất.

Cũng rất khó triệt hạ uy tín các vị. Với một người từng góp phần dựng nên chế độ Cộng Sản Trung Hoa như giáo sư Hứa Lương Anh, cộng thêm uy tín vững chắc của ông hiện nay, không dễ gì có thể ghép vào tội "phản động." Một trong những cộng tác viên từ hồi kháng Nhật của ông là Kiều Thạch. Bên cạnh chức Chủ tịch Quốc Hội, họ Kiều hiện còn là một trong những Ủy viên mạnh thế nhất của Chính Trị bộ.

"Cốt để tỏ rằng dân tộc Trung Hoa chưa chết hết"

Theo nhật báo *New York Times*, nguyên nhân gần nhất đưa tới bản lên tiếng là việc nhà cầm quyền Cộng Sản khủng bố, bắt giữ nhiều trí thức trẻ tuổi, các nhà lãnh đạo trẻ của phong trào dân chủ gần đây. Theo các ký giả Lincoln Kaye và Carl Goldtein của tuần báo *Far Eastern Economic Review*, cùng các ký giả Sandra Burton và Jaime A. FlorCruz của tuần báo *Time* trong các số ra ngày 17 và 21 tháng 3-1994, để tạo một khung cảnh "yên tĩnh" cho cuộc thăm viếng của Ngoại Trưởng Mỹ Warren Christopher (từ 11 tới 14 tháng 3-94) và cho khóa họp của Quốc Hội Hoa Lục (trung tuần tới 23 tháng 3-94), trong khoảng đầu tháng 3-94, nhà cầm quyền Cộng Sản đã lùng bắt rất nhiều những người từng lên tiếng cho tự do, dân chủ hay bị tình nghi là có liên hệ với phong trào ấy.

Sau 14 năm rưỡi bị giam vì tội đề nghị dân chủ hóa đất nước năm 1978, chuyên viên điện Ngụy Kinh Sinh (*Wei Jingsheng*), người được chính quyền Bắc Kinh thả ra tháng 9-1993 để khoa trương là đã "rất nhân đạo" cho tự do sáu tháng trước kỳ hạn, đã bị bắt trở lại. Ông đã quá bạo dạn nhận lời mời và đã quá can đảm tới gặp vị Phụ tá Ngoại trưởng Mỹ đặc trách về Nhân Quyền John Shattuck ít hôm trước đó. Sau khi bị công an thẩm vấn suốt 30 giờ, ông được lệnh phải rời khỏi Bắc Kinh. Sinh viên Vương Đan (*Wang Dan*), bị giam gần 4 năm vì cuộc biểu tình ở Thiên An Môn năm 1989, cũng bị bắt trở lại và bị thẩm vấn suốt 24 giờ. Được thả ra với chỉ thị "rời khỏi Bắc Kinh," anh không tuân theo, nên lại bị bắt thêm một lần nữa.

Theo tuần báo *Time*, nhà cầm quyền bắt giam ít nhất 16 người và theo dõi chặt chẽ hàng trăm người. "Cảnh sát mặc sắc phục và công an thường phục canh gác quanh nhà những người tỏ ý bất mãn cùng các cảm tình viên của họ."

Trong một cuộc phỏng vấn dành cho ký giả Patrick E. Tyler của báo *New York Times* tại phòng riêng của mình trong cư xá Đại học Bắc Kinh, giáo sư Hứa Lương Anh cho biết: "Chỉ vì những điều họ nói mà họ (các trí thức, chuyên viên trẻ) bị bắt bớ, giam giữ. Lớp trí thức lớn tuổi có nhiệm vụ phải lên tiếng bênh vực họ." Ông cho biết bản lên tiếng được đưa ra để "chứng tỏ dân tộc Trung Hoa chưa chết hết." "Chưa đến nỗi cả nước Trung Hoa không còn ai! Chúng tôi muốn tỏ rằng: vẫn còn có người dám lên tiếng cho nhân quyền."

Bản văn cũng mở đầu bằng câu:

"Gần đây, ở Bắc Kinh và Thượng Hải nhiều người bị bắt bớ và thẩm vấn chỉ vì tư tưởng, ngôn ngữ của họ. Dư luận thế giới rất xôn xao. Những người quan tâm đến vận mệnh quốc gia dân tộc, những người biết nhận thức và nhiệt thành với công cuộc hiện đại hóa xứ sở... kinh hoàng và lo âu."

Nguyên nhân gần nhất của bản lên tiếng đúng là chút tình liên đới giữa các trí thức lớn tuổi với lớp trí thức, chuyên viên trẻ. Nguyên nhân sâu xa hơn là mối ưu tư vẫn có từ lâu cho tương lai đất nước, dân tộc Trung Hoa.

Nhận xét

Ít ai kỳ vọng một bức thư công khai với lời lẽ khá ôn hòa của một nhóm gồm bảy người dạy học, nghiên cứu hoặc viết văn, làm thơ có thể đem lại những thay đổi quan trọng cho đất nước Trung Hoa trong một thời gian ngắn. Trung Hoa là một lục địa mênh mông với trên một tỷ dân. Đảng Cộng Sản Trung Hoa đã độc quyền thống trị với kỷ luật sắt thép gần nửa thế kỷ nay. Chính quyền hiện tại với rất nhiều phần tử bảo thủ có quá nhiều lý do để không muốn nới lỏng sự kiểm soát.

Tuy nhiên, những điều bảy nhà trí thức nói lên là *sự thật* và *hợp lý*. Đúng như những nhận xét nêu ra trong bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền công bố sau cuộc Cách Mạng Pháp, tệ trạng tham nhũng gây nên các sự bất mãn trầm trọng trong xã hội Trung Hoa hiện nay phần lớn do chính sách cai trị chuyên chế: dân Trung Hoa không được phép nói lên những điều họ thấy và họ nghĩ. Tuyên ngôn Quốc Tế Nhân Quyền mà Trung Hoa thừa nhận quả có ghi các khoản tự do tư tưởng và ngôn luận, cùng có nêu rõ: người dân không thể bị khủng bố, giam giữ khi thi hành các quyền ấy. Muốn "hiện đại hóa" để theo kịp thế giới nhưng không chịu nhìn nhận một số nguyên tắc căn bản đã trở thành tiêu chuẩn chung cho hầu hết các nước, thật không khác người muốn "bắt được cá trên cây." Muốn sống với cộng đồng thế giới, Trung Hoa cũng cần phải thay đổi, không thể cứ khư khư giữ mãi những lề thói thuở còn khép kín.

Một điều đáng lưu ý nữa là bảy nhà trí thức không đòi hỏi nhiều. Các vị không đề nghị những chuyện "sửa hiến pháp," "bỏ độc quyền thống trị của đảng Cộng Sản"... Tuy không phải không hợp lý, các đề nghị ấy thật sự *ngoài khả năng* của những người Cộng Sản hiểu biết các vị muốn nhắm tới. Đề nghị như thế không những *không thực tế* lại còn không thích hợp với ngôn ngữ và cốt cách của những người trí thức chuyên lấy các việc nghiên cứu, dạy học, sáng tác... làm nguồn vui, những người bình thường ra, không mấy để tâm tới các vấn đề chính trị.

Tuy nhiên, những điều các vị đề nghị là *những điều căn bản* và *vô cùng quan trọng*. Chỉ cần những người cầm quyền thật sự công nhận quyền tự do suy nghĩ của người dân cùng quyền được nói lên những suy nghĩ ấy, chẳng hạn như:

— đảng Cộng Sản dựa vào những lý do nào để giữ mãi độc quyền thống trị?

— nhiều điều trên các báo của chính quyền không đúng sự thật, tại sao tư nhân không được phép ra báo để trình bày những sự thật

ấy cùng để theo dõi các chuyện tham nhũng, lạm dụng quyền thế mà không còn sợ bị bắt bớ, tù tội, Trung Hoa cũng đã tiến một bước rất dài trên đường dân chủ hóa.

Bản lên tiếng của bảy nhà trí thức đã được in trên rất nhiều báo chí quốc tế, các báo ở Đài Loan, Hongkong, và hầu hết các báo của cộng đồng Trung Hoa hải ngoại. Với phương tiện truyền thông của thế giới hiện nay, chúng ta có thể tin chắc hàng chục ngàn, trăm ngàn bản (hay hơn nữa) đã về tới Trung Hoa, kể cả qua điện thư. Nhiều đài phát thanh ngoại quốc với các chương trình Hoa ngữ cũng đã loan báo và tuyên đọc. Những người tuổi trẻ bất mãn với hoàn cảnh hiện tại và khao khát tự do, dân chủ ở Trung Hoa đã biết rằng: những điều họ suy nghĩ và mong muốn là *đúng*, vì ít nhất nhiều trí thức danh vọng và uy tín cũng đã nghĩ như họ cùng đã công khai bày tỏ tình liên đới với họ. Phong trào tranh đấu cho tự do và dân quyền ở Trung Hoa chỉ có thể mỗi ngày một mạnh thêm.

Rất có thể trước khi nhắm mắt, giáo sư Hứa Lương Anh (nay đã 74 tuổi) vẫn chưa trông thấy những thành quả của bản lên tiếng. Rất có thể còn nhiều năm, và phải trải qua nhiều tranh đấu nữa, dân tộc Trung Hoa mới được phép nói lên những điều mình nghĩ và trông thấy. Cách mạng 1789 ở Pháp thường được coi là kết quả những tư tưởng tiến bộ của Voltaire và Jean Rousseau. Cả hai ông cùng mất năm 1778, 11 năm trước khi cuộc cách mạng bùng nổ. Người trí thức thường trông thấy trước để nghiêm trang báo trước cho thời đại của mình. Nếu những lời họ báo động và cảnh tỉnh được lưu tâm, nếu những biện pháp thay đổi họ đề nghị được thi hành phần nào, cách mạng và bạo động có cơ tránh khỏi. Sát hại hoặc bịt miệng họ không ngăn nổi bánh xe lịch sử. Cũng như giáo sư Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Xuân Tụ (Hà Sĩ Phu)... đang làm cho dân tộc Việt Nam, giáo sư Hứa Lương Anh và các bạn của ông đang làm cho dân tộc Trung Hoa hiện nay những điều Voltaire và Rousseau từng làm cho dân tộc Pháp trước kia. Họ thi hành *nhiệm vụ của người trí thức*.

Chúng ta cũng có thể hỏi: khi đưa ra bản lên tiếng, bảy nhà trí thức Trung Hoa có nghĩ tới, có biết sợ sự "trừng phạt" của guồng máy cai trị Cộng Sản? Ít nhất ba người trong nhóm họ (giáo sư Hứa Lương Anh, sử gia Vương Lai Lệ, và nhà thơ Thiệu Yên Tường) từng là nạn nhân cơn thịnh nộ của các lãnh tụ Cộng Sản Trung Quốc, trong suốt 20 năm. Các vị còn lại, dù bản thân chưa trải qua hẳn cũng từng nghe tới. Chưa chắc được trông thấy những thành quả của điều mình lên tiếng, tại sao họ vẫn cố nói? Nhất là khi tai họa cho bản thân (và gia đình) có thể tới ngay.

Là trí thức, hơn nữa, trí thức Trung Hoa, hẳn không ai trong bọn họ không biết tới những câu sau đây của một trí thức Trung Hoa khác, đưa ra từ trên 700 năm trước, Văn Sơn Văn Thiên Tường:

Nhân sinh tự cổ thùy vô tử
Lưu thử đan tâm chiếu hãn thanh
(Xưa nay ai thoát vòng sinh tử
Để tấm lòng son chiếu sử xanh)

Trong văn học Trung Hoa (và văn học nhân loại mà họ cũng đã nhuần thấm) không thiếu gì những câu như thế. Sử Trung Hoa (cũng như sử nhân loại mà họ thường đọc) không thiếu gương những danh nhân "thung dung tựu nghĩa," những kẻ sĩ chỉ biết sợ chính nghĩa và tôn phục lẽ phải, những Lạn Tương Như, Văn Thiên Tường... Họ không quản các nguy hiểm có thể tới với bản thân để nói lên sự thật vì đối với họ, hễ là "sự thật" thì cần được nói, nhất là khi việc nói ấy có ích cho đất nước, dân tộc họ.

Kết luận

Việc lên tiếng của bảy trí thức Hoa Lục sẽ có tác dụng không nhỏ trong cuộc tranh đấu đòi nhân quyền và dân chủ cho dân tộc Trung Hoa. Vì vị trí gần nhau và hoàn cảnh có nhiều điểm tương tự, chúng ta có thể nghĩ rằng biến cố ấy, không sớm thì chậm, bằng cách này hay cách khác, cũng sẽ có ảnh hưởng đến cuộc tranh đấu của dân tộc Việt Nam.

Dân tộc ta không thiếu những trí thức sáng suốt và can đảm như Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Hà Sĩ Phu... Trong số các trí thức đã một thời tin theo con đường Cộng Sản (không khác Hứa Lương Anh) và nay biết rõ cần phải thay đổi, chúng ta cũng có Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Lữ Phương, Nguyên Phong Hồ Hiếu... cùng nhiều vị khác. Nhưng ít nhất cho tới nay, các việc lên tiếng ở Việt Nam thường lẻ tẻ và đơn độc, chưa đủ mạnh để gây chấn động trong nước cùng để thế giới thật sự lưu ý tới. Do đó, nhiều tiếng nói sáng suốt và can đảm đã bị lấn át, chưa gây được tác dụng xứng đáng. Chúng ta có quyền hy vọng rằng khi Việt Nam tiếp xúc với thế giới nhiều thêm, các hành động lên tiếng ở Việt Nam cũng sẽ nhiều, mạnh mẽ, và hiệu quả hơn. Một tia sáng đơn lẻ dễ bị chìm trong màn đêm nhưng nhiều tia sáng hợp nhau sẽ đủ sức phá tan bóng tối.■

Đã phát hành:

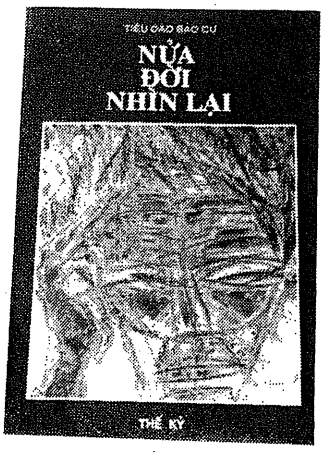

Sách dày 340 trang.
Tựa của Đặng Tiến.
Bạt của Hà Sĩ Phu.
Giá: $14.00

KINH TẾ VIỆT NAM: BỀ NGOÀI VÀ THỰC TẾ

LÊ MẠNH HÙNG

Đến thăm Hà Nội, Hải Phòng hay Sài Gòn, những trung tâm kinh tế lớn của Việt Nam, một du khách chắc chắn không khỏi có cảm giác của một sự bùng nổ của nền kinh tế. Đâu đâu cũng có các cửa hàng, bảng hiệu, quảng cáo dày đặc không kém gì Bangkok và có thể còn hơn Sài Gòn năm xưa nữa. Tốc độ phát triển đều đều của nền kinh tế, việc mở rộng mạng lưới làm ăn của tư nhân cộng với sự ổn định chính trị của Việt Nam đã là những bằng cớ thường được các kẻ biện hộ cho Việt Nam đưa ra để thúc đẩy các chính quyền các nước có những bang giao ngày một chặt chẽ hơn với chính quyền tại Hà Nội.

Nhưng ngoài giác độ lạc quan đó là những áp lực từ dưới ngày càng mạnh thêm. Những áp lực này bao gồm cả các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội, đặt ra những lựa chọn khó khăn và mâu thuẫn. Giới lãnh đạo tại Hà Nội cũng đã thấy rõ những điều đó, nhưng mọi phương thức giải quyết đều tạo ra những sự kiện không thể chấp nhận được với một phe này hay phe khác trong giới nhỏ đang cầm quyền. Việc này đã thể hiện rõ trong Đại Hội Đại Biểu Toàn Quốc giữa kỳ vừa qua của đảng Cộng Sản Việt Nam. Những mục tiêu ưu tiên chính được Đảng đề ra thì mâu thuẫn với nhau. Các đảng viên luôn luôn được nhắc nhở là phải đẩy mạnh việc mở cửa kinh tế để không bị lui lại sau đối với các nước láng giềng tại Đông Nam Á, nhưng cũng lại bị nhắc nhở là điều quan trọng nhất là phải giữ gìn Việt Nam là một nước theo chủ nghĩa xã hội Mác Lê Nin và tuân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Mặt khác, tuy hoan nghênh đón nhận đầu tư ngoại quốc để cải tiến nền kinh tế nhưng lại đòi hỏi phải cảnh giác chống lại âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch.

Sự thực Việt Nam đang phải giải quyết hai vấn đề hoàn toàn mâu thuẫn với nhau. Một mặt nhu cầu phát triển buộc phải mở cửa nền kinh tế để hội nhập với thế giới. Mặt khác, việc mở cửa này cũng mở cho vào Việt Nam những điều mà các lãnh tụ đảng Cộng Sản Việt Nam gọi là những tư tưởng "tư sản đồi trụy" như tự do và dân chủ. Cho đến nay những mâu thuẫn đó hãy còn chưa hiển hiện rõ như tại Trung Quốc, nhưng những mầm mống đã bắt đầu xuất hiện.

Cần phải xác nhận lại là công cuộc cải tổ kinh tế của Việt Nam đã đem lại được nhiều thành quả tốt đẹp. Đời sống của người dân, nhất là tại nhiều vùng nông thôn đã được cải tiến rõ rệt. Nhưng dưới bề ngoài thành công đó là một số khó khăn tiềm tàng có thể sẽ làm tiêu tan mọi thành quả đạt được cho đến nay.

Nguy cơ thứ nhất là nguy cơ lạm phát bùng nổ trở lại. Một trong những điều mà chính quyền Việt Nam và những bạn bè của họ trên thế giới vẫn tự hào là đã đẩy được tình trạng lạm phát từ trên ba con số xuống còn dưới 15% chỉ trong vòng bốn năm từ 1989 đến 1993. Tuy nhiên lạm phát nay lại có nguy cơ bùng nổ trở lại. Thiếu hụt ngân sách đã gia tăng lên đến 7% Tổng Sản Lượng Quốc Gia trong năm 1993 so với chỉ 4.3% trong năm 1992. Chỉ số giá cả đã tăng mạnh trong những tháng cuối năm 93. Nếu không vì giá cả các nông phẩm đứng hoặc xuống thì tốc độ lạm phát đã có thể tăng vọt lên đến trên 30% rồi. Vấn đề tại đây là vấn đề ý chí chính trị. Chi tiêu đã tăng vọt lên cho quân đội và các lực lượng an ninh chẳng hạn. Nhưng tài nguyên cần có để cung ứng cho những nhu cầu chi tiêu mà quan điểm chính trị cho là cần thiết lại không đủ.

Đây không phải chỉ thuần túy là một vấn đề kỹ thuật tổ chức thâu thuế hoặc lập thêm ra những loại thuế. Cũng như Trung Quốc và Phi Luật Tân hoặc Brazil, chính quyền tại Việt Nam phải đối phó với một vấn đề quen thuộc: có một nhu cầu chính trị phải chi ra nhưng lại không có được một ý chí chính trị mạnh đủ để thu thuế cho đủ nhu cầu đó. Việc đặt ra các loại thuế mới hay tận thu các thuế có sẵn sẽ gây ra một làn sóng bất bình lớn nhất là trong các hàng ngũ "doanh nhân" mới, các cán bộ đảng có quyền có chức hiện đang điều hành các công ty và xí nghiệp quốc doanh hoặc liên doanh với nước ngoài hoặc ra ngoài thành lập công ty tư doanh. Các thành phần "tư bản đỏ" này là những thành phần trốn thuế chính. Báo cáo gần đây của Bộ Tài Chánh ở Hà Nội, cho thấy trên 72% xí nghiệp liên doanh tại thành phố Hồ Chí Minh đã khai gian thuế hoặc không đóng thuế.

Nguy cơ thứ hai có thể ảnh hưởng tới tình hình kinh tế xã hội trong những năm tới là hố cách

biệt ngày càng sâu giữa nông thôn và thành thị và tình trạng phân hóa giàu nghèo ngay tại nông thôn. Trong những năm gần đây, tốc độ phát triển của nông nghiệp trung bình chỉ đạt được khoảng trên dưới 2% trong khi đó toàn bộ nền kinh tế phát triển với tốc độ khoảng 8%. Điều này tạo ra một khoảng cách ngày càng lớn hơn giữa nông thôn và thành thị. Tình trạng đó đã thúc đẩy một số ngày càng đông những thanh niên tại thôn quê ra tỉnh lập nên một đạo quân thất nghiệp đông đảo tại các thành phố. Những chợ người đã xuất hiện tại các nơi như Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn.

Đa số lao động Việt Nam ở tại thôn quê. Theo các số liệu của Hà Nội, khu vực nông và lâm nghiệp sử dụng đến 70% lực lượng lao động. Hầu hết những lao động mới tham gia vào thị trường cũng nằm trong khu vực này vì đến 80% dân Việt còn là nông dân. Tuy nhiên hiện nay, nông thôn Việt Nam ở vào tình trạng dư thừa lao động. Tình trạng khiếm dụng này đã thể hiện qua cả năng suất lao động bình quân tại nông thôn cũng như số ruộng đất bình quân theo đầu người. Tính theo thống kê chính thức của chính quyền Hà Nội, năng suất lao động bình quân năm 1991 — bốn năm sau khi cải tổ kinh tế và hai năm sau khi Việt Nam trở nên nước xuất cảng gạo thứ ba trên thế giới — chỉ đạt được 967kg cho một người, thấp hơn con số 997kg cho một người, năng suất của năm 1978 thời còn bao cấp và bị nạn đói đe dọa. Đồng thời số ruộng đất bình quân cho một nông dân đã giảm từ 0.46 ha năm 1978 xuống còn 0.28 ha năm 1991. Đây có lẽ là con số nhỏ nhất thế giới nếu so sánh với diện tích trung bình cho một nông dân tại Trung Quốc là 0.3 ha. Ấn Độ là 1 ha và Hoa Kỳ là 48 ha. Thành ra không có gì đáng ngạc nhiên khi những biện pháp của chính quyền Hà Nội đẩy dân đi các vùng kinh tế mới cũng như ngăn chặn làn sóng di dân từ thôn quê ra thành thị đã bị thất bại. Với quá trình đổi mới và cải cách kinh tế hiện nay, hiện tượng này chắc chắn sẽ còn gia tăng mạnh hơn nữa vì nhu cầu gia tăng hiệu năng sản xuất sẽ dẫn đến việc ngày một sử dụng ít nhân công trong nông nghiệp. Chỉ cần đạt được một số ruộng bình quân cho năm 1978 tại Việt Nam thôi thì đã loại ra khỏi nông thôn một số lao động lên đến 10 triệu người để tham gia vào đạo quân thất nghiệp tại các đô thị. Bất mãn lan rộng tại nông thôn sẽ là một nguy cơ quan trọng cho sự tồn tại của cả một chế độ chứ không chỉ riêng với tiến trình phát triển kinh tế mà thôi. Nhưng nếu muốn trợ giá cho các nông phẩm để giảm bớt tình trạng chênh lệch giữa nông thôn và thành thị thì chế độ lại rơi vào vấn đề nan giải là làm tăng thêm thiếu hụt ngân sách và thúc đẩy lạm phát lên nữa. Vấn đề cần thiết ở đây là phải làm sao tăng nhanh tốc độ kỹ nghệ hóa tạo thêm công ăn việc làm để hấp thụ số nhân công dư thừa từ thôn quê đi lên cũng như giải quyết số lượng những công nhân thất nghiệp tại các nơi đô thị. Và đây ta đến nan đề thứ ba của nền kinh tế Việt Nam, đó là nạn thất nghiệp. Vấn đề là phải làm sao phát triển mau chóng các ngành nghề khác để hấp thụ số nhân công dưa thừa đó. Công nghiệp chăng?

Hiện nay công nghiệp Việt Nam hãy còn quá nhỏ và ngay chính trong công nghiệp, tình trạng dư thừa nhân công cũng đang trầm trọng. Năm 1991 có tất cả 2.5 triệu người hoạt động trong ngành công nghiệp với 740,000 trong lãnh vực quốc doanh và 1.51 triệu trong lãnh vực tư. Tổng sản lượng công nghiệp trong năm 1991 là 4352 tỷ đồng theo giá cố định năm 1989. Như vậy, bình quân một công nhân sản xuất ra được một số lượng sản phẩm trị giá 1.8 triệu đồng một năm theo thời giá lúc đó tức là khoảng 400 đôla Mỹ một năm. Con số này cho thấy năng suất lao động của công nhân rất thấp hay nói khác đi là có chuyện dư thừa công nhân không nhỏ trong lãnh vực công nghiệp. Điều này cũng được chứng tỏ khi các xí nghiệp ở miền Bắc đã phải giảm số công nhân trong ba năm từ 1989 cho đến 1991 đến 20%.

Một trong những vấn đề nữa của những người này là thiếu khả

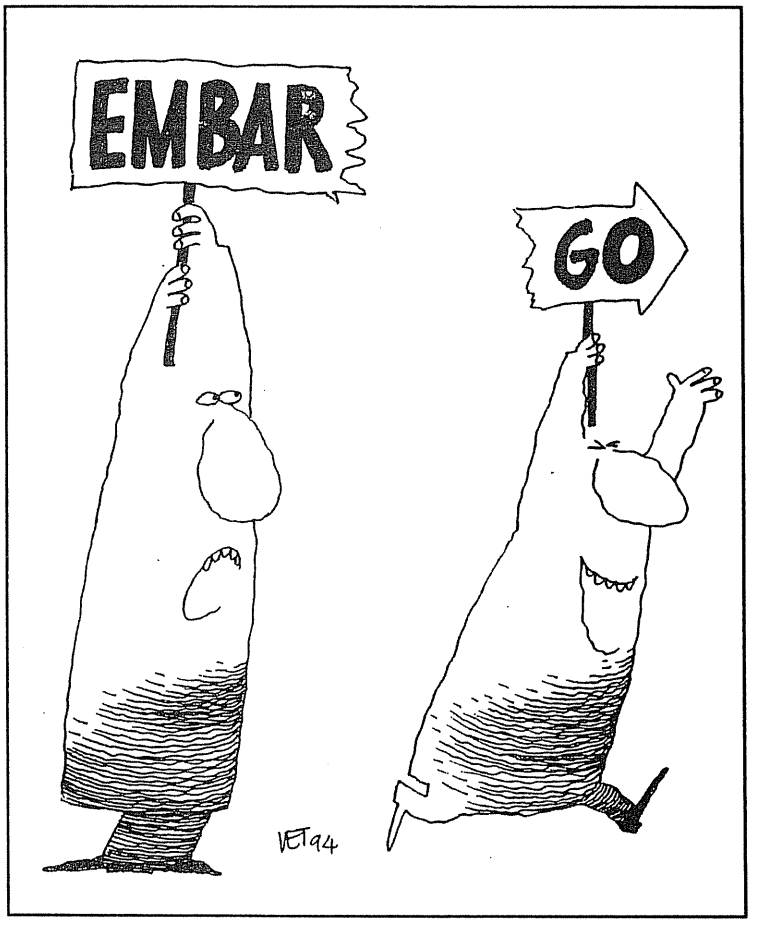

năng chuyên môn. Tuy chính quyền Việt Nam vẫn tự hào, và được một số những người ngoại quốc phụ họa theo, về trình độ dân trí tại Việt Nam, nhưng với chính những thống kê của chính quyền đưa ra, nếu phân tích kỹ thì thấy có nhiều điều đáng e ngại. Năm 1991, tổng số học sinh trung học trong lứa tuổi chưa đạt tới ba mươi phần trăm. Còn về bậc tiểu học, số học sinh bỏ học trước khi hết lớp sáu đã lên đến trên 30% nhất là tại các vùng nông thôn. Đây chính là một mối lo tiềm tàng cho dân tộc. Tài nguyên nhân sự là vốn quý giá nhất của một xã hội. Và theo các chuyên gia trên thế giới, nếu có một kinh nghiệm nào có thể rút tỉa từ sự thành công của Nhật và các con rồng châu Á khác, đó chính là việc đầu tư vào giáo dục của các nước này. Nhà nước tuy nói rất nhiều đến việc đặt nặng vấn đề giáo dục nhưng số tài nguyên ngân sách dành cho giáo dục chỉ đạt được có 2% của Tổng Sản Lượng quốc gia, thấp hơn nhiều so với con số trên 2.9% trung bình cho các nước Á Châu. Còn về y tế thì ta chỉ chi tiêu có 0.7% Tổng Sản Lượng so với trung bình 3.7% của các nước châu Á khác.

Một trong những biện pháp mà nhà nước Hà Nội trông đợi để giúp giải quyết phần nào vấn đề nhân dụng này là việc phát triển khu vực tư doanh. Đó cũng là khuyến cáo của các cơ quan tài chính quốc tế. Nhìn bề ngoài, ta thấy tình hình rất đáng phấn khởi. Cho đến tháng 12 năm 1993, chỉ riêng Sài Gòn đã có đến trên một ngàn xí nghiệp tư nhân đăng ký hoạt động. Nhưng đồng thời những số liệu thống kê của Việt Nam cho thấy nền kinh tế tư doanh đó không được phép đóng một vai trò quan trọng như nó phải có trong một nền kinh tế thị trường thật sự. Tại cái gọi là "nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa" của Việt Nam, hầu hết các xí nghiệp tư doanh hiện hữu hoạt động trong lãnh vực dịch vụ. Công nghiệp ngoài quốc doanh chỉ cung cấp 29% sản lượng công nghiệp so với 71% của lãnh vực quốc doanh. 72% số các xí nghiệp tư doanh này có số vốn đăng ký dưới 500 triệu đồng (xấp xỉ 50,000 đô la Mỹ). Đại đa số các xí nghiệp tư doanh (94.6%) sử dụng chưa tới 100 lao động. Chỉ có một vài công ty có trên một ngàn công nhân và đó là những công ty "tư nhân" rất là đặc biệt như các công ty Huy Hoàng và Minh Phụng hoạt động trong ngành may mặc. Các công ty Phong Lan, công ty Huy Hoàng là do con gái ông Võ Văn Kiệt làm chủ và công ty Minh Phụng thì do chính vợ ông Võ Văn Kiệt đỡ đầu. Những công ty này hiện diện rất nhiều ở Sài Gòn mới đưa ra vào đầu năm 1994 và được tạp chí Kinh Tế Viễn Đông dẫn ra cũng cho thấy đại đa số những người giàu có nhất ở Hà Nội làm cho các cơ quan chính quyền hoặc từ đó phát xuất rồi ra làm ăn riêng.

Thật sự chuyện này không có gì đáng ngạc nhiên. Việt Nam chỉ theo chân Trung Quốc và các nước láng giềng khác như Indonesia hoặc Thái Lan chẳng hạn. Trên phương diện kinh tế thuần túy, điều này cũng không có gì hại nếu những nhà "tư bản đỏ" này có tinh thần doanh nhân thật sự và đóng góp vào việc phát triển kinh tế quốc gia. Nhưng chuyện này đặt ra hai vấn đề, một kinh tế và một xã hội.

Về kinh tế, việc dựa trên các quan hệ quyền lực để làm ăn sẽ khó lòng giúp đạt được một khả năng cạnh tranh vững mạnh thật sự mà dễ dẫn đến những trường hợp kiếm lời một cách bất chính vì dựa vào những đặc quyền đặc lợi. Tình trạng này đã xảy ra với các xí nghiệp quốc doanh tại Việt Nam và có triển vọng sẽ xảy ra lại với những cơ sở tư nhân này. Tình trạng này cũng sẽ có thể ngăn chặn việc xuất hiện một khu vực tư doanh thật sự hoạt động trên các cơ sở thuần túy về kinh tế.

Về chính trị, chuyện này liên quan đến tệ nạn tham nhũng. Đại Hội Đại Biểu giữa kỳ của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã đặt việc chống tham nhũng là một trong bốn nhiệm vụ quan trọng vào hàng đầu. Tuy nhiệt thực tế cho thấy chuyện này khó có thể mà thực hiện được. Ít người trong giới cầm quyền mà có bàn tay sạch, nhất là trong hàng ngũ những người có liên hệ với giới chức lãnh đạo cao cấp nhất.

Điều này có quan hệ đến một vấn đề quan trọng hơn và có ảnh hưởng đến một tương lai lâu dài hơn cho nước Việt. Đó là vấn đề nền tảng đạo đức của xã hội. Việc chuyển sang kinh tế thị trường tư bản đã dẫn đến việc cả Đảng và nhà nước đã ôm lấy mục tiêu làm giàu là mục tiêu tối hậu không bị giới hạn bởi một nguyên tắc đạo đức hoặc một lý tưởng nào cả. Trong nhiều năm chính sách phá hoại của đảng Cộng sản Việt Nam đã làm băng hoại nền tảng đạo đức cổ truyền của xã hội để thay vào bằng chỉ một lòng tin vào đảng mà thôi. Nay với sự sụp đổ của toàn bộ hệ thống ý thức hệ xã hội chủ nghĩa với các lý tưởng về công bằng xã hội, không còn có gì có thể ngăn chặn con người làm theo bản năng tư lợi vị kỷ, tạo ra một xã hội, nếu thành công cũng chỉ là một xã hội theo luật của rừng xanh, một "thứ tư bản hoang dã".

Hiện nay, người ta nói nhiều đến những cuộc tranh chấp quyền lực giữa các bè phái trong đảng. Nhưng thực sự tầm quan trọng của các cuộc tranh chấp quyền lực này có lẽ đã được đánh giá quá mức. Điều mà tất cả các phe phái hằng lưu tâm là làm sao giữ được quyền lực cho tập thể mình. Và nếu cần phải hy sinh việc phát triển kinh tế để bảo vệ lấy quyền lực chắc chắn rằng họ cũng sẵn sàng.

Việt Nam hiện đang ở trong một tình trạng sôi sục. Chắc hẳn kinh tế Việt Nam sẽ còn phát triển thêm nữa nếu các nhà lãnh đạo Cộng Sản Việt Nam biết khéo léo để thành công trong việc sử dụng hữu hiệu các tài nguyên mà việc bỏ cấm vận của Mỹ cũng như việc tài trợ của các cơ quan tài chánh quốc tế mở cho Việt Nam. Tốc độ phát triển kinh tế có thể sẽ còn gia tăng thêm sau khi các thiếu sót trong hạ tầng cơ sở cần thiết đã được bồi bổ. Nhưng hiện tình Việt Nam cũng như trên một đại dương, trên mặt tuy phẳng lặng nhưng dưới đáy có biết bao nhiêu làn sóng ngầm đang dâng lên. Và sớm hay muộn một cơn bão táp cũng sẽ phải xảy ra vì một nền kinh tế mở không thể tồn tại song song lâu dài với một chế độ chính trị đóng, trừ phi chúng phải được cách ly đủ để không làm ô nhiễm cho nhau.■

CON GÀ HAY TRỨNG GÀ CÓ TRƯỚC?

HUỲNH HỮU CỬU

Stephen Hawking là một nhà khoa học nổi tiếng hiện nay. Tuy ông bị bệnh teo bắp thịt phải ngồi xe lăn nhưng vẫn tiếp tục là giáo sư môn Vật lý và Toán học tại Đại Học Cambridge, Anh Quốc. Ông là tác giả quyển "A Brief History of Time" và quyển "Stephen Hawking's A Brief History of Time, A Reader's Companion." Cả hai quyển nói về những vấn đề liên quan đến không gian, thời gian, cơ cấu của vũ trụ, cái Nổ Lớn Big Bang, v.v... Trong quyển sau, nơi tiêu đề ở trang nhất trước khi bắt đầu quyển sách, ông nêu một câu hỏi siêu hình về một vấn đề khó hiểu của thời gian: "Con gà hay trứng gà có trước?"

Chẳng riêng gì Stephen Hawking mà có lẽ tất cả các nhà khoa học khác và hầu hết chúng ta ai cũng thắc mắc tự đặt câu hỏi như trên. Nếu cho là con gà có trước để sanh ra trứng gà thì hỏi con gà đầu tiên từ đâu mà có? Còn nếu nói trứng gà có trước thì trứng gà ấy do cái gì sanh ra? Đàng nào cũng bị lâm vào thế kẹt, không tìm ra được câu trả lời cho hợp lý.

Tiếp theo câu hỏi "Con gà hay trứng gà có trước?," Stephen Hawking còn đặt thêm những câu hỏi khác: "Vũ trụ có lúc khởi đầu hay không? và nếu có thì trước đó có những gì đã xảy ra?" "Vũ trụ từ đâu sanh ra và sẽ đi về đâu?" Sau đây, bài viết này trước hết sẽ xin trình bày lời giải đáp cho câu hỏi "Con gà hay trứng gà có trước?", theo tinh thần của Thiền Tông trong đạo Phật. Sau đó, các câu hỏi khác của Stephen Hawking sẽ được giải đáp. Các câu hỏi này sẽ được đề cập đến một cách ngắn gọn, vì nếu trả lời được câu hỏi đầu tiên về con gà và trứng gà thì sẽ không có gì khó khăn để giải đáp các câu hỏi kế tiếp.

Quý bạn độc giả đã đọc qua bài "Vũ Trụ Có Biên Giới Hay Không?" ở kỳ trước thì đã thấy rằng Thiền Tông đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị để trả lời cho câu hỏi thuộc về không gian đó. Câu hỏi kỳ này thuộc về thời gian và Thiền Tông cũng sẽ dựa trên căn bản y như vậy để trả lời.

Trước hết xin nhắc lại khái niệm về Tuyệt Đối Bất Nhị.

Tuyệt Đối là chỗ cứu cánh, rốt ráo. Muốn trả lời mọi câu hỏi hoặc muốn nhận định mọi sự việc cho đúng với sự thật cứu cánh, rốt ráo, thì phải đứng trên phương diện Tuyệt Đối. Tuyệt Đối là hoàn toàn không thật có bất cứ một cái gì đối lại. "Cái gì" ở đây gồm những gì cụ thể và những ý niệm trừu tượng. Vì không thật có một cái gì khác để đối lại nên gọi là Bất Nhị. Nếu còn có một cái gì khác để đối lại thì là nhị, chưa phải là Tuyệt Đối Bất Nhị (1).

Trở lại câu hỏi "Con gà hay trứng gà có trước?", nếu đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị mà xét thì đâu thật có cái gì độc lập, riêng biệt, khác với Tuyệt Đối gọi là "con gà", "trứng gà", hoặc là "trước", "sau." Tất nhiên là những cái vừa kể đều không thật có, mà chỉ là những cái chúng ta lầm tưởng là có thật. Do đó, vấn đề có trước hay sau không đặt ra. Thiền Tông không nói là con gà hay trứng gà có trước. Thiền Tông siêu việt lên trên những ý niệm tương đối ấy. Nếu có người hỏi một thiền giả Thiền Tông con gà hay trứng gà có trước thì người thiền giả chỉ nói: "Đó là Tuyệt Đối." Mà, như quý bạn độc giả đã đọc qua rồi, Tuyệt Đối không thể diễn tả bằng lời nói được. Chỉ có thể nói Tuyệt Đối là "Như Vậy", và muốn biết "Như Vậy" là như thế nào thì phải thực chứng Tuyệt Đối. Cũng như muốn biết nước uống nóng, lạnh

ra sao thì phải tự mình uống nước, lúc ấy sẽ tự biết.

Tóm lại Thiền Tông không có câu trả lời dứt khoát là con gà có trước hay trứng gà có trước. Hoặc giả Thiền Tông chỉ trả lời bằng một sự im lặng, và chính sự im lặng đó lại là câu trả lời hùng biện nhất.

Về các câu hỏi tiếp sau câu hỏi về con gà và trứng gà của Stephen Hawking, cũng xin vẫn đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị như trên để giải đáp.

Hỏi: "Vũ trụ có lúc khởi đầu không?"

Đáp: Không quả quyết rằng vũ trụ có hay không có lúc khởi đầu. Quả quyết như vậy là lọt vào Tương Đối, mà Tương Đối thì còn bị giới hạn, sai lầm, chưa đến chỗ sự thật cứu cánh của Tuyệt Đối. Thiền Tông siêu việt lên trên những ý niệm có và không ấy và chỉ nói đó là Tuyệt Đối, là "Như Vậy."

Hỏi: "Nếu vũ trụ có lúc khởi đầu thì trước đó có những gì đã xảy ra?"

Đáp: Như trên đã nói, Thiền Tông không nói là có hay không có lúc khởi đầu, do đó câu hỏi vừa đặt ra là thừa.

Hỏi: "Vũ trụ từ đâu sanh ra và sẽ đi về đâu?"

Đáp: Tuyệt Đối là Bất Nhị, cho nên không thật có một sự kiện gì riêng biệt, khách quan gọi là "sanh ra", và cũng chẳng thật có một cái gì để sanh ra cái gì khác. Về "Vũ trụ sẽ đi về đâu?" thì cũng vậy, không thật có nơi nào, chỗ nào để về, không có một sự kết thúc ở một điểm nào.

Khoa học đã lúng túng không thể giải đáp được câu hỏi về con gà hay trứng gà có trước và các câu hỏi liên hệ về thời gian như trong bài trên đây, cũng như đã không trả lời được rằng vũ trụ có hay không có biên giới như đã trình bày ở bài trước. Thiền Tông trong đạo Phật nói rằng sở dĩ Khoa học lúng túng như vậy là vì có tư tưởng **chấp thật**. Thiền Tông, đứng trên phương diện Tuyệt Đối Bất Nhị, không cho rằng có bất cứ một cái gì, một điều gì có thật, khách quan, riêng biệt, khác với Tuyệt Đối. Khoa học đã chấp thật, nên, trên phương diện Tuyệt Đối, đã sai lầm, do đó mới lúng túng không giải đáp được những câu hỏi trên. Xin lưu ý là Thiền Tông không chấp thật, nhưng không có nghĩa là Thiền Tông chấp giả. Thiền Tông siêu việt lên trên tất cả những ý niệm về thật, giả, có, không, trước, sau, đầu tiên, cuối cùng v.v... của Tương đối. Thiền Tông hoàn toàn tự do, không chấp vào một cái gì, không để dính mắc hay vướng kẹt vào một thiên kiến, một định kiến nào, để có thể trực nhận được sự thật cứu cánh của Tuyệt Đối.■

Kỳ tới: SANH Ư? TỬ Ư? (CON NGƯỜI VÀ VẤN ĐỀ SANH, TỬ)

(1) Tác giả đã trình bày rõ ràng hơn về Tuyệt Đối Bất Nhị trong bài "Tương Đối, Tuyệt Đối" đăng ở nguyệt san Giao Điểm, số 14, ngày 15 tháng 10 năm 1993.

BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN DIỆU LIÊN HƯƠNG

HỘI VIÊN CHỈNH NHA VÀ CHỈNH HÀM
United State Dental Institute
American Association for Functional Orthodontics

9251 Bolsa Ave., Westminster, CA. 92683 I Tel: (714) 895-1264

Hành nghề từ năm 1968 tại các bệnh viện Chợ Rẫy, Nguyễn văn Học và Phòng Nha Khoa tư tại Phú Thọ, Saigon

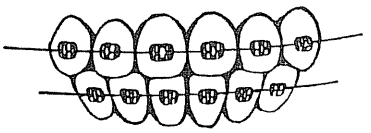

ORTHODONTICS: (Chỉnh răng và chỉnh hàm) Hoàn chỉnh mọi trường hợp răng mọc lệch lạc, khấp khểnh, không đều, hô móm... bằng phương pháp mang Niềng răng (Braces) hay mang Bộ Chỉnh Hàm (Functional Orthodontic Appliances).

BLEACHING: Tẩy trắng các răng màu vàng, nâu, xanh...

COSMETIC BONDING: Thay men răng bị đổi màu, đắp vá các răng sứt mẻ, làm khít kẽ răng thưa...

ĐIỀU TRỊ VÀ GIẢI PHẪU BỆNH NƯỚU RĂNG: Nướu răng sưng đỏ, chảy máu, tuột nướu, tuột xương; hôi miệng.
Đặc biệt: Phối hợp với *khoa chỉnh hàm* giải quyết các trường hợp răng bị xô lệch, lung lay, hở kẽ... do bệnh nướu răng, **tạo khớp cắn ổn định:**
- để việc nhai thức ăn dễ dàng và hữu hiệu.
- tạo một hàm răng đều đặn duyên dáng và bền bĩ với thời gian.

NHA KHOA TỔNG QUÁT: Khám định kỳ, làm sạch, chữa, trám và nhổ răng. Giải phẫu răng khôn mọc lệch, giải quyết các răng mọc ngầm vì thiếu chỗ hay răng mọc chậm

RĂNG GIẢ CÁC LOẠI: Gắn dính và tháo lắp: Mão răng,Veneer,Cầu răng,Hàm giả bán phần và toàn phần

CÓ NÊN CẦU NGUYỆN HAY KHÔNG?

BS NGUYỄN HOÀI VÂN

Nên cầu nguyện?

Bác Sĩ Larry Dossey, một đồng nghiệp Hoa Kỳ, vừa xuất bản một khảo luận về sự công hiệu của cầu nguyện trong việc chữa trị một số bệnh tật. Đồng nghiệp này đã dựa trên khoảng 50 công trình nghiên cứu, thực hiện bởi các nhóm bác sĩ được coi là khả tín. Điều lạ lùng là một nghiên cứu bao gồm 400 trường hợp bệnh nhân, tất cả đều *không* biết có người cầu nguyện cho mình. Ngay cả các y sĩ và nhân viên điều trị khác của họ, cũng hoàn toàn *không* biết có người cầu nguyện cho những bệnh nhân ấy! (Quotidien du Médecin 6/1/1974).

Vị bác sĩ này không tin vào một tôn giáo, chỉ cho biết ông thường luyện tập thiền quán.

Không nên cầu nguyện?

Như vậy, có lẽ bạn sẽ nghĩ là "nên cầu nguyện", phải không?

Thế nhưng, bạn cầu ai? Cầu Chúa? cầu Phật? Và cầu cái gì? Cầu lành bịnh? cầu hỏi tai nạn? cầu phát tài? cầu thi đậu? cầu gia đình hạnh phúc? Và có lúc nào bạn thử tự hỏi mình có xứng đáng để được hưởng những điều tốt đẹp ấy không? Giả sử bạn xứng đáng, thì bạn có cần phải cầu nguyện để được chúng hay không? Nếu nghĩ rằng Thiên Chúa "công bằng vô cùng", và Đức Phật cũng công bằng không kém, thì tại sao bạn lại phải sợ Chúa hay Phật quên mất không cho bạn những gì bạn xứng đáng nhận lãnh? Còn giả sử bạn không xứng đáng nhận lãnh những điều tốt đẹp ấy, thì bạn có nghĩ được rằng Thiên Chúa "công bằng vô cùng", hay Đức Phật, sẽ vì lời cầu khẩn của bạn với vài bông hoa, vài cây nến, nén nhang, mà thiên vị, ban phát cho bạn những gì bạn không xứng đáng? Chúa hay Phật dễ "hối lộ" vậy sao?

Cũng có nhiều người cầu nguyện cho những lý tưởng cao quý. Chúng ta thường xuyên được thấy những buổi cầu nguyện rất xôm tụ cho hòa bình trở lại nơi vùng đất này hay vùng đất khác. Chúng ta cũng rất thường được nghe những lời cầu nguyện cho những người đói khổ, những người bị thiên tai, bão lụt, động đất, bệnh dịch v.v... Thật cảm động. Nhưng, thử hỏi những kẻ cầu nguyện kia là ai mà dám "nhắc tuồng" Thiên Chúa, dám bảo Ngài phải nghe lời họ mà đem lại hòa bình hạnh phúc cho người dân ở Bosnie, ở Việt Nam, hay nơi nào khác? Bộ Thiên Chúa ngu dốt đến độ không biết nổi là dân chúng ở những nơi đó cần thanh bình, cần no ấm hay sao? Lẽ nào Thiên Chúa "toàn tri" lại phải cần đến những người này chỉ cho Ngài biết những gì Ngài nên làm? Và chẳng lẽ Thiên Chúa "lòng lành vô cùng", hay Đức Phật từ bi, lại phải cần đến những kẻ này nhắc nhở các Ngài, để các Ngài giựt mình tỉnh ngộ, và động lòng thương sót những nạn nhân ấy hay sao? Mặt khác, nếu Thiên Chúa đã "toàn năng" thì tại sao Ngài lại phải cần nhờ đến năng lực cầu nguyện của các người thiện tâm kia để thực hiện ý muốn tốt lành của Ngài? Và như thế, những kẻ muốn "dạy khôn" cho Chúa, hay cho Phật, có mang tội kiêu ngạo hay không? Có khinh rẻ Chúa, Phật, thái quá hay không?

Ta chỉ thờ ta!

Thật ra, trong nhiều trường hợp, người ta đã lẫn lộn Chúa hay Phật với những ước vọng của mình. Thi đậu, lành bệnh, gia đình hạnh phúc, làm ăn phát đạt, hòa bình, no ấm v.v... đều là những ước vọng của chúng ta, nhiều khi được chúng ta phóng ra trước mặt, dựng lên thành thần tượng, để rồi quỳ xuống thờ phượng, lạy lục, cúng bái, gọi đó là Chúa hay là Phật, chẳng khác nào người Do Thái thờ con bò vàng thuở trước. Chúa hay Phật được quan niệm như thế chẳng là gì khác hơn là chính chúng ta, chính cái TÂM đầy lo sợ, đầy ham muốn, đầy ước vọng, của chúng ta. Ta chỉ thờ ta chứ chẳng thờ Chúa Phật nào cả!

Đừng lải nhải!

Có lúc Đức Khổng lâm bịnh nặng. Tử Lộ xin cầu đảo, viện dẫn lời người xưa. Khổng Tử cho rằng cứ sống đúng với Lẽ Trời thì đã là cầu đảo rồi, chẳng cần ê a khấn vái làm chi cho phiền phức!

Tương tự như vậy, trong kinh cầu duy nhất mà Đức Ky Tô đã dạy cho hậu thế (Kinh "Lạy Cha"), Ngài chỉ khuyên nên nguyện vừa đủ sống, nguyện làm những điều tốt lành, tha thứ tất cả, và nhất là nguyện cho Ý Chúa thể hiện nơi mọi sự vật, tức là: *nguyện hòa bình trong Ý Chúa.*

Đức Ky Tô còn nói: "Đừng lải nhải như bọn vô Đạo, bọn chúng tưởng rằng nhờ những lời nói mà chúng sẽ được toại ý" (Phúc Âm Thánh Matthieu).

Đức Phật cũng dạy trong kinh Kim Cương:

Nhược dĩ sắc kiến ngã
Dĩ âm thanh cầu ngã
Thị nhân hành tà đạo
Bất năng kiến Như Lai

(Dùng hình sắc để tưởng tượng ra ta, dùng âm thanh để cầu ta, là tà đạo, không thể thấy Như Lai)

Ôi! Chuỗi Nhân Quả triền miên, chỉ có bậc chánh giác mới mong ra khỏi, nào phải chỉ với vài câu kinh lèm bèm, vài cây nhang, ngọn nến, mà mong hưởng được những cái mình không đáng hưởng, tránh được những điều mình phải chịu?

Cầu nguyện là im lặng?

Nếu "đừng lải nhải", thì phải chăng: "Cầu nguyện là im lặng?" Nhưng có lẽ im lặng chưa phải là cầu nguyện. Trong sự im lặng ấy còn cần một Ý THỨC nào đó. Người Ky Tô Giáo ý thức "Chúa là Cha của mình", tức ý thức Thiên Chúa không phải là một thế lực vô tình, xa lạ, mà chính là Tình Thương vô bờ bến, vô điều kiện, như tình thương của Cha Mẹ đối với con cái, lúc nào cũng bảo bọc nâng đỡ mình. Nho Giáo ý thức "Thiên Nhân hợp nhất", hay "Vạn vật đồng nhất thể", tức mọi sự vật, cũng như chính mình đều làm một trong cái Đạo của Trời Đất, như tình ruột thịt. Phật Giáo có nhiều trình độ ý thức, có lẽ đều hướng đến cái Tâm không phân biệt, làm một với Phật, với Như Lai, với tất cả.

Điều cần hiểu là khi ý thức "Chúa là Cha" trong truyền thống Ky Tô Giáo, người ta không nhất thiết phải luôn luôn đối tượng hóa Thiên Chúa, coi Thiên Chúa như ở ngoài mình, mà ngược lại, thường hướng đến việc làm một với Thiên Chúa. Để thực hiện điều đó, người Ky Tô Hữu dùng Đức Ky Tô như một trung gian, vì Ngài vừa là Thiên Chúa, vừa là con người. Sự hiện diện của Ngài nơi trần thế lại là biểu tượng của tình thương của Thiên Chúa đối với con người. Người Ky Tô hữu làm một với Đức Ky Tô, để qua Đức Ky Tô, họ làm một với Thiên Chúa. Có xa các quan điểm của Nho và Phật Giáo lắm hay không?

Cầu nguyện là làm một với Chúa?

Một linh mục Dòng Tên dạy tôi: "Cầu nguyện là làm một với Chúa." Nếu thế, thì khi cầu nguyện, người cầu nguyện chính là Thiên Chúa, là Đức Phật, nhìn cuộc đời với cặp mắt của Chúa, của Phật, phản ứng trước những biến cố chung quanh mình với tấm lòng của Chúa, của Phật, hòa mình trong Ý Chúa, trong Tâm Phật. Không có sự phân biệt: đây là người cầu nguyện, đây là Chúa, hay là Phật, một bên cầu khẩn van lơn, và một bên đón nhận sự cầu khẩn ấy, để rồi ban phát, hay từ chối ban phát, những phúc lộc, theo những lý lẽ hoàn toàn bí ẩn của các Ngài. Người cầu nguyện phải đi tìm tấm lòng (hay cái Tính) của Chúa, của Phật, trong thâm tâm mình, để cư xử, phản ứng, với tấm lòng ấy. Thái độ này đương nhiên là một sự hướng thiện triệt để, tránh được tính cách ích kỷ của việc dựng những ước vọng riêng tư của mình lên thành Chúa, thành Phật để rồi xì xụp cúng bái, thờ phượng những ước vọng được thần thánh hóa ấy.

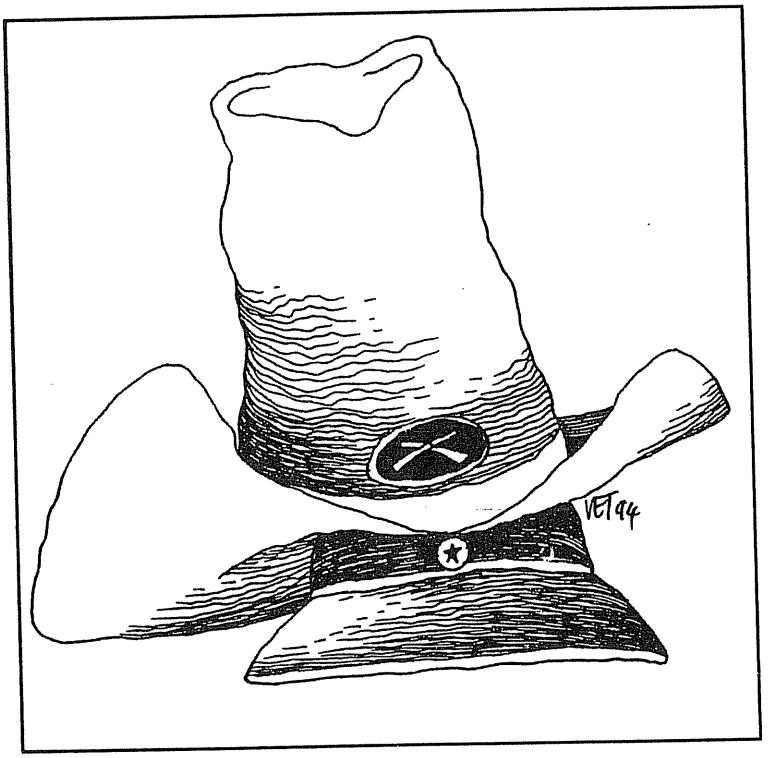

Công hiệu của việc cầu nguyện:

Một thắc mắc: làm sao sự cầu nguyện có thể "công hiệu" như đồng nghiệp Dossey đã ghi nhận? Tôi nghĩ khi tìm đến Chúa, Phật v.v... có khi người ta đi được vào một lãnh vực thâm sâu nào đó của tâm thức, bước sang Tiềm Thức, Vô Thức, và khi đạt đến một độ sâu nào đó, có thể khám phá ra những cánh cửa để bước sang một lãnh vực tạm gọi là Siêu Thức, trong đó không còn giới hạn rõ rệt giữa lãnh vực "của tôi", "của anh", hay "của kẻ khác". Ví như mỗi người chúng ta là những ngọn sóng. Ở trên ngọn sóng thì ta thấy ngọn sóng này và ngọn sóng kia cách biệt nhau, nhưng khi đi vào chiều sâu của sóng, thì ta chỉ thấy một đại dương chung cho tất cả các ngọn sóng. Như thế, ta có thể theo con đường đi từ Ý thức, vào Tiềm thức của mình, rồi, tới một độ sâu nào đó, vào Siêu Thức chung của mình và của một người nào khác, rồi tìm đường đi ngược trở lên Vô Thức, rồi Tiềm Thức của người ấy, để đem lại nơi người này một số ảnh hưởng nào đó. Một phần của những ảnh hưởng này, từ Vô Thức và Tiềm Thức của người kia, sẽ nổi lên tầng Ý thức của anh ta, làm cho anh ta cảm nhận

một cách ý thức những thay đổi mong muốn, thí dụ như thuyên giảm bệnh tật chẳng hạn. Đây có lẽ cũng là cách "làm việc" của các thầy phù thủy, thầy bùa, thầy pháp v.v... với những con đường khác nhau để đi vào Tiềm Thức của chính họ và từ đó, di chuyển sang tiềm thức của người khác.

Tâm thức và thuyết tiến hóa

Làm sao biết được trong một phần nào đó của Tâm Thức không có giới hạn rõ rệt giữa "ta" và "không ta" (giữa "cái tôi" của mình và "cái tôi" của kẻ khác chẳng hạn)? Có nhiều cách giải thích. Một cách giải thích tương đối gọn gàng là sử dụng quan niệm tiến hóa của vật chất, từ nguyên thủy cho đến cho người.

Nếu chấp nhận giả thuyết"big bang" thì khởi đầu của vật chất trong vũ trụ là một "điểm vật chất". Mặt khác, có thể giả sử mỗi trình độ vật chất có một cái "Thức" riêng của nó. Trình độ khởi đầu của vật chất, tức một điểm cực nhỏ với tỷ trọng (densité) là vô cực (infini), cũng có cái "Thức" của nó. Từ điểm khởi đầu ấy, vật chất tiến hóa, cho ra các ngôi sao, vi khuẩn, súc vật, rồi con người, với những trình độ "Thức" đặc biệt cho mỗi giai đoạn. Tuy nhiên trong mỗi giai đoạn tiến hóa, sự vật đều giữ lại những cái "Thức" của các giai đoạn trước, được lắng đọng trong một Siêu Thức nào đó. Điều này có thể được chứng minh nơi các loài động vật. Thí dụ những cái "thức" của các giai đoạn trước con người, như của loài cá, loài có vú bốn chân, v.v... không còn được "ý thức" một cách rõ rệt nơi con người nữa, nhưng vẫn không bị xóa đi, mà vẫn còn hiện diện trong Vô Thức, Tiềm Thức, hay Bản Năng của con người. Cái "Thức" của giai đoạn khởi đầu của vật chất (khi chỉ có một điểm vật chất trong vũ trụ) có thể cũng vẫn còn hiện diện nơi con người, và nơi tất cả sự vật trong vũ trụ. Vì thế, đi vào đến một độ sâu nào đó của Tâm Thức, người ta sẽ tìm thấy một Siêu Thức chung cho con người và các động vật, rồi chung cho con người, động vật và thực vật, cứ như thế, càng đi vào sâu thêm, thì cái Siêu Thức ấy càng mở rộng để trở thành Siêu Thức chung của toàn thể vạn vật.

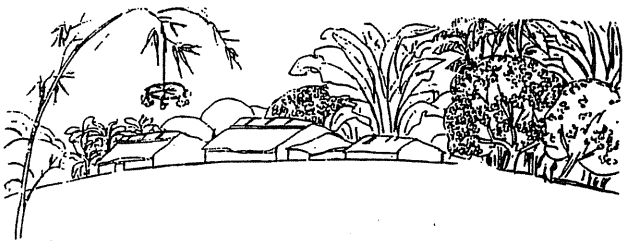

HOÀNG CẦM

MAI SAU DÙ CÓ BAO GIỜ...

Bao giờ Em xế về Em
Bão giông đọng giọt sương mềm cuối mi
Chợp ngủ đi... mê mê đi
Vồng đông mống bắc thấy gì nửa đêm

Bao giờ Em xế về Em
Ôm cây cỏ đắng ngọt mềm trên môi
Cây đàn hoàng tử ngậm ngùi
Bởi đâu bão tố hé cười ánh trăng

Hôm nay Em mở búp hằng
Cớ sao ngọc bích còn lăn giữa đời
Thức qua men ngọt rã rời
Ngủ qua chiều nắng nặng rơi góc thềm

Bao giờ Anh xế về Em
Nắm tay được mấy hạt đêm Kim Kiều
Mấy là thương mấy là yêu
Mất trăng hôm ấy mấy chiều đỏ hoe

Bao giờ Em xế về quê
Cỏ xanh có khóc mộ thề mai sau...?

Đêm 9-9-91

Định nghĩa Thượng Đế

Thế nhưng, cái "Thức" của giai đoạn trước khi có điểm vật chất nguyên thủy là gì? Trước khi có điểm vật chất nguyên thủy, thì chưa có vật chất. Cái "Thức" của giai đoạn đó là "Thức" của một cái gì "phi vật chất". Nói cách khác, đó là Ý Thức thuần túy, hoàn toàn tách khỏi vật chất, và hoàn toàn không lệ thuộc vật chất. Đó phải chăng là định nghĩa của Thiên Chúa, hay của Như Lai: một Ý Thức thuần túy, phi vật chất, quy định vật chất, quy định sự tiến hóa của vật chất, quy định toàn thể vũ trụ này và tiềm tàng nơi mọi sự vật?

Nếu thế thì tại sao sự cầu nguyện lại không "hiệu nghiệm", nếu ta biết được con đường đi đến cái Ý Thức ấy?

Orate, fratres...■

1 tháng 2 năm 1994

ĐÔI NÉT VỀ CÁC PHO TƯỢNG TRONG NHỮNG NGÔI CHÙA CỔ

HUỲNH HỮU ỦY

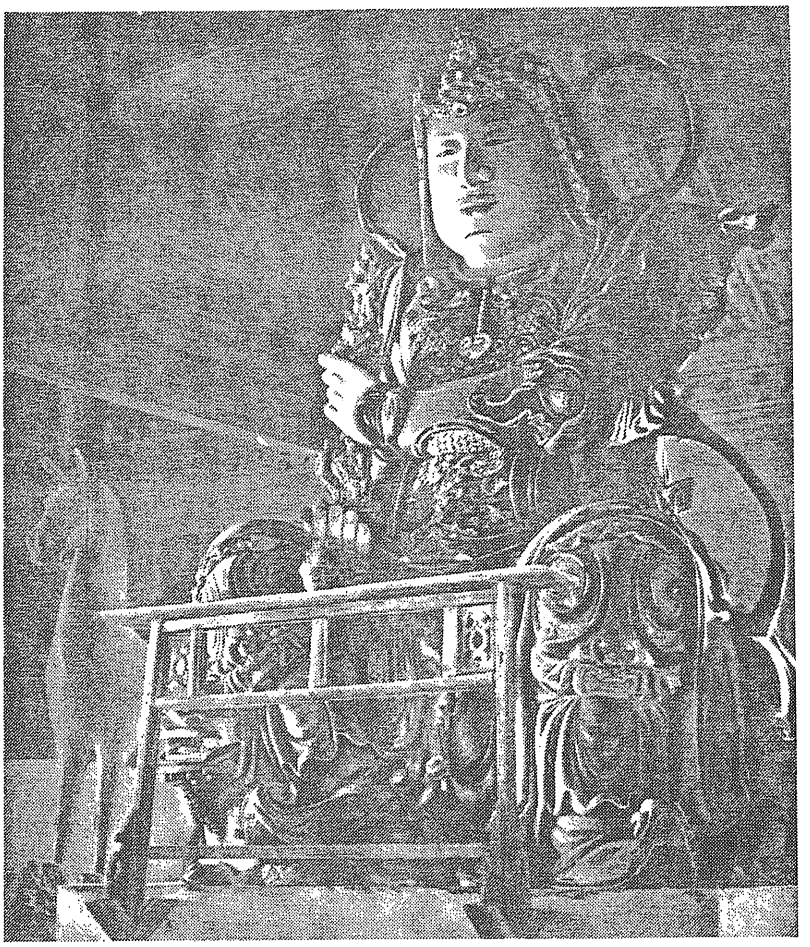

Hộ Pháp gỗ Chùa Tây Phương

Phật giáo đã gắn bó với dân tộc gần cả 2000 năm. Từ những thế kỷ đầu công nguyên cho mãi đến ngày nay, qua nhiều thời kỳ lịch sử với những dấu mốc đặc biệt, Phật Giáo đã ăn sâu trong những cơ tầng cấu trúc dân tộc, lan tỏa nơi mỗi nguồn mạch tâm linh, văn hóa, phong tục, tập quán. Có thể nói nghệ thuật Phật giáo chiếm một phần hết sức quan trọng trong toàn bộ nền nghệ thuật đất nước.

Là tiếng nói sâu đậm, cụ thể và hiện thực, nền nghệ thuật này đã trở nên một sức mạnh của tình cảm, tư tưởng và tâm linh. Từ những vết tích đầu tiên thực hết sức đáng kể ở Luy Lâu của đất Giao Châu xưa (nay là Thuận Thành, Hà Bắc), giữa trung tâm của đồng bằng sông Hồng, khi dân tộc tiếp nhận nguồn tôn giáo lớn này, khi các tăng lữ Tây Trúc trên đường hoằng pháp sang các xứ phương Đông dừng chân nơi đây, rồi đi ngược lên phía Bắc hoặc đi về phương Nam, cho mãi đến năm 580, khi Tì Ni Đa Lưu Chi (*Vinitaruci*), một tăng lữ gốc người phương Nam Ấn Độ, đến trụ trì luôn ở trung tâm này, trú tại chùa Pháp Vân, giảng dạy Phật pháp thì Phật giáo đã được lập thành cả một thiền phái, đây là dòng thiền tông thứ nhất, rồi hòa hợp với tính cách văn hóa bản địa mà tạo nên một sức sống tinh thần lạ lùng. Qua nhiều thời kỳ kế tiếp, Phật giáo có lúc đã trở thành quốc giáo, là thời kỳ "Chỗ nào có người ở, tất có chùa Phật,

Rahula, vị tổ thứ 16 - Chùa Tây Phương

bỏ đi rồi lại dựng nên, nát đi rồi sửa lại, lâu đài, chuông trống chiếm đến nửa phần so với dân cư" (1), trang bị cho toàn bộ dân tộc một sức mạnh tinh thần hết sức đặc biệt, và vào những thời kỳ ấy, nghệ thuật Phật giáo thực rạng rỡ.

Rồi lan tỏa đến từng mỗi ngóc ngách của cuộc sống đất nước, nghệ thuật Phật giáo thấm đậm nơi từng mỗi chùa làng. Chưa nói đến các trung tâm văn hóa Phật giáo lớn, chưa nói đến các quốc tự lừng lẫy, các danh lam, tự viện danh tiếng, chỉ mới đề cập đến các chùa làng rải rác nơi mỗi làng mạc Việt Nam, đã phát triển rất rực rỡ vào các thế kỷ 16, 17, 18, một nhà nghiên cứu nghệ thuật đã đúc kết: "Thế kỷ 18, chỉ từ Thanh Nghệ trở ra, đã có hơn 12,000 làng xã với ít nhất bấy nhiêu ngôi chùa. Mỗi ngôi chùa làng dù nhỏ nhất cũng có từ vài chục tới vài trăm pho tượng. Nước ta có vài triệu pho tượng. Nếu tập trung lại ta sẽ có hơn một Bôrôbudur hay một Ăng-co sơn son thiếp vàng." (2)

Dưới con mắt quan chiêm pha chút tò mò hiếu cổ, yêu cái đẹp tạo hình, thì mỗi ngôi chùa rải rác khắp nơi, đặc biệt là những cổ tự mang nhiều dấu vết rêu phong của thời gian, đều là những nhà bảo tàng nghệ thuật của đất nước. Nơi những nhà bảo tàng ấy, từng pho tượng sẽ lặng lẽ mà sinh động nói với chúng ta nhều điều. Những pho tượng ấy dù có những điểm riêng, nhưng bao giờ cũng được tạo hình theo những qui thức và ký hiệu chung. Và những pho tượng thường là được bài trí theo một cách chung, dù ở trong một ngôi chùa có kết cấu theo lối chữ *công* (工) là lối phổ biến nhất, hoặc chữ *Đinh* (丁), hay chữ *Tam* (三), hay ngay cả với kết cấu theo hình chữ *Quốc* (国)(3). Trừ những ngôi chùa của phái Tiểu Thừa (Nam Tông) chỉ thờ tượng Phật Thích Ca Mâu Ni, tất cả các chùa khác theo phái Đại Thừa thì thờ nhiều vị Phật, nhiều vị Bồ Tát, không những thế đôi khi còn thờ cả những tượng Thánh của Đạo giáo và Khổng giáo, và cả những nhân vật lịch sử. Điều này phản ảnh được phần nào về một thời Tam giáo đồng nguyên, tỏ rõ sự dung hợp cùng lúc ba nền đạo lý thâm diệu của phương Đông, đến từ hai trung tâm văn hóa lớn Trung Hoa và Ấn Độ, tạo nên một vẻ đẹp hài hòa giữa ba nguồn gốc Phật giáo, Lão giáo và Nho giáo. Hơn thế nữa, nó đã hòa hợp, gần gũi và chia sẻ với cả những tín ngưỡng cổ truyền trong đại chúng, bàng bạc khắp nơi, từ nhiều đời trước để lại.

Bước vào một ngôi chùa, ở gian rộng ngoài cùng là *bái đường*, nơi tín đồ thập phương đến lễ bái, cũng là nơi các nhà sư ngồi tụng niệm thường nhật. Nơi gian phòng này, bài trí hai bên, bên phải và bên trái, tượng *Thập Điện Diêm Vương*. Học giả Paul Lévy, giám đốc *Trường Viễn Đông Bác Cổ* (L'Ecole Francaise d'Extrême-Orient), trong dịp *Triển lãm cổ tích Việt Nam* ở Viện Bảo Tàng Bác Cổ Hà Nội năm 1948, dựa trên vũ trụ quan Phật giáo, đã giải thích về ý nghĩa và việc bày biện các tượng Diêm Vương như thế này: Đối với các tín đồ nhà Phật, nhục hình dưới âm ti có nhiều và phức tạp. Tuy nhiên, kẻ phạm tội không phải chịu nhục hình mãi mãi, vì theo đạo Phật linh hồn không phải là bất diệt, không phải là vô thủy, vô chung. Sau khi sinh sinh, hóa hóa, phù trầm qua bao nhiêu kiếp khác nhau — là vật, là người, là thần, có khi là cây cỏ nữa — nhờ những giáo lý của Đức Phật, con người được giác ngộ, bắt đầu hiểu rõ duyên cớ nỗi khổ của mình và căn do sự biến hóa không ngừng từ kiếp này sang kiếp khác. Lúc đó, người ta từ bỏ hết dục vọng, bỏ hết hành động, bỏ đời sống cũ, thế phát đi tu, sống một cuộc đời đạm bạc, khắc khổ; để hồn người trở về với hồn vũ trụ, về nơi Đại khí, về cõi hư vô, nơi mà người ta thực sự chỉ là một hạt bụi. Bấy giờ là lúc sắp sửa lên cõi Niết Bàn. Đối với người Việt, sống ở vùng nhiệt đới, khao khát sự nghỉ ngơi, giấc nghỉ trường miên chỉ có khi hình hài đã hoàn toàn tan biến vào vũ trụ (4). Như vậy, tượng *Thập điện Diêm Vương* gợi nên cảnh âm phủ, bày ra ngay ở bên phải và bên trái nơi các thiện nam, tín nữ đến lễ bái, là một cách nhắc nhở con người tìm đường giác ngộ, vượt qua mọi nghiệp quả để đạt đến cõi Niết Bàn.

Cũng ở nhà bái đường, có tượng *Thổ địa* và *Giám trai*, là những vị thần được dân Trung Quốc và Việt Nam thờ phượng. Thổ địa là vị thần coi sóc, giữ gìn đất đai, chính là vị thần làm chủ vùng đất thuộc khu vực nhà chùa, thường giữ gìn, bảo hộ điền thổ và tài sản của nhà chùa. Cạnh đấy là hai tượng *Hộ Pháp* đồ sộ, đắp bằng đất thó và sơn quét, tô vẽ màu sắc lên bên ngoài (5). Tượng *Hộ Pháp* trong dáng vẻ uy nghi, cầm khí giới nơi tay, mặc áo giáp, đội mũ trụ, là những vị thần hộ trì, bảo vệ Phật pháp.

Sau nhà *bái đường*, trước khi

dẫn vào *chính điện*, thường được bày biện tượng các vị *La Hán* và *Tứ Bồ Tát*. *Tứ Bồ Tát* và các vị *La Hán* (phiên âm từ phạn ngữ *Arhat*, tiếng Hán Việt là *A-La-Hán*, gọi tắt là *La Hán*) là các vị thánh đã ngộ đạo, tuy ngộ đạo nhưng chưa thành Phật. Tượng *Thập Bát La Hán* thường được bài trí thành hai dãy, hai bên hành lang dẫn vào chánh điện, hoặc ở hai bên chái của chính điện, từ đây có thể đi tiếp vào hậu điện. Cũng có nơi, tượng *La Hán* được bày ở hậu điện.

Tượng *Phật Cửu Long* cũng được thiết trí ngay giữa khu vực này. *Phật Cửu Long* là tượng Phật Thích Ca sơ sinh (6). Trong truyền kỳ của Phật giáo, lúc Thích Ca đản sinh, có chín con rồng hiện đến, cuộn mình tung lượn giữa đám mây mù, phun nước tắm cho ngài. Và sau khi tắm xong, ngài đứng dậy đi bảy bước, tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất mà nói *"Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn!"* Hình ảnh *đản sinh* là một tượng trưng đặc biệt của Phật giáo, vì đó là bước đầu của hành trình đi đến *giác ngộ* và *niết bàn* mà chúng ta sẽ gặp thấy ở những pho tượng Phật khác trong tư thế ngồi và nằm. Liên hệ đến chuyện truyền kỳ này, ở nhiều chùa, cứ hàng năm đến ngày lễ Phật đản, tượng *Phật Cửu Long* được rước ra tắm và thay áo mới. Dưới các triều đại nhà Lý, có lẽ bắt đầu từ thời Lý Thánh Tông, lễ tắm Phật bằng nước thơm được cử hành trọng thể ở chùa Diên Hựu (chùa Một Cột) vào sáng ngày mồng tám tháng tư với sự có mặt hầu như đông đủ nhà vua, hoàng hậu, hoàng gia và triều thần bá quan văn võ, dân chúng cũng tụ tập về dự lễ rất đông (7).

Trong tất cả các chùa chiền Việt Nam, tượng các vị La Hán có lẽ là đặc sắc nhất vì đã vượt qua khỏi những kiểu mẫu có tính công thức. Mỗi pho tượng là một nét riêng, có nhiều tính sáng tạo, suy nghĩ và đóng góp riêng tư của người nghệ sĩ điêu khắc xưa. Trên khuôn mặt của từng mỗi vị La Hán hiện lên hơi thở và bóng dáng nhân sinh của người thợ chạm khắc, và qua đó đôi lúc là cả bầu khí sinh hoạt của xã hội đương thời. Những pho tượng ấy vì thế mà ít giống nhau, biểu lộ được tính cách của tác giả pho tượng, mà chính ở đó cũng là tính cách riêng của nền điêu khắc cổ truyền Việt Nam. Những pho tượng La Hán ở chùa Tây phương (1794) ở Quốc Oai, Sơn Tây, thực hết sức đẹp và sinh động là một điển hình. Đây là một thành tựu suất sắc của nghệ thuật thời Tây Sơn, để lại những kiệt tác trong di sản nghệ thuật cổ Việt Nam. Điêu khắc gỗ nơi mười tám pho tượng La Hán này đạt được cái tài tình, lão luyện từ một nền nghệ thuật truyền thống lâu dài nhiều thế kỷ trước tổng hợp lại, rất sâu sắc, hiện thực và sống động. Cao lớn như người thật, được sơn son thiếp vàng, mỗi pho tượng như muốn biểu lộ một chân dung tâm lý riêng, tỏa ra một tính cách riêng, một tâm trạng riêng, một tinh thần riêng. Qua hình tượng mười vị tổ trong đạo Phật, nhà điêu khắc đã phát biểu rất tài tình một thế giới nhiều chiều sâu, đôi lúc pha chút dí dỏm, hóm hỉnh, và rất rõ ràng là chứa đựng nhiều chất con người trong bối cảnh xã hội đương thời. Tượng *Phật Đà Nam Đề*, vị tổ thứ tám, đúng là một bậc trí giả thượng thừa, vui vẻ nhưng nghiêm trang và đức độ dưới ánh đạo vàng Phật pháp. Mặc áo trạc ngực, bày ra cả bụng và rốn, thoải mái trong cử chỉ đang ráy tai, miệng tươi cười dí dỏm, phong thái giản dị, khinh khoái; kinh Phật nói rằng ngài giảng kinh rất thông tuệ, không bao giờ vướng mắc điều gì. *Bà Tu Mật*, vị tổ thứ bảy của phái Đại Thừa thì trông vồn vã, tươi cười, ăn mặc chỉnh tề, hai cổ tay mang hai chiếc vòng, hai tay chắp lại đưa ra đằng trước như đang đảnh lễ hay cầu nguyện. *Hiếp Tôn Giả*, vị tổ thứ mười, đứng tựa vào gốc cây, tay cầm quạt, đôi mắt trông có vẻ lơ đãng nhưng nhìn thấu suốt mọi việc, ngài là người cực kỳ thông minh, rất cần mẫn, chăm chỉ, ít nói và chỉ nhìn. Nhà nghiên cứu nghệ thuật Nguyễn Đỗ Cung cho rằng đây là pho tượng thành công bậc nhất ở đây, ông đề nghị chúng ta thưởng thức cái thần khí của pho tượng, tinh thần cần mẫn của *Hiếp Tôn Giả* nơi hai con mắt đang nhìn lơ mơ của pho tượng (8). Tổ *Long Thụ*, vị tổ thứ mười tám, ngồi trên một tòa sen lớn, dáng người uyên bác, thâm trầm, nghiêm túc. Tổ *Ca Tỳ Ma La*, vị tổ thứ mười ba, với hai con mắt nhìn trừng trừng rất oai nghiêm nhưng vẫn tỏa ra một vẻ đức độ tràn đầy. Chúng ta thử chiêm ngắm thêm một pho tượng khác nữa rất đẹp, tượng *La Hầu La Đa (Rahula)*, vị tổ thứ mười sáu. Là chân dung một cụ già trầm tĩnh, đĩnh đạc, y phục nghiêm chỉnh, móng tay để dài, những thớ thịt ở tay, ở cổ làm nổi bật dáng gầy gò của cơ thể, cái miệng ngậm lại với

Hiếp Tôn Giả, vị tổ thứ 10 - Gỗ, chùa Tây Phương

bờ môi trông thật mềm mỏng, con mắt lim dim, tay cầm chiếc gậy để tựa vào người, bên cạnh là con hươu nằm quay người nhìn về phía tổ, càng tạo nên một vẻ hòa điệu thâm trầm cho pho tượng. Thêm vào đó, một chút ấn tượng tôn giáo là ở chỗ hai dái tai thả dài xuống, làm dáng dấp pho tượng càng thêm phần nghiêm trang, trầm tĩnh. Đây là chân dung của một tuổi già đã chín muồi trong đời sống, đang trầm tư mặc tưởng. Ở các pho tượng khác cũng thế, như tượng *Mã Minh*, tổ thứ mười hai, tượng *Ma Ha Ka Diếp*, vị tổ thứ nhất, Tượng *Ất Nan*, vị tổ thứ hai... hết thảy mười tám pho tượng La Hán này đều mang lại một vẻ sinh động kỳ diệu, tuyệt vời. Tính sinh động nơi các pho tượng ấy đã được ghi nhận và mô tả một cách tài tình dưới ngọn bút của nhà thơ Huy Cận

Cái vị La Hán chùa Tây Phương
Tôi đến thăm về lòng vấn vương
Há chẳng phải đây là xứ Phật,
Mà sao ai nấy mặt đau thương?
Đây vị xương trần chân với tay
Có chi thiêu đốt tấm thân gầy
Trầm ngâm đau khổ sâu vòm mắt
Tự bấy ngồi yên cho tới nay.
Có vị mắt giương, mày nhíu xệch,
Trán như nổi sóng biển luân hồi,
Môi cong chua chát tâm hồn héo,
Gân vặn bàn tay mạch máu sôi.
Có vị chân tay co xếp lại
Tròn xoe tựa thể chiếc thai non
Nhưng đôi tai rộng dài ngang gối
Cả cuộc đời nghe đủ chuyện buồn...
Các vị ngồi đây trong lặng yên
Mà nghe dông bão nổ trăm miền
Nhưng từ vực thẳm đời nhân loại
Bóng tối đêm ra trận gió đen.
Mỗi người một vẻ, mặt con người
Cuồn cuộn đau thương cháy dưới trời
Cuộc họp lạ lùng trăm vật vã
Tượng không khóc cũng đổ mồ hôi.
Mặt cúi, mặt nghiêng, mặt ngoảnh sau
Quay theo tám hướng hỏi trời sâu
Một câu hỏi lớn. Không lời đáp.
Cho đến bây giờ mặt vẫn chau.
Có thực trên đường tu đến Phật
Trần gian tìm cởi áo trầm luân
Bấy nhiêu quằn quại run lần chót
Các vị đau theo lòng chúng sinh?
Nào đâu, bác thợ cả xưa đâu?
Sống lại cho tôi hỏi một câu:
Bác tạc bao nhiêu hình khổ hạnh
Thật chăng chuyện Phật kể cho nhau?
Hay bấy nhiêu hồn trong gió bão
Bấy nhiêu tâm sự, bấy nhiêu đời
Là cha ông đó bằng xương máu
Đã khổ, không yên cả dáng ngồi.
.....
.....

Vẻ đẹp trên các tượng La Hán chùa Tây phương càng trở nên bi tráng, thấm đẫm mùi vị nhân sinh mà cũng đầy hùng lực qua mắt nhìn Huy Cận, soi sáng thêm một lần nữa tính sáng tạo của nhà tạc tượng Việt Nam xưa, chúng ta có thể gọi đó là cái riêng của điêu khắc cổ Việt Nam.

Bước vào chính điện, chúng ta sẽ thấy tượng thờ các vị tu hành đã đắc đạo, đạt chính quả. Phía đằng trước là tượng *Phật nhập niết bàn*, rồi đến *Phật Di Lặc, Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật Quan Âm*. Sau cùng là tượng *Phật A Di Đà* và tượng *Tam Thế Tôn*. Tam Thế Tôn là ba pho tượng có lẽ quan trọng nhất ở gian chính điện, thường bày cao lên gần sát mái nhà và kề vách chính điện, là biểu tượng của chư Phật thuộc ba đời: *Quá khứ, Hiện tại, Vị lai*. Có người cho rằng ý nghĩa của ba tượng Phật này chẳng khác gì ý nghĩa *Tam-vị-nhất-thể (Trinité)* của đạo Ky Tô. ■

CHÚ THÍCH:

(1) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập II. Nxb Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, trang 161. *Bài minh của Lê Quát trên bia chùa Chiếu Phúc, ở Bái Thôn, Lộ Bắc Giang.*

(2) *Chùa làng hay các bảo tàng điêu khắc*. Nguyễn Quân. *Đất Mới*, Montréal, số 2 tháng 2, 1990.

(3) Những ngôi chùa lớn thường dựng theo kiểu *nội công ngoại quốc* (trong hình chữ *công*, ngoài hình chữ *quốc*), được gọi như thế vì khu nhà chính giữa có hình chữ công và ở chung quanh có những dãy nhà bao quanh lại theo hình vuông.

(4) *Triển lãm cổ tích Việt Nam*. Phần *Tượng Phật* do Paul Lévy ghi chú. *Dân Việt Nam (Le peuple Vietnamien)*, Viện Đông Phương Bác Cổ xuất bản, số 2 tháng 12, 1948.

(5) Hầu hết các tượng Hộ Pháp ở hai gian bên cạnh nhà bái đường được đắp bằng đất sét, nhưng các pho tượng Phật thì lại được tạc bằng gỗ, đôi khi được đúc bằng đồng hoặc chạm khắc bằng đá. G. Dumoutier trong *Lược khảo về người Bắc bộ (Essais sur les Tonkinois)* cũng đã từng cho chúng ta biết về kỹ thuật thực hiện các pho tượng gỗ này: Gỗ làm tượng thường là gỗ mít, màu vàng, thớ nhỏ và se, dễ đục đẽo và không bị cong. Tượng đã tạc xong, các phần của tượng được ghép lại với nhau đâu vào đấy, người thợ lấy đất sét trắng trộn với sơn sống để bịt những chỗ nứt, chỗ nối, rồi trát lên toàn pho tượng một lượt và mài nhẵn chỗ lồi lõm. Thực hiện nhiều lượt như thế cho đến lúc vừa ý thì sẽ để cho khô, rồi quét sơn và thếp vàng (Dẫn lại trong *Dân Việt Nam, Le peuple Vietnamien*, bài đã dẫn).

(6) Ông Trần Nho Thìn sau nhiều cuộc thăm viếng, khảo sát các chùa chiền cho biết: ở một vài ngôi chùa, có đến năm hay bảy tượng Phật Thích Ca sơ sinh, sở dĩ như vậy vì các Phật tử vào dịp này dịp khác đã thành tâm cúng vào chùa các pho tượng ấy, cứ mỗi lần như thế, nhà chùa lại bày biện thêm chứ không quan tâm đến chuyện các pho tượng chỉ mang một nội dung, hình thức cũng là mẫu hình tương tự. Các pho tượng được cúng vào chùa thường là vào các dịp trùng tu, tôn tạo chùa. Và như thế, số lượng tượng Phật cứ tăng mãi, ví dụ như ở chùa Mía (Sùng Nghiêm Tự) ở Sơn Tây có đến 287 pho tượng các loại, ở chùa Trăm Gian (Quảng Nghiêm Tự) có 153 pho tượng các loại, (*Vào chùa Thăm Phật, Sự tích — ý nghĩa — cách bài trí. Hà Nội, 1991*)

(7) Nguyễn Lang. Việt Nam Phật Giáo Sử Luận II, trang 37, 38, Nxb Lá Bối, Paris, 1978.

(8) Nguyễn Đỗ Cung. *Mỹ Thuật thời Tây Sơn* Mỹ Thuật số 9, 1969, Viện Mỹ Thuật — Mỹ Nghệ Hà Nội xuất bản.

TẠI SAO TÔI VIẾT VĂN

Lão Ký Giả
VĂN LANG TRẦN VĂN ÂN

Tôi tin là các bạn sẽ ngạc nhiên khi tôi bắt đầu nói ra là tôi không biết viết "quốc ngữ" khi tôi muốn làm báo, năm 1927, tại Aix en Provence, Pháp. Tôi qua tới Pháp, chịu tiếng là du học, mà kỳ thật là dẫn hai trò — một con lai Tàu và một cùng quê Thốt Nốt (Long Xuyên) với tôi. Tôi chỉ có năm đồng bạc trong túi. Khi đó, tôi đã có dịp sống ở bên Tàu, thành phố Sáu đầu (Swatow) trên hai năm. Tôi lãnh dẫn hai trò đi học xa là có ý tự tìm việc làm vừa đi học. Chúng tôi tới Paris vào cuối tháng Tư 1926 đi bằng tàu André Lebon của Messageries Maritimes, Pháp, sau khi đưa đám táng cụ Phan Chu Trinh.

Tôi là một đứa nhỏ nhà quê ở vùng Thốt Nốt Long Xuyên Hậu Giang. Được cái may lạ nên vào học Quartier Européen — Collège Chasseloup Laubat, năm khai thị chợ Mới Saigon 1914. Tôi nói "may lạ" vì chánh quyền thuộc địa chỉ dành trường ấy cho con Tây, con các quan phủ huyện và nhà giàu. Cha tôi có người quen thân ở Saigon, đề nghị nạp đơn xin cho tôi vào trường Chasseloup Laubat, còn gọi là trường "Bổn quốc". Sau vài năm, vào đầu năm 1914, gia đình tôi được giấy của "Sở Giáo huấn", Direction de l'Instruction Publique cho hay là "Trần Văn Ân, con ông Trần Văn Huệ, được nhập học vào tháng 8-1914 — Collège Chasseloup Laubat Saigon. Gia đình tôi mừng quá đỗi mừng, mà Mẹ tôi và em gái tôi, lo quá đỗi lo, vì Cha, Mẹ, em gái tôi, đều là nhà quê dốt đặc. Đã phải nhờ người ngoài chợ đọc giấy Trường sẽ nhận tôi nhập học vào tháng 8-1914 với các điều phải lo là áo quần, vật dụng dùng trong nhà trường còn gọi là trouesseau. Cha tôi làm thầy thuốc làng, và là người thuê ruộng không biết việc "tây tà", hay việc ở thành phố lớn như Saigon.

Mà tôi là đứa trẻ "ăn chay trường" từ lúc mới biết ăn. Bà nội tôi nhứt định cho tôi vào tu ở Chùa Minh Sư Long Xuyên, và đã lãnh pháp danh **Quang Huy**. Cha tôi không bằng lòng, nhưng là con không được phép cãi lịnh mẹ. Ông là đứa con út, có hai người anh trai, và một chị gái. Người anh trai lớn đã phải làm công nhà người để có tiền cho hai em trai đi học. Em gái không được đi học. Ông nội tôi cũng là thầy thuốc, nhưng ông đã vắng nhà luôn. Chỉ có bà nội tôi là nuôi bốn đứa con.

Đến năm 1911, bà qua đời, tôi lên tám tuổi, mười tuổi Việt (tôi sanh năm Nhâm Dần vào đêm Ông Táo đã về trời) mới bắt đầu vào trường ở chợ Thốt Nốt, và trường lập nơi Đình Làng. Nhà bà nội tôi thì ở trong Rạch Trà Cui, cách chợ trên 2km. Đi học, với tôi là cả một vấn đề — vì tôi vừa quê mùa, vừa nghèo.

Thế mà năm 1914 tôi được vào trường "bổn quốc" phía "con Tây" (quarter européen), là một vấn đề quá lớn cho mẹ tôi và em gái. Đã vậy, tôi còn phải "tập ăn mặn," tức ăn cá thịt.

Tôi phải lên Saigon trước để tập "ăn mặn". Và khi vào trường, tôi phải lãnh zero, về "bon" học, suốt hai năm tôi chịu con "o rầu" là con zéro, và bị con Tây và con nhà giàu đánh tơi bời, ăn hiếp đủ cách. Mà tôi nào có biết thưa mét với Thầy "pion" (giám thị) — gọi là thầy gác. Tôi muốn trốn, bỏ trường, nhưng lại là tên nhà quê, dốt đặc, nào có biết đường sá Saigon và cũng chẳng có đồng xu nào trong lưng, cũng không có bạn bè.

Thế mà, qua năm 1916, tôi vượt lên đứng đầu lớp, tới năm 1922, tôi lên Seconde và cả trường, từ thầy tới bạn, ai cũng thương, và trong một năm, thi chơi, tôi đã đứng hàng đầu Brevet Elémentaire và diplôme de fin d'Etudes complémentaires.

Đó cũng là năm biến chuyển lớn trong đời tôi và đã qui định cả đời tôi. Suốt hai năm học, cha tôi không có tiền đóng tiền trường, mà từ Surveillant Général (lúc đó là Ô. Venturini), tới Ô. Nicolai (Econome), lặng thinh, để tôi học. Tôi tính thôi học, than thở với Ông thầy dạy Pháp văn, người rất thương tôi, là Ô. Antoine Tullié (sau có làm Proviseur) và cho ông biết tôi định bỏ học. Ông Tullié cho là phi lý. Ông liền hội tất cả giáo sư có dạy tôi cùng đứng xin cho tôi học bổng, đến ngày lấy tú tài Pháp — tất cả đồng ý, đơn gởi lên Ô. Cognacq, thống đốc Nam Kỳ lúc nó. Người ta cho Ô. Tullié hay, chắc chắn được vì điểm của tôi cao vượt bực, đứng đầu hầu hết các môn kể cả Pháp văn. Các thầy dạy tôi đều vui mừng, nhứt là Ô. Tullié. Bãi trường, về làng, tôi vui mừng khôn xiết và cha mẹ tôi tưởng chừng như được châu báu.

1922 vào trường, tôi vẫn học như thường năm, nhưng tới học kỳ hai, tôi được giấy phải qua học Petrus Ký để lấy tú tài local. Tôi "tá hỏa" — chết điếng trong lòng và căm tức không lời thốt ra. Một tuần sau, tôi dự bị lìa lycée Chasseloup Laubat (lúc đó, đã là lycée rồi), từ giã các thầy dạy, được lời khuyên bảo, trong đó có Ô. Lê Văn Kim, sau làm Proviseur Lycée P. Ký — ai ai cũng tin tưởng là tôi sẽ đi xa và đỗ cao.

Thì ra, tôi đã quyết bỏ học Pháp. Cho là Pháp không có người có đại chí, đại nghĩa. Rồi

tôi đi Swatow với ý định cùng bạn *Thái Ngươn Xáng* học Anh văn, và sẽ lên Thượng Hải vào đại học, hoặc đi học bên nước Nhật. Trong người tôi vẫn không có tiền, trông cậy vào bạn Thái Ngươn Xáng.

Ở Swatow, tôi học lóm được chút ít Hoa văn và Hoa ngữ, thì bạn tôi Ô. Thái Ngươn Xáng, người hứa cùng tôi đi học Thượng Hải, bao bọc tôi về các chi phí, bị đổi về Việt Nam, vì cha mẹ tin thầy bói nói Xáng ở lại bên Tàu, sẽ bị "bắt cóc" (Kidnappé). Đột nhiên, tôi bơ vơ. May có người, cũng họ Thái, ưng chứa tôi và nuôi cơm.

Nhiều việc xảy ra mà Ân tôi đã học được bộn Hán văn và các tiếng (Triều Châu, Quảng Châu, tiếng Hẹ và tiếng Quan Thoại).

Mà rồi, tôi cũng trở về Saigon, vào đầu năm 1925. Tôi xin dạy Pháp văn cho trường *Sùng Chính*, trường của người Hakkas (Hẹ). Tôi lại được đọc tờ l'Indochine của luật sư Monin, và nhà văn André Malraux — quá hài lòng, tôi tới gặp hai ông này, được sự khuyến bảo đi Pháp. Tôi lo giấy tờ dễ dàng — nhờ notes của Livret Scolaire: Excellent élève à tous les égards. (Học sinh xuất sắc trên mọi phương diện)

Tôi đi Pháp. Mà sự học hành của tôi cũng vẫn bị trục trặc. Nhưng đây không phải là hồi ký, hay ký sự, mà đây là *"Tại sao tôi ưng viết văn?"*

Vậy, tôi xin vào đề, sau nhiều trang nói chuyện bên lề.

Trước khi viết báo, hay viết một bài báo, tôi phải nhờ anh em đọc dùm và chữa dùm vì tôi làm lỗi chánh tả liên miên. Phải nói là vào trường con Tây, tôi không có học Việt ngữ và những gì tôi biết về lịch sử Việt Nam đều do tôi tự tìm học. Qua Pháp được năm, bảy tháng tôi thấy cần viết ra sự bất bình của tôi về đường lối giáo huấn ở trong nước. Vào năm 1926 Nam Kỳ đã thành thuộc địa Pháp gần nửa thế kỷ. Mà tôi lại vào trường con Tây vì một việc tình cờ. Cha tôi, có học xưa, chữ Hán, mà không có học nay. Nhờ quen với một người giúp việc cho luật sư Daval, ông làm đơn dùm và gởi tới Sở Giáo Huấn công Nam Kỳ (Direction de l'Instruction Publique de la Cochinchine). Rồi bỗng nhiên tôi được vào Collège Chasseloup Laubat như đã nói. Đến lúc cha tôi không tiền trả tiền trường, các thầy dạy đồng lòng xin học bổng cho tôi. Tự nhiên, tôi phải vào trường Pétrus Ký để học thi một thứ tú tài gọi là tú tài bổn xứ — đã khó hơn vì chương trình rắc rối hơn mà chỉ có giá trị trên lãnh thổ Việt Nam. Khi bị bắt buộc qua học Pétrus Ký, tôi mới thấy sự kỳ thị rõ rệt, và chánh sách ngu dân của Pháp. Đột nhiên, tôi không muốn trở lại gặp các thầy dạy người Pháp, và nhứt định không tiếp tục học Pháp — chắc là mấy ổng không rõ tại sao. Và nếu không có tờ "l'Indochine", và không có gặp hai ông Monin và Malraux, chắc là tôi không biết nước Pháp và đọc nhiều sách Pháp. Ở đây, tôi xin nói qua, cuốn "Les Forceries Humaines" của L.S. Georges Garros (cha của Ô. Roland Garos) — và bạn của Ô. Bùi Quang Chiêu, là cuốn sách đã giúp tôi lo nghĩ tới đất nước tôi.

Ít tháng bàn tán với một số anh em Việt ở Aix en Provence, sinh viên có, học sinh có, tôi cho ra đời tờ **"Việt Nam học báo — L'Annam Scolaire** viết hai thứ văn (Pháp và Việt). Ra báo, tôi không hề có ý nghĩ trở nên ký giả. Không ngờ báo "học trò" *"Annam Scolaire"*, dẫn tới, tôi triệu tập *Đại Hội Sinh Viên Đông Dương lần đầu tiên* tại Aixen Provence — Bouches du Rhône, năm 1927. Chúng tôi đã thành công, và thành công một cách bất ngờ nhờ sự khuyến khích và giúp đỡ của giáo sư Debazac, thị trưởng Aix en Provence. Ông cho mượn phòng đám cưới (Salle des Mariages) trong suốt thời gian hội họp. Lá cờ cho tôi treo trước phòng họp lúc bấy giờ là lá cờ vàng (một màu vàng — tôi chỉ biết — vì nghĩ rằng màu vàng là màu dân tộc). Ủy ban tổ chức gồm có Luật sư Trịnh Đình Thảo, Ân tổng thư ký, Liêu Sanh Trân phó và vài người bạn khác. Chúng tôi, chưa ai có bằng Đại Học, nên đã tha thiết xin L.S Thảo đứng tên. Thế mà Đại Hội triệu tập đúng kỳ và có nhiều nhân vật bất ngờ, như Luật sư Dương Văn Giáo, làm tổng báo cáo viên, Ô. Pierre Báu — tờ Amitié Indochinoise, Paris sẽ có mặt,

Mời quý văn hữu, độc giả Thế Kỷ 21
tham dự hội luận
"VIỆT NAM THẾ KỶ 20"
do Đỗ Ngọc Yến giới thiệu và điều hòa
cùng một số nhà văn nhà báo tham luận.
Hồi 3 giờ chiều thứ Bẩy 21 tháng Năm 1994
tại PHÒNG HỌP THẾ KỶ
14901 Moran St., Wesminster, CA 92683

Ông Phạm Văn Bạch hẹn tới, giờ chót xin lỗi vì bận việc, về sau Ô. Bạch rất thân với tôi và có lãnh coi chi bộ Đảng Quốc Gia Độc Lập (1945) tại Cần Thơ. Còn ông Trần Văn Bạch kỹ sư Arts et Métiers và Centrale, vốn là bạn từ lúc học trường Préparation à l'Ecole Nationale des Arts et Métiers — *Ecole St Eloi,* thì lãnh Section Bến Tre. Tại Đại Hội, có Ô. Nguyên, bạn của Ô. Báu, Ô. Đỗ Đức Hồ, tôi không còn nhớ từ đâu tới, Ô. Trần Văn Thạch, sau là cử nhân Pháp văn, và là lãnh đạo Đệ Tứ ở Saigon, (sau bị CS Đệ Tam giết chung với các bạn Phan Văn Hùm, Phan Văn Chánh, L.S Giáo, lãnh tụ Cao Đài Lê Kim Ty, và lối 70 người khác, tại **Sông Lòng Sông Gấm Phan Thiết** cuối năm 1945). Đặc biệt tại Đại Hội Aix en Provence, có hai ông lãnh tụ được chúng tôi kính mến như L.S Giáo, Nguyễn Thế Truyền và Nguyễn An Ninh, ngừng lại dự hội trên đường đi vùng Bordeaux, Toulouse, Montpellier. Tôi có kể qua câu chuyện L.S Dương Văn Giáo đã cho chúng tôi một bài học về thủ tục hội họp (procédure) và tôi có dịp dàn xếp một cuộc xung đột giữa phe Lập Hiến Dương Văn Giáo và phe Độc Lập Nguyễn Thế Truyền-Nguyễn An Ninh cho Ô. Đặng Hữu Thụ, cựu Phó Chưởng Lý Saigon nghe để viết về đời nhà Cách mạng Nguyễn Thế Truyền (*). Lúc bấy giờ sinh viên

Việt có mặt đông hơn cả tại Đại Hội Aix en Provence, là sinh viên ở Aix en Provence và Marseille.

Từ ngày Đại Hội Sinh Viên Việt Nam ở Aix en Provence thì sự hoạt động của tôi ở Aix en Provence thêm gia tăng. Đại hội có bỏ thăm nhiều kiến nghị, liên quan tới sự học hỏi và đời sống sinh viên Việt ở Pháp. Đây tôi xin không nói qua.

Tôi có nói rằng tôi không có nghĩ mình sẽ đeo đuổi nghiệp làm báo cả đời người. Mà vì muốn nói ra những gì mình ấp ủ trong lòng, đã đưa tôi tới làm một ký giả, cho tới ngày nay. Từ chỗ làm một tờ báo của học sinh sinh viên, năm 1929, tôi được mời dự thính "Đại hội lần III của Trung Quốc Quốc Dân Đảng tại Nam Kinh" và nhơn cơ hội đó, tôi ở lại Trung Hoa gần một năm và đã học Hoa ngữ và Hoa văn thêm khá nhiều.

Tôi xin nhắc lại là tôi không hề có nghĩ viết báo thành nghề, mà mãi có dịp cho tôi viết, và nhờ có độc giả và được bạn làng văn thương mến mà tôi viết báo luôn. Viết đến không ngờ viết đã thành nghề.

Tôi nghĩ rằng động lực thúc đẩy mình thích viết là *ý chí và nguyện vọng* của mình. Tôi cho rằng *người thích sống động cóphần thích viết hơn hết. Tôi cho rằng làm ký giả là sống toàn diện, hơn cả văn nhân, thi sĩ.*

Như vậy, nếu người thường viết mà được người đọc hiểu và thích văn mình, thì đó là *yếu tố làm cho mình tiếp tục viết.* Yếu tố tiền bạc cũng là một yếu tố mạnh như ở các thị thành lớn, nhưng ở xứ nông nghiệp yếu tố tiền bạc ít mạnh hơn. Với tôi, mặc dầu tôi nghèo, nó cũng là điều kiện nhỏ.

Tôi viết vì tôi muốn viết, và muốn viết vì tôi có nhiều nỗi bất bình trong lòng. Viết cũng là xả hơi, cũng là làm cho người viết bớt bực tức. Tôi lớn lên trong nhiều nghịch cảnh, cả ngày những thấy bất công và bức hiếp, lòng tôi luôn bất mãn. Làm sao chịu nổi cảnh thấy người Pháp, hoặc viên "cò", hoặc viên "tào cáo" lúc nào cũng khinh thị người dân, rồi người lính Việt dựa thế Tây, xét thuế thân cũng hống hách. Làm gì cả Nam Việt chỉ có một trung học, và cả Đông Dương chỉ có một Đại Học đặt ở xa tít mù là Hà Nội? Đó là những câu hỏi làm tôi bực bội luôn. Tôi quyết định không học Pháp không chơi với người Pháp, vì tôi chỉ thấy bất công. Làm gì chỉ có lớp quan cai trị mới được ưu đãi. tại sao hạng người này có nhiều quyền hành như thế?

Rồi, một đêm nọ, nhơn cơ hội ra Cap St Jacques chơi, tôi ngồi mé biển trông về mênh mông, lại được đọc bài của Cụ Phan Bội Châu: *Làm trai phải hiếu cái hy kỳ*. Tôi phát tâm muốn đi ngoại quốc.

Như vậy, viết phải *trước hết có động lực thúc đẩy* (motivation). Do đó mà năm 1927 một tên học trò chưa học qua quốc ngữ, lại đâm ra muốn làm báo và viết báo, mà phải nhờ bạn sửa dùm bài. Do đó, có tờ *Annam Scolaire — Việt Nam học báo*, rồi có triệu tập Đại Hội Sinh Viên Đông Dương được Trần Văn Ân tôi coi là công tác mở đường hoạt động chánh trị yêu nước.

Về nước gần cuối năm 1928 vì hoàn toàn không có tiền ở lại trên đất Pháp, tôi hiệp với luật sư Dương Văn Giáo và dựa vào thế lực tiền bạc của Đảng Lập Hiến của Cụ Bùi Quang Chiêu, lập ra tờ Đuốc Nhà Nam (tên báo do tôi chọn lựa, với bạn Ngô Ưng Tài). Tôi làm tổng thư ký tòa soạn, Dương Văn Giáo làm chủ nhiệm, Hồ Văn Ngươn (Cuồng Sĩ Thất Lang) làm chủ bút. Ông Tú Võ Oanh chuyên về bài có dính líu tới Hán văn, và cô Quốc Hoa (người Trung) coi về Phụ Nữ. Lúc đó văn của tôi còn nhiều lỗi. Tôi hoàn toàn ỷ lại vào Ô. Tú Võ Oanh, lớn tuổi hơn tôi nhiều, để sửa chính tả dùm tôi. Tôi đề nghị với ông Oanh "nên thay đổi lối viết văn, tránh dài dòng, và đặt lại các mục. Bỏ danh từ xã luận, thay vào hoặc *nhận định — quan điểm* hay chi chi khác. Ông Oanh vốn thuộc nhóm Cách Mạng Ông Tú Kiên, lấy làm thích. Rồi tôi bị làng báo cho là dốt và viết như "vịt kêu sấm". Thế mà cả tòa soạn Đuốc Nhà Nam đồng ý với tôi và ông Dương Văn Giáo, chủ nhiệm cũng tán thành, và giao cho tôi viết thế ông nhiều bài. Ở đây tôi không đi sâu vào vấn đề này, vì còn phải nói qua nhiều chuyện. Tôi muốn nói có vài lời về ông Võ Oanh, người Trung. Ông trở nên bạn thân của tôi. Tôi về vườn ông cũng theo, tôi đi cưới vợ ở Rạch Giá, cũng có ông ở bên. Ông ngoại vợ tôi gốc người Trung Hoa, sống trên 100 tuổi, là người có học. Ông còn nhớ chiến tranh Nga-Nhựt. Mỗi độ có Ô. Tú Oanh đi với tôi vô Rạch Giá, ông ân cần mời ký giả và ông tú tài, tới nhà ông, nói chuyện về Nho học. Do đó mà tới năm 68 ông Oanh dính liền với đời tôi. Sau ông vào Bưng và từ trong Bưng, viết thư thăm *Phi Bằng Cao Minh Chiếm* ông không quên để lời thăm hỏi và nhắc qua chuyện làm báo Đuốc Nhà Nam. Ít năm, sau khi bạo quân nhập Đô Saigon, ông qua đời!

Ngoài sự thúc đẩy của ý chí, người viết phải có ít nhiều tài viết *lách*. Nhứt là làm ký báo chí, đầu cho tuần báo. Phải luyện cho có thói quen. Vì máy in không đợi *ký giả có hứng*. Với cộng tác tôi thường nói *"đã là ký giả, thì phải hứng viết bất luận lúc nào"*. Tài viết lẹ có thể tập, ngoài cái khiếu ký giả. Không phải có tài viết, rồi đề tài nào cũng viết được. Làm phóng sự, điều tra, cũng phải học tập. Nếu không có sách học, ký giả có thể tìm trong mấy bài ký sự, tường trình (enquête, reportage) của báo lớn.

Có điều này, vô cùng quan hệ cho sự thành công của một ký giả, là *viết cho người đọc*, làm cho người đọc hiểu và thích đọc mình. Tôi thành thật thưa với bạn đọc tôi là một ký giả tương đối có độc giả. *Đây là điều kiện đã giúp tôi muốn viết liên miên*, trong bất luận trường hợp nào. Đó cũng là điều kiện làm cho tôi có nhiều bạn mà cũng có nhiều kẻ nghịch, và đã làm tôi nhiều lần xuýt vào tù. Vài ví dụ: trước khi đệ nhị thế chiến bùng nổ, tôi là ký giả "thầm lặng" của tờ Dân Mới, của Ông Nguyễn Bảo Toàn. Tôi viết một loạt bài về tình cảnh Đông Dương nếu có Đại thế chiến. Tôi cho rằng *"phen này thế lực của Đế Quốc Anh Pháp có khác trước sợ có thể mất chánh quyền ở thuộc địa..."* Tôi bảo với ông Toàn, với loạt bài này, sợ có người trong chúng ta ở tù. Toàn chịu nhận trách nhiệm và ưng đi ở tù nếu bị buộc tội. Thế rồi Toàn đi ở tù, mới có dịp quen biết với Phạm Hùng, Phạm Văn Đồng v.v... Và

do đó, mới được chọn thay mặt Đảng Quốc Gia Độc Lập đi thương thuyết với lãnh tụ Việt Minh, năm 1945, và đề nghị "*Đánh chung đi riêng*". Toàn nghe lọt tai lý lẽ của Việt Minh, chấp nhận, nhập vào Mặt Trận Việt Minh để "*giành được độc lập quốc gia*". Toàn còn lôi theo mình một số anh em trí thức trong Đảng, đánh rơi Ân, Lâm, Ngà, Đường.

Ký giả cần có sáng kiến. Trần Văn Ân tôi là một ký giả có chút sáng kiến và có lối viết dễ làm cho người ta theo. Năm 1947, làm chủ bút tờ Quần Chúng, cơ quan của Đảng Dân Xã (đa số đảng viên là tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo), tôi có những câu như thế này:

— Nam Kỳ quốc là cái quái gì? Là cái không có mà có. Có, bởi vì có quân đội viễn chinh Pháp.

Cũng phần nào nhờ những câu như thế ấy mà Nam Kỳ quốc đổ và chánh phủ Lâm Thời Nam phần Việt Nam ra đời với thủ tướng là tướng Nguyễn Văn Xuân.

Rồi khi làm báo Đời Mới, với sự có mặt của Hà Việt Phương (Nguyễn Đức Quỳnh), Ân tôi có câu:

"Độc lập mà không liên lập là cô lập

Liên lập mà không độc lập là lệ thuộc."

để cho rằng "Không thể độc lập trong Liên Hiệp Pháp, mà không có ngoại giao và quân đội."

Thế rồi, tới Hội Nghị toàn quốc năm 1953, Liên Hiệp Pháp không còn. Mới có Ô. Diệm về nước cai trị toàn quyền, trong khi Ân đi nằm khám cấm cố tử hình.

Làm ký giả là sống động toàn diện và thường xuyên với dân chúng, là dám lồng mình trong dân chúng mà lãnh đạo dư luận.

Người ta cho rằng báo Đời Mới sẽ chết vì không đăng kết quả "xổ đề" và không chịu viết về các vấn đề nhảm nhí. Người ta đã thấy sai.

Đời Mới là hậu thân của tờ *Đọc Thấy Vòng Quanh Thế Giới*. Tờ ĐTVQTG này in đẹp, có nhiều hình đẹp, có bài dịch báo ngoại quốc hay, chỉ bán có 500, 600 tờ mỗi tuần. Ân lo quá. Mới đổi ra thành tờ Đời Mới gồm phần nhiều là bài sáng tác, với những mục nhứt định, như: *Ngược thời, Việc trong nước, Việc ngoài nước, Tiến, (dành cho đấu sĩ = militant), Suốt đời đảng sống, Lấy mắt đời nay xét việc đời xưa, Thi văn cho thanh niên, Tâm sự.* Tôi không ngờ làm báo "chạp fô" lại được lòng độc giả, xuất bản số đầu 5000 tập, bán hết không còn số nào, đến phải mua lại 100 đồng một tập (với giá bán 5 đồng, để làm collection). Đó là gì? Là phải biết tâm lý người đọc. Về vấn đề này, tôi có thể viết năm, bảy chục trương giấy. Nhưng đây, phải gói trong đề tài "*Vì sao mình thích viết văn.*" Tôi xin kể một chuyện đáng suy nghĩ: *Nơi mục lấy mắt đời nay xét việc đời xưa*, có lần tôi viết "*Quan Công là người tự phụ làm mất Kinh Châu*". Kết quả, báo Đời Mới, mỗi tuần bán ngoài Bắc gần 3000 số, bị tẩy chay. Hỏi ra mới biết các cụ kính cẩn thờ *Quan Thánh Đế Quân* cho ký giả là *vô lễ* và làm phách.

Tôi phải bay ra Bắc, hiệp cùng các bạn Việt Đoàn tới bái viếng các cụ và cắt nghĩa rằng phàm con người, ai cũng có gồm nơi mình hai phương diện: mặt phàm phu và mặt thánh thể thánh tri. Về mặt phàm phu thì con người có đủ tật xấu khi làm người, làm tướng bách thắng thì Quan Vân Trương là một vị tướng có khí phách anh hùng, có khi cũng kiêu căng. Bảo cha con Tôn Quyền là loài chó là đã mất tư cách thánh thiện. Vì khinh rẻ Đông Ngô, nên đã chết vì tướng Đông Ngô. Về mặt thánh thiện không thấy có ai hơn ngài khi đốt đèn đọc sách trước phòng Nhị tẩu, hay thả Tào Tháo để trả ơn, sau khi đã ký tờ cam đoan với thừa tướng Khổng Minh.

Tôi nghĩ biết tâm lý quần chúng là điều vô cùng quan hệ. Với sự đổi tờ "Đọc thấy vòng quanh thế giới" ra tờ Đời Mới tôi đã làm vừa lòng độc giả. Thà xấu nhưng của nhà vẫn hơn. Nội dung bài có dở, mà đọc bài sáng tác thích hơn đọc bài dịch. Tuy thấy dễ, mà về mặt "*thường xuyên có đủ bài sáng tác* cho các *mục nhứt định*" là việc không dễ. Khi tôi dựng lên các mục tôi nghĩ tôi có thể đảm đương. Mà "tôi", đâu có chỉ viết bài. Còn phải lo việc làm báo, lo đọc để phong phú tư tưởng. Thế rồi, tôi lâm cảnh "điên đầu". Trong việc làm báo của tôi có xảy ra một việc dối bạn đọc chẳng đặng đừng. Mục *tâm sự*, có lúc tôi giao cho một cô có học cỡ tú tài, tuy chưa lớn tuổi, nhưng đã có kinh nghiệm đời với sự dặn dò "*tuyệt đối không cho người khác cô đọc.*" Một hôm tôi lấy bài — các lá thư của người hỏi tâm sự — xem qua, tôi thấy còn dấu và chữ viết bằng bút chì, tôi biết đã có người khác đọc. Tôi mời cô có trách nhiệm trả lời tâm sự, hỏi qua cô. Cô thú thật có đưa cho ông bạn trai xem, ông là một giáo sư. Chủ nhiệm Ân cả kinh. Vài tuần sau, tôi cho cô nghỉ việc vì tôi có biết nhiều ông trả lời tâm sự cho phụ nữ rồi tới tìm người để rồi xảy ra nhiều chuyện lôi thôi. Sau đó, tự tôi phải đảm nhiệm mục tâm sự một thời gian với tên *Cô Minh Đạt*. Một thời gian qua, thư tâm sự càng nhiều và có nhiều chuyện đau thương mà người ta không dấu được, tôi đâm lo. Làm sao cho trọn hứa với độc giả. Buộc lòng tôi phải nói láo là viết trên báo cho tin Cô Minh Đạt vắng mặt một thời gian dài. Rồi, Cô Minh Đạt không có trở lại làm ký giả cho báo Đời Mới. Ấy không chỉ là vui buồn nghề nghiệp mà là vấn đề không làm tròn nhiệm vụ. Người tòa soạn chỉ có bạn Tế Xuyên biết. Chúng tôi không hề hé môi. Xin nói với bạn đọc là được độc giả mến mình và mỗi tuần chờ đợi bài mình *cũng làm cho mình "mắc nợ"*. Nó có nghĩa là *thúc đẩy ta viết, là động lực cho ta thêm cố gắng*. Cái nợ tinh thần này - quả là cái nợ, nhất là đối với các nhà viết tiểu thuyết.

Ta phải thành thật nhìn nhận là *lòng tự ái — và ít nhiều hiếu thắng* đều có nơi mọi trước tác gia, dầu là viết một bài báo. Đây, tôi kể ra vài việc nhỏ đã làm tôi động lòng và giữ mãi cảm mến.

Một hôm, vào năm 74 (?), tôi ngồi tại Văn phòng phái đoàn VNCH tại La Celle St Cloud, ở đường R. Poincarré Paris 16e, số 101, bỗng có chuông điện thoại reo, tôi bắt nghe:

"Thưa Cụ, tôi xin đọc một bài báo cho Cụ nghe."

"Ông là ai? Xin lỗi cho biết quý danh."

"Xin cụ nghe tôi đọc bài này trước."

Tôi liền nghĩ: Ắt có ai chửi mình. Hoặc có một tên bồ của CS

chửi mình. Rồi tôi nghe cả bài *Tình tinh chi hỏa khả dĩ liệu nguyên.*

"Cụ có nhớ không?"

"Nhớ mại mại."

"Chính là bài Cụ viết năm xưa, trên báo Đời Mới ở mục Tiến. Từ thuở ấy, tôi làm việc mà thuộc lòng bài của Cụ vì nó giúp tôi giữ tinh thần chu chí như Cụ đã dạy."

"Cám ơn quá! Tới nay còn nhớ. Ắt cũng có nhớ tôi."

"Có chứ, mới gọi điện thoại ngay đến Cụ."

"Tôi là... sứ thần VNCH mới qua đảm nhiệm ở Paris."

"Cám ơn quá! Có thể gặp nhau không?

"Tôi bận lắm. Chỉ một việc nhớ bài Cụ viết đã lâu, đủ nói lòng tôi quý mến Cụ. Tôi rảnh việc, sẽ liên lạc với Cụ." Dứt.

Cũng vì một bài báo trên Đời Mới. Tại Hotel Lutétia, Paris, có một cuộc tiếp đãi do Tòa Đại Sứ VNCH tổ chức, Trần Văn Ân, có mặt tại Pháp, được mời. Giữa đông người, một ông cỡ trên 40, tới trước mặt tôi, đứng ngay thẳng đọc một bài báo Đời Mới, ở mục "Ngược thời" — với đề tài: Đố bạn, trên đại lộ Trần Hưng Đạo, mỗi ngày có bao nhiêu xe hơi chạy tới lui?

Kể lể đủ chuyện, rồi Dương Bá Dương (người viết mục "Ngược thời") kết luận: Chỉ có hai chiếc, một chiếc danh và một chiếc lợi!

Ông bạn đọc xong, đưa ra một điều mong ước chung của anh em:

Xin cụ cho một édition Paris của tờ Đời Mới. Cũng về bài ngược đời đó, một hôm giữa tiệc thân hữu ở ngoại ô Paris, một ông tới chào hỏi tôi rồi nói "chính tôi đã nhận được một máy ảnh hiệu Leca của báo Đời Mới-vì đã chọn bài Ngược Thời- chỉ có hai chiếc xe chạy trên Đại lộ Trần Hưng Đạo: một danh, một lợi".

Tôi liền thêm: xe tình cũng nằm trong danh lợi - Bạn, nay là bác sĩ - và trước kia ở trên Lào. Tôi thật thà kể ra, để kết luận *"được độc giả mến cũng là một sự trói buộc ký giả vào nghề"*, điều mà ký giả không nên coi thường.

Đặc biệt, là khi quen sống đời viết lách là ta *sống toàn diện* vì nó bắt ta suy nghĩ luôn, nó đòi hỏi ta biết thêm và nó bắt ta phải đọc, thích đọc và *kết liền viết và đọc*. Nó tạo thành một nếp sống và nếp sống này *trở thành lẽ sống* của ta. Một khi nó đã trở thành *lẽ sống* của ta, thì ta khó mà tách ra - khi ta đã trở nên dính liền với viết và đọc, thì ta *có cái thú viết và đọc*. Cái thú này thường đưa ta tới thương người cầm bút như ta. Đó là sợi dây kết liền ta vào sự viết lách, với bạn làng văn, bạn văn sĩ, bạn viết báo hay thi sĩ. Do đó, cái nếp sống viết văn làm cho ta có cái thú mà chỉ người cầm viết mới thấm thía với nó.

Ít có người nghĩ tới cái thú này và cũng có ít ai nghĩ rằng việc ký giả phỏng vấn một nhân vật có tên tuổi không những là một việc hữu ích cho nhà báo, cho sự truyền tin, mà còn gây cho người hỏi nhiều thích thú. Chính tôi không nghĩ tới, mà đã có dịp hội nhập cảnh thích thú nhìn ra một nét đặc sắc nơi một vài diễn giả hay nơi một người lãnh đạo quốc gia. Năm 1929, được mời dự thính Đệ tam thứ Toàn quốc Đại biểu Đại hội của Trung Quốc Quốc Dân Đảng tại Nam Kinh. Tôi đã nhìn thấy hai thứ hùng biện, một của Đại biểu *Lưu Văn Đảo* và một của tướng *Tưởng Giới Thạch*. Lâu lắm rồi mà giọng nói của hai vị này còn văng vẳng bên tai. Sự hùng biện của Lưu Văn Đảo là sự hùng biện ấm nóng và ngân xa - người Pháp gọi là éloquence chaude - Còn tướng Tưởng Giới Thạch thì là sự hùng biện "đạm bạc, thực phác, ít lời và ngắn ngủi" mà người Pháp gọi là éloquence sobre với giọng nói thanh mà không bóng bẩy. Và năm 1954, khi dự thính Hội nghị Genève về vấn đề ngưng bắn tại Việt Nam - có đại diện Nga Sô, Trung Cộng, Việt Minh và chính quyền Quốc Gia tôi cố nghe Gromyko và Chu Ân Lai phát biểu, và cả Phạm Văn Đồng. Về phòng tôi nhớ lại và cố "chụp hình" bằng cặp mắt nhà ngoại giao Nga Sô và ông Chu Ân Lai. Tôi tìm được ông Gromyko cái tên "chúa ngục" làm tôi vui rất lâu, vì không thấy có danh từ nào đúng hơn. Nghĩ tới Chu Ân Lai, tôi nhớ lời ông "chỉnh" người thông dịch bằng mấy chữ rất gọn và rất thanh, là: *"Free puissances, not "three" puissances"*, tự nhiên khiến tôi có ít nhiều cảm tình với họ Chu và lúc nào cũng nhớ tới ngoại trưởng Nga mà tôi gọi là "chúa ngục", vì tôi quen biết rất nhiều chúa ngục. Đó là cái thú không mua mà được của người cầm viết. Có lẽ chỉ có hạng người hàng ngày chơi với văn hóa mới có cái thú ấy. Nó cũng dính liền với đời người cầm bút. Và khi tôi phải phê về các ông gốc Việt Nam, người Cộng Sản, thì tôi chỉ có hai chữ *"chán quá"*. Khi viết về ông Phạm Văn Đồng phát biểu tại Genève, tôi không tránh được viết: *"Nói như dùi đục chấm mắm - Thế mà thiên hạ nghe rầm rầm, vì họ nói bằng súng đạn và chém giết.*

Tôi nghĩ rằng người cầm viết khi viết ra những nguyện vọng của mình và được người hưởng ứng, người nào cũng vui. *Cái đó là chánh yếu thúc giục người ta tiếp tục viết.*

Tôi đã nói qua, trực tiếp và gián tiếp, những gì làm cho tôi thích viết, tôi cho làm ký giả là sống động toàn diện. Và sống động là sống nảy nở - Nhưng có lúc tôi *phải sống tịnh* vì không thể sống động. Tôi đã cố ép mình sống tịnh trong một hoàn cảnh bất khả kháng là hoàn cảnh ở tù cấm cố tử hình. Tôi lại học được điều tôi không ngờ là *tịnh nuôi động*. Và từ khi tôi biết lóng người trong tịnh, tôi nhận ra tôi sống đầy đủ hơn. Bảo tôi nói ra là đủ như thế nào, và làm sao gọi được là tịnh nuôi động thì tôi chịu và chỉ xin người nghe *hãy tự chứng nghiệm.*

Lão ký giả
Văn Lang Trần Văn Ân

Rennes Mùa Đông 1994
Giáp Tuất.

Thêm lời: Ký giả quá già, viết với sự mỏi mệt, vì mến *Thế Kỷ 21*. Và trên đây là một vài ý nghĩ về lý do mình viết văn - không nói qua những sự thành tựu hay kết quả trong nghề làm báo - từ trước đại thế chiến II - hay những tai vạ mà mình phải chịu. Những việc đó dính liền với đời tác giả - không có nói ra trong bài này.■

T.V.Â

* Ông Đặng Hữu Thụ tự xuất bản. Địa chỉ ông Thụ: 5 bld des Carmes Melum 77000, France.

VỀ VỤ VIẾT VĂN

MAI KIM NGỌC

"Tại sao anh viết văn?" Câu hỏi Thế Kỷ 21 đặt ra cho anh em mới nghe tưởng dễ như một đề tài văn học nhập môn (English 101) của một đại học cộng đồng trong vùng Cam. Nghĩ lại, câu hỏi lại khó quá, nhắc lại một cuốn sách quý nhưng rất tối nghĩa (rất khó đọc), tức là cuốn "Qu'est Ce La Litérature" của Sartre. Tệ hơn nữa, nó ám tàng những thao thức bao la tới mức độ siêu hình hay triết học, những thao thức quá tầm với mà cũng nằm ngoài sở thích của tôi.

Nhưng nghe mọi người phát biểu, câu trả lời xem ra không bắt buộc phải trực diện với câu hỏi đặt ra, nghĩa là tôi có lạc đề đôi chút cũng chẳng làm sao. Nguyễn Xuân Hoàng kể chuyện bài luận triết về Gide vào kỳ thi nhập học đại học, anh đã viết như một bài về Gide văn học mà lại được điểm cao và giám khảo chú ý. Câu chuyện vui làm không khí chung nhẹ nhàng cởi mở. Tôi yên chí chia sẻ một vài sự việc liên quan đến chuyện viết văn.

Tôi viết lần đầu hồi làm nội trú các bệnh viện Sài Gòn, trên dưới ba mươi năm về trước. Không có huấn luyện về môn văn, chuyện viết văn với tôi như một sinh hoạt nối dài của nghề y cũ. Y học lấy con người, lành cũng như bệnh, làm đối tượng. Tiểu thuyết cũng lấy con người làm đối tượng, vậy là hai môn bộ kể như là anh em một nhà.

Thật vậy sinh lão bệnh tử là cơm gạo của nghề y. Người y sĩ hàng ngày cọ xát với cái đau cái chết, có rất nhiều dịp được thấy những hoàn cảnh mà con người cư xử một cách rất trung thực, phơi bày những diện nội tâm đặc biệt mà thường ngày hoặc giấu kín hoặc không tiện lộ ra. Mỗi con người là một bài học về nhân sinh, và người bệnh nhân bằng cách cư xử rất thật, đã gián tiếp dạy cho thầy lang bài học ấy.

Người y sĩ còn được học hỏi về đời sống qua thân nhân bệnh nhân. Săn sóc người bệnh sắp qua đời sau nhiều tháng sống dở chết dở với chứng nan y, những nhọc nhằn gian lao ấy làm phát hiện ra những nét đẹp bao la của tình người trong liên hệ vợ chồng cha con anh em. Nhưng bên cạnh sự tận tụy tuyệt vời ấy, người sống vẫn phải có những lo lắng rất thực tế, có khi đến chỗ dung tục... Người vợ trẻ bên giường người chồng hấp hối tất phải cân nhắc những ưu tiên khác nhau, giữa một bên những đau thương và phí tổn để kéo dài cuộc sống của chồng thêm vài ngày, với bên kia tương lai sinh kế cho bản thân cũng như đám con dại... Người con đưa đám người cha tỉ phú, không khỏi những bận tâm về những thương vụ dở dang của cha, những trương mục ngân hàng cần phải kiểm lại... Và nhiều khi bản chúc thư của cha không hẳn là không tạo ra buồn phiền hay oán hận cho đám con, mặc dầu con nào cũng thực lòng thương bố, hết lòng thương bố...

Những yếu tố trái ngược ấy, tiêu cực hay tích cực, thanh thoát hay dung tục, tạo ra những hành động những suy tư rất phức tạp, phát hiện ra những diện thâm sâu của tâm hồn mà bình thường ta không thấy.

Tôi nghĩ không bắt buộc phải ở trong nghề y mới biết những chuyện ấy, nhưng tôi có thiên kiến là nghề y được thấy cái đau cái chết — cơm gạo của nghề — nhiều hơn nghề khác. Do đó, nghề y sĩ dễ ghi nhận được rằng nếu cái xấu đã nhiều thì cái tốt còn nhiều hơn nữa, và tựu chung ta có thể lạc quan mà yêu con người, mà vinh hạnh làm người.

Với quá trình như vậy, chuyện người y sĩ *muốn* viết tiểu thuyết gần như dĩ nhiên. Còn viết hay không thì lệ thuộc vào nhiều yếu tố xung quanh cho mỗi trường hợp cá biệt. Tôi xin kể ở đây một kinh nghiệm riêng. Hồi đó, đỗ nội trú xong, luận án đã soạn sẵn, rảnh rang tôi ngồi viết vài truyện ngắn.

Tôi nhớ truyện đầu tay tôi viết về cái khốn khổ của một người một đàn ông rất kiêu hãnh về gia đình nhỏ hạnh phúc của mình, luôn luôn phiền hà bè bạn với những khoe khoang về cuộc sống riêng tư của anh. Nào vợ nấu ngon thế nào tần tảo thế nào... Nào đám con học giỏi được phần thưởng này tới phần thưởng nọ... Mãi đến khi thằng con thứ hai phải mổ, anh mới biết loại máu của con bất thường, nếu đối chiếu với loại máu của chính anh... Sau cơn giao động khủng khiếp không thiếu gì hung bạo và dung tục, anh bình tâm lại, tha thứ cho vợ và chấp nhận con, tiếp tục sống một đời bình thường xây dựng...

Tôi nhớ đã rất sung sướng về cái khả năng phục hồi của người đàn ông đã nhặt nhạnh những mảnh vụn của hạnh phúc cũ, để sống tiếp một cách tốt lành, cho bản thân cũng như cho đám con nít... Sự việc phần lớn dựa trên sự thật. Tôi chỉ hư cấu khi phân tích tâm lý người chồng bị mọc sừng khi anh ta thăng hoa lên được từ cái đau mọc sừng để thấy cái tốt lành nơi người thân mặc dầu những lỗi lầm đã qua...

Truyện thứ hai đối chiếu cái chết của một người trung đội

trưởng dân vệ với cái chết của một vị cư sĩ nổi tiếng. Người dân vệ bị thương nặng, đau đớn dày vò mà vẫn cắn răng không một tiếng than. Gốc gác nông dân, anh sống rất thực, rất ít kiểu cách, vậy mà cung cách khi ra đi lại nhẹ nhàng oai hùng. Anh trối trăn cho vợ là em còn trẻ đẹp, muốn đi bước nữa thì cứ đi, nhưng gắng chọn người tử tế để mấy đứa con khỏi khổ. Anh căn dặn đội phó của anh những việc phải làm để tránh thất trận tái diễn cũng như để cải thiện mức sống của đội viên... Sau hết, anh dặn đừng vì anh tử trận mà anh em tàn ác với thương binh của chúng...

Còn ông cư sĩ già mặc dầu một đời tu học về cái vô thường của kiếp người, khi chết, tuổi thọ đã cao, vẫn khăng khăng nắm lấy đời sống, nhất định bằng mọi giá muốn mua thêm vài giờ vài ngày của cuộc sống phù du... Ông căn dặn hỏa thiêu xác ông và giữ tro lại để mai sau chôn chung với tro của bà vợ trẻ.

Hai cuộc đời ấy, hai con người ấy gặp nhau ở bệnh viện trong mẫu số chung của kiếp người, ông cư sĩ nhà giàu chết già, anh dân vệ nhà quê chết trận. Khi viết về họ, tôi bị ám ảnh bởi vấn đề là thánh thiện của tâm hồn là bẩm sinh hay qua tu học rèn luyện...

Chuyện thứ ba về một người đàn bà ngoại tình. Chị mắt to, mặt trái soan, chân dài, thắt đáy lưng ong, tóm lại một hoa khôi miệt vườn xinh đẹp và đầy sức sống thường thấy minh họa trên trang bìa những tiểu thuyết về đồng quê miền Nam. Trời sinh ra chị như để thăng hoa tuổi trẻ và đam mê nam nữ. Chồng chị là một tư chức, bệnh lao đã đến thời kỳ chót, da bọc xương, nằm ngắc ngoải ở bệnh viện Hồng Bàng.

Chị chăm sóc chồng hết sức chu đáo, cứ vài ngày lại mang món ngon vào cho chồng để cải thiện khẩu phần bệnh nhân. Chị rất công phu, mỗi lần mang cho anh món nước như hủ tiếu gà cá thích khẩu của anh, chị để nước dùng riêng trong chiếc bình thủy, tới đầu giường mới đổ chung vào bánh để khỏi ủng nước... Tần tiện, hôm nào anh mệt ăn bỏ mứa chị ăn giùm cho chồng, không mảy may sợ lây bệnh.

Một hôm khám bệnh xong tôi vào chợ lớn ăn mì. Lúc ngang cổng bệnh viện tôi thấy chị leo lên ngồi đệm sau Vespa của một thanh niên kính đen răng vàng đã đợi ở đấy tự bao giờ. Tôi thoáng nghĩ bà chị thì đàng hoàng mà thằng em thì lại có mòi du đãng. Mãi đến khi tình cờ vào cùng một tiệm mì, thấy hai người kín đáo ngồi trong góc tiệm đầy mày cuối mắt tha thiết như cặp chim câu, tôi mới biết mình đã đoán sai về liên hệ gia đình của họ.

Bệnh anh trở nặng, chị càng chu đáo tận tụy. Bệnh anh nguy kịch, chị xin phép ở lại đêm, tối tối trải chiếu lên hành lang ngủ để mỗi khi anh gọi chị có thể chạy tới liền. Lúc nào chị cũng tóc tai bơ phờ. Mấy cô y tá và những bệnh nhân giường bên đều nhìn chị với cảm tình lẫn thán phục. Nhưng thỉnh thoảng tôi vẫn thấy chị nhí nhảnh leo lên chiếc Vespa của anh bạn trai tới đón.

Rồi sau cùng, nhờ thuốc, nhờ chị tận tình săn sóc, nhờ phúc phần, anh dần dà khỏi bệnh. Đúng lúc ấy, chị bị đánh ghen. Chị bị Hoạn Thư sộc vào túm tóc xé quần áo tấn công ngay ở đầu giường anh. Chị còn bị Hoạn Thư lớn tiếng mắng là con đĩ. Cũng may cô y tá đã tinh mắt nhanh tay giằng kịp bình ớt bột từ tay Hoạn Thư, nếu không thương tích chị còn đau đớn bội phần. Nhân viên bệnh viện vội tới can thiệp kéo cả hai người ra khỏi trại.

Trước khi bị lôi đi, chị quỳ xuống đất, khẳng định với anh là chị bị oan. Chẳng qua là người giống người. Nếu chị quả có hư hỏng thì trời cứ bắt chị hộc máu chết ngay trước mặt anh. Chị thề vậy mà không sao, chỉ có anh bất thần ôm ngực ho rũ rượi rồi thổ ra gần một bát huyết...

Tôi không gặp lại chị nhưng biết chị vẫn đến săn sóc anh chu đáo như cũ... Có thể tôi tưởng tượng, nhưng mỗi lần thăm bệnh buổi sáng, tôi thấy anh lúng túng lẫn với ngậm ngùi, rõ ràng là xấu hổ lắm... Tuy nhiên, anh tiếp tục bình phục và sau cùng kể như khỏi hẳn.

Hôm anh xuất viện, chị trang điểm xinh xẻo dắt hai đứa con nhỏ khấu khỉnh tới đón chồng về nhà. Hai đứa trẻ cỡ tám chín tuổi, áo quần bảnh bao, một trai một gái, lanh chanh giúp mẹ xách mấy gói đồ lặt vặt của bố... Tết năm ấy, tình cờ tôi gặp chị đi lễ Lăng Ông, anh dắt tay con gái chị dắt tay con trai, riêng chị còn cầm cành lộc mới vặt được sân đền. Trước khi họ lẫn vào đám đông, tôi thấy anh đưa tay đỡ eo ếch chị, như âu yếm như che chở cho vợ giữa cảnh ồn ào chen lấn...

Từ đấy về sau tôi không gặp lại gia đình ấy nữa. Tuy nhiên thấy những cặp vợ chồng hạnh phúc, tôi lại nhớ đến anh chị.

Tôi tò mò về anh. Sức khỏe đã không có, lại phải đối đầu với cái nhục bị cắm sừng của bản thân cộng thêm cái nhục của vợ bị người ta gọi là con đĩ, anh đã làm những cố gắng phi thường nào để giữ được gia đình khỏi tan vỡ. Cái bàn tay anh đặt lên eo ếch chị tối giao thừa ở Lăng Ông phải chăng còn nặng yêu thương, hay chẳng qua là thói quen lâu ngày... Hay anh chỉ là người chồng đụt, sẵn sàng tin chị khi chị chối bay chối biến là chị oan...

Về phần chị, rõ ràng chị là người không may mắn, so với đàn bà khác. Trời làm chị dung nhan xinh đẹp, thân thể lại tràn trề sức sống, cái trinh tiết nơi chị khó khăn vạn lần so với những phụ nữ cằn cỗi không sinh khí. Hay chẳng qua là tại chị hư. Nhưng nếu chị hư thì cái gì làm cho chị vừa hư vừa tốt, nuôi chồng bệnh, chăm sóc con cái thơ dại... Hai đứa bé khấu khỉnh bụ bẫm là bằng chứng cho tình mẫu tử của chị, và không có chị thuốc nào cứu được mạng anh.

Còn hai em bé, chúng quá trẻ để hiểu chuyện người lớn... Nhưng lớn lên, nếu thành đạt vì đủ cha đủ mẹ, vì không phải nếm mùi dượng ghẻ dì ghẻ, chúng có biết cái giá cha mẹ chúng đã phải trả không... Từ cái nhịn nhục của anh, cho tới cái nhịn thèm của chị khi chấp nhận sống với người chồng chỉ còn một phần tư lá phổi, bao nhiêu hy sinh đã được thi hành một cách âm thầm bởi cha mẹ để chúng nên người... Tôi hy vọng nhờ tính độ lượng di truyền, đến khi hai em bé lấy vợ lấy chồng, chúng sẽ khoan dung với lỗi lầm hay nhược điểm của người thân như cha mẹ chúng đã khoan dung.

Tôi viết về chuyện gia đình anh chị, hư cấu về tư duy khoan

TẠ TỴ

CÕI KHÔNG

Hỡi, quá khứ, hãy về đây một buổi
Để cùng nhau tâm sự chuyện ngày xưa
Chuyện ngày xưa, ôi ngày xưa
Khi tuổi chúng ta màu trời thay mái tóc
Khi ngày đêm lẫn lộn không thời gian
Khi lũ chúng ta xua tay chối bỏ Thiên Đàng
Lấy Địa Ngục làm nơi hò hẹn
Mặt trời đổ mỗi chiều là hoàng hôn đến bến
Của ân tình gối mộng chốn quê nâu
Bên ngọn dạ đăng, lũ ta quên hết u sầu
Cùng tiếng nhạc ru hồn đi vào quên lãng
Này quá khứ, có phải mây trời bảng lảng
Phất phơ bay là vẫy gọi ân tình
Nào thằng đàn, đứa hát với yêu tinh
Nào đứa vẽ, ôi một bầy lõa thể
Nào đứa viết với cuồng điên thân thế
Tiếng gõ kéo màn khi vở kịch vừa lên
Lũ chúng ta
Sống khinh bạc, coi công danh như bấc nến
Cơn gió nào thổi nhẹ cũng lung lay
Nơi trà đình lửa đỏ ngất ngư say
Đời lay động cuồng mê theo ánh điện
Đêm chợt đến, lũ âm binh hiển hiện
Ngươi nhớ chăng, đứa khóc, đứa cười điên
Đứa gối sầu lên mộng ảo triền miên
Đứa ôm mặt gục đầu trong bóng tối
Rồi cứ thế cuồng mê đưa cả lũ
Tay chửa đầy gang, muốn níu mặt trời
Khi nhìn lại thân hình, nửa ma, nửa quỷ
Xóm Dạ Lạc đêm khuya, uốn mình kỹ nữ
Tiếng phách nào vang dội buốt tâm linh
Giọng hát ca nhi níu kéo ân tình
Cung đàn đáy dựng lên dăm khổ độc
Lũ chúng ta, đang tuổi thanh xuân xoay trong cơn lốc
Của rượu nồng, môi thắm suốt năm canh
Tiễn đưa nhau, chẳng cần đoản, trường đình
Rượu cứ nốc, khói thuốc lùa loãng tan cơ thể
Còn quá trẻ, lũ chúng ta xá gì thân thế
Dù trời kia có xụp đổ trên đầu
Chiến tranh nào vang dội tiếng đầu lâu
Nghĩa trang đó, với khóc than nức nở
Tự vỗ ngực thiên tài đâu có sợ
Nó sống hoài cùng năm tháng vô biên
Hoa đèn rung trên sợi bấc hư huyền
Muôn ảo ảnh chìm dần vào cõi mộng
Hỡi quá khứ
Có nhớ chăng cơn say nào vang động
Từ ngón chân đến sợi tóc đê mê
Lạc thời gian quên cả lối đi, về
Bước luân vũ đẩy đưa từng con sóng
Ngõ tối đêm sâu gió lùa lồng lộng
Nhân ảnh mơ hồ chợt tỉnh cơn mê
Dăm ngọn đèn xa, mờ tỏ bốn bề
Và đây đó nghe cung đàn rạn vỡ
Có phải gió mang tiếng lòng nức nở
Vào mùa Đông hay Hạ đỏ lưng trời
Đâu mùa Thu lá đổ muôn nơi?
Ừ, mùa Xuân có hoa đào, hoa lý
Nhưng tất cả đều thu vào một ý
Là vui chơi cho thỏa chí tang bồng
Mặc thế nhân coi nặng kiếp phù vân
Sống chỉ biết vui chơi và Nghệ Thuật!...

Này quá khứ, đêm nay ta thú thực
Tuổi đã già, nhưng thế sự vẫn y nguyên
Đời có ta hay chẳng có ta với những ước nguyền
Thì cũng vậy, có ra gì kiếp nhân sinh bé bỏng
Chút hư danh, nay quên, mai nhớ
Hư hư, ảo ảo, đè nặng kiếp người
Đứa chết rồi, đứa sống cũng đười ươi
Dại dại, khôn khôn, mơ mơ, tỉnh tỉnh
Cái có, cái không, cái còn, cái mất
Cũng như nhau, khi hơi thở ra đi

Quá khứ ơi, cuộc sống có còn chi?...

dung hay cù lần của anh... về tâm hồn giản dị mà lại vô cùng phức tạp của chị, cái tâm hồn một lúc chứa đựng cái tốt hồn nhiên lẫn cái ham sống tha thiết đến vô kỷ luật... về cuộc đời sau này của hai cháu...

Viết xong, tôi đưa cho một ông bạn của ba tôi để xin ý kiến. Ông cũng là người Bắc tản cư vào Nam như gia đình tôi. Hình như có thế lực với chính quyền, ông am thông văn chương cả hai miền, và có quyền đọc cả sách cấm do Hà Nội phát hành. Trong giao tế tôi gọi ông là bác.

Bác bảo tôi viết cũng được, gắng thêm chút nữa thì sạch nước cản. Nhưng đề tài tầm thường quá, toàn những chuyện lắt nhắt thôi, mua vui thì khả dĩ, nhưng không nói lên điều gì quan trọng, không có sứ điệp gì ra hồn để nhắn nhủ bạn đọc. Cái tâm sự của người vợ vừa hư vừa tốt, của những người chồng bị cắm sừng, chẳng qua là chuyện chổi cùn dế rách, không có gì đáng nói so với vận mệnh đất nước bấy giờ.

Còn nữa, bác trách tôi quá nương tay với tội lỗi, mấy người đàn bà hư trong truyện tôi chẳng bị trừng phạt gì. Làm tội thì phải lãnh phạt chứ. *Crime et Châtiment* mà cháu. Chỉ nghe nói mà chưa đọc tác phẩm ấy, tôi hỏi bác, "Dostoievsky xử lý vụ ấy làm sao hở bác?" Hình như bác cũng chưa đọc, nên xoay sang văn học Việt Nam để dẫn chứng. Bác nhắc tôi vụ cụ đồ Chiểu cho cọp ra xửa lý vị hôn thê bội ước của Lục Vân Tiên. Tôi thưa với bác là khó quá, mấy người đàn bà hư tôi biết đều sống ở Sài Gòn, có gặp cọp sở thú cũng chẳng hề hấn gì. Bác bực dọc với sự thiếu óc tưởng tượng của tôi: Chúng nó cỡi Vespa chở nhau đi ăn mì thì dễ quá. Cứ cho xe be cán hai anh chị ra là ổn...

Bác chỉ thích có một truyện, là truyện người trung đội trưởng dân vệ. Nhưng bác khuyên tôi bỏ bớt đi cái phần về ông cư sĩ già có bà vợ trẻ cho truyện nó chỉnh. Tôn giáo là sức mạnh của thế chống cộng của chúng ta. Những biểu tượng tôn giáo, dù là một ông cư sĩ không thuộc một đền một chùa nào, vẫn phải được vinh hiển trong văn học. Rồi bác cho tôi xem tác phẩm miền Bắc. "Cháu coi, chúng nó nỗ lực dùng văn chương để đề cao người anh hùng vô sản của chúng và băng hoại những giá trị tinh thần của chúng ta... Văn học miền Nam không thể lơ là được... Phải dõng dạc đưa lập trường của chúng ta vào truyện vào thơ."

Ít hôm sau nghĩ lại, bác tới bảo tôi nên hư cấu một chi tiết: "Đừng để người trung đội trưởng dân vệ chết, cháu ạ. Vì chết là thua cuộc, là bỏ cuộc... Anh ta phải sống, phải hồi phục trở về đánh bại trung đoàn du kích của chúng..." Sau cùng, bác khuyên tôi nên 'nghiên cứu' mấy cuốn sách truyện Việt Cộng mà viết ra những tác phẩm chống lại họ. Dùng đòn 'gậy ông đập lưng ông' mà đánh. Thấy nét ngần ngừ nơi tôi, bác gắng thuyết phục. "Cháu ạ, mấy đứa xấu mồm nó bảo bác là mâu thuẫn, là một mặt cho Việt Cộng là tồi bại nhất thế giới, mặt khác lại viết lách ngoan cố như Việt Cộng. Chúng nó bảo bác chống Việt Cộng mà lại trở thành âm bản của Việt Cộng. Nhưng tin bác đi, phải như thế mới đánh được chúng nó."

Bán tín bán nghi, tôi chạy sang trường văn để nghe thêm một ý kiến thứ hai. Tình cờ hôm ấy có người giảng về sứ mệnh văn học. Tôi lõm bõm nghe nhắc đến Camus, đến Sartre, đến Gide... đến văn học dấn thân... văn học phải ghi lại lịch sử... văn học phải tả lại bức tranh xã hội... văn học là lương tâm của nhân loại... Một cây bút là một sư đoàn, vân vân và vân vân...

Thuở ấy mới hai mươi bốn tuổi đời, tôi chóng ngã lòng. Tôi kết luận văn chương không phải là chuyện dễ, nó phải bao gồm luôn cả bao nhiêu là môn bộ khác, từ xã hội học cho tới lịch sử cho tới luân lý triết học... Tóm lại làm văn học khó quá... Y khoa xem vậy mà dễ xử lý hơn...

Và tôi quay về chúi đầu vào y khoa. Mãi cho tới mươi năm gần đây, nghề nghiệp đã rảnh rang, con cái đã lớn, tôi bắt đầu đọc sách văn học trở lại. Tôi thấy những tác phẩm thật hay thật lớn không bắt buộc nói những chuyện lớn theo diện quốc gia chính trị xã hội luân lý hay lịch sử. Những tác giả tôi thích như Marquez, như Lỗ Tấn, như Gide, như Tolstoi, như Hemingway, như Flaubert, như Nguyễn Du... lấy những chuyện cá nhân của những người rất tầm thường làm đề tài. Tâm sự cô Kiều hay cô Anna Karenine không phải chuyện có tầm vóc làm cho nước giàu dân mạnh, ông già đánh cá của Hemingway không phải là một vĩ nhân mà đời sống ảnh hưởng đến người khác...

Không có những mệnh đề lịch sử, xã hội, giáo dục, triết học gì làm chủ đề cho những kho tàng văn học của nhân loại ấy... Chỉ có những con người tầm thường loay hoay để sống với nghịch cảnh, và trong khi loay hoay như vậy phát hiện ra những cái gì nhiều khi lạ lắm đẹp lắm thâm sâu trong mỗi chúng ta...

Và bỗng dưng tôi nghĩ những con người tầm thường tôi gặp hàng ngày không kém phức tạp duyên dáng hay ly kỳ so với những nhân vật của các tiểu thuyết hay. Chất liệu vô cùng quý hóa như vậy, dù mình không có nghề, không có tài, cố gắng ghi lại cũng là việc nên làm. Dù sao thì cũng tốt hơn ngồi không, hay lãng phí thì giờ cho những việc không mấy bổ ích như đánh mạt chược hay nhảy đầm...

Tôi chỉ tiếc là có thể có những người khác có tài để được chứng kiến những hoàn cảnh đặc biệt, đã thấy được những diện đặc biệt của đời sống mà vì những ngớ ngẩn thời thượng hay vì những áp lực này nọ đã không viết. Đến đây, tôi nhớ một anh bạn đồng nghiệp đã kể cho tôi một kinh nghiệm sống của anh.

Sau một cuộc hành quân vào một vùng sôi đậu, sau một đêm một ngày tối mắt tối mũi trong phòng mổ bệnh viện dã chiến để cứu sống những người bị thương của cả hai bên, anh đi thăm trại bệnh.

Anh sững sờ khi qua phòng dành cho những người bị bỏng. Một người đàn bà trẻ đang quỳ bên chiếc giường nhi đồng, loại giường cũi Mỹ viện trợ hồi ấy. Áo bà ba vén lên vạch trần một bên ngực, chị ấp chiếc vú căng sữa vào lan can giường. Bên trong giường, một đứa trẻ khoảng một tuổi, hai chân quấn băng trắng, đang nằm nghiêng ôm vú mẹ bú mẹ... Thế cho con bú khốn khổ của chị làm anh bước lại xem xét

sự tình. Anh khám phá ra chị bị còng tay vào giường con, không tiện đứng mà cũng không tiện ngồi nếu muốn cho con bú. Thấy anh bước vào, người đàn bà trẻ quay lại nhìn trân trân bộ đồ trận rằn ri của anh. Rồi ngẩng khuôn mặt trẻ đều đặn nhưng đầy xây xứt, chị nhìn thẳng vào mắt anh. Anh không bao giờ quên được cái nhìn căm thù ấy...

Người lính quân cảnh canh tù binh cho anh hay chị ta là Việt cộng. Trước khi bị bắt chính chị đã tích cực tham chiến, đã chính tay gây thương vong cho đồng đội của chính anh. Đứa bé quen sữa mẹ, không chịu bú bầu. Trong những ưu tiên khốc liệt của tình trạng đặc biệt sáng hôm ấy, với những người bị thương nặng hay ngắc ngoải nằm la liệt xung quanh, chuyện người đàn bà quỳ áp ngực vào song giường cho con bú là chuyện bình thường trong khung cảnh bất bình thường... Lại còn có thể coi như là nhân đạo, vì chị được ở với con thay vì bị giải đi lấy cung như một tù binh...

Anh nghĩ đó là cái nhìn của người quân cảnh. Riêng anh mới rời trường thuốc lại tình nguyện vào một binh chủng có truyền thống oai hùng, anh không chấp nhận như vậy... Nghề của anh đã khắc vào tim vào óc anh rằng sự sống là quý, rằng tình mẫu tử là thiêng liêng, rằng không có gì đẹp hơn, tích cực hơn, thăng hoa con người hơn là cảnh người mẹ trật vú cho con bú... Truyền thống của binh chủng anh cũng như cốt cách gia đình anh dạy cho anh rằng đàn ông phải trượng phu, và quý trọng đàn bà là một chân lý hiển nhiên...

Hành động đầy cảm tính của anh với toan tính tháo thanh giường ra cho người đàn bà được thoải mái hơn gặp ngay tức khắc cách xử lý lễ phép nhưng nghiêm túc của người lính quân cảnh:

"Bác sĩ đừng cản em làm bổn phận."

Lần đầu tiên trên đời anh phải đối phó với một cảnh thương tâm, mà ai cũng đúng theo thế nhìn của mình, mà cái gì cũng sai cả... Từ cái nhìn hận thù người đàn bà dành cho anh, cho tới cái bàn tay gân guốc rám nắng của người quân cảnh nhẹ đặt trên báng súng lục khi lễ phép nhưng cương quyết can anh, cho tới tất cả những chết chóc đang diễn ra xung quanh, tất cả đều có lý do, mà tất cả lại đều vô lý...

Lần đầu tiên anh ghi nhận được những giới hạn của chính anh, của những giá trị phải trái của anh. Những chân lý bẩm sinh cũng như thu hoạch qua nghề y quay cuồng như những chiếc lá chết trong cơn lốc của hoàn cảnh...

Nghe anh kể, tôi có cảm tưởng hôm ấy, ngoài những mạng người mà anh cứu sống được, anh còn thu hoạch được một cái nhìn độc đáo về thân phận con người trong thời loạn. Tài năng là một chuyện không dám bàn, nhưng xúc cảm của Tolstoi khi thúc đẩy ông viết Chiến Tranh và Hòa Bình chắc cũng chỉ mãnh liệt đến thế.

"Sao cậu không viết?"

Anh không trả lời câu tôi hỏi, nhưng tôi cũng biết tại sao. Phải chăng câu chuyện lớn quá, mung lung quá, khó quá. Phải chăng áp lực xung quanh làm anh khó viết cho thật với cái nhìn của anh. Phải chăng hồi ấy phong trào phản chiến tại Mỹ đang phá hoại nỗ lực tự vệ của miền Nam, một truyện như chuyện của anh, dù không lấy chính trị làm trọng tâm, sẽ vẫn bị chụp mũ... Hay lý lẽ giản dị hơn, anh đã không may như tôi và đã gặp một ông bạn của gia đình giống như ông bạn của ba tôi ngày xưa, những người muốn hướng dẫn văn học về ngả này hay ngả nọ, những người thích bình giải về nghệ thuật mà thực ra không có khả năng cũng như khiếu thẩm mỹ để hiểu nghệ thuật. Tôi nghĩ họ không đông, nhưng đủ đông để việc gặp họ cũng không phải là hiếm xảy ra...

Nghe chuyện anh, tôi tiếc ngao ngán. Anh tha thiết với dân chủ, có một ý niệm chính trị rất mạnh về sự sai lầm của cộng sản, nhưng anh vẫn mở mắt mở tim để thấy những vấn đề của con người, từ người quân cảnh có trách nhiệm, cho tới chị cán bộ cho con bú, cho tới chính anh.

Cuốn truyện anh không viết phải là cuốn truyện hay lắm... Cũng hay như bao cuốn truyện không viết khác vì tác giả không chịu những du di này nọ để thích nghi với những áp lực xung quanh... Biết đâu nó còn là một cuốn truyện chống cộng sâu sắc, cho thấy cái giá quá đắt của giải pháp dùng chiến tranh để thống nhất đất nước... Hơn nữa cái giá trị của nó sẽ đứng trên những vấn đề thời thượng, trên cả chính trị vì nó trực tiếp phục vụ con người...

Nhưng dù sao đi nữa, sự việc vẫn là những mất mát cho văn học, của nước ta cũng như của nhân loại.

Sau cùng, với cái nhìn của người thầy thuốc, tôi muốn góp ý về tương lai viết văn của người Việt hải ngoại. Có nhiều bạn văn có những ý kiến bi quan về điểm này. Một trong những lý do cho sự bi quan ấy là đề tài ít dần.

Tôi ngạc nhiên với ý kiến ấy, vì đời sống của lưu dân cũng như người địa phương vẫn nhộn nhịp và phức tạp xung quanh chúng ta. Và còn đời sống thì còn cơ hội để thu lượm những kinh nghiệm sống mới để làm những phát hiện mới về con người. Tôi chỉ sợ viết không xuể thay vì hết chuyện viết.

Khó chăng là viết cho hay. Không phải nhà văn chuyên nghiệp, tôi xin dành vụ "viết cho hay" cho những bực lão thành trong giới cầm bút. ■

Thế Kỷ sắp phát hành

HÀ NỘI TRONG MẮT TÔI

Tuyển tập Tùy Bút

của PHẠM XUÂN ĐÀI

Một cách làm báo đứng đắn, chuyên nghiệp
mà ít tốn công sức, tiền bạc:

Hãy mua tin của

HÃNG TIN VAP

(VIETNAM ASSOCIATED PRESS)

- Đủ mọi loại tin tức: quốc tế, Việt Nam, cộng đồng, văn hoá, chính trị, xã hội...
- Cung ứng cho mọi loại báo: nhật báo, tuần báo, nguyệt san, bản tin, đặc san, giai phẩm...

Liên lạc ngay:

VAP

(Giám đốc: **HÀ TƯỜNG CÁT**)

14891 Moran St., Westminster, CA 92683
ĐT (714) 892-9316; FAX (714) 897-0599

- Thay vì phải thuê phóng viên, phiên dịch viên, biên tập viên, người đánh máy, v.v..., mỗi tháng tốn cả ngàn đô la, mua tin của VAP chỉ tốn từ vài chục đến vài trăm!
- Tin được gửi tới quý vị bằng: bản in (print out), disket, fax, modem, E-mail — tuỳ quý vị chọn.

FIGHTING POVERTY IN THE DEVELOPING COUNTRIES

NGUYEN XUAN GIANG TUONG

The author was an economist in the Office of the Assistant Secretary for Planning and Evaluation, U.S. D.H.H.S., and at the White House's Office of Management and Budget.

Despite remarkable economic achievements in many corners of the world in the past decades, poverty remains pervasive. Today, more than one billion people, or almost one-third of the population in developing countries, are poor. The sheer number of poor people suggests that the problem is overwhelming. Other social indicators depict a similar picture. Almost 40 percent of the adult population in the developing world is illiterate. More than 60 of every thousand live births die within a year. The incidence of these falls disproportionately on the poor. The 1980s were tough times for many countries. Poverty increased in two-thirds of all Latin American countries, while growth stagnated in many economies in Africa and Central Europe.

This paper examines the recent evidence on what has helped the incomes of the poor to increase, what has led to better health and educational attainment, in order to draw lessons for policy in the second half of the 1990s.

I. FACTORS ACCOUNTING FOR RAISING THE POOR'S INCOMES

Growth helps reduce poverty. Economic growth (as measured by the growth in mean income or expenditure), with distribution (the Lorenz curve) remaining relatively stable, is a significant factor in raising the poor's incomes (World Bank, 1990). Countries experiencing growth in mean expenditure in excess of 3 percent annually (for example, Brazil, Indonesia, Malaysia) reduced substantially their poverty percentage. Countries with very low growth (for instance India and Morocco that grew at about 1 percent per year) made very modest poverty reduction, and those countries with negative growth (Colombia and Venezuela) saw their poverty increase. The econometric suggests that a 1-percentage point increase in the growth rate of mean income leads to a decline in the rate of change of the head-count index by 0.24 percentage points (Squire, 1993).

In general, long-term growth has limited effect on income inequality, even though it has the tendency to reduce it. In India for example, the poor enjoyed approximately the same share of the fruits of growth as the non-poor. At least, the evidence does not support either the Kuznets or the immiserizing-growth hypothesis. In the low-income countries, inequality consistently improves,contrary to the Kuznets hypothesis. In addition, disputing the immiserizing-growth hypothesis, there is no case in which the effect of growth is offset by changes in inequality.

Countries enjoying reductions in inequality relied little on government cash transfers (or welfare). Rather, these countries pursued growth policies that fostered incentives for effectively using labor, the most important asset of the poor, while providing universal basic public services (World Bank, 1990; Johansen, 1993). Indonesia, for example, followed this strategy; the share of the population in poverty fell from 64 to 22 percent in just 17 years.

The East-Asian success in fighting poverty shows that, while public provision of food and basic social services is important, broad-based economic growth is crucial (World Bank, 1993a). Investing in people raises per capita income, facilitates the employment and financing services for the poor, and lessens the need for subsidized services (World Bank, 1991). It is the best antidote to poverty. Helping the poor become productive has high returns for society: it increases their incomes and contributes to economic growth.

II. FACTORS ACCOUNTING FOR BETTER HEALTH AND EDUCATION

Economic growth, however, does not always lead to improvement in standards of health and education as indicated by life expectancy, infant mortality, primary enrollment rates, and adult literacy (Dreze and Sen, 1990). Therefore, public provision of basic social services is necessary for the well-being of the poor.

Brazil and Pakistan, for instance, have had impressive economic achievements, and yet,

their indicators of health and educational attainment (especially for girls) are inferior to those of countries with comparable per capita GDP. Inadequate public provision of basic social services has been identified as the main culprit (World Bank, 1988).

On the other hand, Dreze and Sen pointed out that Sri Lanka and the state of Kerala in India have done remarkably in terms of longevity, morbidity, and literacy, in spite of low incomes and growth rates. These two countries have a long history with public provision of basic services.

In addition, expenditures on these basic social services contribute to income and economic growth as well. Investments in primary and, to a lesser extent, secondary education, have generated high rates of return, depending on the quality of the educational systems (Schultz, 1988; Psacharopoulos and Nguyen, 1991; Psacharopoulos, 1993).

For analyzing investments in health, a different methodology which relies on determining the cost-effectiveness of different interventions or medical procedures (the ratio of costs to health benefits or DALYs (disability adjusted life years) gained) has been used (World Bank, 1993b). Based on this methodology, it was suggested that governments attempt to ensure the financing and provision of a minimum package of public health and essential clinical services comprised of the most cost-effective components.

Empirically, detailed studies based on household surveys suggest that the allocation of public resources to health and education benefit the poor (van de Walle, 1992). In turn, the poor in these countries have been able to translate these investments to further their incomes.

III. LESSONS FOR POLICY

The evidence on fighting poverty seems to suggest, recognizing that country circumstances differ significantly, four broad lessons for policy.

First, economic growth that makes efficient use of labor, the main asset owned by the poor, is instrumental to alleviating poverty. Not only does broad-based growth increase the poor's incomes, it also makes available more resources to be invested in human resources development.

Second, transfers to the poor such as public provision of basic social services is indispensable because growth does not necessarily improve education and health outcomes (at least quickly enough). The difficulty in identifying the poor has generally led to universal provision being preferred to highly targeted programs. While the former can lead to costly leakage to the nonpoor, the latter to incomplete and inadequate coverage. In addition, transfers, whether universal or targeted, affect incentives, hence the recipients' behavior through standard income effects. The offsetting behavior, however, is much less of an issue as far as the in-kind transfers of education and health care are concerned. For these reasons, in most cases, subsidies to or public provision of basic social services (primary education and basic health) have been universal, whereas many efforts to transfer cash or some special commodity have been targeted.

Third, despite the potential problem of adverse behavioral offsets due to income effects, the provision of a safety net for the working poor and transfers for the nonworking poor remain important elements in the strive to reduce poverty.

Fourth, and probably most important of all, the presence of an incentive structure for people to participate, to actively take matters in their own hands in their pursue of happiness is indispensable. After all, the people, and only the people, not government, not the state, are responsible for their own welfare.

People's participation is the dominant issue of our time

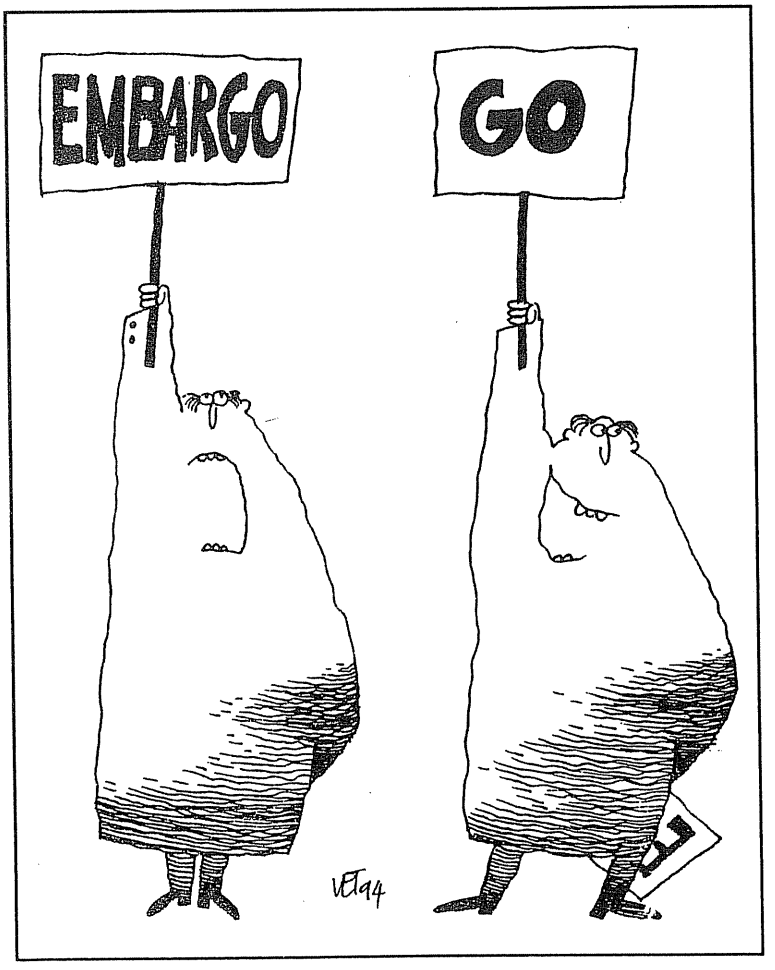

(UNDP, 1993). The democratic transformation in many countries, the collapse of many socialist regimes, are all part of a historic change, not just isolated events. People everywhere are asserting their right, their determination to participate in the events and processes that shape their lives. This assertion brings many dangers and opportunities. The dangers arise when the urge to participate clashes with inflexible systems. But opportunities also abound. The best route is to unleash people's entrepreneurial spirit, to take risks, to compete, to innovate, to further and sustain development.

The challenge of policy is to choose between these dangers and opportunities. But, after all, is there such a choice?

BIBLIOGRAPHY

Dreze, J. and A. Sen. 1990. Hunger and Public Action. Oxford: Clarendon Press.

Hammer, J., I. Nabi, and J. A. Cercone. 1992. "Distributional Impact of Social Sector Expenditures in Malaysia." Paper presented at the World Bank Conference on Public Expenditures and the Poor: Incidence and Targeting. Washington, DC, June.

Johansen, F. 1993. "Poverty Reduction in East Asia: The Silent Revolution." World Bank Staff Discussion Paper No. 203, East Asia & Pacific Region Series. Washington, DC.

Psacharopoulos, G. 1993. "Returns to Investment in Education: A Global Update." World Bank Policy Research Working Paper No. 1067; Office of the Director, Latin America and the Caribbean Region. Washington, DC.

Psacharopoulos, G., and N. X. Nguyen. 1991. "The Age-efficiency of Educational Systems: A Summary Measure." New Education, 13.

Schultz, P. T. 1988. "Education Investments and Returns," in H. Chenery and T. N. Srinivasan, eds., Handbook of Development Economics, Vol. I. New York: North-Holland.

Squire, L. 1983. "Fighting Poverty." American Economic Review, 83(2): 377-382.

van de Walle, D. 1992. "Distribution of the Benefits from Social Services in Indonesia, 1978- 87." Paper presented at the World Bank Conference on Public Expenditures and the Poor: Incidence and Targeting. Washington, DC, June.

United Nations Development Programme (UNDP). 1993. Human Development Report. New York: Oxford University Press.

World Bank. 1988. Brazil: Public Spending on Social Programs; Issues and Options, Vols. I and II. Washington, DC.

World Bank. 1990. World Development Report 1990. New York: Oxford University Press.

World Bank. 1991. World Development Report 1991. New York: Oxford University Press.

World Bank. 1993a. The East Asian Miracle: Economic Growth and Public Policy. A World Bank Policy Research Report. Washington, DC.

World Bank. 1993b. World Development Report 1993. New York: Oxford University Press.

TERESA T.A. PHAN

IN BETWEEN

(Teresa T. A. Phan, Grade 7,
Portala Immediate School
City of Orange, CA)

We all must face death,
When we breathe our last breath.
Such a tragic moment it be,
To close our eyes and never again see.

Spring is a joyful time for us all,
The time of birth we're really small.
Summer comes along and speed things up,
Where things grow and learn like a pup.

Then Autumn comes along,
The wind singing a hollow song.
Everything slows to a halt like a sleeping lizard,
Soon there is a blinding blizzard.

Then comes a time in between
Winter and Spring with maybe green,
We'll have a little garden to keep,
Where we'll rest assured and sleep.

Spring 1994

AND SLOWLY FLOWED THE PERFUME RIVE

CAO XUAN TU

(Continued)

"You can't live in a place like this," I said.

"I've seen worse," she smiled indulgently. "Much worse. You just can't imagine how they live in the Resistance area. Just bare subsistence. A thatched hut to hide in if you're lucky. They survive on leaves and roots!" Ah, the mythical Resistance area! She must have meant the Viet Minh zone. "What this place needs is a big clean-up operation."

"How would you do that?" I asked in disbelief. It'd take months of scrubbing and cleaning to make the place habitable, my young mind reckoned.

Aunt Van looked at me in a curious way. "You're a little small for your age, don't you think? How big are the bigger boys in your class?"

"Much bigger than me," I said, placing my hand a few inches above my head to emphasize the size of my classmates.

"Very good," Aunt Van said cheerfully. "We'll have a boy-scouts' party. You can invite the big boys. Plenty of chocolate for everybody."

The word spread like wildfire. Boys of all sizes and shapes, carrying buckets, shovels, brooms and brushed, trooped in early one bright Sunday morning. I gasped at the big turnout — there were twenty-five in total — but Aunt Van didn't flinch. She split the volunteers' army into small teams, each charged with a specific task: weeding, scrubbing, scraping, sweeping. Aunt Van plunged into action herself. The boys, mesmerized, watched her roll up the legs of her pantaloons and wade into the river to fetch water for Operation Big Clean Up. Her limbs were tanned and well-shaped. Her full hips swung under the weight of two bucketfuls of water attached to either end of a bamboo pole which she delicately balanced over her shoulder. Her face flushed under the strenuous effort. The lads had never seen such fine feminine charms.

"What a beautiful aunt you've got!" one biggish boy exclaimed, giving me the dirty look. "Young enough to be your sister, eh?"

"Screw your mother!" I shot back.

She urged us on, boosting our morale with strange songs we'd never heard before. They were patriotic marching tunes, very popular in the Resistance area, she said. She gave us chocolate for lunch and we loved it. At the end of the long day, the servants' quarters looked in much better shape than the masters' moss-covered house. Aunt Van gave the troops more chocolate to take home and they loved her even more.

I sat at the landing, watching the sun set over the river. A light breeze wafted the sweet scent of areca blossoms from a nearby grove. Aunt Van came out of nowhere, smiling broadly. She had a one-piece swimsuit on. I'd seen such a thing only once before — in a French movie shown at the Morin Theatre. Ha, this is something! My excitement mounted.

"Don't stare at me like that," Aunt Van laughed. "Come on in!" she shouted as she jumped headlong into the water. She executed something of a crawl. Her strokes were powerful. I stripped to my skin and waded in before remembering I'd never learned how to swim. Two or three yards out and I lost my footing. Panicked, I thrashed my legs haphazardly, my arms outstretched in an attempt to regain the riverbank. I grabbed some blades of wild reed and was fast sinking. I gasped, waved, struggled to raise my head and swallowed a bellyful of water. My blood froze. I saw green, the green of eternity, before I passed out.

When I came to my senses I felt something warm breathing down my face. A pair of lips fastened to my own. I opened my eyes I saw Aunt Van's face very close to mine. She'd been giving me the kiss of life.

Much later when my present wife asked me when I first kissed a woman, I told her I did it at the age of ten. It was a French kiss, I said.

A year passed. French debacle at Dien Bien Phu. Ceasefire. The country was cut into two halves at a little river just north of Hue. The French were going home — no peace with honour for them. Viet Minh troops went North. Refugees came South. An ex-mandarin named Ngo Dinh Diem returned from exile to assume the reins of government in Saigon. The Americans backed him, they said. Both Mr. Diem and my grandfather had served under Bao Dai, the last emperor. Grandfather lent his name to a petition that called for deposing Bao Dai and supporting Diem. That put him in good stead with the new regime. The governor of Hue called at our home and offered him a seat in the new National Assembly.

"Leave the electioneering to us," the governor coaxed. "It's a safe seat. You'll do the townsfolk a great honour by being their deputy. You don't have to be in Saigon all the time. Just a few trips now and then for the voting.

And don't worry about expenses."

"Thanks for the thought, governor," grandfather chuckled. "What's the use putting old rice wine like me in a new bottle?"

He politely declined the honour. His vote for Mr. Diem was pure Confucian reflex. His Majesty Bao Dai spent too much time chasing tigers and women, while the ex-seminarist Mr. Diem was reputed to be a man of integrity, he reasoned. They raised his pension, which wasn't much, and he didn't protest. A few extra piastres would help with the household budget, which had become pretty tight since grandfather's few inherited acres of paddy field had suffered bad harvests due to floods and typhoons in recent years. He sent me to the tailor for a pair of trousers, my first. Years later when the Diem regime raided the pagodas and arrested the bonzes, grandfather joined the students on hunger strike. They suspended his pension and threatened to throw him in the notorious Thua Phu jail. But that was another story.

As the governor was about to take his leave, grandfather sent me to fetch Aunt Van. It was a well-planned move. Aunt Van had doused herself in fragrant *eau de cologne* and was dressed in her best outfit. The governor blinked. He sniffed at the air reeking of perfume and sneezed loudly, obviously impressed. He offered his hand which Aunt Van shook in style. The governor took out a fat cigar and while he searched for his lighter, Aunt Van whipped a match out of nowhere and lit it. She must have learned the trick during the stint at the French officers' mess. The governor beamed grandly. Grandfather cleared his throat. Time for the sales pitch, he calculated. Though he wasn't avalaible to serve the new regime, would the honourable gentleman be kind enough to fix his daughter a job in the local administration? grandfather asked.

But the governor was already hooked on Aunt Van from the minute he set eyes on her. The next day he made her his private secretary. From then on the only way for her was up. When the governor went south to become a cabinet minister, he took her with him. By then they had become lovers.

Aunt Van came back often enough to visit us. In this town of dying mandarins and jaded matrons, she was a maverick. A high-flying woman was a rare bird in prejudice-ridden Hue. A mandarin's daughter who ate alone at the town's only French restaurant would have made the front page of scandal sheets. But there were no tabloid dailies in smouldering Hue. People sneered and smiled in their wicked ways. Distant relatives lowered their eyes when they passed her in the street. Women unleashed their forked tongues behind her back. Rather be a slaving, child-bearing housewife than a wealthy, old whore! No husband, no children. What's the use of all those clothes when she dies? Who'd keep her tomb safe from the creepers and wild grass? They scorned her wardrobe. Only women of easy virtue donned such clothes. How scandalous! On sunny days she never bothered with the traditional conical hat that the womenfolk, young and old, wore to shield their face from the sun, keeping their skin pale and smooth.

I remember her hair, cut in the outlandish Saigon fashion, bob in the summer breeze. I still see her crepe *ao dai* and silk pantaloons cling to her body, so provocative you could make out the contours of the bra and panties underneath. And a bra in those days was something most of the women had only heard of. The men, long used to their wives who tied their hair in severe buns and wore drab, loose-fitting gowns, couldn't resist sneaking a glance or two. She made their blood boil! It slowly dawned on me as I graduated from childhood to boyhood that the women envied her and the men lusted after her.

I thought about all of this as I rode with grandfather in the pedicab to the pagoda for the memorial service.

The clouds hung low and the crachin laid a relentless siege to the town. There was a hint of typhoon in the air. The wind tore at the canvas flap of the pedicab. Spots of rain sprinkled our cheeks from skies that had been leaking for days.

Good things seldom last long. Life goes in cycles as the old Chinese horoscope says. You're supremely lucky if you're blest with a couple of good cycles — each lasting twelve years — in a lifetime.

Aunt Van had a few good years, that's about it. Her DC3 was struck by lightning near Da Nang. She'd been on her way to Hue to spend the Tet holidays with us. The bodies were charred boyond recognition. There were no survivors.■

Chuẩn bị kỷ niệm 20 năm
sống xa quê cha đất tổ,
tham gia chương trình
sinh hoạt của

PROJECT 20 1975-1995

DỰ ÁN 20: NGƯỜI MỸ GỐC VIỆT HAI MƯƠI NĂM SAU

SEVEN DECADES AND A LITTLE GEOMETRY

The Bowers Museum in Santa Ana is showing "Seven Decades" (of Mexican Painting) through April 25. If you have not seen it, you still have time. If you have seen it, there's time to go again.

For some reason, however, the Bowers does not seem to offer any listing or catalogue of the paintings being shown. This is an oversight -- take a notebook and write your own.

The 70 years covered reflect Mexico's pre-World War I revolution in subject matter and tone. The famous painters of that era -- Diego Rivera, Orozco, Siqueiros, Tamayo and others -- are featured prominently, along with numerous other painters who are less well known internationally.

Although the exhibit shows paintings, some of the major artists there are known as muralists. There was a renaissance in Mexico after the revolution, and many of their murals commemorated historical events.

One man who was central to that era in Mexican art -- Jean Charlot -- is generally overlooked. He is represented in the Bowers exhibit by one small drawing.

Charlot was born in 1898 in France and went to Mexico as an adult. He painted along with the other muralists, and one of his laments was that Diego Rivera hammered one of his frescos off a wall and painted a big political mural in the space.

While the muralists of Mexico are known for their grandiose subject matter and historical drama, Charlot favored the simpler and contemporary records of the people in their daily life and habits. The 1940 etching shown here, "Mother and Child," is typical of both his mood and his philosophy. (It is not in the exhibit.)

In fact, the mural that Rivera hammered off was a maypole dance. "You know," Charlot once remarked, "little girls and ribbons." (Perhaps his commemoration of May Day was more revolutionary than the revolutionaries'?)

After painting in Mexico for some years, Charlot came the United States and taught at several universities. He died in Hawaii in the 1980s.

Charlot taught a little geometry as the basis for mural composition. The starting shape for the design is the square. The height of the mural space dictates the beginning square.

Let us say the mural is to cover a wall much longer than it is high. Let's start at the right end. The square will be as high and as wide as the wall is high. Draw the left edge of the square onto the wall. You are making a geometric grid as a framework for the pictorial design.

Then, take the diagonal of this square (lower right to upper left), and swing it down to the baseline.Use that point for another vertical line and you have a rectangle on the wall.

You have, in fact, drawn a V2 (root-2) rectangle, which according to the ancient Greek geometers was a most pleasing proportion.

Move the square to the left side, and do the diagonal in reverse, with a new set of verticals and diagonal lines, to make a more complex pattern.

To continue, you can swing the diagonal of the V2 rectangle down and build a V3 rectangle from that point, and so forth -- V4, V5.

You would also draw the diagonals of the whole space, which with their own and other intersections as points for more axes. Add horizontals from the various intersections.

Big or little, simple or complex, you can now develop curves, groupings, and areas for figures, landscapes, or whatever features your subject matter may require.

On the large and often long or unwieldy areas that are dedicated to murals, this geometric framework is a good basis for the artist to work with. His other choice is to line up figures any old way, which can look like a parade, or to compose them in various groups (as the Renaissance muralists did).

Notice the diagram of a V2 rectangle drawn under the etching. In fact, Charlot did the etching from one of his own small murals, and you can see the mural grid reflected. The small diagram looks busy, but it is only an illustration. A painter would not put all those lines on a wall for his geometric grid, because he would already have drawn a general (subject-matter) sketch. He would work out a grid to help organize his design on the large space of a wall. Painting a mural is quite different from attacking a canvas with a paint brush.

You will see a similar attraction to mural principles in many of the paintings in "Seven Decades."

Other painters of that time also used geometric grids for their work. Grant Wood, for example, favored his "system of thirds." He divided each edge of his canvas in thirds, and then drew straight lines to from each of these eight points to the other seven -- not to the corners. He incorporated some of these lines, and their parallels, into his compositions. This is easy to see in photos of his works. The American muralists of Wood's time also used similar frameworks.

True, these grids do not make a work great or give esthetic pleasure in themselves, but they do contribute a certain order. In this age of artistic whim, feelings and chaos, the intelligence they imply is perhaps intriguing.

Ruth Talovich

The Bowers Museum
2202 N. Main, Santa Ana, CA 92706 * (714) 567-3600. Open Tuesday - Sunday, 10 AM - 4 PM, and Thursday nights until 9 PM. Admission: $4.50 (adults). $3.00 (seniors/students). $1.50 children 5-12. Under 5, free
The Bowers Museum is Orange County's largest museum. Its "permanent exhibitions include pre-Columbian, African, Oceanic, Asian and Native American art, plus historic California artifacts."
To inquire about membership, phone: (714) 567-3688

NEWS IN BRIEF

WORKSHOP FOR VIETNAMESE JOURNALISTS

WESTMINSTER (NV) -- The Department of Communications at California State University, Fullerton, the Nguoi Viet Daily News and the Vietnamese American Arts and Letters Association co-sponsored a journalism workshop on Monday, March 28, 1994.

The daylong workshop began with a welcome by Yen Do, editor-in-chief and publisher of Nguoi Viet, Khoa Le, VP of VAALA and Terry Hynes, chair of the Department of Communications at CSUF. Dieu Le representED VAALA in the planning and the presentation of material.

"Our reporters and writers also need refreshER courses," said Yen Do. "At least 10 members of the Nguoi Viet staff attend the workshop."

Six other faculty members from the department lectured on a number of subjects: American Journalism Tradition, including the First Amendment and mass media; current legal and ethical issues; gathering news, reporting and writing; visual components in journalism.

Computer applications, electronic technologies and the role of satellites in putting together today's newspaper werel also explored.

Buu Nghi, former press secretary to the president of the Republic of Vietnam, and Co Nguyen, Nguoi Viet's computer expert, served as translators for participants who were not be fluent in English.

TRUNG SISTERS COMMEMORATED

LITTLE SAIGON (NV) -- The Trung sisters commemoration was observed this year at Santa Ana's Valley High School Auditorium. On Sunday, more than 2,000 Vietnamese attended the solemn celebration, the highest attendance yet.

The Sisters Trung, who lived in the First Century A.D, have an honored place in Vietnamese history. Their husbands were generals who were killed by the invading Chinese. The sisters took command, rallied Vietnamese forces and led them to defeat the Chinese invaders. They have been honored as national heroines ever since.

As is the custom here, the Association of Former Students of Sisters Trung High School in Saigon were the main organizers of the commemoration ceremonies. The Associations of former Students of Gia Long and Le Van Duyet Girls High Schools also assisted.

Traditional rituals, patriotic songs and choirs, and performances of new music were featured in the event.

SINGER LE UYEN PHUONG AT AMERICAN EXPO IN HANOI

LITTLE SAIGON (NV) -- According to the Consulting and Investment Information Office, VIIC, singer Le Uyen Phuong, known for his musical compositions and performances in the '70s, appeared April 22-23 at the American Expo in Hanoi.

VIIC is the organizer of the first Expo Fair of American products in Vietnam.

Singer Le Uyen Phuong has been in Hanoi for weeks, rehearsing with other performers for the concerts. The program included some of Phuong's famous compositions, performed by Hanoi's top singers.

Phuong would be the first overseas Vietnamese singer to appear in Vietnam in an event of this importance.

Expo '94 is the first American commercial fair organized in Vietnam since 1975. Only American products are displayed.

"NEW GENERATION" ART EXHIBIT AT CSUF

FULLERTON (NV) -- An art exhibition called "New Generation: Vietnamese - American Contemporary Art" was shown at the Visual Arts Complex Main Gallery of California State University at Fullerton. The show opened Sunday and continue to be on view until May 10.

Forty works of art -- sculpture, painting and photography -- were being displayed by 10 Vietnamese Americans: Mai Bui, Thai Bui, Toi Hoang, Chi Le, Han V. Nguyen, Thy Nguyen, Viet Nguyen, Darlene Nguyen-Ely, Dong Phan and Ann Phong.

The theme of these works centers on the acculturation process of Vietnamese into American society, and the individual views of this process.

"MAI THAO NIGHT" IN WASHINGTON

WASHINGTON (NV) -- "We are gathering here tonight to honor Mai Thao, a well-known writer with more than 30 novels, eight collections of short stories, one collection of essays, one collection of poems and more than 40 years of devotion to literature and journalism," novelist Nguyen Thi Hoang Bac said of Mai Thao to more than 200 of his friends at a "Mai Thao Night" at a Washington restaurant on Saturday evening.

Hoang Bac, who follows the path of the 67-year-old bachelor Mai Thao, praised him in these terms: "As a woman who has somehow been associated with literature, may I honor you as the

most dedicated lover of Vietnamese literature and Vietnam literary studies."

Hoang Bac was one of four speakers who credited writer Mai Thao for his contribution to the renewal of Vietnamese literature from 1954 to 1975, as literary critic Truong Vu has said, and for his "new poetry based on an old language," in the words of columnist Bui Bao Truc.

In response to the cordial welcome and the honor extended to him by his friends, Mai Thao said he was deeply moved by the presence of friends who had come from such faraway places as California, Houston and Seattle.

Virginia is now becoming a gulf, where harbor "friends from the four seas."

Dr. Pho Ngoc Van, who organized "Mai Thao Night," in his opening address said, "Let us honor a great writer while he is still living with us."

DINH CUONG SHOWS OIL PAINTINGS IN VIRGINIA

WASHINGTON (NV) -- Over 100 visitors crowded the Metro Gallery of George Mason University in Arlington, VA, on Saturday afternoon (April 2) to look at oil paintings exhibited by Dinh Cuong, a well-known Vietnamese painter.

Exactly 100 paintings, some big (36" x 48") and some small (14" x 16"), were displayed. Some of these were painted long ago, some had already been sold and were on loan from the owners, and some were recent creations.

The works painted around 1960 showed that Cuong was already a master of the brush and of color at an early age. He began to exhibit his work at the age of 20. At age 23, he won the silver medal at the 1962 Spring Painting Exhibition in Saigon, and he has participated in more than 20 international painting exhibits.

Although he has been in the United States only four years, he has held four exhibitions. Of these, two were in Westminster, CA, at VAALA's Century Gallery.

His work varies in style but he seems prefer Impressionism. He tells his visitors, "Don't try to analyze my paintings, just look at them!"

As a matter of fact, nobody could analyze why a fish lies on a window sill in one painting, but poeple like his works.

In three previous exhbitions, almost all of his paintings were sold, and at the Metro Gallery exhibit, many of his paintings had "sold" signs only two hours after the opening.

The Metro Gallery exhibit was scheduled for only two days, but Cuong said he is preparing for another showing in Houston, probably this summer. ■

Vietnamese Culture Series, No. 1

LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:

Some Articles by Nguyễn Đình-Hoà
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hường

Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

EASY VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
SPEAK VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
READ VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
NHẤT THIÊN TỰ, THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS (Asia/Books, 1989)
ESSENTIAL ENGLISH-VIETNAMESE DICTIONARY (Charles E. Tuttle, 1983, 1991)
VIETNAMESE LITERATURE: A BRIEF SURVEY (San Diego State U., 1994)

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:

ASIA BOOKS

720 Teresita Blvd., San Francisco, CA 94127, USA

MỘT CẢM NGHĨ CỦA NGƯỜI Y SĨ TỴ NẠN

TRẦN MỘNG LÂM

(Nhân đọc bài của BS. Nguyễn Gia Ân trong Thế Kỷ 21, số tháng ba 1994)

Tôi là Trần Mộng Lâm, Y Sĩ tỵ nạn, hiện sinh sống tại Montréal, xin được đóng góp một vài ý kiến thô thiển về bài biên khảo của người đồng nghiệp của tôi là BS. Nguyễn Gia Ân đăng trong quý báo số vừa qua.

Thực ra, bàn về nền y tế quốc nội hiện tại đã có nhiều bài biên khảo rất có giá trị. Chúng tôi muốn nói đến Đặc San Y Tế của Hội Chuyên Gia Việt Nam, 4718 Meridian Ave., Suite 261, San Jose, CA 95118-USA.

Bác sĩ Ân không thích các thống kê, dù của Liên Hiệp Quốc, nên bài nhận định của ông phải được hiểu nhiều hơn như là những ý kiến chủ quan của ông về một vấn đề khá phức tạp. Tôi viết bài này cũng vì lý lẽ đó mà không đi sâu vào vấn đề khảo cứu, chỉ muốn trình bày ý kiến của riêng tôi trong cùng những vấn đề đã được BS. Ân nhìn dưới nhãn quan của ông.

Không hiểu vì sao mãi đến năm nay, 1994, BS. Ân mới hốt hoảng kêu lên là chuyện bệnh tật, tử sinh là chuyện cấp bách, phải được ưu tiên giải quyết. Tôi thì cứ nghĩ là những năm đen tối nhất là ngay khi CS cưỡng chiếm miền Nam bằng vũ lực mới phải hơn chứ. Những năm đó thiếu thốn đủ mọi thứ, từ thuốc men đến nhân sự. Ngày nay thì chính BS. Ân cũng công nhận là ở Sàigòn và các tỉnh lớn, nếu có tiền, có thể mua bất cứ thuốc gì. Vậy thì vấn đề được đặt ra là trách nhiệm tại ai nếu con người không một nước được gọi là XHCN không được săn sóc về sức khỏe một cách bình đẳng, cán bộ khác dân đen, dân thành thị khác dân ở thôn quê. Lỗi chắc tại bọn y sĩ tỵ nạn chúng ta? Dân số Việt Nam 70 triệu người, đội ngũ nhân viên Y tế trên 200,000 người. Chính BS. Ân cũng công nhận hiện nay số Bác sĩ do 4, 5 trường đại học y khoa trong nước đào tạo đã thặng dư, vậy thì chuyện bệnh tật, tử sinh so với khi BS. Ân vừa bỏ nước ra đi có cấp bách kinh khủng như Bác sĩ đã hốt hoảng kêu lên như vậy không?

Không thể nói là nền Y tế trong nước là tốt đẹp. Khi mà những sinh viên xuất sắc không được cho học Y khoa nếu như lý lịch xấu thì cái nền Y tế đó chỉ đào tạo nổi những y sĩ tầm thường, trung thành với chế độ nhưng yếu kém về chuyên môn. Tuy nhiên đó là điều mà CS muốn như vậy. Ngày nào mà cái chế độ đó còn tồn tại thì thật là lố bịch nếu như có người nói là: "*thái độ của Y giới hải ngoại quyết định sâu đậm tình trạng sức khỏe của dân chúng trong nước.*"

BS. Ân nếu như còn ở trong nước thì con cái của ông chắc chắn không được theo học Y khoa. Vậy thì vì lý do gì (Đây là tôi nói thí dụ như BS. Ân có con tốt nghiệp Y khoa bên này) mà CS trải thảm đỏ mời ông hay con ông về nước để cải tổ nền y tế của họ. Các Bác sĩ tốt nghiệp bên này thì cũng vậy. Đừng quên trong chuyến công du mới đây tại Úc, trưởng phái đoàn Việt Cộng đã kết án những người Việt hải ngoại đều là những người có nợ máu với nhân dân, tha cho tội chết là may mắn lắm rồi!

BS Ân cho biết có các Bác sĩ bên này trở về, người thì tìm kiếm, đào tạo một số tay chân trong tôn giáo, dùng làm hạ tầng cơ sở, có người lập một trạm y tế, một trường học, cũng có người trở về bệnh viện đã phục vụ lúc trước để hoạt động. Nếu sự thực có như vậy thì dù Bác sĩ có kết cho tôi cái tội chụp mũ người khác, tôi cũng nói những người đó đích thực là tay sai Việt Cộng, ít nhất tôi cũng có nhiều kinh nghiệm hơn Bác sĩ về vấn đề này. Có lẽ ông chỉ còn chưa nói có người về nước in truyền đơn đòi

dân chủ đa nguyên phát công khai tại bùnh binh Sàigòn nữa mà thôi. CS đâu có dễ thương như vậy.

Ngoài ra còn phải kể đến vấn đề pháp lý nữa. Chúng ta có còn quyền hành nghề ở Việt Nam nữa hay không? Giả thử một người Bác sĩ ở ngoại quốc trở về mổ thất bại một trường hợp bị kiện đòi một triệu đô la thiệt hại, bảo hiểm nào trả? Bởi vậy phải là người đi trên mây mới có thể nghĩ mình muốn làm gì cũng được trong cái nước Việt Nam ngày nay.

BS. Ân kết tội các đồng nghiệp của mình "*Sau 18, 19 năm ở ngoại quốc, bị ràng buộc vào cuộc sống của các xứ đang định cư, tuổi tác chồng chất, sức khỏe suy mòn, đòi hỏi ở họ những hoạt động nâng cao sức khỏe đồng bào trong nước quả là điều không tưởng*" Bác sĩ có quá lời hay không? Họ có thể làm được gì trong hoàn cảnh hiện tại của đất nước?

Các Y sĩ trẻ thì cũng có nhiều. Bác sĩ hô hào phải để cho họ có cơ hội thành lập những hội Y sĩ riêng. Tôi không hiểu ai đã có can đảm cấm các Y sĩ này lập hội? Cái xứ này thì ai cấm được ai. Mời họ vào hội họ cũng không thèm vào thì cấm cản gì được họ. Còn khuyến khích và hỗ trợ cho các hội có thể sẽ được thành lập thì cũng còn tùy.

Nếu các hội đó tranh đấu cho Dân Chủ, Dân Quyền và Nhân Quyền ở Việt Nam thì không có gì quý hơn. Nếu các hội đó muốn về cộng tác với cái chế độ Cộng Sản thì lại khác. Khi Hitler khởi cuộc đao binh thì Churchill và De Gaulle nghĩ khác, Pétain nghĩ khác. Con đường của Churchill và De Gaulle làm dân Pháp, dân Anh chịu nhiều đau khổ nhưng nếu không có các vỹ nhân này thì ngày nay bộ mặt của thế giới sẽ ra sao? Bởi vậy "Hậu Cộng Sản" không phải một lá bùa như BS. Ân đã nghĩ, đó là một giấc mơ, một lý tưởng.

Không phải vì *giới cai trị hiện tại ở Việt Nam không bao giờ từ bỏ quyền bính đang nắm vững trong tay với hơn một triệu bộ đội và một hệ thống công an kềm kẹp chặt chẽ* mà ta phải chờ họ chuyển hóa từ từ.

Y sĩ cũng chỉ là một thành phần trong tập thể người Việt ở hải ngoại. Tập thể đó trong hoàn cảnh đặc biệt hiện tại phải đóng vai trò đối lập để đẩy mạnh cuộc chuyển hóa đó, và theo như tôi hiểu thì đối lập không được phép hoạt động tại Việt Nam theo như diễn văn Đỗ Mười mới đọc ngày 20 tháng 1 năm 1994 vừa qua. Vậy thì những người muốn về Việt Nam để hoạt động chỉ có một chỗ để đứng: *trong hàng ngũ của họ.*

Làm thầy thuốc mà lầm thì chỉ chết có một người... chỉ tiếc là Hồ Chí Minh không làm thầy thuốc.■

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI**: Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi Ký) Hồng Hà dịch gồm nhiều hình ảnh	13MK
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ**: Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)	9MK
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI**: Hoành Linh Đỗ Mậu (tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)	32MK
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG**: Hồ Sĩ Khuê (tái bản - bìa cứng)	22MK
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới): Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích	18MK
6. **MÂY BÃO**: Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (tái bản)	12MK
7. **VIẾT**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
8. **ĐỐI THOẠI**: Võ Phiến (Sách mới)	8MK
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM**: Võ Phiến (Sách mới)	10MK
11. **KÝ THÁC**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	7MK
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA**: Truyện Bình Nguyên Lộc (tái bản)	8MK
13. **KINH DỊCH**: Nguyễn Hiến Lê (tái bản)	20MK
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY**: Đạt Lai Lạt Ma (tái bản)	14MK

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản.

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel:(714) 527-5761

NỮ LỰC SĨ SẮP BẮT KỊP NAM LỰC SĨ TRONG MỌI BỘ MÔN ĐIỀN KINH?

TRẦN QUÁN NIỆM

Trong thời gian Thế Vận Hội mùa Đông vừa qua, mỗi tối, hàng triệu khán giả dán mắt vào khung ảnh nhỏ theo dõi lực sĩ các nước tranh đua đủ mọi bộ môn thể thao. Và dĩ nhiên hình ảnh các lực sĩ Mỹ xuất hiện nhiều hơn cả. Chúng ta không khỏi hồi hộp, say mê theo dõi từng giây phút của những cuộc tranh đua gay cấn, mà mức hơn thua nhiều khi hơn kém nhau chỉ một phần trăm giây.

Nổi bật trong môn trượt băng (speed skating) là hình ảnh một Bonnie Blair (Mỹ) lướt như bay trên sàn băng hình bầu dục cùng các nữ lực sĩ người Á Đông như Trung Hoa, Nhật Bản và Đại Hàn. Các nữ lực sĩ tranh đua nhau sát nút; người như nằm rạp trên mặt nước đá, tay chân hoạt động nhịp nhàng đẩy thân hình tiến nhanh như tên bắn. Đến khúc quanh, họ cố gắng giữ vòng chạy nhỏ nhất, tay chạm xuống sàn để giữ thăng bằng. Họ trượt sát nhau trong gang tấc. Chỉ cần một sơ hở nhỏ là đủ khiến vài người ngã đùn cục mà lưỡi thép sắc như dao dưới đế giày dễ dàng gây thương tích cho nhau. Gần tới sát mức ăn thua, Bonnie đã bất ngờ vượt lên, làm ngạc nhiên một đối thủ người Trung Hoa đang dẫn đầu, khiến cô này khựng lại một vài phần của giây. Và Bonnie đã đoạt huy chương vàng. Đây là huy chương vàng thứ tư của cô.

Trượt 500 mét, Bonnie chỉ tốn có 39.1 giây đồng hồ, được coi là nữ lực sĩ nhanh nhất trên thế giới trong môn này. Thời gian kỷ lục này, nếu so sánh với kỷ lục mà các lực sĩ nam giới đã đoạt được từ ngày có thế vận cho đến năm 1972 thì cô ăn đứt. (Tưởng cũng nên nhắc qua là các môn thể thao phần lớn được phân chia theo phái tính, nam lực sĩ tranh đua với nam lực sĩ, nữ lực sĩ tranh đua với nữ lực sĩ. Sở dĩ như vậy, vì thân thể và sức khỏe cũng như sự chịu đựng của nữ kém hơn nam, do đó tiêu chuẩn đặt ra cho phái nữ bao giờ cũng thấp hơn).

Ngoài cô Bonnie Blair ra, các nữ lực sĩ khác càng ngày càng chiếm những thành tích gần kề với các thành tích bên nam giới, khiến nhiều người tiên đoán là không lâu, nữ giới sẽ bắt kịp và rất có thể vượt trội nam giới. Điều đó bao giờ sẽ xảy ra? Đó là trọng điểm của bài viết này.

Năm 1988, trong Thế Vận Hội tại Hán Thành, Đại Hàn, nữ lực sĩ bơi lội Jannet Evans (Mỹ) đã bơi 400 thước với hai giây nhanh hơn kỷ lục thế giới mà nam lực sĩ Mark Spitz đã thiết lập năm 1968. Năm 1992 nữ lực sĩ người Trung Hoa, Wang Junxia, trong giải chạy bộ mười cây số, đã lập kỷ lục mới cho nữ giới vì cô đã chạy nhanh hơn kỷ lục thế giới cũ là 41.96 giây đồng hồ. Kỷ lục này chỉ thua kỷ lục bên nam giới hai phút rưỡi mà thôi. Trong môn chạy việt dã (marathon), các nữ lực sĩ cũng theo sát nút nam giới. Thành tích của nữ giới trong bộ môn này đã gia tăng với mức đáng nể là 61 phần trăm kể từ năm 1955 đến nay, trong khi cũng khoảng thời gian đó, thành tích của nam giới chỉ tăng 18 phần trăm.

Hiện tại trong một vài bộ môn, nữ giới đã vượt trội: đó là môn bắn súng và vô địch thế giới hiện tại là một phụ nữ và môn đua xe tuyết (dog sled). Trong thập niên vừa qua, cô Susan Butcher, đã bốn lần đoạt giải vô địch vòng đua Iditarod (dài một ngàn một trăm năm mươi bảy dặm; một dặm tương đương một cây số sáu). Đây là một cuộc đua gian khổ nhất, người dự cuộc phải chạy nhanh, huấn luyện chó khéo, nắm vững kỹ thuật điều khiển xe tuyết (sled) và đi suốt ngày đêm liên tục (không ngủ trong vòng 11 đến 12 ngày). Trong bộ môn siêu việt dã (ultramarathon), cô Ann Trason đã thắng nam giới trong cuộc chạy bộ dài 24 tiếng đồng hồ.

Ít nhất đã có hai chuyên viên có uy tín tiên đoán là năm 1998 phụ nữ sẽ bắt kịp nam giới trong tất cả bộ môn chạy tại Thế Vận Hội. Đó là Brian J. Whipp và Susan A. Ward, giáo sư tại University of California, Los Angeles.

Điều người ta không thể chối cãi là có sự khác biệt trong việc phát triển cơ thể giữa nam và nữ. Cơ thể phái nam có nhiều bắp thịt ở chân và ngực hơn cơ thể phái nữ; đồng thời số lượng hồng huyết cầu trong máu cũng nhiều hơn. Điều này có nghĩa số lượng oxy được bơm tới bắp thịt nhiều hơn trong phái nam, khiến nam giới khỏe hơn, bền bỉ hơn. Quan trọng hơn cả là phái nam có ít mỡ hơn phái nữ, nữ có 24% mỡ trong khi nam có 15% mỡ so với trọng lượng của cơ thể. Sở dĩ nữ có nhiều mỡ hơn vì cơ thể được tạo hóa chế tạo với nhiệm vụ có mang và nuôi nấng bào thai. Trong địa hạt điền kinh, một thân thể ít bắp thịt và nhiều mỡ không phải là một thân thể lý tưởng.

Đó là lý thuyết, nhưng trên thực tế, hiện tượng nữ lực sĩ bắt gần kịp những kỷ lục nam lực sĩ, không khỏi khiến người ta nêu lên

câu hỏi và tìm tòi lý do để giải thích thỏa đáng.

Cuối cùng người ta đã tìm ra câu trả lời khá đơn giản là từ trước tới nay, không ai cho phụ nữ có dịp chứng tỏ khả năng của họ (cũng như trong lãnh vực chính trị và xã hội). Quan niệm thông thường cho rằng cơ thể phụ nữ vốn yếu đuối, nên họ bị gạt khỏi các bộ môn thể thao nặng nề. Năm 1928, một vài nữ lực sĩ đã xỉu trong bộ môn chạy đua 800 mét tại Thế Vận Hội Amsterdam, kể từ đó ban tổ chức Thế Vận Hội đã không cho phụ nữ tham dự các cuộc chạy bộ trên 200 mét. Cấm đoán này kéo dài 32 năm. Cũng như mãi đến năm 1984 nữ lực sĩ mới được quyền dự thi môn chạy việt dã (marathon). Năm 1988 phụ nữ mới được tranh đua trong các bộ môn thể thao mùa đông có tính cách gian khổ, cần nhiều chịu đựng. Năm 1992, bộ môn biathlon cho phụ nữ mới được công nhận tại Thế Vận Hội. Được tranh đua, phụ nữ đã có cơ hội lập thành tích vượt trội, đưa đến dự đoán là với đà này trong tương lai, nữ lực sĩ sẽ bắt kịp và vượt trội thành tích của nam lực sĩ.

Nhiều người đã không đồng ý với lập luận trên. Họ cho rằng sở dĩ phụ nữ đã tiến những bước dài trong việc thiết lập kỷ lục vì trước đây họ đã không được tham gia cũng như đã không được huấn luyện tới nơi tới chốn. Căn cứ trên những thành tích trong dĩ vãng để dự phóng tương lai của nữ lực sĩ là điều không chính xác. Họ sẽ tiến đến một mức tột đỉnh nào đó mà sức khỏe và sự dẻo dai của họ cho phép rồi sẽ thăng bằng như nam giới hiện nay vậy.

Người ta nhận thấy phần lớn các nữ lực sĩ tham gia các môn thể thao mùa Đông vẫn giữ được nhân dáng của phái nữ, trái hẳn với các nữ lực sĩ thuộc môn chạy bộ trong Thế Vận Hội mùa hè. Trong một thế vận hội trước đây, ban tổ chức đã yêu cầu các nữ lực sĩ Nga qua cuộc khám nghiệm để chắc chắn là họ không phải trai giả gái. Sở dĩ vậy vì toán nữ lực sĩ Nga trông không khác gì đàn ông, thân hình ô dề vạm vỡ, tiếng nói ồ ề, râu mép lún phún, ngực lép kẹp. Ban tổ chức thế vận hồ nghi là họ đã được chính kích thích tố nam để phát triển bắp thịt to lớn hơn, mạnh và bền bỉ hơn.

Bỏ qua vấn đề sử dụng thuốc kích thích (mà nay đã trở thành bất hợp lệ trong các cuộc tranh tài chính thức) giới thể thao cho hay, nếu tập luyện quá mức, bản chất nữ của các nữ lực sĩ bị xáo trộn: kích thích tố nữ của cơ thể giảm dần, trong khi kích thích tố nam tăng trưởng, kinh nguyệt bất thường nhiều khi dứt hẳn, giọng nói thay đổi, mọc râu, ngực lép, không có khả năng sinh nở v.v... Nếu như vậy, thì những thành quả đạt được chỉ là thành quả của một cơ thể người nam mang tên phụ nữ mà thôi.

Bắt đầu từ thập niên vừa qua, dân chúng Mỹ quan tâm nhiều đến sức khỏe cá nhân. Về mặt dinh dưỡng, họ không tiêu thụ những thực phẩm có nhiều hóa chất độc hại cùng mỡ béo, mà ăn những thực phẩm lành mạnh hơn như rau trái, cá và thịt trắng, bớt hút thuốc, uống rượu. Những hội quán sức khỏe (health club), cũng như những phòng tập thể dục thẩm mỹ mọc lên như nấm nơi đô thị và vùng ngoại ô. Sau giờ tan sở, giới trẻ cũng như giới sồn sồn kéo nhau đến đấy để tập luyện, vận động. Nếu ngại đến nơi công cộng, người ta có thể mua những dụng cụ thể thao, cùng những băng video hướng dẫn để tập tại nhà, trong không khí thoải mái, không sợ bị kẻ gian chận đánh hoặc tai nạn xe cộ. Sự tập luyện hàng ngày như vậy rất tốt khiến các bà các cô, bụng thon, ngực nở, thân thể dẻo dai, tươi trẻ, khỏe đẹp, đỡ tốn tiền đi thẩm mỹ viện lạng mỡ sa.

Vài năm gần đây, thỉnh thoảng trên màn ảnh truyền hình, khán giả lại được "chiêm ngưỡng" những màn biểu diễn bắp thịt của các nữ lực sĩ thẩm mỹ. Tương tự nam lực sĩ, các cô này thân hình bôi dầu bóng loáng, da đỏ như đồng hun, bắp thịt cuồn cuộn, bụng có múi, uốn người lấy thế trước ánh đèn sân khấu, khoe bắp thịt đùi, bắp thịt tay, bắp thịt nách; thân thể u nần, rắn chắc như sành, không còn sót lại một nét phụ nữ nào, trông chẳng giống ai. Phải chăng tập luyện như vậy là quá lố và phản thiên nhiên?■

TRƯƠNG ÁI MINH

HƯ ẢO

đơ tay
nhặt cánh sao
rơi
nhìn ra bốn bể cõi đời
tịnh yên
có con suối
bạc
ngoan hiền
ôm quanh sườn núi
triền miên ngủ vùi
phất phơ cánh hạc
cuối trời
trăng soi nghiêng
giọt
sương rơi âm thầm
gối trăng đêm
mộng trong tâm
thoáng em
hư ảo
bụi hồng khuất xa.

THƠ TÌNH TRẦN DẠ TỪ

VÕ PHIẾN

Trông qua danh sách tác phẩm của Trần Dạ Từ, thấy *Tỏ tình trong đêm*, rồi lại thấy *Thuở làm thơ yêu em*, thấy thế e có người vội kêu: "A! Ông này chuyên yêu. Ông này yêu đương dữ đa!"

Nói thế dễ dãi quá. Yêu vậy mà bảo là yêu dữ! Dữ cái gì? Ạ đời mấy người không yêu. Trên tình trường bá quan gặp nhau đủ mặt: Ai cho khỏi? Trong biển tình, đâu phải chỉ bảy nổi với ba chìm: Lắm khi, một cái nổi đèo bòng năm bảy cái chìm. Lại có khi năm bảy cái cùng nổi lều bều trước mắt thiên hạ, cái nào cũng rực rỡ thắm thiết cả. Lại nữa, thỉnh thoảng dám có những dị nhân quái kiệt hào hoa, sống cuộc đời huyền thoại với một vài trăm mối tình v.v... Vậy mới gọi là dữ, chứ ông Trần Dạ Từ có dữ gì đâu?

Nhưng dù ông có yêu dữ thiệt thì ở đây cũng không phải chỗ trầm trồ. Chuyện yêu đương thuộc về đời sống riêng tư của người ta, đâu phải chuyện văn chương nghệ thuật: lôi nó làm chi vào trang sách?

Lẽ ra thì thế, nhưng ở trường hợp Trần Dạ Từ có khác. Trần Dạ Từ cũng như Vũ Hoàng Chương, mỗi người một đời chỉ có một mối tình, không có gì là nhiều là dữ cả, nhưng không thể không nói đến khi bàn về sự nghiệp văn chương của họ. Bởi vì những mối tình Hoàng-Tố, mối tình Từ-Nhã, là chất liệu chính của thi nghiệp. Thi nghiệp nọ dính liền với ái tình kia. Không dám quyết rằng không có tình nọ thì không có thơ kia; nhưng ai cũng thấy là tình này chiếm phần rất quan trọng, gần như chính yếu, trong sự nghiệp thi ca kia, là mối tình này tựa hồ đã dẫn khởi thi nghiệp nọ.

Như thế ở chỗ văn học đàm trường, các bậc tài tử làm sao có thể chỉ mải mê bàn về nghệ thuật, say sưa dẩu miệng luận về tiếng bình tiếng trắc, âm thanh âm trọc, mà lờ đi các mối tình? Sự thực chẳng ai mà lờ.

Tình Hoàng-Tố là mối tình lỡ; nó dẫn khởi một uất hận khôn nguôi. Tình Từ-Nhã là mối tình đưa tới hôn nhân, kéo dài từ thuở đầu xanh đến ngày tóc bạc, từ thuở mười lăm mười sáu cho đến ngày con đàn cháu lũ...

-- A, ấy là một trường hợp cổ điển. Nó diễn tiến theo truyền thống, một cách tốt đẹp, có hậu. Như vậy thơ chen vào đâu? Thiết tưởng xưa nay chuyện éo le mới ra thơ, chứ êm xuôi cả thì còn thơ thẩn nỗi gì?

-- Thơ là cái rắc rối. Đừng đặt ra nguyên tắc, đường lối này nọ, ép thơ vâng theo. Đừng có đứng ngoài mà lý luận dông dài, hãy cứ xông đại vào thơ xem nó ra sao đã, nhiên hậu sẽ biện giải. Xưa nay tình vẫn nhiều thứ. Có thứ tình dị thường, tình phi thường, tình tuyệt diệu, tình diễm ảo... Có thứ tình tầm thường. Lại có thứ tình tối tầm thường. Tình dị thường, diễm ảo vẫn nhan nhản trong truyện trong thơ. Những mối tình êm xuôi tầm thường mới thực là khó tìm. Càng lui về trước càng khó. Nó chỉ mới xuất hiện gần đây thôi. Tình dung tục là thứ ái tình hiện đại nhất.

Nói đến ái tình qua thời gian không thể bỏ qua Đinh Hùng: ông Đinh trấn giữ con ***Đường vào tình sử***. Trong thơ ông có Em Huyền-Diệu, có Công chúa Si-Mê, rồi có luôn cả Nữ chúa Sầu... Những nhân vật cao sang huyền diệu ấy, họ ăn mặc ra sao? họ nói năng di chyển kiểu nào? Có điều chắc chắn là không ai vừa huyền diệu vừa đi đôi guốc lóc cóc như người nữ của Trần Dạ Từ:

"Làm sao anh không thể nhớ em ngày tóc chẻ đôi
Mùa đông dài, chiếc guốc nhỏ
Khua mãi vào vô thức."

("Dạ khúc một")

Chiếc guốc không phải như làn thu thủy, như nét xuân sơn, như má thắm, như môi hồng v.v... Những món vừa kể bất quá nổi lều bều trên hữu thức; còn chiếc guốc nhỏ khua tận chỗ vô thức thẳm sâu.

Trong thơ Nguyễn Nhược Pháp có cô bé mười lăm đi chùa, một chàng trai mê mẩn bắt theo. Chàng ra sao? Nàng bảo:

"Người đâu thanh lạ nhường!
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương?"

Chỉ cái tướng mạo nhìn qua đã bắt thương rồi, huống chi chàng còn văn vẻ tài hoa tuyệt vời:

"Ngâm nga chàng đọc thơ!
Thầy khen hay, hay quá!
Em nghe rồi ngẩn ngơ."

Trần Dạ Từ cũng từng là một chàng. Chàng ấy ra sao? Nàng bảo: Buổi sơ kiến, nàng thấp thỏm trông chờ, nhác thấy bóng dáng người nam, tự hỏi: "Anh ta vậy há? Mỏng như tờ giấy." Rồi người nam đến. "Bước vào nhà, chưa mời, anh ta đã ngồi (...) Anh ta ngồi đó. ốm nhom. Mặt rỗ. Giọng Bắc kỳ dấm dẳng như ông thánh ông tướng." (*Nhã Ca Hồi ký*).

Ấy vậy mà họ cứ tình tự. Tình tự ra sao? Hoặc chàng và nàng không cần nói thì:

"Chân bên chân, hồn bên hồn, yên lặng,
Người cùng tôi đi giữa đường rải nắng,

Trí vô tư cho da thở hương tình.
Người khẽ nắm tay, tôi khẽ nghiêng mình"...
("Đi giữa đường thơm")

Hoặc chàng và nàng ra rít thì:
"Em nói anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dệt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phất cửa ngoài."
("Áo trắng")

Đại khái như những anh những em của Huy Cận vậy chứ gì? Á__ồ,không. Nhã Ca kể lại cuộc tình tự đầu tiên:

"Một ngã ba:
"Cây gì đây?"
"Cây sầu đông."
"Một ngã tư:
"Còn đây là cây gì?"
"Cây đoát."
"Cây gì?"
"Cây đoát."
"Đoát. à. Còn con đường?"
"Đường Hàng Đoát."

Đi nữa. Khuôn mặt anh ta lúc nào cũng như muốn lẩn vào bóng đêm. Mấy lần con bé phải nén tiếng kêu, cố để khỏi bổ nhào vì những con cóc ở đâu ra nhiều quá, nhẩy lon ton bên chân.

"Cóc à?"

"Cóc."

Cứ dấm dẳng vậy cho tới lúc quay về bên cánh cổng sắt." (*Nhã Ca Hồi ký*)

Bạn thắc mắc? Bạn ái ngại: Trong ái tình sao cóc nhảy vào lắm thế? Có nên không?

Nên tất. Bởi vì rất nhiều năm sau đó, chính Trần Dạ Từ, chính "anh ta", từng viết những câu thế này:

"Trời đã sáng, trời đã sáng rồi thật
Từ phía sau chuồng gà bỏ không
Mùi rác ải bốc lên ngây ngất
Trong các tổ rơm dưới mái hiên
Chim sẻ đã thức dậy ríu rít
(.....)
Trong khi đó, trong phòng, trên giường
Nơi bóng tối vừa vùng vằng ra đi
Người trở lại đang dựa đầu vào tường
Chàng hút thuốc, chàng thở khói
Chàng nhìn ra ngoài, nhìn ra vườn,
Chàng nhìn và nhìn thấy ánh sáng
cùng hạnh phúc đang tung tăng bước tới."
("Một buổi sáng")

Trần Dạ Từ vẽ ra cái khung cảnh nơi xuất hiện hạnh phúc: khung cảnh ấy không là nhung lụa, là non xanh nước biếc, mà chỉ là nơi có cái chuồng gà bỏ không, có đống rác ải bốc mùi; vậy mà hạnh phúc nó cứ hớn hở xông tới. Nó xông tới không phải trong lúc chàng cầm tay chàng hôn hít mê ly gì ráo. Chỉ là giữa lúc chàng tỉnh bơ, chàng đang ngồi hút thuốc, chàng thở khói. Vậy thôi. Đơn sơ hết sức. Còn hạnh phúc, nó cũng đơn sơ rất mực: nó cặp kè với một bạn đồng hành bất ngờ, là ánh sáng! ối, kỳ cục ơi kỳ cục. Hạnh phúc nó xuề xòa quá đỗi, nó không đòi hỏi gì hết, nó tự nhiên, dễ dãi quá trời.

Yêu đương, hạnh phúc đã như thế, đã không nề hà, đố kỵ những chuồng gà, đống rác, mùi hôi v.v... thì sá gì mấy con cóc với lũ cây đoát?

Đây, nàng không là Em Huyền-Diệu, chàng không tướng mạo phi thường, cảnh trí không có bờ hồ thơ mộng, không có hoa cười yến hót, nhân vật không có phong lưu công tử, cũng không có chiến sĩ oai hùng với em đồi hoa tím.. gì cả. Chỉ là chàng ốm nhom, dấm dẳng, là cóc nhảy, là rác dậy mùi v.v... Vậy mà đây là tình yêu, là hạnh phúc. Và tình yêu ấy nằm ở cuối một diễn trình dằng dặc. Vâng, ở chỗ cuối cùng.

Xuân Diệu là ông chúa thơ tình tiền chiến. Nghe có lời khoe rằng ông không ngừng yêu đương ngay trong khói lửa. Yêu mãi yêu hoài, tình yêu thiên biến vạn hóa; cuối đời được nhiều người xuýt xoa trầm trồ về kiểu yêu như biển hôn bờ, như nước liếm cát. Liệu như thế đã là tân kỳ chưa? Nghĩ cho cùng, như thế e có vẻ lăng xăng, đại ngôn.

Trần Dạ Từ, "chàng hút thuốc, chàng thở khói", rồi chàng "nhìn thấy ánh sáng cùng hạnh phúc đang tung tăng bước tới". Không có gì rối rít cả, mà không thể nói ở đây hạnh phúc không lớn lao.

Cái đơn giản không hề dễ dàng. Cái thông tục không dễ với tới. Trong *Chinh phụ ngâm*, thương nhớ mênh mông, tác phẩm thật dài, khuôn khổ đủ rộng lớn để dung chứa trăm thứ linh tinh: sa trường, ngàn dâu, bốn mùa,bóng nguyệt, trường thành v.v...; nhưng không có chỗ cho một đống rác ải mùi, hay một chuồng gà. Từ những huy hoàng diễm ảo xa xưa, phải nhiều trăm năm sau thơ tình mới tiến tới cuộc sống thường nhật, tới cái tầm thường, dung tục.

Một lần nọ, Trần Dạ Từ nói về hạnh phúc:

"Hạnh phúc đi qua một lần,
cũng chỉ một lần thôi.
Và sự tan vỡ ấy làm mọi người cười rộ."
("Buổi trưa về Thị nghè")

Thiết tưởng cái Tình Yêu trẻ trung mới lạ, nếu tình cờ nó ngoái nhìn lại những son phấn lòe loẹt màu mè diêm dúa của các cụ cố Tình Yêu thời trước, e nó cũng đến bật lên "cười rộ" thôi.

Đó là một phương diện. Thơ tình Trần Dạ Từ còn có phương diện khác.

TÂM VỆ

VẠN TRÙNG HOA

Em có về không hôm nay
nhìn trời giá lạnh mưa bay nhạt màu
đường xa vạn dặm thương đau
đò mơ bến cũ con tàu mù khơi
về không em lạc phương trời
quê hương là gió cuộc đời bao la
mơ về em vạn trùng hoa
tháng ngày diệu vợi chỉ là khổ đau
mai sau làm kiếp con tàu

Xưa kia hai chàng Lưu Nguyễn vào Thiên thai, hưởng ngay được hạnh phúc tràn trề và triền miên. Gần đây thi sĩ Vũ Hoàng Chương vừa lớn lên chạm mặt một mối tình oái oăm, và từ đó vật mình vật mẩy mãi. Tình yêu trong thơ Trần Dạ Từ không phải là tình yêu độc vị: hoặc tuyệt hảo hoặc tuyệt vọng.

Trần Dạ Từ có lúc huy hoàng:

"Trên môi ta, vạn đóa hồng
Hôn em trời đất một lòng chứa chan."

("Nụ hôn đầu")

Có lần mê ly:

"Khi không da thịt cả cười
Cùng ta trộn lẫn đất trời với em."

("Buổi hẹn đầu")

Khi khác tưởng hạnh phúc đi đời, đã thành dĩ vãng không vết tích, và chàng mát mẻ:

"Em đi qua đời anh
Không nhớ gì sao em"

("Thơ cũ của nàng")

Có lúc giọng chàng ngùi ngùi u hoài:

"Tôi gửi đời tôi trong tóc ấy
ôm người chưa chắc nổi vòng lưng"

("Bài kỷ niệm")

Có lúc giọng hóa dữ dằn:

"Khi buổi chiều rụng xuống, lũ cột đèn đứng lên
Con phố này nỗi đau buồn bật sáng."

("Dạ khúc một")

Mà nàng thì còn dữ hơn, nàng cay đắng:

"Tôi trót dại, tin lời trao tất cả
Đâu biết người mang nửa dạ yêu tinh"

(Nhã Ca "Bài tháng sáu")

Tưởng như mọi sự hỏng bét đến nơi, vậy mà rồi "sau cơn mưa trời trong trẻo", hạnh phúc lại cặp kè với ánh sáng ùa về.

Cứ nghe họ xưng hô với nhau cũng đủ thấy sự hay ho: khi thì chàng với nàng, khi thì anh và em, khi khác lại là tôi với... người!

Thực tại lúc nào cũng phong phú. Dưới cái nhìn hiện thực của thời đại mới, ái tình không đơn điệu, không còn mờ ảo mộng mơ; nó bày ra rõ nét nhiều mặt bất ngờ, đa dạng. Trong cái ái có lẫn cả hỉ nộ ai lạc v.v... Đủ bảy tình, bảy sắc cầu vồng. Nó phức tạp hơn thứ ái tình thời cổ điển, thời lãng mạn nhiều. Nó phức tạp vì thực tại vốn phức tạp; và vì đến đây bỗng xuất hiện một lớp người dám thẳng thừng chiếu một cái nhìn không kiêng nể vào thực tại. Đây là thời đại của thế hệ sỗ sàng.

Sỗ sàng, thẳng thừng, *cynique*, khinh mạn, phũ phàng v.v..., hàng loạt những tiếng như thế thường được dùng để chỉ định thái độ của thế hệ này. Lần đầu tiên thơ tình có giọng... dấm dẳng. Thơ tình phá cách!

Trong thời kỳ văn học 1954-75 ở Miền Nam từng có thơ tình của tu sĩ Phạm Thiên Thư, rồi lại có thơ tình dung tục của Trần Dạ Từ. Có thơ tình phá giới, lại có thơ tình phá cách. Không phải chúng ta hí hửng vì những món lạ; không ai dám coi thường nghệ thuật như thế. Thật ra, chỉ mừng rằng chúng ta đã từng có một thời kỳ sống trong bầu không khí đủ tự do để phát triển các bản sắc dị biệt phong phú của tâm hồn. Bấy giờ chúng ta không bị gò bó trong phạm vi cái bầu hay cái ống. Do đó, dù tình yêu không phải là đề tài chủ yếu của thơ 1954-75, thơ tình 1954-75 ở Miền Nam vẫn có sắc thái độc đáo.

Tới đây nên mở một dấu ngoặc. Không ngoặc e không xong. Bởi vì Trần Dạ Từ không chỉ yêu đương một mình. Cũng không phải ông yêu riêng một kiểu. Không phải chàng nhìn cái chuồng gà bên đống rác ải trong khi nàng mơ màng nghĩ tới đào nguyên, thiên thai, ngọc tuyền v.v... Trong trường hợp này quan niệm yêu đương là một xây dựng chung của hai người. Họ đồng tâm hợp ý. Không thể nói đến người này mà không nhắc đến người kia.

Chúng ta vừa thử đặt Từ bên cạnh Xuân Diệu để thấy chỗ khác biệt. Giờ so Nhã với Xuân Diệu, cái khác nhau cũng không nhỏ hơn. Năm 1962, lão thi nhân tưng bừng:

"Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ, thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi.
Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời.
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt.
Cũng có khi ào ạt
Như nghiến nát bờ em
Là lúc triều yêu mến
Ngập bến của ngày đêm".

("Biển")

Những tiếng mãi mãi, muôn đời, đất trời, dào dạt, ào ạt v.v... trong bài thơ Xuân Diệu rao giảng một thứ ái tình vượt cả không gian lẫn thời gian, ái tình lý tưởng, bất diệt. Năm 1965, người thiếu phụ hăm lăm tuổi là Nhã Ca đã trông thấy rõ cái mệt mỏi của tình yêu, cái suy tàn của mọi sự mọi vật trên đời:

"Mùa xuân đã qua
mùa hạ cũng qua dần
trong mắt em hạnh phúc thôi vồn vã
đời sống lại đều đặn như đồng hồ
duỗi hết tay chân suốt ngày giục giã
Căn nhà mỗi ngày mỗi quen
cửa sổ mỗi ngày mỗi mở
bữa cơm mỗi ngày một đầy
con cái ta mỗi ngày một lớn
và đời ta mỗi ngày mỗi thống khổ
rong trí nhớ bắt đầu thiu
cũng đừng cố vùng vẫy
(.....)
Đừng nhắc tới và cũng đừng nhớ nữa
mặt trời bốn mùa, tuổi trẻ, tình yêu ngông cuồng
cây sầu đông và tiếng guốc
những buổi chiều buổi mai
những ngày đêm không thiết ngó.
Đừng nhắc tới và cũng đừng mơ ước
vì con cái chúng ta
sẽ tìm thấy
sẽ đọc
sẽ bắt đầu diễn lại."

("Năm một chín sáu năm")

Ái tình vượt thời gian? Không có đâu! Vượt gì nổi; ái tình nó chóng mệt mỏi lắm. Mười năm sau thời "ngông cuồng", nó đã hết gân cốt, uể oải quá lắm. "Trong mắt em hạnh phúc thôi vồn vã". Mắt em một thời, mắt Xuân Diệu thuộc một thời khác, do cái nhìn cả. Thời Nhã Ca, một lớp người nhìn tình yêu và hạnh phúc với đôi mắt khô khắc. Họ trông thấy những sự thực không ngờ.

Mới nửa số tuổi của Xuân Diệu, Nhã Ca đã thấm thía sức tác dụng của nhịp sống thường nhật đều đều, với chiếc đồng hồ, nhà cửa, con cái, cơm ăn, việc làm..., sức tác dụng làm mòn mỏi mọi sôi nổi, bồng bột, đã trông thấy cái ngông cuồng trong tình yêu thời mới lớn (điều mà bác Xuân Diệu không hề trông thấy bao giờ), đã hầu như ngao ngán nhận ra đó chẳng qua là một giai đoạn lặp lại liên lỉ qua các thế hệ, chẳng có gì lạ lùng, bí ẩn, cao siêu. Nhã Ca già hơn Xuân Diệu rõ ràng. Nàng thiếu phụ già hơn lão thi nhân không phải già về cái tuổi đời của cá nhân (dĩ nhiên) mà già vì cái tuổi của thời đại.

Thơ Nhã chúng ta không phải chỉ bắt gặp được chiếc guốc của thơ Từ, mà cả cái nhìn suồng sã, cái nói thẳng thừng về tình yêu. Hai người, họ đồng tâm hợp ý như thế, biển đông họ còn tất cạn, huống hồ là đập vỡ các huyền thoại về tình yêu huyễn mộng. Họ thành công là phải. Họ đánh dấu một biến chuyển lớn của tình yêu trong thi ca chúng ta.

Vừa rồi trót dài dòng về giọng thơ tình dấm dẳng, sỗ sàng. Thực ra, trên đời không có ai chỉ yêu đương độc một kiểu dấm dẳng. Không ai yêu thế mãi được, huống hồ Từ-Nhã là một cặp nghệ sĩ: tâm hồn họ có cánh chứ. Khi bay, họ bay cao hơn những Em Huyền-Diệu những Nữ chúa Sầu là cái chắc.

Dung tục chẳng qua là một phương diện. Phương diện du dương diễm ảo thường gặp trong các bài thơ lục bát của Trần Dạ Từ mà một bài ("Nụ hôn đầu") đã được Nguyễn Hưng Quốc phân tích tinh vi.

Vậy thơ Trần Dạ Từ có tất cả hai giọng thơ chăng? Giọng dấm dẳng và giọng du dương?

Hơn thế. ít ra, ông còn thêm một giọng khục khặc:

"Một cây tùng mới lớn ôm lấy người đàn bà
Nàng dẫy dụa la hét và kháng cự
Và vật vã vô vọng và vĩnh viễn
Và
Những và
Tôi trắng. Tôi đen. Tôi vàng võ.
Tôi xanh xao. Tôi đỏ"...

("Dạ khúc bảy")

Thành thực mà nói, tôi không thích giọng ấy, bất luận nó diễn đạt loại tư tưởng cao xa nào.

Nhưng nói ra là để cho nó cạn lời, chứ điều ấy không đáng đếm xỉa. Ngẫm lại mình, viết ra mười cái nếu có lấy vài cái được người đời tạm vừa ý là đã mừng húm. Đâu dám tham lam. Vả lại, người ta chín người mười ý, hơi đâu quan tâm. Miễn mình thành tâm và thận trọng.

Về chỗ thận trọng thì không thể nghi ngờ: lời thơ Trần Dạ Từ thường cân nhắc kỹ. Không lúc nào ông dễ dãi.■

(Trích Thơ Miền Nam, tập hai, sắp xuất bản)

HUỲNH LIỄU NGẠN

TA BÀ

1

nửa mảnh trăng vừa nhú
sực tỉnh mấy giang hà
ta nghe từ vạn kiếp
rụng xuống một cành hoa

2

có phải em vừa hóa
khốn kiếp mấy cụm tà
để thiên thu về hỏi
liễu úa tự mùa qua

3

rừng khói thiêng ta ngụm
chiết gởi ngọn mưa sa
thiền đêm sương rơi nhẹ
hóa muôn cõi ta bà

4

đồi Nam chim hót muộn
đưa động mấy tầng không
ẩn mật ngoài muôn dặm
khổ lụy đến vô cùng

5

sầu trần gian lãng đãng
rủ gót hài mông lung
thơ theo đời viễn mộng
ngập ngụa cả giòng sông

6

đồi Nam chim gẫy cánh
đồi Tây chim rú vang
có mảnh hồn run rẩy
trụ bám nội mây ngàn.

DU HÀNH TRONG THỜI GIAN
(TIME TRAVEL)

Sơn Điền NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Hai nhà bác học David Deutsch và Michael Lockwood của trường Đại Học Oxford (Anh Quốc) vừa viết một bài báo tựa đề là "Vật lý Lượng tử và du hành trong thời gian" (*The quantum physics of Time Travel*). Trong đó hai ông đã lấy thuyết đa vũ trụ, vũ trụ song hành, vũ trụ chồng chập để đả phá một quan niệm cổ điển gọi là "nghịch lý thời gian" (*Time paradox*) như chúng tôi đã trình bày trong bài kỳ trước.

Nhiều bạn đọc tỏ ý thắc mắc về vấn đề này, chúng tôi xin tiếp tục bài trước để cố gắng thử trình bày một tư tưởng táo bạo nhất trong môn lý thuyết học của Vật lý.

Hai nhà bác học nói trên đã đưa ra lý luận như sau: Nếu cứ dựa vào quan niệm "nghịch lý thời gian" mà cho rằng không có thể có du hành trong thời gian thì đó là sai lầm. Ý kiến của hai ông là có thể du hành trong thời gian, nghĩa là con người của hiện tại rất có thể đi vào tương lai hay trở về quá khứ.

Vậy câu hỏi đặt ra là: Làm thế nào "đi" được trong thời gian?

Một chút khái niệm về thuyết tương đối

Cố nhiên hai nhà bác học ở Oxford chưa chế tạo được một cái máy "du hành trong thời gian" như trong các tiểu thuyết khoa học giả tưởng thường mô tả. Hai ông đều là lý thuyết gia, nên họ đưa ra một lý thuyết cho thấy là có thể được.

Chúng ta hãy đi vào những lý thuyết đó.

Căn bản lập luận của họ vẫn là hai cột trụ của ngành vật lý hiện đại. Một là thuyết tương đối tổng quát của nhà bác học Einstein được công bố vào năm 1915 và hai là ngành vật lý lượng tử học được hoàn chỉnh từ năm 1926 cho đến nay.

Đầu tiên năm 1905, nhà bác học Albert Einstein đưa ra một lý thuyết gọi là lý thuyết đặc biệt về tương đối (*special theory of relativity*). Tại sao gọi là "tương đối"? Giản dị là ông muốn trình bày một vấn đề quen thuộc trong khoa học là sự chuyển động. Chuyển động là phải có cái gì làm mốc để đo. Thí dụ một chiếc xe hơi chạy trên đường lộ, muốn biết nó chạy nhanh bao nhiêu, phải có cái gì đối chiếu để đo, chẳng hạn như mặt đường, hay một cái cây, một người nào đó đứng bên lề đường, để "quy chiếu" mà tính xem xe hơi chạy nhanh như thế nào. Nói cách khách, đó là việc tìm hiểu xem xe hơi, "tương đối" với một vật đứng im, đã chuyển động như thế nào.

Điều này quá giản dị, ai cũng biết. Thế nhưng con người đã lầm, vấn đề "tương đối" không đơn giản chút nào. Sở dĩ chúng ta tưởng là đơn giản vì chúng ta sống ở trên Trái Đất này, và chúng ta tự nhiên đã có sẵn một "hệ quy chiếu" để đo, đó là mặt đất. Thế còn trong không gian rỗng không thì sao? Lấy cái gì mà quy chiếu để định nghĩa cho chuyển động?

Nguyên lý đầu tiên của Einstein là "mọi sự chuyển động thẳng và đều chỉ là tương đối." Tương đối với cái gì? Tương đối với một hệ (system) để quy chiếu, hoặc nói dễ hiểu hơn một khung cảnh để quy vào đó mà so sánh (*reference frame*).

Ở đây thì rắc rối bắt đầu. Thí dụ trong không gian rỗng không, không có Trái Đất, không có Mặt Trời, không có các vì sao, không có cái gì hết, nhưng có hai vật đang chuyển động thẳng và đều (*uniform*). Nếu bạn ngồi trên một vật, thì làm thế nào bạn biết vật bạn đang ngồi chuyển động, hay vật thứ hai ở bên cạnh bạn trong không gian đang chuyển động?

Chúng ta cũng thường gặp cảnh này trên mặt đất, trong sinh hoạt bình thường. Bạn ngồi trên một toa xe lửa đậu ở một nhà ga. Bên cạnh đoàn xe lửa của bạn, ngay trên đường rầy sát cạnh kế bên cũng có một đoàn xe lửa nữa đang đậu và đứng im như đoàn xe của bạn. Đột nhiên bạn thấy đoàn xe bên cạnh chuyển động, bạn tưởng là đoàn xe của bạn đứng im. Nhưng phải vài giây đồng hồ sau, bạn mới biết là chính đoàn xe của bạn đang chuyển động, còn đoàn xe bên cạnh đứng im. Một ấn tượng ngược lại cũng như vậy.

Tóm lại điều mà Einstein muốn nêu ra là vấn đề hệ quy chiếu, và con mắt của chúng ta theo nhận xét thông thường (*common senses*) rất dễ bị sai lầm. Bởi vậy những điều ta thường cho là đơn giản như hệ quy chiếu, không gian và cả thời gian cũng

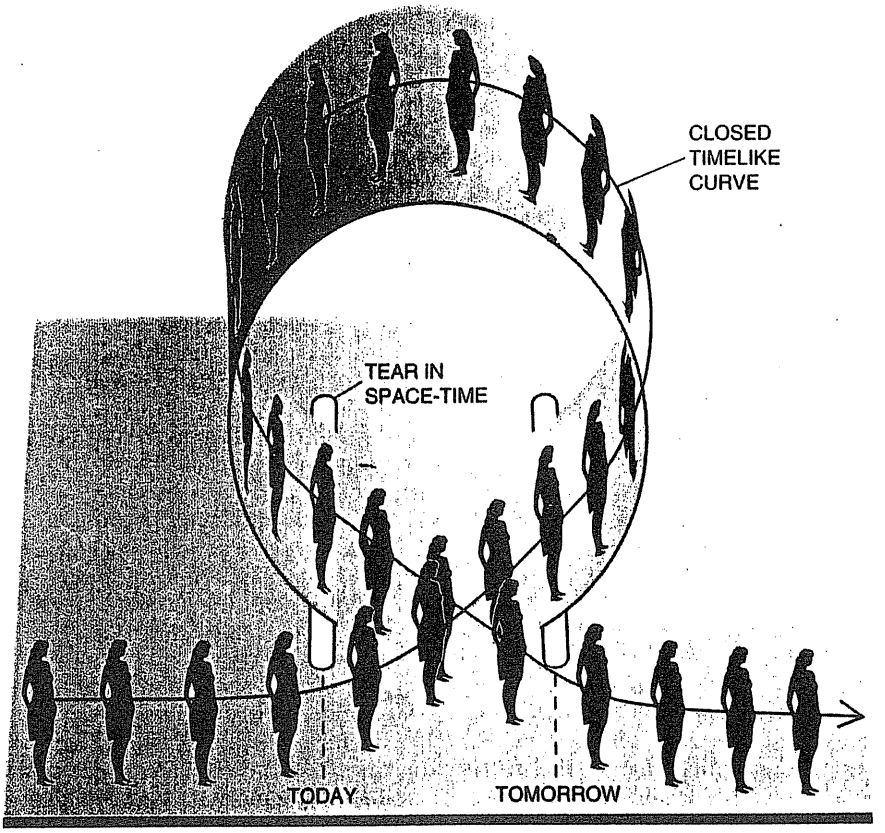

Xem chú thích cuối bài

phải xét lại cho đúng.

Một định đề mới (*postulate*) được Einstein đưa ra là trong không gian rỗng không, tốc độ của ánh sáng là một hằng số không thay đổi. Tốc độ của ánh sáng (lối 300,000 cây số một giây đồng hồ) là một thứ chạy nhanh nhất trên thế gian này, không thể có vật gì chạy nhanh hơn ánh sáng.

Nhiều bạn đọc đã nói với tôi: biết đâu có thể có vật chạy nhanh hơn ánh sáng. Cố nhiên, tôi biết trong lý thuyết khoa học có một hạt gọi là hạt "tachyon" chạy nhanh hơn ánh sáng, và theo đó hạt này không thể chạy bằng hay dưới tốc độ ánh sáng, bởi vì nếu ở dưới tốc độ ánh sáng, "tachyon" sẽ biến mất. Nó chỉ hiện diện ở trên tốc độ của ánh sáng mà thôi. Và cố nhiên theo triết lý của Đông Phương, tư tưởng của một vị thiền sư ở phía bên này Trái Đất có thể "bay" đến đầu của một vị thiền sư khác ngồi ở phía bên kia trái đất ngay tức khắc, nhanh hơn cả ánh sáng.

Cố nhiên, cố nhiên, tôi không chối cãi những điều đó. Nhưng nếu không chối cãi được thì lại cũng không có cách nào... chứng minh được một cách cụ thể. Điều phiền phức chính là ở chỗ đó. Nhưng thôi, xin phép các bạn hãy ngừng ở đây về vấn đề tachyon và thần giao cách cảm, bởi vì nếu không chúng ta sẽ miên man đi lạc mãi, không có cách nào quay trở về đề tài đang bàn được.

Theo Einstein, bất luận nguồn của ánh sáng hay nguồn quan sát chuyển động hay đứng im, tốc độ của ánh sáng vẫn bất biến, không thay đổi. Nghĩa là bất cứ ở hệ quy chiếu nào, tốc độ của ánh sáng là một hằng số (*constant*). Chính vì thế không gian và thời gian cũng chỉ là "tương đối" chớ không phải tuyệt đối.

Các định luật của Newton theo vật lý cổ điển về chuyển động, không gian và thời gian tất nhiên phải được "đổi mới", mà xét theo quan niệm "tương đối luận" của Einstein. Thí dụ như ta đã biết, một vật chuyển động nhanh gần bằng tốc độ của ánh sáng, khối lượng (*mass*) của nó sẽ nặng ghê gớm, so với lúc nó đứng im, và thời gian trên một con tàu không gian chạy nhanh gần bằng tốc độ của ánh sáng sẽ chậm vô cùng, 100 năm ở Trái Đất chỉ bằng một hai ngày trên con tàu đó.

Năm 1915, Einstein dựa vào định đề ánh sáng và hệ quy chiếu nói trên, đưa ra một thuyết mở rộng hơn, gọi là thuyết tương đối tổng quát (*general theory of relativity*).

Với thuyết đặc biệt năm 1905, Einstein đã tóm thâu không gian và thời gian vào một mối tương đối của các hệ quy chiếu, thì nay với thuyết mở rộng, ông đánh thẳng vào quan niệm lý thuyết "hấp dẫn" (*theory of gravity*) theo khoa học cổ điển của Newton. Einstein nói rằng không gian và

thời gian, nói gọn là "không-thời gian" (*space-time*) không phải là một mặt phẳng như ta thường hiểu mà là một "khối", nó có thể cong đi (curved) như mặt một quả cầu. Khối lượng (mass) và năng lượng (energy) ở bên trong nó sẽ làm không-thời gian cong đi như ta uốn cong một miếng sắt. Vì thế không có cái gì gọi là "lực hấp dẫn" cả, mà chỉ có không-thời gian bị cuốn lại, soắn lại (*warped*) ở quanh những khối lượng lớn như Mặt Trời, Trái đất, các giải thiên hà v.v...

Thời gian hay "đường đời" bị uốn cong

Nhắc lại qua loa lý thuyết tương đối của Einstein, chúng ta đã có thể trở lại vấn đề du hành trong thời gian của hai nhà bác học người Anh.

Nên nhớ khi nói "Không-Thời gian soắn lại", chúng ta phải hiểu không phải chỉ có không gian soắn, mà cả thời gian cũng soắn.

Khi Trái Đất quay xung quanh Mặt Trời thì đó là khối lượng (*mass*) của Mặt Trời quá lớn, làm cho không gian ở quanh nó cuộn lại, Trái Đất nằm trong vòng kiềm tỏa của không gian bị cuộn (*warped*) đó, nên mới phải chạy vòng vòng trên quỹ đạo mãi mãi không ngừng.

Nhưng đó mới chỉ là không gian. Còn thời gian thì sao? Tất nhiên nó cũng soắn lại.

Lý thuyết tương đối tổng quát của Einstein được trình bày dưới dạng một loạt những phương trình (*equations*) toán học, mà nếu không được trang bị bằng một kiến thức toán học cao cấp, chúng ta không thể nào giải nổi. Chúng ta chỉ cần biết là chắc chắn thời gian cũng cuộn lại nhưng nó không cuộn lại dễ dàng như không gian. Điều này các phương trình của Einstein đã cho thấy hiển nhiên.

Các phương trình của Einstein về Không-Thời gian còn được diễn tả bằng một đồ biểu có tên rất lạ với người ngoài giới khoa học. Đó là đồ biểu "hình nón ánh sáng" (*light cone*) và đồ biểu gọi là "đường đời" (*worldline*). Đây là thứ đồ biểu bát quái của Dịch học tân thời, chúng tôi đành để một dịp khác sẽ trình bày toàn bộ đồ biểu này bởi vì nó quá dài dòng.

Ở đây chỉ xin vắn tắt nói về "đường đời". Thế nào là "đường đời"? Đó là đồ biểu của một vật (hay một người) di chuyển trong khối quyến thuộc không-thời gian.

Nhưng thế nào là "đồ biểu" trong khoa học?

Bạn có một tờ giấy trắng (một trang giấy vở học trò chẳng hạn, bạn chấm vào đó một điểm. Đó là bạn đã tạo đồ biểu của một điểm (vật) đứng im trong thế giới... hai chiều: chiều dọc và chiều ngang của trang giấy.

Nhưng trong không gian ba chiều thì sao? Bạn đứng ở giữa phòng của bạn, bạn lấy tay với và nắm lấy một cái bóng đèn treo rủ từ trần nhà xuống: đó là bạn đã vẽ được một đồ biểu của một điểm (bóng đèn điện) trong không gian ba chiều rồi. Bởi vì bạn có thể biết bóng đèn cách mặt đất bao xa (chiều cao), cách bức tường trước mặt bao xa (chiều dài) và cách bức tường bên cạnh bao xa (chiều rộng). Nếu bạn khéo tay, bạn có thể vẽ ngay trên mặt giấy một hình khối ba chiều ở giữa có bóng đèn.

Bây giờ, đến vấn đề vẽ đồ biểu trong bốn chiều của không-thời gian thì mới thật khổ! Làm thế nào vẽ được cả chiều "thời gian" đang di chuyển (tích tắc) đây?

Vậy mà các nhà bác học có cách vẽ được đó. Một điểm (vật) trong khối không-thời gian là một vệt dài như một đường chỉ, người ta gọi đó là "đường đời" (*worldline*).

Theo hai nhà bác học người Anh, phương trình của Einstein đã cho thấy khi không-thời gian soắn đến độ ghê gớm nhất, thì "đường đời" cũng cuộn lại thành một vòng tròn khép kín theo đúng luật thời gian (*closed time like curve*), và để cho gọn chúng ta gọi đó là đường CTC.

Đường CTC sẽ xuyên thủng, xé rách khối không-thời gian để cuộn lại như ta cuộn... chả giò. Nghĩa là bắt buộc nó phải cuốn ngược chiều về quá khứ rồi vòng trở lại và dọt đến... tương lai luôn. Thành ra việc du hành trong thời gian (về quá khứ, hay đi... tương lai) không phải là vấn đề tạo ra một máy thời gian, mà là tạo ra một con đường CTC để máy bay thông thường có thể theo đường đó mà di chuyển.

Chuyển sang vật lý lượng tử

Nhưng có thật không đó, hả mấy cha nội khoa học?

Nhà toán học Đức Kurt Godel đã tìm được một nghiệm (*solution*) cho các phương trình Einstein để mô tả CTC. Nghiệm này đòi hỏi toàn bộ vũ trụ phải xoay tròn, có điều là cho đến nay chưa thấy bằng cớ gì chứng tỏ vũ trụ xoay tròn hết.

Trong những nghiệm khác của phương Trình Einstein cũng có mô tả CTC trong trường hợp lỗ đen (*black hole*) với khối lượng lớn xoay tròn. Chắc chắn là lỗ đen xoay tròn, nhưng phương trình của Einstein chưa tính được vấn đề hậu quả của vật chất bị hút vào lỗ đen. Thành ra vấn đề cũng là nghi vấn.

Thế nhưng chỉ riêng vấn đề phá rách màng lưới "Không-Thời gian" thì còn nhiều thuyết khác. Chẳng hạn như thuyết lỗ sâu (worm holes) của nhà bác học Mỹ đương kim, nhà vật lý John A. Wheeler của trường Đại học Princeton. Ngoài ra nhà bác học Kip S.Thorne, Viện Kỹ Thuật học California (California Institute of Technology) và nhiều nhà bác học khác đã tính rằng lỗ sâu có thể cuộn tròn thành một CTC. Nên nhớ worm hole là lý thuyết đáng chú ý nhất hiện nay, để đi từ vũ trụ này qua vũ trụ khác, xuyên thủng luôn khối quyến thuộc Không-Thời gian.

Và đến đây, các nhà khoa học đành phải nắm lấy cái cột trụ thứ hai, vững chắc nhất: đó là môn Vật lý lượng tử (*Quantum Physics*).

Muốn tìm ra hiện tượng CTC thì cách tốt nhất là chui vào nơi tận cùng của vật chất mà tìm: đó là thế giới vi mô, thế giới nhỏ nhất dưới nguyên tử (*subatomic*).

Theo hai nhà bác học người Anh, CTC khó tìm thấy trong không gian vũ trụ bao la, nhưng rất có thể nó đã hiện diện trong thế giới cực vi do hiệu ứng của cơ học lượng tử (*Quantum mechanics*). Vấn đề chính là một nguyên lý của luật tạo hóa. Nếu CTC đã có trong thế giới cực vi bên trong nguyên tử, nếu quả thật thời gian xoắn lại để có những hạt

đi về quá khứ hoặc dọt sang tương lai, thì nguyên lý đòi hỏi nó tất nhiên cũng phải có trong thế giới cực lớn là vũ trụ.

Cố nhiên đây chỉ là lý thuyết, mà lý thuyết thì còn phải mất nhiều thời giờ tranh luận và thử nghiệm.

Điều mà hai ông David Deutsch và Michael Lockwood ở Đại học Oxford muốn nêu ra là quan niệm "nghịch lý thời gian" (time paradox) là không đúng, vì có muôn triệu vũ trụ chồng chập.

Thứ hai vấn đề du hành trong thời gian có thể được xây dựng trên các cột trụ của khoa học như thuyết tương đối và vật lý lượng tử. Cho đến nay, các nhà bác học chưa thể đưa ra một lý luận nào vững chắc cho rằng không thể trở về quá khứ hay đi đến tương lai được.

Thế nhưng có một lý luận đơn giản nhất không phải lý thuyết, mà là thực tế, để chống lại vấn đề du hành trong thời gian.

Chính nhà bác học Anh Stephen Hawking cũng đứng về phía bài bác vấn đề du hành trong thời gian. Về lý thuyết ông cho rằng hiệu ứng của cơ học lượng tử làm cho CTC không thể thành hình được, hoặc dù nó có thành thì hiệu ứng đó cũng giết chết luôn kẻ nào đi vào CTC để trở về quá khứ.

Còn về thực tế, ông nói giản dị như sau: "Bằng chứng rõ rệt nhất cho thấy bây giờ và sau này không thể có chuyện trở về quá khứ là ngày nay chẳng thấy ai ở tương lai về thăm chúng ta hết. Nếu đã có CTC thì cố nhiên chúng ta phải thấy hàng đoàn hàng lũ khách du lịch ở tương lai về thăm chúng ta."

Hai ông Deutsch và Lockwood nói: Ông Stephen Hawking đã lầm. Bởi vì CTC ở trên Trái Đất này không thể đưa con người trên hành tinh này về quá xa trong quá khứ được. Nó chỉ có thể vòng trở lại khi con người bắt đầu tìm thấy nó. Thí dụ vào năm 2054, khoa học tiến đến mức có thể chứng minh được CTC, rồi từ đó về sau làm ra con đường trở về quá khứ, thì con đường đó cũng chỉ có thể trở về đến năm 2054 được thôi, chớ không thể xa hơn được.

Có thể trong vũ trụ bao la này có nhiều loài thông minh hơn chúng ta, họ cũng đã tạo ra những con đường CTC rồi, nhưng cũng không có lý do gì để họ đặc biệt chú ý đến Địa Cầu của chúng ta và đến chơi vào đúng... thế kỷ 20 này. Và cũng không nên quên rằng theo thuyết vũ trụ chồng chập, con người của vũ trụ này đi về quá khứ của một vũ trụ khác với chúng ta. Và nếu có con người ở vũ trụ khác với chúng ta về được vũ trụ này thì cố nhiên họ chẳng ở được lâu, và nếu có ở lâu họ cũng phải dấu kỹ tung tích của họ.

Biết đâu, trong số các bạn đọc bài này, chẳng có một vị đã từ tương lai trở về mà vẫn mai danh ẩn tích, để giả bộ sinh hoạt bình thường giữa loài người chúng ta.

Chúng tôi xin dịch lời kết luận của bài báo "Vật lý lượng tử và du hành trong thời gian."

Chúng tôi kết luận rằng nếu không thể có việc du hành trong thời gian, vậy thì người ta vẫn chưa tìm ra được một lý do nào để chứng minh cho sự không thể có đó. Có thể chúng ta sẽ tìm hay không tìm được CTC, hoặc sáng chế được một đường soắn thời gian.

Nhưng nếu lý thuyết đa vũ trụ chứng minh là có thật, và nếu trong môn lượng tử vũ trụ học và môn giải thuật dữ kiện theo lý thuyết lượng tử, không còn một phương pháp nào khác, thì sự bác bỏ có tính chất tiêu chuẩn đối với du hành trong thời gian phải tùy ở những mẫu hình giả tạo của thực tại vật lý. Bởi vậy chúng tôi mong rằng vị nào còn muốn bác bỏ ý kiến du hành trong thời gian, hãy đưa ra một vài luận cứ mới về khoa học cũng như về triết học.■

Sơn Điền
NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Đồ biểu "đường đời" của một cô gái trong bốn chiều không-thời gian theo vòng soắn khép kín CTC.

Nếu thí dụ "không-thời gian" là một mặt phẳng, "đường đời" soắn lại có thể xuyên thủng tấm thảm dệt thành không-thời gian để trở về quá khứ hay đạt đến tương lai.

BÀ NẤM

NGUYỄN TUYỂN

Ngôi giáo đường trở lại sự vắng lặng hoàn toàn của những lúc không có thánh lễ. Một vài người ở lại đọc kinh cầu nguyện riêng cũng đã ra về hết. Bà Nấm là người sau cùng còn ở lại. Bà tới quỳ trước tượng Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp đọc kinh thêm và cầu xin những ý nguyện riêng.

Ngày nào cũng vậy, ngày cuối tuần lễ trọng cũng như ngày thường, bà phải là người cuối cùng ra khỏi nhà thờ. Về nhà thì lại cũng ngồi lù lù một đống.

Bà Nấm mở cánh cửa nhà thờ và bước chân ra đường. Ôi chao cái xứ sở chết tiệt này sao mà nó lạnh thế. Người ngợm hở ra chỗ nào là nó lạnh còn hơn kim châm vào thịt. Bà đã phải mặc ba cái quần, ba cái áo, thêm hai cái áo len và bên ngoài khoác thêm cái áo choàng dày cộm giống mấy cái mo cau. Đầu thì đội cái mũ len ngoài chít khăn mỏ quạ, tay đeo găng tay, chân đi đôi giày tây với hai đôi vớ. Ngày trước ông chồng bà khi còn sống đi đôi giày lính cũng chỉ lớn đến thế thôi.

Đút hai tay vào túi mà nó vẫn lạnh. Chỉ khổ nhất cái mặt, không giấu đi đâu được nên sờ vào gần như chẳng thấy còn cảm giác gì nữa.

Chín giờ sáng. Người nào phải đi làm đã đi làm rồi, trẻ con cũng đã đi học rồi. Đường phố của góc thành phố Waterbury này vắng vẻ lạ thường. Tuyết rơi lác đác nhè nhẹ. Vài cánh hoa tuyết mỏng manh rớt trên tấm khăn vuông của bà, màu trắng tương phản với màu đen thật rõ rệt.

Bà Nấm chầm chậm bấm chân đi về nhà trên lề đường nước đá trơn như mỡ. Người ta đã rải cát với muối để ai đi bộ cho khỏi trơn trợt nhưng vẫn cứ trơn. Mười ngón chân bà như muốn bấm xuyên qua đế giày để bấm xuống mặt đường cho chắc chắc hơn. Có lần bà đã ngã nhưng phúc bảy mươi đời, đầu lại đập xuống thảm tuyết trên cỏ. Nếu đập xuống mặt lộ hay lề đường, chắc cũng dám xong rồi.

Quãng đường về nhà chẳng xa xôi gì cho cam nhưng xuống dốc lên dốc làm cho hành trình lâu lắc khó khăn. Nhà thờ trên đầu dốc đi xuống vài trăm thước phía dưới là tới ngã tư. Queo trái đi khoảng một cây số gặp ngã ba queo phải lên dốc một lúc là về tới nhà. Hai bên đường nhà cửa như chen lẫn giữa cánh rừng cây trụi lá. Thân cành mốc thếch vươn vai giao nhau yên ắng lạ thường khác với những ngày hè cành lá xum xuê đầy những chim ríu rít phát nhức đầu.

Bà Nấm chợt dừng chân nhìn chú sóc lẻ loi chạy ngập ngừng trên thảm tuyết. Nó dừng lại trên hai chân sau giương mắt nhìn bà.

"Ê mày." Bà bảo nó. "Cả họ nhà mày còn đang ngủ tít thò lò mà sao mày lần mò ra đây làm gì cho khổ. Khó ngủ hả?"

Bà lần túi áo nhưng chẳng có gì để cho. Chúng nó ngủ suốt mùa đông mà giờ này con này bỏ tổ ra lang thang làm gì cơ chứ. Bà giơ tay lên cao dứ dứ và miệng xùy xùy đuổi. Nó có vẻ ngạc nhiên nhưng rồi cũng quay đầu cong đuôi chạy leo lên cây.

Cái con sóc nhỏ làm bà phải dở dang tràng kinh đọc trên đường về.

Nguyên, người cán sự xã hội, gõ cửa hai ba lần không thấy ai trả lời. Nguyên đẩy cửa thì thấy mở. Chàng thò đầu vào quan sát thấy bà Nấm ngồi chồm hổm kiểu chống lụt trên chiếc ghế duy nhất của căn nhà.

"Chào bà Nấm." Chàng lên tiếng.

Bà Nấm nín lặng buồn thiu vẫn hai tay bó củi quanh hai ống chân, đầu gối chống cằm. Bà gầy ốm khẳng khiu khiến người ta có cảm tưởng nếu bà cố gắng vòng tay dài hơn chút nữa, nếu không đủ hai vòng thì hai cánh tay bà cũng ít ra đủ đến vòng rưỡi cơ thể trong thế ngồi ấy.

"Tôi nghe qua lối xóm thấy nói bà đau nên ghé thăm và đưa bà đi bác sĩ."

"Tôi chỉ váng vất khó chịu tí thôi. Đống thuốc chỗ kia vẫn còn đầy dẫy tôi uống cũng được."

Người cán sự xã hội ra về. Bà Nấm không đổi cách ngồi hay đứng lên. Tiếng gió rít qua các khe hở của vách gỗ, sàn gỗ kêu vi vu.

Đây là giang sơn của bà Nấm. Một mình một giang sơn trên đỉnh đồi cao. Nhà ông Tâm, nhà ông Điệp mé phía dưới gần đó nhí nhúc nhí nhảo những người là người. Bà không chịu được ai và cũng không ai chịu được bà. Người ta tìm mãi mới được căn nhà một phòng có đầy đủ tiện nghi cầu tiêu, phòng tắm, bếp núc, lại thêm cả tủ lạnh nữa không thiếu thứ gì. Có điều nó thật nhỏ. Căn nhà một phòng nhỏ bé chơ vơ, trên đồi xa hẳn những căn nhà khác. Cũng không có cây cối vây quanh như những ngôi nhà khác.

Có lần ông Điệp đến nhà bà chơi, nói chọc:

"Nhà bà trông giống cái chuồng chim nhảy. Mà cũng có đủ mọi thứ đấy. Còn muốn gì nữa."

Nào bà có đòi hỏi, có muốn gì đâu. Kể cả việc bà có mặt trên đất Mỹ. Một lần bà lững thững sang nhà ông chơi, ngồi kể:

"Bữa đó tôi đang đứng trên cầu tàu ở Cam Ranh. Tay đang giắt chiếc xe đạp. Cái tay nải quần áo móc trên tay lái. Mắt ngó trời ngó đất chẳng biết đi đâu đến đâu bây giờ. Lúc mất Đà Nẵng, tôi chạy từ Đà Nẵng vào trên một chiếc ghe máy đến đây thì người ta đuổi tôi lên vì tôi không có đủ tiền tàu. Tôi thấy có tiếng súng nổ, tiếng đạn pháo kích rồi người ta chạy rầm rầm tới đông lắm. Tôi nép qua một bên tránh chỗ cho họ chạy nhưng họ cứ đẩy tới đẩy tới. Tôi làm thế nào cũng không được, suýt nữa rơi xuống nước. Họ đẩy tôi ngã chổng kềnh xuống một chiếc ghe đau thấu trời xanh. Người ta cứ thế chạy mấy ngày mấy đêm thế là tôi đến Mỹ."

Bà Nẫm chỉ tính chạy làm sao vào được tới Sàigòn tìm người quen tá túc cho qua cơn giặc giã rồi lại trở về Đà Nẵng, vì bà quen buôn bán quanh quẩn ở chợ Hàn, cũng đủ qua ngày. Chồng chết. Có thằng con duy nhất cũng đi lính đánh giặc chết ngoài Quảng Trị. Quê nhà làng nước ở mãi miền biển Bùi Chu đất Bắc. Thân cô thế cô sống nhờ sự tử tế của chòm xóm.

Bà Nẫm được một họ đạo Tin lành giàu có tiểu bang Connecticut bảo trợ. Họ lãnh bà ra khỏi trại tỵ nạn. Bà đến ở tạm trong gia đình người chủ một viện dưỡng lão. Nhân tiện, để giúp bà có công ăn việc làm, chính gia đình bảo trợ cho bà một phòng để ở và làm công việc ngay trong viện dưỡng lão. Bà giúp người ta dọn dẹp, phụ việc cho một người y tá. Vì bà không biết tiếng Mỹ, muốn nói bà làm gì, người ta vừa nói vừa làm mẫu để bà biết và làm theo. Tất cả mọi người đều vất vả do ngôn ngữ bất đồng tạo ra. Nhiều lần, họ gọi điện thoại nhờ thông dịch, giải thích để bà hiểu rõ hơn công việc làm. Có những thứ người ta thấy bà gật đầu tưởng là bà hiểu phải cất đi thì bà lại đem đổ thùng rác hoặc ngược lại.

Bà mệt mỏi. Họ cũng mệt mỏi. Có lẽ bà mệt mỏi nhiều hơn vì dạo sau bà kêu nhức đầu thường xuyên và hay lú lẫn. Bà nói họ hay nhìn trộm và nói xấu bà. "Làm sao bà biết" có người hỏi. "Biết chứ, cứ nhìn mắt họ liếc tới liếc lui là đoán được." Có lần bà nói tiền lương bà để trong ngân hàng mà người ta cũng ăn trộm mất gần hết phân nửa.

Rồi ba không làm nữa, cứ ngồi bó củi trong phòng. Người ta bàn tính với nhau và đưa bà đi bác sĩ tâm trí.

Hôm ấy, bà cắn răng chịu lạnh, sang gõ cửa nhà ông Tâm xin tách nước trà uống cho ấm bụng. Ngồi uống với người khác cho đỡ cô đơn thì đúng hơn.

Gia đình ông Tâm, ông Điệp là mấy gia đình đánh cá Phước Tỉnh được đưa tới xó núi này. Cũng là một thứ cá ném lên cạn. Trẻ con đi học nhưng người lớn ngồi ở nhà tán chuyện trên trời dưới đất. Bà Nẫm không thể đọc kinh từ lúc ngủ dậy tới lúc đi ngủ. Bà cũng không thể nào ngồi chồm hổm hết trên ghế đến cạnh giường ngày này sang ngày khác được. Bà cũng nấu được nước trà để uống nhưng nhiều khi bà nấu xong để đó không uống.

Ông Điệp, ông Tâm thỉnh thoảng hay nói châm nói chọc bà nhưng không sang nhà họ ngồi thì cũng chẳng biết đi đâu. Người hay chòng bà nhất là thằng Sáng, cháu ông Tâm. Nó bảo:

"Người ta ai cũng có tên lịch sự. Chẳng ai tên Nẫm như bà nghe chẳng ra làm sao cả."

Bà nổi cáu:

"Mẹ mày đẻ mày ban ngày nên đặt tên mày là Sáng chứ nếu đẻ ban đêm chắc đặt tên mày là Tối rồi. Mẹ mày đặt tên mày là Cứt thì mày cũng có cái tên Cứt chứ có ai hỏi ý kiến mày trước đâu."

Nghe bọn láo lếu châm chọc mãi phát nhức cả đầu, bà phủi đít bỏ về nấu miếng cơm ăn. Tuyết bắt đầu xuống nhiều. Những cánh hoa tuyết lớn rơi nhanh đan vào nhau. Bà kéo khăn quàng cổ quấn quanh mặt chỉ để chừa ra hai con mắt nhìn đường. Không biết tuyết ở đâu ra mà nó nhiều, nó lắm thế. Lạnh đã thừa khổ rồi lại còn tuyết nữa. Một vài lần tuyết xuống nhiều quá, người ta đào tuyết thành từng cái rãnh cho người đi bộ có lối đi làm bà nhớ tới những cái rãnh tăng-xê đào dọc theo lũy tre làng để người ta nhảy xuống tránh bom, tránh đạn đại bác câu tới. Bà nhớ cái lạnh gọi là cắt da cắt thịt trong những ngày đông mưa phùn gió bấc nơi quê nhà miền Bắc nước Việt. Đầu đội nón, khoác áo tơi lá, quần xắn tới đầu gối đi trên con đường làng khúc khủy trơn trợt. Bà đã thấy như vậy là khổ, là khốn nạn lắm rồi. Được cái tuổi trẻ, chịu đựng được.

So với cái lạnh giết người của nước Mỹ này, mùa đông buốt giá ở Bắc Việt, chẳng thấm thía vào đâu. Hồi còn trong trại tỵ nạn, người ta khảo nhau rằng nước Mỹ nó lạnh đến độ mình đi đường, tai rụng xuống lúc nào không biết. Bà chưa bị rụng tai và cũng chưa thấy ai bị rụng nhưng lạnh như vầy có ngày dám rụng thật lắm.

Rồi cũng mò về tới nhà, bà lục tủ lạnh lôi ra miếng cải bắp. Bà cẩn thận bọc bằng bao nylon và đánh dấu, nhìn xem có đứa nào đã mở trộm ra không. Bát tép rang mặn còn thừa từ hôm qua cũng được bọc và cột chặt bằng bao nylon, cũng được đánh dấu đàng hoàng.

Một lần uống bình sữa cũ bị đau bụng tiêu chảy sối sả, bà khai với bác sĩ là cái đứa chết tiệt nào đó đã bỏ chất độc vào đồ ăn thức uống của bà.

Bà luộc cải bắp với một quả trứng. Âm thanh khuấy động không gian là tiếng giày bà kéo lệt xệt trên sàn gỗ, tiếng cái bát cái nồi bà bỏ xuống mặt bàn.

Ngồi trước bát cơm, bà giơ tay làm dấu đọc kinh. Nghi thức không thể thiếu của người công giáo mỗi bữa ăn. Bưng bát cơm, nước mắt tự dưng tràn ra. Bà lùa miếng cơm chầm chậm vào mồm, nhai uể oải miếng cơm lạt mặc kệ hai hàng nước mắt lăn trên đôi gò má hóp nhăn nheo.

Lúc còn đi làm cho Viện Dưỡng Lão, bà được ăn khẩu phần tương tự như các bệnh nhân già ở đây. Người ta bảo như vậy là một đời sống phải mơ ước mới có. Mỗi ngày một món súp khác nhau. Bữa thì thịt bò bí tết thật mềm chớ không dai nhách như bà làm. Bữa thì gà nước vàng ngậy, bữa thì những món gỉ món gì bà chẳng biết tên, chẳng quen ăn nên rất thèm cơm. Một tí cơm rau luộc thịt kho hay tép rang như thế này mà dễ nuốt.

Đã hai lần bà đeo tay nải lên vai, bỏ viện dưỡng lão ra đi. Tay bà cầm lá cờ Mỹ quốc nho nhỏ bằng bàn tay người ta phát cho

khi họ đón bà ở phi trường lúc xuất trại. Bà tới chỗ nào có tòa nhà to lớn và đằng trước có cột cờ là xông vào. Bà đưa cả lá cờ và bọc giấy tờ tùy thân người ta phát cho bà. Cảnh sát được thông báo có một người đàn bà tị nạn Việt Nam đi lạc mà không biết tiếng Mỹ bèn chạy tới đón về trụ sở, gọi Văn Phòng Định Cư Tỵ Nạn cho người đến đón.

Ông Nguyên hỏi:

"Bà đi đâu vậy? Lạc thì sao?"

"Giời ơi, không biết tiếng Mỹ tiếng miếc gì nhưng tôi cứ thấy nhà nào to mà có cờ Mỹ là tôi vào. Người ta phải lo cho tôi à."

Hồi trong trại tị nạn, người ta dọa rằng, tới xứ lạ quê người, mình không lo làm, không chịu cực chỉ có mà chết đói. Bà đã khai rút tuổi xuống một giáp. Năm mươi chín còn có bốn mươi bảy tuổi. Nếu khai rút nhiều quá sợ Mỹ nó biết. Đâu cũng vậy, mướn một bà lão về chỉ để thờ thôi chớ chẳng được tích sự gì. Những người chung quanh ai cũng khuyên bà rút tuổi. Nhiều người cũng đã rút tuổi chẳng riêng gì bà.

Người bảo trợ và cũng là người mướn bà làm cũng đã hoài nghi tuổi bốn bảy không đúng với nhân dạng của bà. Chân tay da dẻ nhăn nheo, những vết nhăn xếp từng nếp trên khuôn mặt già nua khắc khổ không tương ứng với số tuổi trên giấy tờ. Tuy nhiên họ nói họ vẫn muốn giúp bà việc làm, chỗ ăn chỗ ở. Việc làm thì bà muốn làm thì làm, không muốn làm lúc nào cứ nghỉ. Họ không ép. Còn chuyện ăn ở họ nói bà không phải bận tâm. Sự cô đơn giữa đám người xa lạ khác chủng tộc khác ngôn ngữ, khác nếp sống đã khiến bà cương quyết đòi tới chỗ nào có thêm người đồng hương thì bà mới chịu ở. "Nếu không đưa tôi đi thì tôi cũng cứ đeo tay nải tôi đi. Tới đâu thì tới."

Người ta đã sắp xếp cho bà ở chung hai lần với hai gia đình người Việt khác nhưng không ai chịu đựng được ai. Bà nói người ta ngoáy tai, cắt cái móng tay khắm thối đó nướng thành than để làm thuốc độc hại bà. Bà bảo nửa đêm bà đang ngủ mà có đứa cầm dao vào dọa giết vì bà đã nói ra sự thật những cái xấu xa ma bùn của những người ở chung. Ai cũng chối không làm gì bà cả.

Được ở riêng một mình một nhà, bà mừng rỡ mà ai cũng mừng rỡ.

"Mình chẳng làm phiền ai và cũng chẳng ai làm phiền mình. Thế là xong." Bà nói với người cán sự xã hội giúp bà dọn nhà.

Một lần bà đứng trước cửa nhà chửi thật lớn tiếng:

"Cha tiên nhân con đẻ mẹ đứa nào nhá. Tao già cả nghèo nàn chỉ có mấy chiếc váy đụp mà chúng mày còn tới rình mò ăn trộm ăn cắp. Váy đụp của bà lấy về thì đắp mặt ông mặt cha nhà chúng mày thế nào được mà cũng tính lấy. Cha tiên nhân nhà chúng mày nhá..."

Bà nói với Nguyên có lần bà thấy rõ ràng có người cầm con dao thật to rình bên hông nhà. Bà sợ quá đóng chặt cửa và ngồi lần tràng hạt đọc kinh. Bà đọc kinh thật to để trấn tĩnh tinh thần và để cho đứa bên ngoài nghe lời kinh nguyện biết đâu chúng nó không hối hận chuyện định làm mà bỏ đi.

Nguyên nói "Chẳng có ai làm gì đâu. Tất cả do bà tưởng tượng ra thôi. Bà ráng uống đều hòa mấy thứ thuốc bác sĩ dặn mà tôi đã nói lại rành rẽ cho bà. Đầu óc tỉnh táo lại, bà sẽ thấy dễ chịu hơn."

Bưng bát cơm ngồi ăn, không mấy khi bà không nghĩ tới thằng con trai độc đinh. Lần cuối cùng nó về phép, bà mua cua bể cuốn chả giò đãi nó một bữa phủ phê. Nó thích món này vô cùng. Bà nhìn con ăn như rồng cuốn mà thấy vui. Bà bảo:

"Năm nay mày đã hăm hai rồi. Cái con Huê tao hỏi mẹ nó thì cả hai mẹ con nó như đều bằng lòng cả đấy. Mày có chịu không thì tao nói."

Huê là con gái của bà hàng cá ngồi cách bà mấy sạp, giúp mẹ chợ búa giỏi giang. Con bà về phép ra chợ giúp mẹ bưng đồ ra, dọn đồ về đã gặp và nói chuyện nhiều lần.

Bà tính nó về phép lần nữa thì hai mẹ con sẽ tới nhà Huê xin hỏi. Nhưng chỉ hai ngày sau bà nhận được tin con chết trận. Bà nhận xác con đem chôn mà nát cả cõi lòng. Gần mười năm trước chôn chồng, một mình tần tảo nuôi con tưởng có ngày con báo đáp phụng dưỡng. Nào ai ngờ tre già phải khóc măng non. Cái túp nhà của bà dự trù cho ba người nay chỉ còn mình bà, nó quạnh quẽ thê lương đến nỗi không mấy ngày bà không khóc khi nhìn ảnh chồng, ảnh con. Những bữa cơm tối, từ đó, không còn gì sinh thú.

Ngồi nhai uể oải mấy miếng cơm mãi không hết nổi một bát, bà buông đũa buông bát. Hình ảnh chồng, hình ảnh con lại hiện ra trong đầu như gần như xa. Hình chồng con bà gói trong chiếc tay nải trên đường chạy giặc đã bị người ta hất văng xuống biển ở Cam Ranh. Đi tới nước người tay không, quần áo xin người này, xin người kia lần hồi cũng đủ thay đổi.

Nhớ lại ngày ấy, cãi nhau với vợ chồng ông anh một trận kịch liệt, Vực rủ Nẫm đi trốn lên tỉnh. Nẫm cũng muốn đi ra khỏi đời sống lam lũ nơi đồng ruộng. Mình làm cái gì người ta ai cũng biết. Không ai giấu ai được chuyện gì. Đêm hôm qua đầu làng có gì xảy ra, sáng sớm hôm sau cuối làng người ta đã khác nhau ầm ỹ.

Có một tối Vực hẹn với Nẫm ngồi nói chuyện ngoài bờ đê, thế

mà ngày hôm sau, người ta nói tới tai Nẫm là họ đã thấy hai đứa quấn lấy nhau nhấp nha nhấp nhổm y như người ta đứng bên cạnh mà nhòm. Người ta bảo Nẫm rên ư ử nữa. Nẫm đỏ mặt tía tai cải chính chỉ ngồi nói chuyện với nhau thôi, không có gì bậy bạ như người ta vẽ rắn thêm chân.

Lên tỉnh Nam Định, Vực quyết định đăng lính. Rồi cuộc di cư vĩ đại 1954 đẩy vợ chồng Nẫm ôm theo đứa con một tuổi vào miền Nam nước Việt. Sau nhiều lần thay đổi đơn vị, cuối cùng chồng Nẫm đóng ở Đà Nẵng. Nẫm chắt chiu bòn góp sang được một chỗ ngồi to bằng hai cái chiếu manh ở chợ Hàn, con gửi lối xóm, tần tảo thêm cặp tiền bạc. Nẫm vừa mua được căn nhà chung vách với lối xóm gần chợ thì chồng chết.

Vực đi hành quân trên núi bị phục kích. Trung sĩ Vực hy sinh cùng với ba người lính cùng trung đội.

Chồng chết, con còn nhỏ, không họ hàng ruột thịt chung quanh, Nẫm đã khóc thật to. Tấm khăn trắng ướt đẫm nước mắt mà Nẫm vẫn phủ phục bên quan tài. Thằng con mười tuổi lúng túng trong tấm áo xô chẳng biết phải làm gì.

"Ôi anh ơi anh đi đâu bỏ mẹ con em giữa đường giữa chợ." Nẫm gào lên đến khản đặc cả tiếng. Tưởng rằng mua được căn nhà, khi chồng giải ngũ thì cũng đã có chỗ chui ra chui vào và Nẫm cũng có người phụ tay buôn bán. Ai ngờ vợ chồng đứt gánh giữa đường, mẹ con Nẫm lủi thủi ra vào.

Tới phiên con trai Nẫm đi vào guồng máy chiến tranh. Nó không phải đi lính. Mẹ già con độc đinh người ta không bắt nó đi quân dịch nhưng khi thi rớt tú tài, nghe bạn bè rủ rê nó cùng với mấy đứa nữa xin đi học trường hạ sĩ quan Đồng Đế. Mấy đứa kia không đi cũng vướng quân dịch nhưng nó thì khác. Bà ngăn cản, bà năn nỉ, bà bảo bà lạy nó mà nó vẫn trốn nhà mà đi. Mãn khóa nó về phép thăm mẹ trước khi trình diện đơn vị ở Sư Đoàn I Bộ Binh. Rồi nó đi Huế, lâu lâu về với mẹ ít ngày. Có hỏi chuyện đánh chắc xem có nguy hiểm không, nó chỉ ậm ừ cho qua "Chiến tranh hai bên bắn nhau. Bên này bắn qua bên kia, bên kia bắn lại, súng nổ đạn bay có gì đâu mà kể."

Ngày nắng đêm đen, tiếng máy bay vần vũ trên trời, tiếng bom đạn ỳ ầm từ xa vọng lại làm bà thắt ruột đứng tim từng hồi mỗi khi nghĩ tới đứa con trai duy nhất. Bà chỉ biết mừng rỡ mỗi khi nó về và buồn rười rượi mỗi khi nó đi. Đôi khi nó dẫn thêm bạn bè về để cho mẹ hầu nhưng bà cũng vẫn vui vui trong lòng. Có lần nó còn rủ mẹ với đám bạn đi tắm biển ngoài bãi Sơn Chà. "Bố mày, già cả quê mùa như tao còn tắm táp nổi gì. Đi đi rồi chiều nhớ về ăn cơm." Bà mắng yêu con. Nó lên tới cai xếp mà lương lậu tháng nào hết nhẵn tháng đó, không biết tiêu xài những gì. Chỉ thấy mỗi lần nó từ nhà quay lại đơn vị bà lại phải dúi cho một ít tiền, chứ chưa thấy biếu mẹ được một đồng lấy thảo. Có lẽ như vậy mới là con một.

Một ngày mùa đông của bà Nẫm có lẽ nó dài lắm. Sáng sớm sương mù đi lễ rồi ngồi lại đọc kinh trong nhà thờ. Chiều xuống lại đi lễ chiều và lại đọc kinh. Trước khi đi ngủ đọc kinh vẫn thấy còn thừa quá nhiều thời giờ. Đi lễ, khi vị linh mục chủ tế yêu cầu mọi con chiên cùng nhận tội trước Thượng Đế và đọc: "Tôi thú nhận cùng thiên chúa toàn năng..." lời xưng tội và xin thiên chúa tha thứ cho mọi tội lỗi đã phạm trong tư tưởng, lời nói và việc làm. Bà đã cúi đầu thành khẩn đấm ngực ăn năn. Bà cầu xin ơn trên cho bà thêm dức tin, thêm sự can đảm. Bà cầu xin chúa cho mở cửa thiên đường đón chồng bà, con bà vào. Bà lo lắng cho họ cả khi họ đã chết và bà vẫn còn thấy có bổn phận với họ.

Bà Nẫm chưa có một ngày phải ở tù. Phước đức thay cho những kẻ nào chưa từng bị một ngày tù tội trên thế gian, nhất là lại chưa từng bị tù trên thiên đường đỏ.

Bà chưa hề bị tù. Con bà nó. Làm thế nào tiêu hết nổi một ngày cho nó đừng giống y hệt như ngày hôm qua, và cả những ngày trước ngày hôm qua. Làm sao cho ngày mai đừng giống ngày hôm nay. Ngọn lửa ga của lò sưởi ngay giữa nhà cháy phừng phừng tỏa hơi ấm. Hơi lạnh lùa vào từ trăm khe hở trên vách gỗ và sàn nhà gỗ đã giúp cho người ở không chết ngộp.

Bà Nẫm đã đi vòng quanh trong căn nhà của bà không biết bao nhiêu lần đếm xem nhà có bao nhiêu kẽ hở lớn nhỏ. Bà xòe bàn tay áp vào khe hở để xem hơi lạnh lùa vào buốt đến đâu. Gọi là một căn nhà cho sang, bước bạo ngang dọc vài bước thì đụng ngay vách.

Bà Nẫm nếu có địa chỉ ai quen bên quê nhà mà gửi thư về kể đời sống bên Mỹ, nói bà ở riêng một mình trong một căn nhà đầy đủ lò sưởi, bếp ga, tủ lạnh đầy thịt cá bơ sữa chất trong đó, ngủ thì giường nệm lò so, chăn đơn, chăn kép, có ai không nói bà đang ở cõi vĩnh phúc. Lương dân của cái thiên đường đỏ bên kia làm gì ra được cái của ấy, nhiều khi dù chỉ là đầu thừa đuôi thẹo.

Tuyết đã ngưng rơi từ chiều hôm qua. Những bụm tuyết nhỏ không khí ấm trở lại ướt lệt xệt lẫn với mưa. Nửa mưa nửa tuyết. Màn đêm đổ ập tới. Những vũng nước tuyết sền sệt đông đặc thành đá. Thân cây, cành cây được bao một lớp nước đá.

Sau khi từ nhà thờ về nhà được một lúc, bà Nẫm nai nịt cho thật ấm, đầu vấn chít chiếc khăn mỏ quạ trùm ra ngoài chiếc mũ len, khoác tay nải lên vai và không quên lá cờ Mỹ quốc nho nhỏ cầm trên tay. Không buồn nhìn lại căn nhà đã sống gần hết hai mùa đông, bà khép cửa nhẩn nha bước ra đường.

Đã lâu lắm mới thấy một ngày nắng thật tươi, thật đẹp như vậy. Trời xanh xanh ngắt như ngọc. Ánh nắng trong vắt chiếu vào các cành cây bọc nước đá trông như những cành thủy tinh long lanh chiếu sáng chỉ nhìn thấy trên các tấm thiệp giáng sinh hoặc trong các phim vẽ. Mái nhà đội tuyết trắng xóa.

Bà Nẫm bấm chân chầm chậm bước xuống phố. Ngồi mãi trong căn nhà ấy, không mấy khi hình ảnh chồng con không nhảy múa trong đầu. Bóng bà nhỏ dần, nhỏ dần cuối phố sau những cành cây thủy tinh rực rỡ của xứ thần tiên.

Người ta nhờ cả sở cảnh sát địa phương đi tìm nhưng cũng không thấy tung tích của bà Nẫm ở đâu. ■

CÔNG VIÊN ĐÔI: SEQUOIA - KINGS CANYON

NGÔ THANH TÙNG

Tọa lạc Đông Bắc Los Angeles khoảng hai giờ lái xe, công viên **Sequoia National Park** được một luật Quốc Hội thiết lập năm 1890 với mục đích bảo tồn cây cổ phong sequoia, thời đó đang bị thợ rừng chiếu cố rất kỹ. Công viên **Kings Canyon National Park** được Quốc Hội tấn phong thành công viên năm 1940 vì hai lý do. Thứ nhất, có hai đường mòn nhân tạo dài trên 1,000 dặm với hai tên: **1- California Trail**, một con đường mòn từ Nam ra Bắc, đi qua vùng đó, dành cho dân lội bộ, cần được bảo tồn; **2- Trans-Sierra Jaunt**, dài 80 dặm (còn có tên "The 100-mile Hike") thiết lập từ Đông sang Tây, vắt ngang qua rặn Sierra Nevada. Ngoài ra, còn một vùng tuyết giá hình chữ U giáp với công viên Sequoia ở mạn Bắc, cần được bảo vệ gắt gao chống lại nạn đốn gỗ, trồng tỉa, xây cất. Những con đường mòn nói trên nổi tiếng nhất lục địa Hoa Kỳ, vì chúng là những đường đỉnh dài, được đục đẽo, phát quang, rất công phu, do những nhà thám hiểm yêu thiên nhiên điều khiển và vẽ ra lộ trình, xin quốc hội ngân khoản để thực hiện. Cứ mỗi năm hay bảy dặm lại có một bãi cắm trại, nhà cầu. Phải chăng đây là thiên đường của các tay lội bộ đeo túi ngủ?

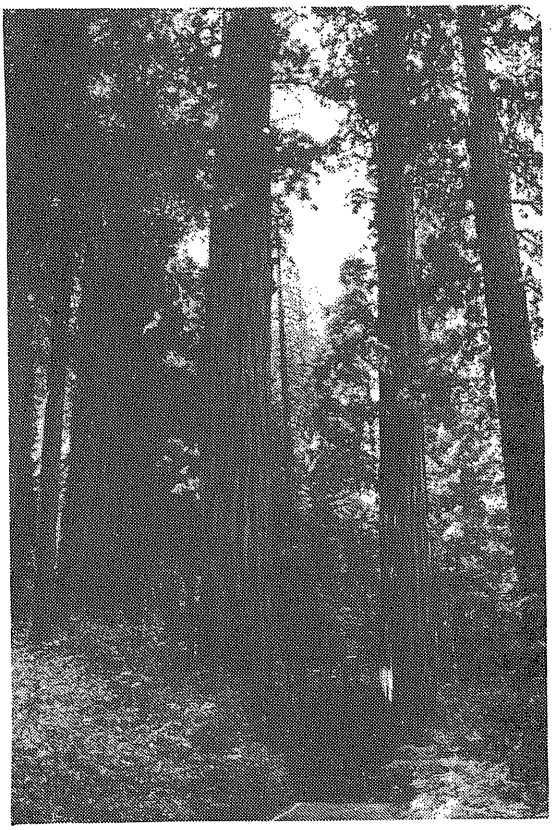

Đường vào Giant Forest - Ảnh Ngô Thanh Tùng

Hai công viên Sequoia và Kings Canyon cộng lại, rộng 847,194 mẫu, và chia ra làm nhiều vùng không có đường cho xe hơi vào, chỉ dành cho giới lội bộ.

"**California trail**" là con đường mòn nhân tạo, được xẻ men theo sườn núi, chạy suốt chiều dài tiểu bang California, nối vào với một đường mòn khác chạy suốt tiểu bang Oregon với cái tên Đường Mòn "**Oregon Trail**" lên đến tiểu bang Washington. Ba đoạn California trail nổi tiếng đi qua vùng phong cảnh đẹp nhất Cali là các đoạn có các tên: "**Hight Sierra Trail**" (có lối vào gần vùng Bearpaw Meadows); "**John Muir Trail**" (có lối vào gần Wallace Creek); và "**Lone Pine Trail**" (có lối vào gần Crabtree Meadow và Trail Crest). Thị trấn **Lone Pine**, nằm trên xa lộ 395, là trung tâm xuất phát hầu hết các đường mòn nhân tạo nói trên. Con đường dẫn lên đỉnh núi Whitney có tên là **Mount Whitney Trail**, cũng được xuất phát từ chân núi với cái tên **Whitney Portal**, cách Lone Pine trên 10 dặm.

Địa chỉ chung của cơ quan quản trị hai công viên là: **Kings Canyon - Sequoia National Park**, Three Rivers, CA 93271. (209) 561-3314. **Hai công viên Sequoia và Kings Canyon nằm giáp nhau và không có làn ranh.** Xin xem bản đồ đính kèm.

Lộ trình: hai lối vào công viên song đôi Sequoia - Kings Canyon Vào cửa $5 mỗi xe (1992). Chỉ có hai cửa vào công viên, cả hai cửa đều nằm về phía Tây. (Xin xem bản đồ) Một là tỉnh lộ 180 chạy chiều đông tây, qua thị trấn Fresno. Đó là con đường tẻ nhạt nhất Cali, đi qua khu trồng tỉa, gần đến công viên Kings Canyon, nó chạy vòng về phía Bắc và vào cửa công viên Kings Canyon. toàn đất phẳng để trồng trọt, một thứ đất cò bay thẳng cánh kiểu Hoa kỳ (không có cò) toàn luống cầy máy. Khi vào đến cửa *Kings Canyon*, bạn cứ lái thẳng. Đây là đoạn đường khoảng 1/4 của non 50 dặm mỹ cảnh lộ chạy qua hai công viên vừa kể, đoạn đường ngắn này nằm trong công viên *Kings Canyon*, một loại phong cảnh độc đáo của Cali, một thứ "*Grand Canyon*", không phải của

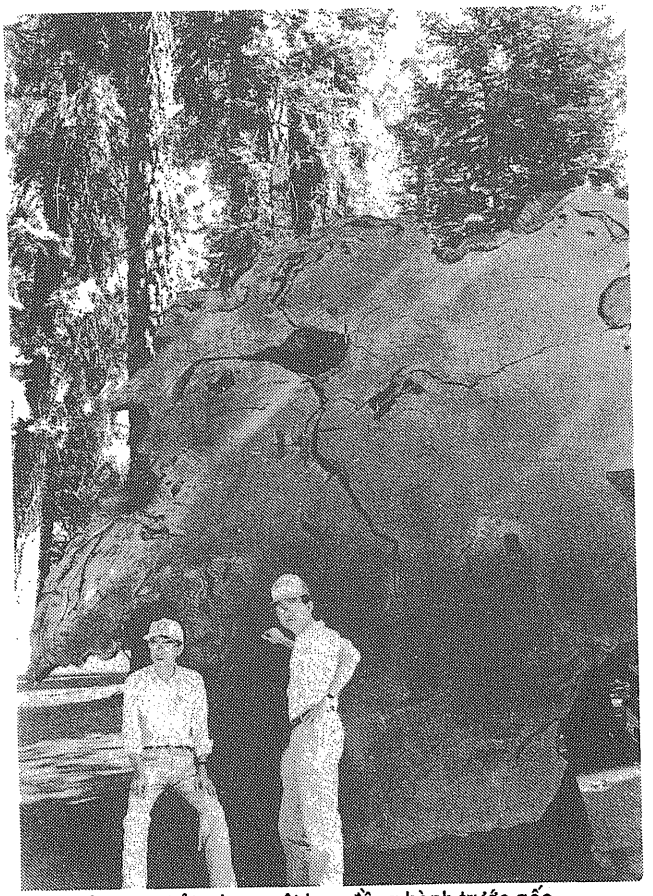

Tác giả, bên phải, cùng một bạn đồng hành trước gốc Centennial Stump

Đường thứ hai, dễ đi nhất xa lộ 198, nằm về phía Nam của 180. Xa lộ 198 cắt xa lộ 99, dẫn thẳng vào Sequoia. Từ phía Đông, xa lộ 395, không có lối vào hai công viên này. Chỉ có đường bộ, phải leo qua núi, trên một ngày đường.

1/ Lộ trình thứ nhất — Nếu từ *Fresno*, hoặc từ *San Jose* đi, bạn phải đi 152 East, ra xa lộ I-5, đi So., cho đến khi gặp **180**, đi East, cũng chạy thẳng vào cửa *Kings Canyon Nat'l Park*. Khi đi trên 180 xin rán kiên nhẫn. Đây là đoạn đường vừa dài, vừa buồn nản nhất Cali. Hai bên đường, chỉ Arizona, mà của Cali mà ít người chịu khó đi viếng, mặc dầu nó nằm rất gần L.A.

2/ Lộ trình thứ nhì. Nếu bạn đến từ phía Tây, hoặc từ Nam Cali, đó là cửa Nam "South Entrance". Nếu bạn đến từ phía Tây, bạn sẽ qua các thị trấn *Tulare, Hanford*, hoặc *Visalia*, hoặc nếu bạn đến từ Saigon Nhỏ, bạn lấy xa lộ I-5, khi gặp xa lộ 41, đi East hoặc No. Bạn sẽ qua thị trấn *Kettlemen City*, bắt buộc phải dùng đường **198** đi thẳng vào *Sequoia*. Sau đó, bạn sẽ lái xe trên con đường độc đạo nối hai công viên, dài gần 50 dặm xuyên *Sequoia và Kings Canyon.*

Giả thiết bạn vào cửa phía Nam "South Entrance", bạn phải qua thị trấn Ba Sông **"Three Rivers"**, bạn sẽ thấy một bảng gỗ khắc hình một tù trưởng Da Đỏ đón chào bạn ở cổng vào công viên. Bạn có thể ghé Núi Tro **"Ash Mountain"**, lấy tài liệu địa chí về hai công viên này, mua thêm bản đồ chi tiết, hoặc hỏi thêm về đường đi nước bước.

Tiếp tục lộ trình, bạn sẽ qua Thạch Đình **"Arch Rock"** là một ảnh trường đẹp, nếu bạn chịu kiên nhẫn chờ bóng đổ dài, quét lấy một góc độ thuận tiện.

Rừng cổ phong vỏ đỏ khổng lồ **"Giant Forest"** nằm trong trung tâm Sequoia, là nơi tập trung những đại thụ. Không đâu tìm được một nhóm nhiều cây cao bóng cả như đây, trừ công viên Redwood. Một nhóm trên chục cây sequoia đứng rải rác trong một vùng vài mẫu. Sequoia là loại thông đẹp nhất trong các loại cổ tùng chỉ vì vỏ thông màu đỏ tím, cao vời vợi, không thấy ngọn, nổi bật trong rừng lá xanh, giữa vòm trời thiên thanh.

Vista Rock là một cao điểm, cho phép du khách nhìn sang đỉnh **Keweah Peaks**, và thung lũng *San Joaquin Valley*. Sau khi lái qua một hàng rào đại thụ với cái tên **"Parker Group"** bạn đến một nơi có tên Hầm Củi **"Tunnel Log"** và sau đó là Bãi Trăng Khuyết **"Crescent Meadow"**. Bãi này là điểm xuất phát của nhiều đường mòn lên **John Muir Trail**. Một trong số đường này là lối đi lên Mũi Ó Vọng *"Eagle View Point"*, một cao điểm. Cách đó không xa là Trại Bãi Gấu **"Bear Meadow Camp"**, nơi bạn có thể cắm trại ngủ đêm.

Cây nổi tiếng nhất công viên là **"General Sherman Tree"**, 3,500 năm, cao 272 bộ. Cây thứ nhì là **"Burned Chamber"** bị cháy nám mất hẳn một mảng lớn, sau một trận bão lửa, nhưng vẫn sống. Cây **"President Tree"** và **McKinley Tree** là hai cây khá cao, thi đua với General Sherman. Sau cùng là *"Telescope Tree"* cũng bị cháy nám một bên sườn, nhưng vẫn sống. Đi khỏi Rừng Ẩn *"Lost Grove"* là bạn vào công viên **Kings Canyon**. Bạn sẽ đến Rừng

Lớn "*Grant Grove*" (Rừng Tướng Grant) phỏng theo tên cây "**General Grant Tree**", lớn thứ nhì sau General Sherman Tree vừa kể. Kế đó, tính về chiều cao là "**General Lee Tree**", và "**Hart Tree**" (toàn lấy tên các Tướng trong chiến tranh Nam Bắc để đặt). Gốc Trăm Năm là "**Centennial Stump**" một cây bị hy sinh vì một cuộc đấu sảo tại Hội Chợ quốc tế *Philalelphia* năm 1876.

Panoramic Point và **Rocking Point** là hai cao điểm để dừng xe, ngắm phong cảnh.

Bạn sẽ lái dài theo con sông **Kings River**, nước chảy rất hung hãn vào mùa nước lũ, ngắm những vực sâu chóng mặt, qua các thác nước bên đường, thường tạt cả vào xe. Đến vùng **Cedar Grove** là cuối đường. Chính tại Đường Cùng **Roads End**, một địa danh, bạn mới ngắm được vùng **South Fork Canyon** tương tự như bạn đang trở lại Yosemite Valley. Rán lội bộ chừng gần một dặm để đến bãi **Zumwalt Meadow**, bạn sẽ chứng kiến cảnh hùng vỹ nhất vùng này, bạn sẽ hiểu tại sao Kings Canyon được nâng lên hàng công viên quốc gia. Nhưng đây mới chỉ là một khởi đầu của chuyến đi. Bạn phải rán đeo túi ngủ, bỏ ra hai, ba ngày, hoặc mướn lừa hoặc ngựa thồ (có sẵn tại đây) chở túi ngủ, bao lưng, tìm đến các địa danh sau đây: **Evolution Bassin, Copper Creek, Paradise Valley, Tehipite Valley, Simpson Meadow, Mount Bago,** và lần theo John Muir Trail để đi vào thế giới thiên nhiên nhàn tĩnh của thần núi Sierra. Dọc đường, bạn có thể thong thả chọn một gốc cổ phong, lấy lò ga, đun nước, pha trà Vũ Di, như bạn tôi, anh Nguyễn Ngọc Quỳnh vẫn thường cho tôi thưởng thức nhiều lần. Thật là hợp cảnh, hợp tình để ngâm nga câu cổ thi "Thanh tuyền loạn thạch trung. Sắc tinh thâm tùng lí" của Vương Duy (Tiếng reo trong đá chập chùng. Sắc màu yên tĩnh, rừng tùng thâm sâu. Phạm Liễu dịch).

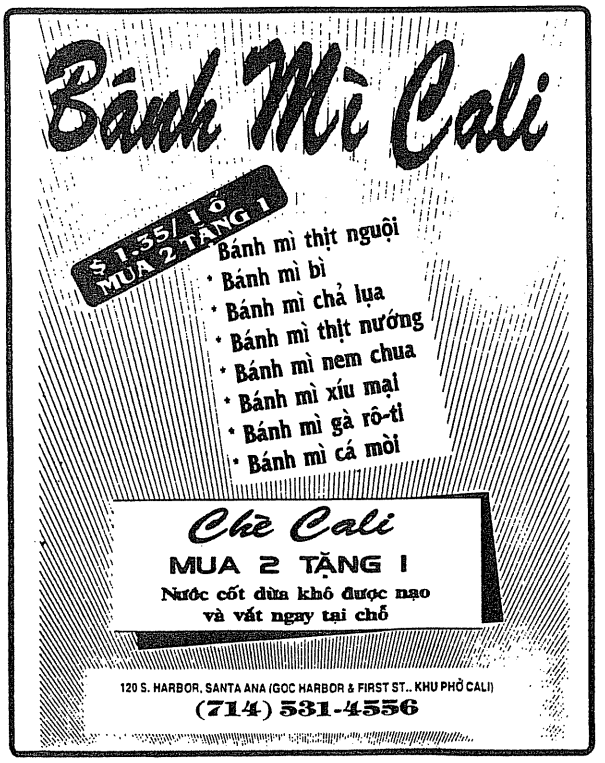

Hồ

Hàng chục hồ lớn nhỏ nằm rải rác trong công viên. So với Yosemite, công viên đôi này ít đường đi hơn, vì hiểm trở hơn, nhiều cao độ hơn, và sâu độ cũng hơn, tuy không có những núi cực kỳ đặc biệt như *Half Dome*, hoặc *El Capitan*, nhưng lại có nhiều hồ hơn, và những đường nhỏ dẫn xuống các hồ thì hơn hẳn *Yosemite*. (Muốn thăm hồ của Yosemite, phải lặn lội lên phía Bắc xa xôi, vùng Tuolumne). Đặc biệt là hai công viên này vắng người hơn *Yosemite*. Ven các bờ hồ, có nhiều villa cho mướn, dành cho các cặp uyên ương, những cặp tân hôn đi hưởng tuần trăng mật, những khách đi nghỉ mát. Vì nằm trên cao độ, khí hậu cũng khác hẳn *Yosemite*, khi thì lạnh hơn, có lúc nóng hơn. Tuy là hai đại công viên nằm giáp nhau, *Sequoia* có vẻ độc đáo hơn *Kings Canyon* về cây cao, Kings thì hùng vĩ hơn, và thích hợp cho giới đi bộ hơn.

Hồ nước trong công viên đôi nằm rải rác khắp nơi, tuy nhiên nếu muốn xuống hồ, phải lái xe trên dưới 30 phút mới xuống đến nơi. Um tùm, rậm rạp, cây cao hùng vỹ, nơi cắm trại tốt. *Kings Canyon* là một vùng có cao độ, nhìn xuống những thung lũng có nhiều mỏm núi dựng lên tua tủa. Đoạn đường trải nhựa thuộc *Kings Canyon* cũng ngắn hơn đoạn đường trong Sequoia, nhưng phong cảnh độc đáo hơn. Kings Canyon cũng có nhiều hồ nhỏ, và là một vùng có nhiều biệt khu dành cho giới cắm trại, lội bộ, câu cá, chèo thuyền. So với Yosemite, công viên đôi Sequoia - Kings Canyon chỉ có vỏn vẹn khoảng 50 dặm đường trải nhựa cho xe bốn bánh (không kể vài chục dặm đường đá, có trải nhựa, dẫn xuống các hồ nước trong công viên). Chính vì vậy mà giới lười lội bộ không thích hai công viên này mấy. Trái lại, du khách khỏe chân, quen đeo túi ngủ, lội bộ, đệ tử John Muir, thì cho đây là đất thiên đàng.■

Trích trong "Cảnh Đẹp cali"

NGUYÊN DŨNG

HÔN EM RĂNG KHỂNH

Tặng H.K.P. tác giả "Người 100 năm cũ", "40 ngàn mắt thù"

Em nhìn anh, mắt có đuôi
Cho anh chợt nhớ một thời Trưng-Vương

Cây dài bóng mát Duy-Tân
Em ăn đu đủ tương gừng bò khô
Chu choa, dấm, ớt cay xè
Xuýt xoa nước mắt tuôn khe mắt nàng
Ăn rồi đi dạo loanh quanh
Công trường hồ nước, con rùa đội bia
Sài Gòn một buổi trưa hè
Tàng cây bóng mát ngồi kề bên nhau
Buổi trưa mùa hạ ve sầu
Sài Gòn trưa vắng nhuốm màu buồn tênh
Nhạc ve âm ỉ vang rền
Hôn em đắm đuối, bỏ quên tháng ngày
Bỏ luôn kỳ tú tài hai
Quang-Trung, Đồng-Đế an bài sau lưng
Gần nhau ngày tháng sau cùng
Hôn em răng khểnh rồi anh lên đường
Mai về phố núi Kontum
Giã từ răng khểnh, cuộc tình bóng mây
Và như thế, ta chia tay
Mây bay về núi, chim bay về rừng
Và như thế, chẳng đặng đừng
Chuyến xe phải đến trạm dừng nghỉ chân
Rồi từ đó xa nhau luôn
Đường đời vạn nẻo không còn gặp nhau
Thế nhưng tròn quả địa cầu
Ba mươi năm chẵn, đụng đầu Cali
Một ngày trên phố Holly
Kinh đô điện ảnh, em đi cùng chồng
Nhìn em giây phút chạnh lòng
Tìm anh đau nhói cõi lòng giá băng
Những tro than đã nguội căm
Giờ đây bỗng cháy bừng bừng trong anh
Mộng xưa giờ đã tan tành
Gương xưa đã vỡ có lành được không?
Ngày xưa tay ngọc trắng hồng
Giờ đây tay bế tay bồng tay mang
Còn đây năm ngón búp măng •
Nâng ly chanh muối trên đường Duy-Tân
Ba mươi năm. Bỗng thật gần
Chuyện xưa tích cũ cũng ngần ấy thôi

Thôi chào con mắt, có đuôi
Cám ơn em đã một thời yêu anh!

(Trích "Khi Ta Hai Mươi")

ĐI CHÙA HƯƠNG... TÌM LOÀI HOA BA NGHÌN NĂM MỚI XUẤT HIỆN MỘT LẦN

LƯU VĂN VỊNH

Chùa Thiên Trù - Hương Sơn

Có những giấc mơ rất khó đoạn diệt, kéo dài từ tuổi thơ ấu tới tuổi trung niên, tỷ dụ như ao ước cái tên Thăng Long được trả lại cho Hà Nội, quốc hiệu Đại Việt được trả lại cho Việt Nam v.v... những vết bụi bám trên đất tổ như một nghiệp dĩ, dù chỉ là những vết bụi danh từ mà nhà Phật đã dạy chẳng nên chấp nhất.

Chấp kiến đã khó cởi bỏ, "chấp mộng" lại càng vạn nan! Vào đời tưởng mộng xưa đã tan, nào ngờ tiềm thức cứ thổi mãi lên, to dần, tròn đầy thành những quả bong bóng, chúng sinh như đàn trẻ con cầm lấy đầu giây, buông thì tiếc, giữ thì mỏi tay!

Và tôi đã trở về Thăng Long sau 39 năm. Mới năm nào chớm thu bắt chước người lớn mắt ửa lệ qua cầu Long Biên, hôm nay một ngày tàn thu trở lại, mắt đã khô như sa mạc và lòng đã bình thản nhìn tuồng ảo hóa như một cơn bụi lốc của mê tâm. Những trang kinh Kim Cương, Pháp Hoa... quả có tác dụng giải thoát của nó..., tôi lần bước bên Hồ Gươm lối đi học năm xưa, lấy tay sờ những viên gạch cổ miếu chỗ Vua Lê từng ngồi câu cá và là chỗ bán lạc rang của ông Tàu nổi tiếng thời 1950... bên kia vườn hoa Chí Linh, những chiếc lá vàng rơi lác đác trong cơn mưa phùn...

Nhưng Thăng Long mới chỉ là cuốn sử một ngàn năm tiêu biểu cho phần ý thức lịch sử dân tộc, muốn tìm tới phần tiềm thức lịch sử, nằm sâu thẳm trong huyền linh siêu việt, phải đi vào động Hương Tích. Ở vào thời Thủy Tinh dâng nước lên đánh Sơn

Tinh cách đây bốn nghìn năm, châu thổ sông Hồng còn bị sũng nước, dân tộc lúc ấy ở trên vùng đồi núi cao, vì thế cái nôi của Việt sử là khu Tam Đảo, Hương tích, Tản Viên, quanh quẩn trong cao độ này, nếu dùng tuệ nhãn tuệ giác có thể ngửi thấy vết chân tổ tiên và nghe được tiếng đá của Sơn thần ném xuống loài thủy tộc...

Vào một buổi sớm tinh sương, ăn lót lòng bằng một nắm cốm gói lá sen thanh tịnh, tôi đi vào Chùa Hương, đi qua những con đường chất đống rơm rạ và những cánh đồng cầy sâu cuốc bẫm. Trời lại lất phất mưa như những bụi hoa linh diệu trải đầy không gian, cái không gian thân thuộc êm ấm như vòng tay người mẹ ôm lấy những đứa con thơ, đứa hư đốn ngỗ nghịch, đứa ngoan ngoãn hiền lành, đứa cười, đứa khóc ấm ức... Chẳng bao lâu đã tới Bến Đục, nhưng đò nằm ở mạn dưới, chờ mươi lăm phút đã lên được chiếc đò bé nhỏ. Ngoài cô lái đò, khách đi hành hương chỉ có hai người và một chú tiểu ăn mặc như một học sinh, tay xách máy cassette nghe kinh suốt dọc đường. Thấy giọng giảng kinh là giọng miền Nam, tôi hỏi chú ngoài này không có kinh ghi băng hay sao, chú trả lời không trực tiếp "vì các sư ở trong Nam giảng kinh hay hơn"... mãi sau trở về Thăng Long vào thăm Chùa Quán Sứ, trung tâm Phật Giáo miền Bắc, tôi mới vỡ lẽ là ngoài Bắc rất thiếu kinh sách, thiếu cả thầy tu, chứ đừng nói tới băng nhựa ghi kinh. Những kinh sách thừa thãi ở miền Nam và nhất là ở hải ngoại nếu có thể cung cấp cho các chùa chiền và Phật tử ở miền Bắc thì thật là công đức vô lượng.

Mặc kệ cơn mưa bắt đầu tầm tã, trong luồng gió, tôi thấy chập chờn một bầu trời Bụt: nhấp nhô những ngọn núi xanh lam in hình dưới dòng nước lờ mờ, thỉnh thoảng bắt gặp một chú cá phe phẩy đuôi vàng như vạt áo cà sa... vạn vật nơi đây đang nằm trong diễn trình Phật hóa, ngày đêm thấm nhuần những giọt mưa Bát Nhã, những nhịp mõ Hoa Nghiêm dưới trăng Lăng già lồng lộng, cho đến cả cỏ cây, côn trùng, cả chim muông, lươn cá... đều trang nghiêm, cùng khách vãn cảnh, trong một sát na mở hội Diệu Hoa... Trời đất như trầm tư, con đò như rời cõi tục, nếu lời tiên tri của Trạng Trình nghiệm đúng:

"Bốn Bụt xuất thế đã chày
Chưa chọn được ngày tế độ muôn dân"

thì hẳn là bốn Bụt sẽ xuất hiện nơi đây, nơi Phật địa này, để rải lên giang sơn gấm vóc những hạt Kim Cương cắt đứt oan cừu nghiệp báo.

Cô lái đò đã thế vừa đẩy con sào vừa đẩy đưa thêm vào thế giới siêu linh: "ở đây có 99 con voi tất cả đều chầu về chân Phật, chỉ có mỗi một con bướng bỉnh không chịu chầu nên bị Bồ Tát phạt mất một cái mông — vừa nói cô vừa chỉ trái núi bị vạt mất một mảng — và cái mảng mông voi bị phạt đứt ấy văng sang bên kia thành một mỏm núi khác." Câu chuyện thêm phần kỳ bí vì ở chân núi và ngay trên những eo đất lô nhô giữa làn nước mỏng còn thấy những ngôi mộ cũ và mới như thể táng vào long mạch của quý địa này. Cô lái đò có giọng nói đon đả kể thêm chuyện một bọn Tàu định táng hài cốt vào giữa hang Phật bằng cách để lớp cốt ở dưới đáy đỉnh đồng, trên để hương trầm mang vào biếu nhà Chùa, nhưng sư cụ biết được nên mưu mẹo của mấy chú khách bị đổ vỡ. Truyền thuyết phong thủy có nói tới 99 ngọn núi quý ở Hồng Lĩnh và ở Kinh Bắc, không thấy nhắc tới vùng Hương Sơn, có thể tại vì 99 con voi một con quay đầu nên chỉ còn 98 con chầu về Phật động chăng? Sau cuộc biển dâu, được nghe lại những từ ngữ thân mật như "sư cụ, chú tiểu..." thật cảm khoái, cứ ngỡ thời gian đã tàn ác phá mất truyền thống thời xưa, kể cả những cách xưng hô lễ độ mà gần gũi. Càng ở những vùng xa Hà Nội, càng thấy dân tình giống như cũ, giọng nói vẫn thế, dáng dấp vẫn thế, còn ngay tại Hà Nội, nhiều lắm sót lại 20-30 phần trăm văn vật năm xưa, lâu lâu gặp lại sắc dân núi Nùng sông Nhị, nghe giọng nói mắt nhận nhau mà ngậm ngùi.

Con đò bập bềnh suôi khe Yến giữa làn nước mênh mông lan tới chân núi, sau gần một tiếng, đò ghé đền Trình để khách vào bái Sơn thần xin lên thăm Động lễ Phật. Đền Trình còn thờ một dũng tướng của Hùng Vương trấn ngự khu linh địa lịch sử ba bốn nghìn năm này. Lúc lên đò tiếp tục suôi vào Chùa trong, cảnh vật càng thanh tịnh hơn vì chú tiểu đã đi lên chùa nào không còn nghe tiếng băng nhựa tụng kinh nữa.

Từ Chùa trong, tam quan đang xây cất lại, lên tới động Hương Tích phải leo đường lót đá xanh dài tới 2 kilômét. Những phiến đá to đã mòn vết chân người xưa trẩy hội, đâu đây còn xột xoạt những chiếc quần lĩnh đen, những tấm áo tứ thân xanh đỏ, còn phảng phất trong hơi gió tiếng chào hỏi nhau ngày Hội, vành nón quai thao và lọn tóc đuôi gà... trong một thoáng tôi bỗng thấy mẹ tôi thời thiếu nữ lẫn giữa những chiếc bóng chập chờn, lao xao trong lá cây, ánh nắng buổi trưa tràn đầy triền núi.

Rừng núi hang động là nơi tiềm tàng MẪU TÍNH, là địa phận của Mẫu Thượng ngàn, của Chúa Liễu... quân bình với bên kia vòi vọi Ba Vì, cao và thiêng, Cao Biền bó tay mà phục, là PHỤ TÍNH, là Tản Viên sơn thần, là Đức Thánh Trần sau này... tín ngưỡng dân gian muốn dân tộc có Cha thiêng Mẹ hiền che chở và có Trời Phật độ trì. Tổng hợp tôn nghiêm này thể hiện rõ rệt ở động Hương Tích.

Leo tới cửa động chót vót đỉnh núi chân đã rã rời, không hiểu các cụ khi xưa không đi giầy Reebok làm sao leo được lên đây? Chưa kể từ cửa động còn phải leo xuống hơn trăm bậc nữa mới vào tới động. Hôm ấy buổi trưa nắng đã lên nhưng bụi mưa vẫn còn lất phất, đi vào trong động thì tránh được mưa nhưng hết ánh sáng. Chặn giữa động là một tảng thạch nhũ từ trên nóc động rũ xuống trông giống như một người khoác áo mưa rơm. Đằng sau tối om phải đánh diêm thắp lên mấy ngọn nến mới thấy leo lét những pho tượng Phật ngồi sắp hàng thành mấy tầng. Du khách có thể hơi rùng mình vì hang rất lớn và tối, trên cao còn đọc được dòng chữ Nho "Nam thiên đệ nhất động" của Lê Thánh Tôn hay Trịnh Sâm cho khắc lên đá. Giá lúc này mà có một tên cướp xuất hiện thì thật giống mẩu truyện

trinh thám của Thế Lữ hay Phạm Cao Củng kể chuyện bọn buôn người bắt cóc trẻ con đem dấu trong hang.

Đứng giữa Chùa Hương, không một bóng người, không thấy một thiền sư... cái im lặng trọn vẹn làm thời gian không còn bờ mé... có lẽ hay hơn là đi vào ngày Hội, kéo dài cả tháng, cả vạn người chen chúc... và có thể những chiếc quần Jeans, những điếu thuốc lá, những máy hình, những tiếng xì xồ... làm tan vỡ mất những giấc mơ ấp ủ, những tưởng tượng huyền hoặc của một không gian tiềm thức.

Ra tới cửa động có cảm tưởng như rời khỏi cái nôi linh thiêng. Từ cái nôi này, có đường lên Trời, có lối xuống Địa Ngục, có vết chân Bồ Tát, và nhất là có dấu chân của muôn kiếp người. Có thể vạn năm xưa tổ tiên Lạc Việt đã trốn lụt hồng thủy ở trong động này, thời đồ đá chắc đã có người vượn ngồi ở trong hang đẽo gọt những chiếc rìu, chiếc búa. Từ cửa động nhìn bao quanh núi non, đây là một địa thế chiến lược có thể làm chỗ dưỡng quân cho cả mấy sư đoàn... Phải chăng vị dũng tướng thờ ở ngoài đền Trình đã lui binh về đây để cố thủ bảo vệ vua Hùng?

Đi xuống núi cũng mệt như lúc leo lên, tới chặng giữa phải ngồi nghỉ chân, tình cờ lại ngồi đúng bên suối Giải Oan, nước cạn nhưng vẫn còn nghe róc rách. Thỉnh thoảng ở bờ núi chung quanh có tiếng nổ lớn, ông quản lý ngôi chùa nhỏ nói với người thợ đang vét đất bên suối: "Các ông ấy lại cho nổ mìn để mở mấy cái hang động mới," như thế trong vùng Hương Sơn chắc còn nhiều hang động to nhỏ và còn rất nhiều chùa chiền lẫn khuất sau rừng cây vách đá. Nhiều nhà địa chất gọi Hương Sơn là Vịnh Hạ Long trên cạn, núi hang chập chùng đủ mọi hình thể.

Cổ nhân xây chùa dựng tháp thường chọn những danh lam thắng cảnh và chọn địa thế theo nguyên tắc phong thủy. Leo bực đá hai cây số để lên lễ Phật Bà Hương Tích đã là thực hành đức tinh tấn và thời gian bước tới từng bước nhọc nhằn tự nó đã là những lời kinh giác ngộ.

Đạo Phật như hạt giống gieo vào đất nào thì thuận theo mùa màng khí hậu của đất ấy mà mọc thành thổ sản, từ bùn lầy sen vẫn vươn lên tinh khiết và vạn trang kinh vẫn chỉ là những cánh hoa trắng ai có căn tốt cứ việc sáng tạo thêm. Theo đúng tinh thần này thì đạo Phật không nên câu nệ mảnh đất nào, tốt hay xấu, đỏ hay vàng, vẫn cứ phải gieo trồng vun tưới cho bùng nở đóa diệu hoa. Gọi là đại hùng đại bi là như vậy. Con voi hung dữ mà Bụt còn dạy được huống hồ mảnh đất Giao Chỉ đã có sẵn mầm tốt, đã có sẵn 5000 ngôi chùa và nhất là có sẵn một khối người đang tỉnh dậy tìm về cội gốc thiện căn.

Nghĩ miên man như vậy bên dòng suối Giải Oan, khách vãn cảnh có thể tự hỏi tại sao nhiều nơi có suối Giải Oan, có chùa Giải Oan... phải chăng vì kiếp người Việt Nam chịu oan khiên chồng chất nên cần được giải thoát? Chữ "OAN" trở thành một tiền đề phổ quát, nàng Thị Kính tiêu biểu cho bao người đàn bà chịu cắn răng nhịn nhục mà hóa thân thành Quan Âm Thị Kính, là một sáng tạo đặc biệt của đạo Phật bình dân. Cái chuỗi oan khiên dằng dặc đã được mô tả trong "Cung Oán", trong "Đoạn Trường", trong "Chinh Phụ"... cái Oan và Oán trùng trùng trên quê mẹ thấm đẫm máu ta và người... máu Tầu, máu Mông Cổ, máu Mãn Châu, máu Pháp, máu Nhật, máu Mỹ, máu Ma Rốc, máu Chàm, máu Phù Nam.... những vong linh ta và người ấy đã siêu thăng hay hãy còn u uất với nỗi oan yểu vong? Nếu Tạo Hóa chọn mảnh đất uốn eo cong queo này làm lò cừ để thử lòng nhân của con người, thì đây là lúc phải lập ĐẠI ĐÀN GIẢI OAN vừa siêu độ vừa cởi bỏ oan khiên nghiệp chướng còn tụ đọng trong đáy huyệt quê hương. Biết đâu sức chiêu cảm của lòng thành thấu tới tai Quan Âm để rồi thiên thủ thiên nhãn sẽ tháo tung những nút thắt oan nghiệt trên tấm thân mang hình chữ S?

Ý nghĩ lập đàn Giải Oan theo tôi ra mãi con đò cắm sào chờ đợi. Đò có thêm mấy người cùng rời bến ra về. Trên làn nước hoàng hôn những vạt sương lam mờ mờ bao phủ sườn núi, loáng thoáng bên tai có người nhắc tới rau xắng Chùa Hương và đặc sản thịt lươn của non nước vùng này... Nhìn lại vòm trời rất "hồn bướm mơ tiên" đang bốc lên như một hơi thở ngân nga lan vào vũ trụ linh diệu, tôi ước ao có một cái túi hồ lô đựng nắng, đựng gió, đựng cả những cánh mưa hoa, những hơi thở của núi... mang về làm quà cho bằng hữu...

Và một luồng ba động lại khởi lên từ cõi tâm "mộng chấp": có Dương thì phải có Âm, cổ nhân nói nước ta chỉ có núi Ba Vì tối linh là mọc được nhân sâm, vậy thì động Hương Tích ắt có hoa Ưu Đàm ba nghìn năm mới xuất hiện một lần... Năm sau trở lại đi tìm biết đâu chẳng trúng mùa hoa khai? ■

TỪ PHỐ HÀNG BÈ

PHẠM ĐỖ THĂNG LONG

Cái địa chỉ đó trở thành quen thuộc từ khi tôi sang làm việc ở Vientiane, mỗi lúc nhận được thư từ liên lạc của vài gia đình họ hàng ở Hà Nội. Vì chưa gặp mặt bao giờ, tôi cũng chỉ giữ những lá thư đó trong mối quan hệ họ hàng bình thường và hy vọng một dịp nào đó thuận tiện có dịp về nước sẽ ghé thăm.

Những hôm gần tết vừa rồi vào giữa tháng hai dương lịch, tôi nhận được một lô thư, của chú Tam kể chuyện vui mới được giải thưởng nhà giáo tận tụy ghi nhận công trình và lý tưởng một đời người, và của chú Phan cô Hà nhắc nhở về những liên lạc thường xuyên với họ hàng bên Mỹ và mong mỏi sớm gặp mặt gia đình nhỏ của chúng tôi đang ở Lào chỉ cách Hà Nội một giờ bay. Và cả những lời nhắn của các bác Thanh bác Bình đã già nên không viết được thư. Những lá thư thường xuyên và thắm thiết thúc giục về thăm Hà Nội ăn Tết, đón giao thừa ở Hồ Hoàn Kiếm, đi hái lộc ở đền Ngọc Sơn.

Những cái tên đó như một huyền thoại đối với tôi, vì rời Hà Nội từ năm sáu tuổi, ba mươi bảy năm xa cách chỉ cho tôi biết những tên đó qua sách vở và vài bức ảnh. Nhưng bây giờ chỉ cách một giờ bay, những địa danh Hà Nội có một sức mạnh thôi thúc mãnh liệt. Nhất là vào những hôm gần cuối năm ở Lào, nhìn bao cành mai do người Việt ở Lào bày bán dọc theo con đường ra sở mỗi buổi sáng, lòng lại nao nao tưởng tượng cảnh ăn Tết ở quê nhà. Đã từ lâu tôi mất đi cảnh đón xuân đó. Không phải chỉ tìm lại Tết mà còn tìm lại cả tuổi thơ ấu với những kỷ niệm đầm ấm cùng gia đình và bạn bè. Những ý nghĩ này làm tôi dứt hết công việc sở dẫn vợ con về thăm quê hương trong hai tuần, bắt đầu bằng Hà Nội.

Từ lúc máy bay vào không phận Hà Nội đến lúc đáp xuống phi trường Nội Bài, tôi ngỡ mình lạc hẳn vào một hành tinh khác, nỗi xúc động chợt ập đến mãnh liệt. Những áng văn đọc thuở nhỏ về tâm sự kẻ tha hương quả thật chính xác. Nhất là bây giờ vợ chồng dẫn con cái cùng trở về, giải thích được cho chúng nó bằng cảnh tượng thật của quê hương mà bố mẹ thường nhắc đến. Mấy đứa nhỏ trong những lúc tranh luận ngố nghịch về nguồn gốc thường tự hào khoe: "Bố mẹ là người Việt, chúng con là người Mỹ!". Chúng nó còn nhỏ thành thật nói lên điều chúng nghĩ, nhưng vẫn làm tôi ức lòng và thường mong có dịp cho chúng nó thấy những nét đẹp của quê hương, dù chỉ để ghi lại ấn tượng tốt về một nơi du lịch rất xa vời trong tâm tưởng sau này của chúng. Ra phòng khách phi trường sau thủ tục nhập cảnh, chúng tôi cảm động nhận những vòng tay ôm và giọt nước mắt chân tình của chú Tam và chú Phan. Những phút đầu ấm lòng đã tô điểm cho suốt chuyến về thăm nhà, bắt đầu từ Hà Nội nơi tôi đã rời xa cách đây hơn ba mươi năm bằng một chuyến máy bay hai cánh quạt vẫn in đậm nét trong ký ức tuổi thơ.

Ngồi trên chiếc "minivan" từ phi trường về trung tâm thành phố, những cảnh vật Hà Nội hiện ra đều mới lạ vì lúc tôi rời nó còn nhỏ quá không nhớ gì được mấy. Những quán cơm phở bia và thịt cầy đặc biệt mọc lên như nấm ở dọc đường, kèm thêm rất nhiều xưởng đúc gạch là những hình ảnh ngộ nghĩnh đập vào mắt. Đường phố đầy những xe đạp và đoàn người cần cù đạp trên đường phố với những bộ áo và các chiếc nón cối đạm bạc tuy là hình ảnh đã tưởng tượng sẵn vẫn gây cho tôi nỗi buồn khó tả. Nhất là sau khi đã thấy những đường phố mở mang tráng lệ của các thủ đô từng viếng thăm ở Đông Nam Á. Quả thật nước mình đã đứng lùi lại hai mươi năm! Nhưng bên cạnh cảnh tượng nghèo khó dâng lên nỗi buồn và tự ái dân tộc, những hàng cây dài và bầu trời mờ xám của Hà Nội lại kèm thêm không khí lãng mạn tuyệt vời. Và ý nghĩ này đã làm tôi quên nhanh cảm giác buồn lúc đầu. Để chỉ sống với tâm hồn mở rộng của kẻ trở về, nhất là lúc đến cửa khách sạn ở sau Bắc Bộ Phủ cũ, đã thấp thoáng hình ảnh chờ đón cảm động của bà bác, cùng với bó hoa giản dị nhưng nhiều ý nghĩa và những giọt nước mắt tuôn tràn cho tình đoàn tụ sau gần bốn mươi năm xa cách của một đại gia đình Việt Nam bây giờ gồm những đứa con ở rải khắp mặt địa cầu. Lời nói khó diễn tả được những tâm tình ẩn chứa. Họ hàng tìm lại qua chúng tôi hình ảnh và kỷ niệm của bố mẹ tôi sau hơn nửa đời người cách biệt. Chúng tôi tìm lại ở các bác, cô chú mối tình tự dân tộc, tình họ hàng thắm thiết cố hữu của người Việt ngày nào giờ đây đã hơi nhạt nhòa trong đời sống tha hương. Những năm tháng vừa qua, tôi có dịp bôn ba nhiều nơi theo công việc sở. Ở bất cứ đâu, hễ nghe nói có người Việt là tôi tìm đến, một phần vì tò mò và phần lớn vì

muốn tìm lại chút âm hưởng dân tộc, dù chỉ là một hiệu ăn nhỏ hay những "thủ đô" đông người Việt hải ngoại vẫn giữ đầy đủ cách sống và văn hóa Việt. Ở những "nơi chốn Việt" đó, tôi vẫn còn tìm thấy rung động của những u uất hoài niệm. Huống gì bây giờ là quê hương thật sự với những thành phố cũ, những khuôn mặt, và những kỷ niệm. Đây là chuyến trở về của một đời người, đối với tôi mang gần đủ tâm trạng của một Từ Thức đang không biết mình mê hay tỉnh khi đi vào lòng Hà Nội.

Buổi chiều đầu tiên, tôi và vợ con theo ngay gần chục người họ hàng ra dạo quanh hồ Hoàn Kiếm, cho lòng mình ngẩn ngơ theo Tháp Rùa rêu phong đạm bạc, cầu Thê Húc màu đỏ rực rỡ dẫn đến đền Ngọc Sơn như trong những bức tranh hay phim ảnh tôi thường được xem thuở bé lúc đã vào Nam. Tôi không dám gọi là kỷ niệm vì đích thực không nhớ được đã thấy lúc nào trong tuổi thơ. Con đường dọc theo bờ hồ đầy nghẹt xe đạp và người đi bộ trên vỉa hè, ở góc bờ hồ gần cửa hàng Bách Hóa là chỗ ngã tư dẫn lên những phố Hàng Ngang Hàng Đào nổi tiếng trong những truyện ngắn đã đọc của Thạch Lam, Vũ Bằng. Bây giờ thì không còn được nghe những tiếng tầu điện leng keng nữa mặc dù những đường xe điện vẫn còn, thay vào đó là những chiếc xe buýt có những cột móc dây điện cao ngất. Người Hà Nội với những bộ áo đạm bạc cần cù trên chiếc xe đạp, thỉnh thoảng điểm thêm vào chiếc Honda và xe hơi là chút gì đổi mới. Tôi đã nghe nói đến hình ảnh này nhiều lần qua báo chí hay lời kể của những người đến thăm Hà Nội, nhưng phải chính mắt mình trông mới hiểu được sự thản nhiên an phận đó. Đã từ lâu sống trong hoàn cảnh cam go và ít giao tiếp với bên ngoài qua các phương tiện truyền thông, nỗi khốn khó vật chất trở thành một thói quen, có lẽ ngay cả một cách sống. Và trong ít phút ngắn ngủi nói chuyện với người thân, cảm thấy như họ tìm cả chút thi vị trong nỗi cơ cực. Trong một câu chuyện về chính trị hay kinh tế thì đây là một đầu đề lớn để tìm đầy đủ những khuyết điểm sửa sai. Nhưng về phương diện tình người, có lẽ nỗi khó vẫn giữ được cho Hà Nội nét đằm thắm quyến rũ. Thả bộ ra Tràng Thi là phố buôn bán chính, cái nét xưa cổ đó vẫn còn nguyên, mặc dù có rất nhiều cửa hiệu buôn lớn hay buyn đinh làm văn phòng đang xây cất. Vài ngày hôm sau đi xem thêm nhiều nơi, ra chùa Một Cột, Văn Miếu, Hồ Tây, chùa Trấn Quốc, tìm lại đường Cổ Ngư cũ, tất cả đều giữ cái vẻ đẹp rất không đổi thay của ba mươi sáu phố phường. Tả lại

ĐOÀN NHẬT

YÊU NGƯỜI

Yêu người đầy ảo vọng
Duyên hết bởi phiến mây
Gặp người như dị mộng
Giữa nỗi hoang sơ này

Gối tay người lạ lẫm
Mải mê cơn mù mưa
Biển với rừng tím thẫm
Xáo động rất bất ngờ

Tình cờ chi cũng lạ
Yêu đắm cơn hoang thân
Mù quên đời nghiệt ngã
Phá chấp cuộc xoay vần

Thân hoang ta lang bạt
Yêu người những đa đoan
Từ biển đời thoát xác
Tìm nghĩa sống vô thường

Đêm bỗng nhiều thắt buộc
Biển đã lặng nôn nao
Qua phố phường sông nước
Yêu người hồn lao đao

Tâm vô hư bặm bụi
Đêm rỡ ràng hồng ân
Lẫn trong nỗi ngùi ngụi
Yêu người đã vô ngần

chuyện thăm các cảnh của Hà thành là một chuyện rất thừa và liều vì bao sách vở tài danh sẵn sàng đó. Hơn nữa cho một kẻ "ngoại quốc" như tôi, vài ngày thăm viếng còn chưa thuộc lối đi lấy đâu ra thông thạo để nói về những đường phố, nhất là những con phố buôn bán mang tên hàng này hàng nọ.

Thế là tôi nẩy sinh một ý khác khiêm tốn hơn. Tôi định bụng sẽ đi tìm ăn các món ngon của Hà Nội trong năm ngày ở đây và sẽ viết một bài ngắn về "mười sáu phố phường". Để duyệt lại hương vị của các món "ba mươi sáu phố phường" của tiền nhân Thạch Lam sau nửa thế kỷ và cũng để thú thật là không đủ thì giờ nên chỉ đi thăm mười sáu phố Hà Nội. Nhưng sau mấy ngày mới thấy cả ý tưởng giản dị đó cũng khó thực hiện. Thứ nhất tôi không thuộc đường và ít thời gian. Thứ hai tôi không đủ người quen để dẫn đi khắp các nẻo đường với những món ngon. Thứ ba và là lý do quan trọng nhất, đó là sự thay đổi của chính tôi sau mấy chục năm sống ở ngoại quốc đã bị điều kiện hóa tâm lý, đi tìm những chỗ ngồi sạch sẽ hay tránh không ăn rau tươi sống. Ăn món ngon ở bất cứ đâu đều phải vào hang cùng ngõ hẻm, và nhiều món sành điệu của Hà Nội thì phải thưởng thức với rau sống. Do đó tôi cũng thất bại nốt trong ý nghĩ này. Gần như mỗi buổi sáng tôi đều dậy sớm từ sáu giờ, ra khỏi khách sạn lúc vợ con còn ngủ yên để được tự do đi dạo mát và lang thang ăn quà sáng. Thế mà vẫn chưa tìm ăn được món phở đúng chỗ. Nghe quảng cáo những phở ngõ Nam Ngư, phở Thìn ở Cầu Đúc, hay phở Tư Lùn, rút cục chỉ ăn được phở ở Hai Bà Trưng hay Phan Bội Châu. Thậm chí có hôm trời mưa đành phải chui vào ăn cả phở "quốc doanh"! Bánh cuốn, bún riêu, bún bung, bún chả, chả cá cũng chưa được đụng đũa đến chỉ vì ít thì giờ. Chỉ có vài buổi trưa được ăn ốc nhồi và bánh tôm ở Hồ Tây, hay buổi tối đến Phố Huế hoặc Lý Quốc Sư ăn chim quay Nguyên Sinh cũ, tái dê, gà hầm mới được hưởng chút thi vị món ngon Hà Nội, nhưng lòng vẫn ấm ức vì biết mình rất thiếu sót!

Thành ra niềm vui lớn nhất là quay về phố Hàng Bè nơi tụ họp họ hàng gần như mỗi ngày. Từ đó chúng tôi cũng đi thăm một số cô chú bác họ theo lối chạy chúc Tết vì không đủ thì giờ. Những ân tình cảm động thiết tha với những đĩa bánh trôi bánh chay ở nhà chú Phan cô Hà, cốc chè đậu ở nhà chú Tam, đĩa bánh xu xê bánh cốm ở nhà bác Thanh, cùng đầy đủ họ hàng ở từng nhà. Coi như thế chưa đủ, họ hàng còn tổ chức bữa ăn tối chia tay trước hôm chúng tôi rời Hà Nội để đi Đà Nẵng. Bữa ăn được tổ chức ở khách sạn Phú Gia ngay mặt Bờ Hồ. Lúc bước vào phòng ăn, chúng tôi cảm động khi thấy họ hàng già trẻ lớn bé có mặt trên năm mươi người. Bữa ăn mới được quyết định hai hôm trước và được thông báo đầy đủ cho họ hàng. Dĩ nhiên không phải bằng điện thoại ở Hà Nội, mà bằng những chiếc xe đạp và những chiếc lưng còm cõi. Mắt tôi xốn xang khi nghe những câu chân tình của vài bác và cô chú đứng lên kể kỷ niệm xưa và nỗi vui mừng gặp gỡ gia đình.

Tối khuya lúc ăn xong, mọi người còn cố nán lại để chụp ảnh hay chuyện trò, mặc dù cô chú Phan lớn tuổi đã dục về vì hôm sau chúng tôi phải ra phi trường sớm từ 5 giờ sáng. Trong phút bịn rịn, chợt thấy hình ảnh một người anh họ cao gầy đang lúng túng dắt xe đạp tiến tới với túi xách một vật gì rất cộm. Chúng tôi ân cần chào tiễn biệt, nhưng anh Cát vẫn còn lúng túng tìm lời:

"Có một chút này để biếu cô chú mà không biết có tiện không? Tôi đã đem chai rượu mơ cất lấy từ mấy hôm nay nhưng ngại soàng quá nên chưa dám đưa ra cho cô chú."

Tôi không tìm được lời để diễn tả sự xúc động trước chân tình đó. Tôi đã thành thật xin anh cho tôi chai rượu để cầm theo uống lúc đi chơi dọc đường mặc dù hành lý rất chật và bừa bộn. Mấy hôm sau dù độc ẩm, tôi vẫn mê cốc rượu mơ trong cái tình họ hàng nồng thắm đó. Sau vài ngày ở Huế và Đà Nẵng, chúng tôi lại lục tục hành lý ra phi trường vào Sàigòn. Chai rượu mơ còn dở một nửa phải bỏ lại phòng. Nhưng xuống dưới nhà trả tiền phòng xong và cả gia đình đã ngồi đợi sẵn ngoài xe, tôi nhất định lên lại phòng lấy chai rượu mơ và xuống dưới phòng khách xin ly nước đá để dốc chai uống nốt. Lúc tôi ra xe thì đã ngà ngà, và mọi người sốt ruột vì chờ quá lâu tỏ vẻ bực mình. Tôi chỉ biết lặng thinh nhìn lần cuối những con đò dọc sông Hương, với nửa chai rượu mơ Hàng Bè làm say ngây ngất tình người trong chuyến trở về từ một kiếp trước.■

NHÂN CHỨNG

MIÊNG

Lần đầu tiên đến phòng mạch anh, tôi ngạc nhiên thấy bên cạnh bàn làm việc có một cái giường. Tôi cười, nhướng mắt hỏi tại sao. Anh cũng cười :

"Vì có những bệnh nhân chỉ thấy thoải mái khi họ nằm. Họ nằm úp mặt vào tường và nói."

Rồi một thời gian sau thì cũng chính trên cái giường dành cho người bị bịnh tâm thần ấy, chúng tôi cùng nằm bên nhau, nhưng không úp mặt vào tường, mà úp mặt vào nhau để nghe tiếng thở, nghe tiếng tim đập mạnh và nghe tiếng lòng thương yêu mời mọc.

Một lần anh nói có vẻ hăng say:

"Anh hoàn toàn đồng ý với Freud khi ông ta bảo rằng làm gì có hạnh phúc dài lâu, chỉ có những giây lát hạnh phúc thôi. Anh thấy như vậy là đúng chứ."

Và cụng trán vào nhau, anh tiếp :

"Như lúc này đây, ngồi bên em, đối với anh là những phút giây hạnh phúc."

Để cho những phút giây hạnh phúc ấy chỉ khép kín giữa hai người, mỗi lần đến anh là tôi phải nhớ đóng cánh cửa phòng chờ ở ngoài. Lần đầu tiên thấy tôi hoảng vì khi ra về cửa vẫn mở toang, anh cười tin tưởng :

"Không sao đâu. Không có hẹn thì chẳng ma nào đến. Nếu ngại thì em nhớ đóng. Ư, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài."

Ngày... tháng...

Mọi sự bắt đầu khi tôi quay lưng lại đứa con đang nằm mê man bất động để ra về thì anh đứng đó, sừng sững trong bộ vét màu đen như một ông thần gác cửa. Tôi lắng lặng bước qua, đầu hơi cúi xuống, nước mắt ràn rụa. Nhưng một cánh tay đưa ra chặn tôi lại. Và với một cử chỉ giản dị tự nhiên như đối với một đứa bé, hai cánh tay anh vòng lại ôm gọn tôi vào lòng. Những đau đớn vây bủa tôi tứ bề nên cử chỉ dịu dàng của anh tỏ bày đúng lúc tới nỗi tôi gục vào vai anh khóc sướt mướt mà không hề ngạc nhiên về sự thân mật bất thường ấy. Hình như anh ôm tôi rất chặt, một tay lùa vào tóc tôi và nói nhỏ bên tai như một tiếng thở dài :

"Thương Quỳ quá!"

"Thương Quỳ quá" có thể chẳng bao hàm tình ý gì khác hơn như tự thân vốn giản dị đầy lòng trắc ẩn của nó. Trên đường về gần năm trăm cây số, anh đâu có nói gì khác hơn là thỉnh thoảng hỏi tôi có "xà va" không. Vậy mà ba tiếng ngắn ngủi ấy đã tạo ra cơ man nào là bong bóng nổ tung trong đầu tôi. Từ đó, tôi dùng những mảnh bong bóng vỡ ấy đan một tấm lưới tình phủ chụp lên tâm hồn đa cảm của mình.

Hai hôm sau thì thằng bé được đưa về bịnh viện ở Paris. Anh thường điện thoại vào sở tôi để hỏi thăm tin tức. Ban đầu thì mỗi tuần một lần, rồi ba ngày, rồi mỗi ngày. Không phải vì nó là con đỡ đầu của anh khiến anh chịu khó bỏ công như vậy. Nhưng có lẽ tại tôi, mà trong cái lưới vẫn chờn vờn từ hôm ấy đã khiến anh nhìn thấy những quả bóng đủ màu bay từ trong lời nói. Thế là chúng tôi đi tới chỗ hẹn hò nhau, vụng trộm.

Ngày... tháng...

Dẫu quan niệm rằng tình yêu cũng có lúc nghỉ hè, tôi vẫn thấy là mùa hè tình yêu của tôi năm nay sao dai dẳng quá. Lần nào anh đi hè một tháng với vợ con, khi về lại Paris thì tôi là người bị mất mát đầu tiên và có lẽ là duy nhất.

Một lần anh đi Ấn độ, cái nghèo đói của nó làm anh nản, và một lần về Việt Nam, gặp lúc ông cụ thân sinh ốm nặng, khi trở qua, anh đều lơ là với tôi ít nhất vài tuần. Tôi hiểu.

Nhưng lần này anh và gia đình đi Mỹ. Đời sống trẻ trung dễ dãi ở Mỹ đã cho anh một bộ mặt vui tươi thoải mái khác thường. Vậy mà vì cớ gì anh chỉ gọi cho tôi vỏn vẹn ba lần trong cả một tháng trời?

Ngày... tháng...

Hôm qua cơn nắng hiếm hoi mùa đông đã làm cho anh hưng phấn gọi tôi, giọng hối hả :

"Lâu quá không gặp em. Mình phải gặp nhau chứ ? Thứ Năm em có rảnh không?"

Dĩ nhiên là tôi rảnh bất cứ lúc nào. Dĩ nhiên là tôi có cả khối thì giờ chờ anh sử dụng. Tôi cứ như con chó nhỏ rình chờ ông chủ ngoắc là tất tả chạy tới liếm tay để được một cái vuốt ve trìu mến. Anh bảo :

"Nếu trời tốt thì cứ làm việc như thường, mà mưa gió thì lên."

Cái ý nghĩ kỳ quặc đó làm tôi tức cười. Nhưng tôi đã quá quen thuộc với những cơn "mưa gió trở trời" của anh.

Từ ngày thằng con trai lớn thi

tuyển bác sĩ giải phẫu không đậu phải đi Bordeaux nhận nhiệm sở như bác sĩ toàn khoa, nó không vui với công việc đó và về phần anh còn tệ hơn, là anh đã mất đi một người bạn. Trong nhà chỉ còn lại ba cô con gái. Nuôi con chó thì cũng là con chó cái. Anh thấy như bị lép vế, bị lấn áp. Nhưng anh cảm thấy mình gần gũi với con chó hơn là với vợ con, và nghĩ rằng nếu chó biết nói, nó sẽ kể anh nghe nhiều chuyện mà vợ con anh không hề muốn kể anh nghe. Anh biết phong phanh là đứa con gái lớn có bồ và có vấn đề. Cũng chỉ phong phanh thôi, anh biết là đứa con thứ nhì học hành không trôi chảy lắm. Nhưng nếu anh khéo léo gợi ý cho bịnh nhân trút bầu tâm sự ra bao nhiêu thì anh lại vụng về trong việc dò hỏi con cái bấy nhiêu. Với lại cái ý nghĩ là "phải dò hỏi" làm anh thấy hơi tự ái. Tại sao không ai bày tỏ với anh? Thế là dần dà anh có cảm tưởng mình bị gạt ra khỏi mọi chuyện, như không ai cần anh, anh thấy như mình không được lòng tin yêu của vợ con và thấy mình lẻ loi thừa thãi. Có lẽ cũng là thói quen nghề nghiệp, anh thích người ta tâm sự với mình. Đứa con gái út thì lúc nào cũng vùi đầu vào các trò chơi điện tử, nếu có mở miệng ra chỉ là để cằn nhằn về cái máy đã già. Nếu buổi chiều về nhà mà anh không cần nghe và nói tiếng mẹ đẻ thì hẳn năm nọ anh đã không cạo đầu để cô bồ đầm xấu hổ dứt anh ra. Nhưng vợ con anh không có cùng một nhu cầu.

Rồi sáng nay anh lại gọi tôi, giọng cũng hăng say không kém:

"Mới nghe météo nói thời tiết thứ Năm xấu lắm. Mưa cả ngày. Thôi em đừng lên."

Tôi hỏi cho chắc là mình không lầm:

"Tức là bỏ hẳn, trời tốt trời xấu gì em cũng không lên phải không?"

Lời xác nhận của anh làm tôi bàng hoàng cả người khi gác máy. Tôi ngẩn ngơ một lúc lâu vì thấy có cái gì không thật. Trời tốt hay xấu cũng không gặp nhau tức không phải vì lý do thời tiết. Vậy thì vì cái gì sao không nói thẳng với nhau? Bởi vì anh thân yêu ơi, mình đã đồng ý là không có lý do gì lọc lừa sơn phết với nhau, và nếu không chân thật với nhau thì giữa chúng ta sẽ còn lại cái gì?"

Ngày... tháng...

Bao ngày rồi tôi không ghi gì vào đây cả. Tôi còn có ý nản bởi chẳng lẽ cứ than thở nhớ thương, mà anh thì như xa xôi ghê gớm. Tôi không dám gọi anh, bởi tôi sợ phải nghe những lời không vồn vã chân tình, cái đó còn giết tôi nhanh hơn nữa, nên tôi cố kéo dài những đợt sóng nhớ, mặc dầu không gian không ngăn cách là bao. Nhưng tâm hồn tôi thì yếu mềm như một đụn cát, nên những ngọn sóng vô tình cứ vỗ mãi, và mỗi lần sóng ào ạt vào ra là cướp đi của tôi một phần sức sống.

Tôi cứ trải dài thời gian ra chờ đợi. Tôi đã đến tận cùng nỗi nhớ. Nhiều hôm quên cả việc làm, tôi ngồi nhìn sững máy điện thoại chờ nó reo — nhìn và tập trung tư tưởng bảo "gọi em đi, gọi em đi." Nhưng thần giao cách cảm chỉ có thể thực hiện được khi cả hai cùng nghĩ tới nhau. Mỗi lần điện thoại vừa reo là tôi đã vội chụp ngay, nhưng không phải anh — sao mãi mãi vẫn không là anh?

Cho đến một hôm vừa nhấc máy lên thì giọng vợ anh bên kia đầu dây làm tôi giật bắn người:

"Buồn quá Qùy ơi"

"Gì vậy Hảo? Nói đi!"

"Hình như ông Cương có mèo Quỳ ơi."

Tôi nghe tim mình nhảy thót lên tới cổ. Với giọng bắt đầu hơi run, tôi dọ dẫm:

"Làm sao Hảo biết? Với ai?"

Hảo không biết gì rõ ràng. Nhưng tôi chợt hiểu rõ ràng vì sao anh tránh gọi tôi thường. Từ lâu tôi vẫn có cảm tưởng mình đâm lén vào lưng cô bạn thân thời trung học. Tôi vội gọi anh, nói là em hiểu anh, và quyết định là thôi không gọi nhau nữa. Chúng tôi đã đi vào con đường có đề bảng cấm, cũng là lúc nên quay đầu ra để tránh những phiền phức về sau. Hình như anh chấp nhận với ít nhiều ngần ngại làm tôi đâm bối rối nao lòng cùng cực. Con người vốn dĩ là giống nòi tình, cứ mãi làm kiếp thiêu thân đâm đầu vào lửa.

Ngày... tháng...

Từ đó rõ ràng là chúng tôi giữ lời hứa. Tôi không nói là tôi hoàn toàn mãn nguyện với quyết định của mình. Tuy dặn anh đừng gọi, nhưng trong thâm tâm tôi vẫn mong và vẫn hồi hộp khi nghe tiếng điện thoại reo. Nhưng anh không bao giờ gọi nữa. Mãi một hôm anh gọi tới nhà cho chúng tôi. Nhà tôi la lên trong máy nói:

"Cái gì? Tại sao Hảo chết?"

Trời trồng sững tôi giữa phòng. Gác điện thoại, nhà tôi hối tôi cùng đi đến nhà anh...

Ngày... tháng...

Tôi có cảm tưởng mình sắp chết ngộp tới nơi. Trước khi quyết định làm chứng cho anh, tôi hỏi nhà tôi:

"Cái gì anh có thể tha thứ cho em, cái gì không?"

"Anh có thể tha thứ tất cả, trừ tội ngoại tình."

Tôi không lạnh người khi nghe câu nói đó. Tôi cũng không lạnh người khi nghĩ vậy thì anh sẽ có dịp trừng phạt em rồi. Đầu óc tôi tỉnh táo, thoải mái và an ổn không ngờ. Tôi đã phạm tội phản bội chồng thì có lúc cũng phải chấp nhận trừng phạt. Và rõ ràng là tới lúc Cương đang cần sự làm chứng của tôi. Có phải là sự xa cách tôi lâu dài làm anh quẫn trí đến độ... Lẽ nào! Trời ơi, nếu vì muốn gần gũi tôi mà anh đang tâm làm chuyện đó thì... Tôi không nói tôi vui. Nhưng tự thấy là bao nhiêu nhớ mong chờ đợi của mình không đáng là bao với một mối si cuồng như vậy, và tôi thấy thương nhớ anh hơn, thấy được đền bù ngoài lòng mong ước. Nên khi ngồi ở ghế nhân chứng, tôi dẫn ra nhiều lý lẽ hùng hồn cảm động để bào chữa rằng anh không dính líu gì đến cái tai hoạ bất ngờ đó. Ông biện lý vẫn lịch sự nhưng hơi mỉa mai:

"Làm sao bà đoan chắc đến thế?"

"Bởi vì tôi có liên hệ tình cảm với ông ta."

Không, trời đất không quay cuồng như tôi tưởng. Nhà tôi và con gái há hốc mồm nhìn tôi như lần đầu tiên trông thấy con hổ ba đầu sáu chân chạy thốc vào nhà. Nhiều tiếng ồ nổi lên. Ông biện lý sáng mắt ra như thể nhân chứng đã đem lại cho ông một lý do xác đáng để buộc tội anh thông đồng giết vợ vì tình. Nhiều câu hỏi tới tấp đặt ra và tôi đều trả lời bình tĩnh, rõ ràng. Không cần phải đặt tay lên Thánh kinh thề, tôi cũng dốc hết lòng chân thật.

Tôi có nói rằng chúng tôi không hề muốn thay đổi đời sống gia đình, đời sống xã hội, rằng anh là người rất lo lắng thương yêu vợ con, những gì xảy ra giữa chúng tôi chỉ là một chút riêng tư đối với anh không đáng kể. Và vì vậy, mỗi lần gặp nhau chúng tôi rất sợ đụng mặt người quen. Tôi cũng muốn nói từ lâu rồi, chúng tôi không còn liên lạc thường với nhau nữa. Nhưng tôi vội kìm lại vì chỉ sợ vốn đa nghi là nghề nghiệp, ông biện lý sẽ có thể cho là anh vì một người đàn bà nào khác.

"Và bà, chồng bà bị tai nạn trong khi bà lái xe, bà không thấy bất an sao? Trong khi đó bà lại dan díu với bạn thân của gia đình?"

Tôi muốn trả lời giản dị rằng tôi không phải là người đàn bà hoàn toàn. Nhưng đó không phải là lúc bất cần ai muốn nghĩ sao thì nghĩ. Tôi tìm mắt nhà tôi nhưng anh cố tránh đi. Mãi một lúc lâu thấy tôi chờ đợi, anh quay lại. Bốn mắt chúng tôi nhìn nhau trong một cái nhìn thẳng thắn, buồn rầu và im lặng. Tôi trả lời như chỉ nói với chồng:

"Đời sống nghề nghiệp của tôi không dễ dàng. Thằng con trai chúng tôi bị tai nạn sau tai nạn chồng tôi chỉ ba tháng và vẫn mê man từ ba năm nay. Nhà tôi thì đổi tánh nhiều từ dạo đó. Suốt ngày hầu như tôi không cười bao giờ, ở sở cũng như ở nhà. Chỉ những lúc nói chuyện hay gặp gỡ ông Lê Cương, ông ấy làm tôi cười và quên đi phần nào buồn phiền. Tôi vẫn không sao lãng bổn phận làm vợ, làm mẹ, nhưng thật tình là nhờ những liên hệ riêng tư với ông ta đã giúp tôi thêm can đảm."

Luật sư bào chữa cho Cương cũng hỏi tôi nhiều thứ, cốt hướng tới cái kết quả là anh không hề chủ trương giết vợ. Dầu rằng bỏ vợ ngồi ngoài xe một mình với số tiền mặt khổng lồ như vậy để vào cà phê mua một gói thuốc lá đúng lúc người ta tới đánh vợ mình, cũng chỉ là một bất hạnh tình cờ mà anh là người nhận trọn vẹn thiệt thòi, mất mát.

Bằng vào lòng thẳng thắn chân thật của mình, khi rời khỏi ghế nhân chứng tôi thấy rõ ràng là mình đã chinh phục được ông toà, ông biện lý và ban bồi thẩm. Nhưng trên đường về nhà, chồng con tôi không hề mở miệng nói một tiếng nào. Khi bữa cơm tối dọn ra, nhà tôi không ăn vì "không thấy đói." Con gái tôi cũng không ăn vì "đã gặm bánh mì rồi." Tôi nuốt từng hạt lúa vào mồm. Đó là bữa cơm đầu tiên tôi ăn một mình suốt gần hai mươi năm trong cuộc đời làm vợ. Và đối với tôi, đó là ngày phán xét cuối cùng.

Ngày... tháng...

Sau hôm làm chứng, buổi sáng anh gọi cám ơn tôi và khen là không ngờ em can đảm đến thế. Chiều đó con gái tôi quyết định ra riêng sống với bạn. Tôi chỉ biết khóc thầm vì nó chỉ tuyên bố là đi chớ không hề hỏi ý kiến. Có thể nó có xin phép nhà tôi, về phần tôi thì coi như không còn quyền hành gì nữa.

Hai hôm sau đi làm về, tôi bàng hoàng đọc mảnh giấy nhỏ trên bàn, nhà tôi viết với nét chữ run run: "Thằng Bi quấy quá, chị Thuận nhờ anh ra dạy dỗ nó một thời gian. Anh thấy đây cũng là dịp để mình suy ngẫm về mọi việc."

Mỗi sáng thức dậy, mỗi chiều đi làm về trơ trọi một mình, tôi sợ hãi đến nỗi chỉ muốn ra nhà chị anh để lạy xin anh trở về. Nhưng tôi đã mắc đúng vào cái tội mà anh nói là không bao giờ tha thứ. Tôi thường đứng chết lặng, nhìn sững vào đôi dép ngủ của anh nằm chơ vơ lạnh lẽo giữa phòng. Tôi thường ngồi lịm giữa cầu thang nhớ tới thân hình xiêu vẹo anh khó nhọc bước lên. Tôi sợ hãi trốn tránh cái giường mà giờ đây đối với tôi nó thênh thang như sa mạc. Tất cả đều dẫn ý nghĩ tôi hướng về với chồng, vừa thương, vừa sợ, vừa ân hận. Nhưng mọi việc đã trở thành quá trễ rồi và tôi chỉ còn biết chấp nhận với lòng nhẫn nhục.

Hai tuần sau thì bịnh viện điện thoại gọi chúng tôi đến gấp vì thằng bé chắc sắp đi luôn. Tôi điên cuồng điện thoại và tới nhà chị anh đón anh đi. Cái đau đớn kéo gần chúng tôi lại gần nhau một chút. Nhưng quá xót ruột không thể chờ anh bước chậm chạp từng bước một, tôi ào chạy trước tới căn phòng kiếng chỉ để vừa nhìn thấy cô y tá đang thu xếp chăn mền cháu lại. Người ta nói đã vừa đưa nó vào phòng ướp. Tôi lại tất bật chạy đi, rồi chỉ biết gục đầu xuống thân thể lạnh giá của đứa con trai duy nhất đời mình đang tím xanh bất động...

Tất cả các cái phao đã vuột khỏi tay tôi, mà biển thì mênh

mông vô cùng và đêm thì đen đặc. Tôi một mình chơi vơi giữa giòng buốt giá kiệt sức tàn hơi. Một cảm giác hụt hẫng xót xa làm tôi lịm người. Một nỗi im lặng mịt mùng bao trùm chung quanh tôi. Mỗi sáng mỗi chiều một mình thui thủi vào ra với những bóng hình chồng con chập chờn trước mặt, sau lưng, bên phải bên trái, tôi như một kẻ mộng du chưa đạp phải nước cho tỉnh người. Lúc nào tôi cũng như điên như say, đầu óc vỡ vụn ra vô vàn hạt sạn. Tôi gọi khẽ chồng, gọi khẽ các con và gọi khẽ cả anh. Nhưng không một ai đáp lời tôi cả. Nhà thơ nào đã nói "tôi một mình nghe tất cả buổi chiều, vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh"?

Ngày... tháng...

Hôm nay sinh nhật tôi. Suốt buổi sáng tôi chờ chồng và con — và cả anh nữa — điện thoại để nói cái gì. Nhưng điện thoại mỗi lần reo chỉ là của sở. Không một người thân nào còn nhớ đến tôi. Vậy là tôi lê chân giữa sa mạc cháy bỏng một mình mà nỗi im lặng thì dằng dặc, hãi hùng với mặt trời chói chang thiêu đốt.

Dầu vậy tôi vẫn quyết định là chiều nay sẽ lên anh. Chúng tôi có gặp nhau một lần cách đây hai tháng, khi được tin anh trắng án. Không, rõ ràng hôm đó không phải là niềm hoan lạc. Không bao giờ một trong tất cả chúng tôi có thể sống lại với cảm giác ngày xưa. Tất cả mọi thứ tình cảm, mọi trạng huống, mọi hoàn cảnh đều thay đổi đến tận cùng. Tôi chấp nhận với lòng bình an và vì vậy chiều nay tôi sẽ lên anh — không phải với hy vọng có một món quà bất ngờ nằm chờ sẵn như mọi năm, nhưng với hy vọng nói thẳng thắn với nhau để giữ lại chút tình bạn đẹp. Và sau đó tôi sẽ xin nhà tôi một cái hẹn, để xin anh tha tội và vui lòng ban cho tôi chút tình để làm hành lý tùy thân.

Không biết Cương sẽ nghĩ sao nếu tôi bảo rằng...

X

Nhật ký của Quỳ còn hai dòng nữa thì hết. Con Kim Anh đóng mạnh cuốn sổ lại và nức nở gọi khẽ: Mẹ ơi! Khóc chán rồi nó mở nghe lại cuộn băng thâu từ máy điện thoại trả lời tự động. Giọng Cương cầu khẩn trong máy phát ra: "Kim Anh, đừng cúp ngang như vậy. Gọi lại cho tonton đi Kim Anh. Tonton xin con, dầu sao thì mọi việc cũng đã qua rồi. Tonton không hiểu gì cả." Kim Anh quyết định nhấc máy.

"Tonton muốn nghe con nói cái gì?"

Giọng Cương mừng quýnh:

"Kim Anh đó hả? Cách đây mấy hôm tonton có gọi điện thoại lại thăm mẹ thì người ta bảo rằng..."

"Đáng lẽ tonton phải đoán ra cái ý định của mẹ hôm đó chớ?"

"Hôm nào? Tonton chẳng hiểu gì cả!"

Con Kim Anh nói như hét lên:

"Tonton nói dối!"

Giọng Cương nhẫn nại dỗ dành:

"Bình tĩnh một chút đi Kim Anh, và nói rõ "hôm đó" là hôm nào?"

Con Kim Anh chợt đổi sang tiếng Pháp — thế hệ thứ hai sống bển này thường nói tiếng Pháp mỗi lần cần tranh cãi hay muốn diễn tả gì cho nhanh, khỏi phải mần mò tìm chữ:

"Là hôm sinh nhựt mẹ chớ hôm nào. Chiều hôm đó mẹ lên tonton trước khi về nhà mà!"

Cương ngạc nhiên:

"Tonton thề danh dự với Kim Anh là tonton gặp mẹ cách đây... để coi... hai tháng thì phải. Hôm sinh nhựt mẹ không có lên đây. Nói tiếp tonton nghe đi con."

"Kỳ chưa, mẹ viết trong nhật ký là mẹ lên tonton mà. Chiều đó con đem quà sinh nhật về nhà muốn làm cho mẹ ngạc nhiên và tính sẽ ăn tối cả gia đình, bố cũng có về vì không muốn làm mẹ buồn thêm. Hai cha con chờ mãi. Đến giờ tin tức đài tuyền hình nói là có một người đàn bà Á châu đi ngang qua cầu sông Seine — hướng từ phòng mạch tonton qua — gần tới giữa chừng thì gặp hai ông cảnh sát đi ngược chiều, bà ta hoảng quá nhảy xuống sông, cảnh sát ngăn không kịp. Giấy tờ tung toé không tìm ra tên tuổi và địa chỉ. Rồi người ta bình luận là từ ngày luật của Pasqua đặt ra, chưa chi đã có hai người ngoại quốc chết ở sông Seine vì sợ cảnh sát xét hỏi giấy tờ."

Con Kim Anh thở hắt ra:

"Ban đầu con và bố không để ý. Nhưng chờ mẹ mãi tới gần mười hai giờ khuya vẫn chưa thấy mẹ về thì mới quýnh lên chạy tới bót hỏi. Gần hai giờ rưỡi sáng thì bố và con nhận được xác mẹ."

Con Kim Anh oà lên khóc. Im lặng. Cương nói thật nhỏ:

"Nín đi con. Khổ quá!"

Con Kim Anh nuốt ừng ực những giọt nước mắt rồi như cố làm một cố gắng cuối cùng, nó nức nở:

"Mẹ tính đến để nói là muốn giữ lại với tonton tình bạn êm đẹp. Và cũng để báo cho tonton biết là mẹ có bầu với tonton."

Cương bàng hoàng gác máy và ôm mặt gọi khẽ "Quỳ ơi!" Bây giờ thì anh hiểu. Tất cả bắt đầu từ trong chuyến hè đi Mỹ. Trời hôm đó trong xanh nhưng vừa lên máy bay lòng anh lại có tiếng sét. Và cô gái ấy cũng vậy. Suốt những ngày hè bên Cali trời nắng đẹp, anh thường phó thác vợ con cho gia đình để có dịp gần gũi cô ta. Và khi về lại Paris thì hai người gặp nhau khá thường đến nỗi anh không còn thì giờ cho Quỳ nữa.

Ngày sinh nhựt Quỳ đến tối anh mới nhớ ra. Chiều hôm đó trong lúc say sưa hạnh phúc, anh nói với giọng lúc nào cũng oang oang lệnh vỡ:

"Anh không đồng ý với Freud chút nào khi ông ta bảo rằng làm gì có hạnh phúc dài lâu, mà chỉ là có những giây lát hạnh phúc thôi. Anh thấy như vậy là sai. Bởi vì anh, từ ngày mình gặp nhau tới giờ mấy tháng rồi nhỉ... chín, mười tháng, vậy mà anh cảm thấy hạnh phúc mỗi ngày và mọi ngày. Vì em, anh đã làm tất cả để mình được tự do sống với nhau. Thong thả rồi hẵng làm đám cưới để không ai nghi ngờ gì cả. Trời ơi là anh yêu em! Yêu đến điên lên được!"

Sau câu nói ấy, có tiếng cửa đóng lại làm cô gái giật mình và hỏi cái gì vậy anh. Anh khoác áo ra xem rồi trở vào trả lời là không có gì, chắc gió hoặc đứa bé nào chơi nghịch đóng cửa phòng ngoài. Nhưng bây giờ thì anh hiểu khác.

Anh lại ôm đầu, lại gọi khẽ "Quỳ ơi" lần nữa. Chỉ tại anh, "ừ, anh vẫn có thói quen không đóng cửa phòng ngoài."

Paris, Janv. 1994

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

THƠ DIỄM CHÂU, Tủ Sách Thơ Trình Bầy xuất bản và phát hành, sách dầy hơn 300 trang với minh họa của Nguyễn Đồng, bìa của Huỳnh Đàn. Sách in đẹp, trang nhã, không đề giá bán.

Diễm Châu sinh ở Hải Phòng. Nơi bìa cuối cuốn sách ông cho biết đã một lần tản cư, hai lần di cư và đã sống ở ngoại quốc trên mười năm. Suốt trên hai thập niên hoạt động văn nghệ, ông chuyên về thơ và dịch các danh tác ngoại quốc. Trong lời tựa Diễm Châu tự giới thiệu: *"...Tôi là một người làm thơ không chuyên, chỉ biết viết khi lòng mình xúc động, yêu thơ tha thiết dù chưa bao giờ dám nghĩ tới chuyện ở lại vĩnh viễn với nguồn say đắm..."* Sách chia làm hai phần chính là thơ Diễm Châu gồm 118 trang đầu và thơ dịch 63 nhà thơ khác chiếm gần hai trăm trang còn lại. Trong phần dịch thơ có một điều lạ là ông không dịch một nhà thơ Trung Hoa nào. Thơ của ông, cũng như thơ dịch đều nằm trong dạng thơ tự do, họa hoằn chúng ta bắt gặp một bài thơ năm chữ. Những ai chú tâm tới thi ca, đặc biệt là thi ca Tây Phương nên có quyển sách này. Xin giới thiệu một đoạn thơ ngắn của Diễm Châu:

"...Ngọn đèn soi không tỏ
Con ngồi khóc thương Thầy
Thằng Trắng và thằng Đỏ
Day vú mẹ mãi thôi
Mưa rơi rồi mưa rơi
Mưa rơi hoài mưa rơi
Mưa rơi đêu như thế
Mưa rơi mãi Thầy ơi
Con ngủ mê hòa bình
Mặt trời đen rừng rực
Thầy nằm dưới lòng vực
Thầy chết có một mình".

DƯ HOÀI, thơ của Cao Nghi Bình cũng do tủ sách Thơ Trình bầy xuất bản và phát hành. Sách dầy khoảng 150 trang, in một mặt giấy, trình bầy trang nhã với nhiều phụ bản do chính tác giả thực hiện.

Cao Nghi Bình là bút hiệu của Cao Thanh Tùng, một nhạc sĩ trung hồ cầm (cello). Ông dẫn độc giả bước vào vườn thơ của ông bằng một đoạn văn của *Francois Mauriac*:

"Có hề gì việc yêu mến miền đất này hay miền đất nọ, rừng thông hay rừng phong, biển cả hay đồng bằng? Đối với nàng, không có gì đáng quan tâm trong cuộc sống cho bằng những con người bằng máu và thịt..."

Đây là một tập thơ và thơ dịch gồm thơ Cao Nghi Bình 80 trang đầu, phần còn lại là dịch thơ Jacques Prévert và Boris Pastenak. Tôi chọn bài thơ *Thơ Mùa Hạ* để giới thiệu thi tập này:

Khi bước xuống thềm nhà
Ôi buổi chiều mùa hạ!
Bầy em nhỏ tóc dài
Đùa chơi quanh mộ đá
Tháng giêng rồi tháng qua
Rồi mưa ươm mùa hạ
Ông lão còn nằm đó
Ngủ mòn trên sân ga
Bàn tay khô còn mỏi
Đen trong buổi chiều loà
Chiếc lá dài năm ngoái
Úa trên viền môi xa
Giọt sương rơi trên đá
Bóng tối loãng vườn nhà
Con chim hồng cánh nhỡ
Nằm chết ngửa trên hoa

BÀI THƠ CỦA MỘT NGƯỜI YÊU NƯỚC MÌNH, thơ của Trần Vàng Sao, Tân Thư xuất bản, bìa và phụ bản của Khánh Trường. Sách dầy hơn một trăm trang, giá $8.00.

Trần Vàng Sao là một nhà thơ trong nước, nơi bìa sau của quyển sách cho chúng ta biết đây mới chỉ là tập một, có nghĩa là ông sẽ cho chúng ta nhiều tập thơ nữa. Toàn bộ cuốn sách không phải chỉ là những bài thơ thuần túy, tác giả lồng vào trong những trang thơ này tiếng than ngút trời mây của một tâm hồn cực kỳ đau khổ. Suốt 27 bài thơ, không bao giờ người đọc bắt gặp được một hình ảnh tươi vui, một ý nghĩ trong sáng. Do đó nếu coi đây là một bản cáo trạng nhân danh thi sĩ để chống lại điều ác và sự xấu thì cũng không có gì là sai.

Xin đơn cử vài đoạn trong bài thơ *Văn Bia* làm thí dụ:

"Nguyễn Hán
Ba mươi chín tuổi
Tự đâm cổ bằng cái chai nước cam đập bể
Có người nói vì điên
Trước khi chết có nói
Thời buổi này
Cứt cũng không có mà ăn
.....
Nguyễn Văn Lớn
Bốn mươi lăm tuổi
Đói lâu ngày quá ăn nhiều
Chết
Không có bà con thân thích
.....
Nguyễn Hữu Thực
Năm mươi tuổi
Chết ngay giữa bàn tiệc
Không kịp đưa vào bệnh viện
Có trên một ngàn người đưa đám
.....
Phạm Huỳnh Thưởng
Chết năm năm mươi sáu tuổi
Đứt mạch máu

TRẦN HỒNG CHÂU

HẠT CÁT BIỂN ĐÔNG

Sông kia bên lở bên bồi
Ta cho em mãi ngàn đời yêu mê
Chăn gối phù du lẳn chớp nhoáng
Đường về cô quạnh lại trăng soi
Mai sau dù có bao giờ
Sâm Thương trời hẹn đất chờ làm sao
Một trái Kim tinh trôi sỏi đá
Mấy mùa ân ái lệ nhạt nhòa...

Mắt em mơ... Không gian đang rạn vỡ
Gấp đi em! thác đổ ngàn sao rụng!
Sầu lên bàng bạc cơn hồng thủy
Thiên hà tan tác mấy huyền vi
Tượng cũ thần linh ngàn đổ nát
Chiều tận thế lòng có biển dâu?

Hóa nhi thăm thẳm nghìn trùng
Chùm hoa Tình đẩu mịt mùng về đâu
Cây cỏ hồng hoang đời lạnh lẽo
Chân không lồng lộng nẻo vô thường
Luân lưu vật đổi sao rời
Hồn thiêng chết lịm hay đời mộng du

Bài ca vũ trụ chợt tan biến
Thời gian đứng lại sắc u huyền
Tình ta hạt cát biển đông
Cuốn theo chiều gió một vòng hư vô!...

Lúc đang đọc diễn văn
Gần đến đoạn cuối."

Ở NƠI NÀO CŨNG CÓ TÌNH YÊU, thơ của Ngô Tịnh Yên, tủ sách Văn Học Nhân Chứng xuất bản với nhiều phụ bản họa và nhạc. Sách dầy 120 trang, in trên giấy trắng không đề giá bán.

Ngô Tịnh Yên là một bút hiệu mới của một người làm thơ cũ. Dưới bút hiệu Trà Mi, chị đã xuất bản hai tác phẩm ở trong nước.

Ở CHỐN KHÔNG QUEN, tập truyện của Nguyễn Ý Thuần, Thời Văn xuất bản và phát hành, bìa của Khánh Trường, sách dầy 200 trang, giá $10.00.

Nguyễn Ý Thuần là một nhà văn sau 75. Ông xuất hiện bằng một loạt truyện ngắn, đăng trên các tạp chí văn học ngay từ khi đặt chân tới Mỹ sau một chuyến vượt biên thành công. Ông là một trong 23 tác giả được giới thiệu trong một tuyển tập do nhà Văn Nghệ xuất bản năm 1988. Sau đó, ông lần lượt cho ra đời một truyện dài và ba tập truyện ngắn. Thời kỳ cư ngụ tại miền Nam Cali ông viết rất khỏe. Từ khi ông dời lên miền Bắc của tiểu bang này, một mình chủ trương một tờ báo, cặm cụi đánh bài, viết tin, đem in, phát hành và... thu quảng cáo, ông ít sáng tác. Gần đây ông mở một nhà in, đã sắp xếp lại công việc để có thì giờ ngồi vào bàn viết.

Tổng Danh Mục Nhạc Việt 1994

VN Communication and Distribution xuất bản. Giá $15.00

Sách dày 544 trang khổ lớn (8.1/2 X 11) chia làm bốn loại danh mục:

1. Danh Mục Băng Nhạc: 133 trang liệt kê tên các trung tâm sản xuất (theo mẫu tự) băng nhạc cassette hoặc CD. Băng nhạc, CD (ở vài trung tâm có cả Video) của mỗi trung tâm được lần lượt liệt kê theo số thứ tự sản xuất cùng với tên gọi của băng hoặc đĩa cùng tất cả tên các bản nhạc và ca sĩ trình bày. Ví dụ trung tâm Diễm Xưa, đi từ Tape 1 - CD1 mang tên ấu Vết Tình Ta đến Tape 61 - CD61 mang tên *Mùa Xuân Trong Đôi Mắt Em,* v.v...

Danh Mục Bài Hát: 193 trang, liệt kê tên của các bài hát (cũng theo mẫu tự) được trình bày trong tất cả các băng nhạc và CD đã được sản xuất, có ghi chú cả tên ca sĩ, tên trung tâm sản xuất, tên băng nhạc và số sản xuất. Ví dụ bài *Con Thuyền Không Bến* được nêu danh bảy lần với ghi chú một lần Hòa Tấu do Trung Tâm Thanh Lan, thuộc cuộn băng Bốn Nụ Hôn Đầu mang số Tape 124. Lần khác do Phượng Mai hát trong băng Hận Tình Trong Mưa của Trung Tâm Giáng Ngọc v.v...

3. Danh Mục Ca Sĩ: 183 trang, liệt kê theo mẫu tự tên tất cả các ca sĩ đã hát trong các băng và CD đã sản xuất, với ghi chú tên bài hát, tên trung tâm và tên gọi của băng nhạc cùng số thứ tự sản xuất. Ví dụ ca sĩ Hương Lan đã được nêu danh 658 lần, trong đó 545 lần hát một mình, 113 lần cùng hát với một số ca sĩ khác.

4. Danh Mục Tựa Băng: 14 trang, liệt kê theo mẫu tự tên gọi của mỗi băng nhạc với ghi chú tên trung tâm cùng số thứ tự sản xuất. Ví dụ băng Áo Tím Ngày Xưa là CD-8 của Trung Tâm Thúy Nga v.v...

Cuốn **Tổng Danh Mục Nhạc Việt 1994** là một công trình soạn thảo dày công và khoa học, lần đầu tiên xuất hiện trên thị trường băng đĩa nhạc Việt Nam tại hải ngoại. Nó sẽ giúp cho người có nhu cầu tra cứu tìm được dễ dàng nhanh chóng bài hát, tên ca sĩ, tên băng nhạc hoặc CD và trung tâm sản xuất mà mình cần. Nhu cầu ấy có thể là từ một cá nhân yêu nhạc ví dụ một người nhớ rằng ngày xưa mình rất mê Khánh Ly hát bài *Diễm Xưa* mà bây giờ không biết phải tìm bài ấy ở đâu, thì nay với cuốn TDMNV, chỉ cần 30 giây là có tất cả thông tin cần thiết. Nhu cầu ấy tất nhiên có rất nhiều ở các đại lý phát hành băng đĩa nhạc vì có thể trả lời cho khách

hàng trong nháy mắt về bất cứ bài hát nào, ca sĩ nào trong bất cứ băng nhạc hay đĩa nhạc Việt Nam nào sản xuất trên thế giới (trừ tại Việt Nam).

Đây cũng là một tài liệu thống kê rất quý để các nhà kinh doanh nhạc có ngay ý niệm về thị hiếu của đông đảo người nghe về một bản nhạc, về một ca sĩ: cứ nhìn số lần một bản nhạc được hát và số lần một ca sĩ được mời hát là có thể biết được ý thích của quần chúng.

Tài liệu nầy cũng sẽ giúp nhiều cho các nhà nghiên cứu về âm nhạc, nhất là về sự tương quan giữa một tác phẩm, một giọng hát đối với quần chúng. Đọc **Tổng Danh Mục** này chúng ta mới biết được rằng một bài hát rất nổi tiếng từ hơn ba thập niên của Phạm Duy là bài *Tình Ca* đã không được hát bất cứ một lần nào, bởi bất cứ một ca sĩ nào, trong bất cứ một băng đĩa nhạc nào đã được sản xuất và bán ra thị trường tại hải ngoại nầy. Một bài trang trọng cổ kính như *Cung Đàn Xưa* của Văn Cao được duy nhất ca sĩ Mai Hương hát đúng một lần. Biết được rằng tất cả số lần các bản nhạc bắt đầu bằng chữ Tình được hát 950 lần, trong đó 947 lần chữ Tình được hiểu là một loại tình yêu nào đó, chỉ có ba lần không phải là tình yêu, đó là ba lần của bài *Tình Cờ*.

Ai cũng thấy một thiếu sót của tập **Tổng Danh Mục** này là không ghi tên tác giả vào các bản nhạc, kể cả cơ sở xuất bản, cũng thấy điều đó, vì đã có một trang cáo lỗi về sự thiếu sót này, với ly do khuôn khổ cuốn sách và thiếu dữ kiện. Đây thật là một điều đáng tiếc, cho thấy nếu các cơ sở khai thác thương mại các bài hát đã không thèm đếm xỉa gì đến những người cha tinh thần của chúng thì đến khi một **Tổng Danh Mục** như thế này ra đời, những người cha ấy vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Không có tên tác giả nhiều khi gây trở ngại cho việc tra cứu: Chẳng hạn trong phần Danh Mục Bài Hát người ta thấy bản Dạ Khúc xuất hiện bốn lần, với tên nhạc sĩ, ca sĩ trình bày, nhưng người đọc không biết Dạ Khúc nào: của Schubert, của Nguyễn Mỹ Ca hay của Nguyễn Văn Quì?

Cũng trong phần Danh Mục Bài Hát bài *Dòng Sông Xanh* xuất hiện hai lần tại hai mẫu tự khác nhau: một lần ở vần D với *Dòng Sông Xanh* do Họa Mi hát, ba lần ở vần G với *Giòng Sông Xanh* do Sơn Ca và Thái Thanh hát. Không thống nhất trong cách viết như thế sẽ đem lại khó khăn cho người tra cứu. Đây không phải là lỗi của người lập danh mục, mà là do cách viết khác nhau của các trung tâm sản xuất.

Nhìn chung **Tổng Danh Mục Nhạc Việt 1994** là một công trình đáng kể thâu gồm tất cả nhạc Việt đã được sản xuất thương mại trên cassette và CD. Các băng và đĩa sản xuất riêng lẻ của từng cá nhân nhạc sĩ, ca sĩ hay ca đoàn không có tính cách thương mại không thấy xuất hiện trong sách. Tuy nhiên với số lượng bài hát khổng lồ đang lưu hành trên thị trường băng đĩa nhạc thì đây quả là bửu bối hiếm có để tra cứu nhanh chóng và dễ dàng. ■

THƠ BÙI GIÁNG

Tuyển Tập Mới Nhất

Một thời gian dài sau năm 1975 chểnh mảng với Nàng Thơ, từ năm 1992 qua nửa đầu năm 1993 nhà thơ Bùi Giáng bỗng bắt lại nhịp sáng tác dồi dào.

Hàng trăm bài thơ trong một cơn *bùng nổ sáng tạo* đầy yêu thương, đau khổ, siêu thoát...

Làm thơ hay nhất đất trời
Cái điên cũng đến tuyệt vời cuồng điên
Cái khùng cũng vậy tuy nhiên
Cái tài hoa cũng muộn phiền lắm thay...

Bùi Giáng
Saigon Tháng Năm — 1993

Tột đỉnh của Tài Hoa là sự xuất thần (cái khùng, cái điên) đã mang lại cho đời những vần thơ hay nhất...

Tuyển Tập Mới Nhất

THƠ BÙI GIÁNG

do Nhà Xuất bản và Phát Hành Thế Kỷ ấn hành.

MINH VĂN
P.O. BOX 647,
Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390
FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành:

1. NGÀY QUANH QUẤN (tập truyện)... $10.00
Tuyển tập gồm tám truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 207 trang .

2. NIỀM VUI UNG THƯ (tập truyện)..... $10.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 196 trang.

3. CÕI SA MÙ (truyện dài)..... $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 452 trang.

4. KẺ ĐÀO MỒ (tập truyện)..... $11.00
Tuyển tập gồm bảy truyện ngắn của Trần Long Hồ, dày 220 trang.

5. CỬA ĐỊA NGỤC (truyện dài)..... $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên Dung Thân của Trần Long Hồ. Sách dày 560 trang.

6. CHÂN TRỜI LAM NGỌC (ký sự)..... $11.00
Ký sự của Hồ Trường An, nói về mười hai tác giả, sách dày 220 trang.

Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn. Nhà xuất bản Minh Văn chịu mọi cước phí.

(Từ trái qua) Nguyễn Mộng giác, Nguyễn Đức Quang, Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Kỳ Hùng, Trần Bích Ngọc, Nguyễn Hương, Lê Bi, Trần Văn Sơn, Lê Thọ Giáo, Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Nghĩa, Phạm Xuân Đài

BÀN TRÒN VĂN HỌC

VIỆT NAM TỪ TRONG NHÌN RA, TỪ NGOÀI NHÌN VÀO

Bài và hình:
LÊ TAM CA & PHẠM PHÚ MINH

WESTMINSTER (NV) — Một cuộc thảo luận thu hẹp nhưng sôi nổi quanh một cuốn sách mới ra có thể trở thành chất xúc tác cho những suy nghĩ về những vấn đề Việt Nam: Mười bốn nhà văn, nhà báo bàn về ấn bản đặc biệt của tập san *Văn Lang* 1994, nhan đề "Việt Nam nhìn từ bên trong và bên ngoài," do hai người viết là Tạ Chí Đại Trường (ở Saigon) và Nguyễn Xuân Nghĩa (ở quận Cam).

Chủ biên tập san *Văn Lang*, ông Nguyễn Mộng Giác, cũng là gia chủ, điều hòa cuộc thảo luận với ước mong đánh giá được nội dung cuốn sách.

Những người tham dự cuộc thảo luận, vào lúc 3 giờ chiều thứ Bảy 9 tháng Tư 1994, tại nhà riêng của chủ biên họ Nguyễn, đều đã nhận được cuốn sách từ hai tuần trước để đọc và chuẩn bị ý kiến.

Cuốn sách gồm hai phần không đều nhau. Phần "nhìn từ trong nước" của Tạ Chí Đại Trường (giáo sư Sử học) dài 81 trang, nói về tính cách tiên tri của những dự án chính trị Việt Nam từ nửa thế kỷ qua. Phần "nhìn từ bên ngoài" do kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa (tốt nghiệp Cao đẳng Thương mại Paris) viết, dài hơn 200 trang trong đó bốn phần năm dành cho một lược khảo về những thăng trầm của kinh tế, chính trị thế giới — đặc biệt là các siêu cường — từ thời Columbus tìm ra Mỹ châu đến thời hiện đại.

Trong "khuynh hướng chính trị tiên tri thời hiện đại," nhà sử học Tạ Chí Đại Trường đã nêu ra được một nét độc đáo trong trường chính trị Việt Nam, đó là khuynh hướng tiên tri của các nhà hoạt động. Tác giả lần lượt đưa ra các trường hợp chính trị tiên tri, từ Huỳnh Phú Sổ, được tác giả coi như đại diện cho khuynh hướng tôn giáo, Lý Đông A mang dấu ấn chính trị truyền thống, cho đến Hồ Hữu Tường, Ngô Đình Nhu và cơn "mộng du ba mươi năm" của đảng Cộng Sản mang dấu vết "viễn kiến" trong tư tưởng chính trị của mình. Đây không phải là một công trình nghiên cứu sử học, mà có thể coi là một tiểu luận, chứa đựng một nội dung lớn. Mục tiêu của tác giả, như nhà xuất bản nhận xét: "Không e ngại động chạm, không quanh co, Tạ Chí Đại Trường mạnh tay "giải ảo," vì đã tới lúc dân tộc ta không còn có thể tự ru ngủ bằng những giấc mộng tiên tri chính mình tạo ra."

Tác giả của phần sau, Nguyễn Xuân Nghĩa, là một nhà kinh tế, đã cố gắng trình bày những biến động mạnh mẽ của thế giới ngày nay — cũng chính là thế giới của thế kỷ 21 sắp sửa đến — và đề nghị "Việt Nam phải nhìn cục diện thế giới trong một thế động, thường xuyên thay đổi trong một trật tự bất ổn, và phải nhìn vào dân tộc như một sức mạnh chính yếu để giải quyết những vấn đề của mình."

Tác giả đã khái quát một cách dí dỏm và sâu sắc về bản chất của thế giới ngày nay, với mục tiêu hóa giải những ảo vọng đã có về đất nước Việt Nam, và mơ ước một nền tự do cho Việt Nam, tự do để nhận thức và làm chủ vận mạng mình sau bao nhiêu thảm họa vì tinh thần bị xơ cứng vì các khuôn mẫu tưởng là hoàn hảo được đưa đến từ bên ngoài.

Trong cuộc thảo luận, các ông Trần Văn Sơn và Lê Đình Điểu cho rằng "cuốn sách không cân bằng giữa hai phần, và không có sự đối chọi về quan điểm như tựa sách gợi ra cái ý *trong* và *ngoài* — của hai tác giả, Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa, đều đứng trên quan điểm chống Cộng." Ông Đỗ Ngọc Yến lại bênh vực lối sắp xếp "không cân bằng" về hình thức của cuốn sách, vì nội dung có sức nặng ngang nhau. Ông cho rằng Tạ Chí Đại Trường đã giúp ông nhìn rõ một luận đề lịch sử của dân tộc Việt Nam, đó là phong thái sinh hoạt "hội kín" và thói quen xây dựng huyền thoại cho lãnh tụ.

Nhà văn Mai Kim Ngọc và cô chuyên gia trẻ Trần Bích Ngọc thú nhận rằng những nhận định của nhà báo Đỗ Ngọc Yến giúp họ hiểu rõ hơn về tác giả Tạ Chí Đại Trường. Riêng cô Bích Ngọc cho biết sẽ đọc lại phần "nhìn từ bên trong" của sử gia họ Tạ. Cô chứng tỏ đã đọc rất kỹ phần của kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa, khi cô đưa ra một "mục lục" của cuốn sách do cô ghi trong lúc đọc — phần mà nhà xuất bản đã quên làm, và hai người trách nhiệm xuất bản là Nguyễn Mộng Giác và Châu Văn Thọ hứa sẽ bổ túc khi tái bản.

Một nữ tham dự viên khác, cô Nguyễn Hương (chủ trương tập san *Đối Thoại*), đề nghị tác giả Nguyễn Xuân Nghĩa viết thêm một hay hai chương về vai trò của Nhật Bản và Trung Quốc trong vùng Á Châu Thái Bình Dương.

Nhà thơ Lê Bi (báo *Hợp Lưu*), và nhà văn Phạm Xuân Đài (báo *Thế Kỷ 21*) có chung một quan điểm về "cái nhìn xuyên suốt lịch sử các dân tộc Á đông trong việc đánh giá tư tưởng chính trị nhuốm màu tiên tri mà Tạ Chí Đại Trường chứng minh trong bài viết của mình." Phạm Xuân Đài còn đọc cả một đoạn ghi những cảm nghĩ của mình sau khi đọc xong cuốn sách. Ông tỏ ra chú ý đến vai trò tôn giáo (nói chung) trong tiến trình giải quyết những mâu thuẫn nội bộ dân tộc mà, theo ông, Tạ Chí Đại Trường ngụ ý trong bài viết.

Các ông Nguyễn Đức Quang (báo *Viễn Đông Kinh Tế*), Lê Thọ Giáo (báo *Văn Học*), và Nguyễn Kỳ Hùng (chuyên viên điện toán), cho rằng các tác giả nên khai triển thêm phần những giải pháp, cả chính trị, quân sự, lẫn kinh tế, văn hóa, giúp Việt Nam đi tới được giai đoạn phát triển trong tự do và dân chủ.

Nói chung, tất cả các tham dự viên đều chia sẻ nhận định rằng cuốn "Việt Nam nhìn từ bên trong và bên ngoài" đưa ra những cái nhìn mới mẻ và hữu ích cho vấn đề Việt Nam, có một mục đích thầm kín là đánh tan đi những ảo vọng về chính trị cũng như về xã hội, kinh tế để mọi chuyện được nhận thức lại một cách sát hợp, với một tâm thức mới — như nhà văn Phạm Xuân Đài nói trước khi ra về: "Thiện ý ấy của tác giả và của nhà xuất bản xứng đáng được đón nhận một cách trân trọng bởi tất cả những ai quan tâm, thao thức về đất nước Việt Nam."

"Việt Nam, nhìn từ bên trong và bên ngoài," hai tác giả: Tạ Chí Đại Trường (trong nước) và Nguyễn Xuân Nghĩa (hải ngoại), Văn Lang xuất bản, dày 294 trang, giá US$15.00

Liên lạc: Văn Lang
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

VÒNG CHÂN TRỜI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

Phạm Thế Trung trưng bày mô hình tượng đài Petrus Ký

Chiều thứ Bảy 19-3-1994 tại phòng hội họa số 2998A đường Dundas West, Toronto, Canada, họa sĩ điêu khắc gia Phạm Thế Trung đã giới thiệu mô hình tượng đài Petrus Trương Vĩnh Ký do ông vừa mới hoàn thành. Đến xem triển lãm mô hình và các tác phẩm nghệ thuật của ông, ngoài thân hữu, còn có một số giới chức Canada và nhân sĩ Việt Nam.

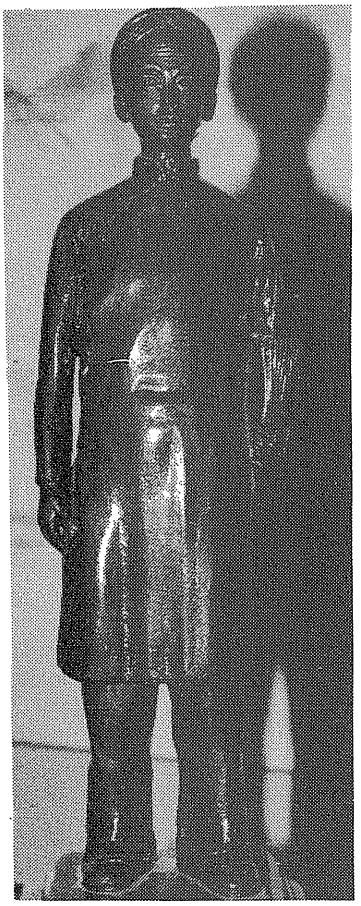

Tượng Petrus Ký của Phạm Thế Trung

Họa sĩ Trung đã tóm lược những nét chính yếu và ý nghĩa trong nghệ thuật tạc tượng Petrus Ký qua y phục, dáng dấp và tư thế của nhân vật. Theo ông, tay trái cắp sách như mang theo cả con tim, không phải chỉ thể hiện học thức uyên thâm của nhà bác ngữ học, mà còn nói lên tâm nguyện, lòng nhiệt thành của Petrus Ký đối với văn hóa Việt Nam, y phục khăn đóng, áo dài, giầy Gia Định không phải chỉ ghi lại hình ảnh của một thời lịch sử xa xưa mà còn nói lên chủ trương duy trì bản sắc của nguồn cội khi Petrus Ký chủ trương một sự kết hợp hài hòa văn hóa và văn minh Đông Tây, khuôn mặt rạng rỡ ngước thẳng về phía trước, chân đang bước tới diễn tả tư thế của một kẻ sĩ với tư cách ngay thẳng khẳng khái, với tâm hồn cương nghị tự tin, với thái độ hăm hở xăm xăm thẳng tiến tới tương lai, một tương lai tràn trề hy vọng.

Họa sĩ điêu khắc gia Phạm Thế Trung là cựu học sinh trường Petrus Ký, tốt nghiệp trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, tỵ nạn và định cư tại Canada năm 1980, vừa được tuyển chọn thiết lập tượng đài thuyền nhân Việt Nam tại thủ đô Ottawa: tượng "Vượt Thoát Cho Tự Do" mô tả người Mẹ chạy trốn Cộng sản không mang theo gì hết ngoài đứa con yêu dấu của mình. Các tác phẩm nghệ thuật của ông hiện đang được Hội Sử Học Đa Văn Hóa Ontario trưng bày tại Bảo Tàng Viện Hoàng Gia Canada.

Đại học Fullerton mở khóa hội học cho một số nhà báo Việt Nam

Khoảng 20 ký giả chuyên nghiệp trong giới báo chí Việt ngữ tại hải ngoại sáng thứ Hai 28-3-94 đã tham dự một khóa hội học về báo chí tại trường đại học CSU Fullerton. Khóa hội học về báo chí được đặt dưới sự bảo trợ của nhật báo Người Việt, Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ VAALA, và phân khoa Truyền Thông của đại học Fullerton.

Khóa hội học là nỗ lực phối hợp đầu tiên giữa một cơ sở giáo dục đại học Mỹ và cộng đồng Việt Nam để huấn luyện nghề nghiệp cho giới báo chí của các sắc tộc thiểu số muốn cải tiến ngành báo chí và thích ứng với tình hình phát triển kỹ thuật của nghề báo hiện tại.

Trong bài giảng khai mạc khóa hội học về báo chí này, Tiến sĩ Terry Hynes đã dành hơn một giờ đồng hồ để nói về lịch sử báo chí Hoa Kỳ, trong đó bà nhắc nhở mọi người về truyền thống của báo chí Hoa Kỳ, nhấn mạnh đến tu chính án đã trao cho báo chí Mỹ quyền tự do tuyệt đối về ngôn luận, kèm theo những trách nhiệm và lương tâm nghề nghiệp của những người làm báo.

Những giờ tiếp theo đó là những bài giảng:

- **Vấn đề pháp lý và đạo đức nghề nghiệp:** Tiến sĩ **Rich Pullen**, Phụ tá Khoa trưởng Khoa Truyền Thông.

- **Săn tin, viết tin và tường thuật:** Tiến sĩ **Anthony Fellow** và giáo sư **Jeffrey Brody**, dạy tại Khoa Truyền Thông và cố vấn của tờ báo sinh viên Đại Học Fullerton có tên là Daily Taitan.

- **Nghề báo qua việc điện toán hóa:** Tiến sĩ **Paul Lester**, dạy tại Khoa Truyền Thông.

Khóa hội học kết thúc sau khi các học viên tham dự phải trả lời một số câu hỏi để đánh giá kết quả khóa học. Phân khoa Truyền Thông trường Đại Học CSU

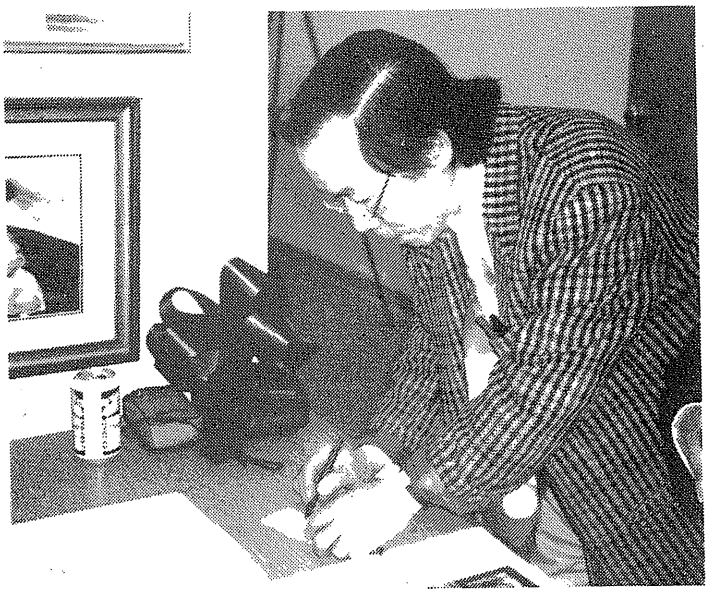

Đinh Cường tại phòng tranh ở Metro Gallery

Fullerton sẽ dùng những bản đánh giá này làm căn bản cho việc tổ chức những khóa hội học cho từng lãnh vực trong nghề báo sau này.

Đinh Cường triển lãm tranh

Đinh Cường, Họa sĩ, 55 tuổi, vẫn là thành viên của *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* (Hội ra đời tại Saigon từ năm 1967), vừa trưng bày tranh tại Đại Học George Mason, thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tranh của ông thuộc loại ấn tượng, người xem có thể không hiểu nhưng vẫn thích. Chả thích mà kỳ triển lãm nào tranh của ông cũng bán gần hết. Đinh Cường cho biết là hè này, có thể triển lãm tại Houston, Texas và nhận lời tham gia triển lãm chung với 40 họa sĩ Việt Nam sống trên đất Mỹ vào mùa Xuân năm 1995, trong khuôn khổ của "Dự án 20."

Đêm Mai Thảo ở Washington D.C.

"Hôm nay chúng ta tụ họp ở đây để vinh danh nhà văn Mai Thảo, nhà văn của hơn 30 truyện dài, tám tập truyện ngắn, một tập tùy bút, một tập thơ và hơn 40 năm làm báo sống chết với văn chương..." Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc đã nói với Mai Thảo và hơn 200 bạn hữu của ông trong cuộc họp mặt mệnh danh là "Đêm Mai Thảo" tại quán Hồ Nam trên đường Moore, lúc 9 giờ tối, thứ Bẩy 2 tháng Tư. Hoàng Bắc đi theo những bước phiêu lãng của nhà văn 67 tuổi độc thân, phân tích và đưa ra kết luận Mai Thảo là "người anh, người bạn rất thân mến của chúng ta ở đây, nếu tôi được phép góp phần danh dự với tư cách là một phụ nữ cũng có đôi điều hệ lụy với văn chương, tôi xin phép được vinh danh anh: người tình chung thủy nhất, trọn vẹn nhất với văn chương và văn học Việt Nam."

Nhà văn Nguyễn Thị Hoàng Bắc là một trong bốn diễn giả đã phát biểu với lời soạn sẵn, để cùng tôn vinh một người — Mai Thảo — đã góp phần làm mới văn học Việt Nam từ 1954 đến 1975 (theo lời nhà phê bình văn học Trương Vũ); đã đưa vào văn học các dáng dấp "một chút hào hoa, một chút ngang tàng, bướng bỉnh, bất cần đời"; đã "làm thơ rất mới trên cái nền ngôn ngữ cũ" (theo Bùi Bảo Trúc, ký mục gia).

Đáp lại mối thâm tình mà bằng hữu và bạn đọc đặc biệt trong "Đêm Mai Thảo", nhà văn uống rượu nhiều hơn ăn cơm này đã lên máy ngâm ứng khẩu và nói ngắn rằng ông không dám nhận hết những lời khen tặng của bạn bè, mà ông chỉ rất xúc động được có nhiều người yêu mến, từ Cali đến Houston, từ Seattle đến Virginia. "Virginia nay trở thành một vùng biển thân yêu của người suốt đời giang hồ bốn biển."

Bác sĩ Phó Ngọc Văn, người tổ chức "Đêm Mai Thảo", cũng là người nói lời mở đầu chương trình, cho rằng "hãy vinh danh một nhà văn lớn ngay khi ông ta còn sống cùng chúng ta."

Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến đã đến Mỹ

"Tôi vừa xuống máy bay lúc 12 giờ trưa ở phi trường Los Angeles. Tuy còn mệt mỏi vì chuyến bay dài, nhưng muốn đi ngay một vòng thăm anh em." Ông Như Phong Lê Văn Tiến, một nhà báo lão thành, sau 15 năm tù cộng sản, nói với nhóm biên tập *Người Việt* lúc 6 giờ chiều thứ Hai 11 tháng Tư 1994, tại tòa báo, như trên.

Người gầy gò, tóc bạc trắng, nhưng phong thái an nhiên, nhẹ nhàng, ông Như Phong tỏ ra lạc quan về một tương lai tự do dân chủ cho đất nước Việt Nam. Ông

Nhà văn Mai Thảo cám ơn bằng hữu đã đến với "Đêm Mai Thảo"

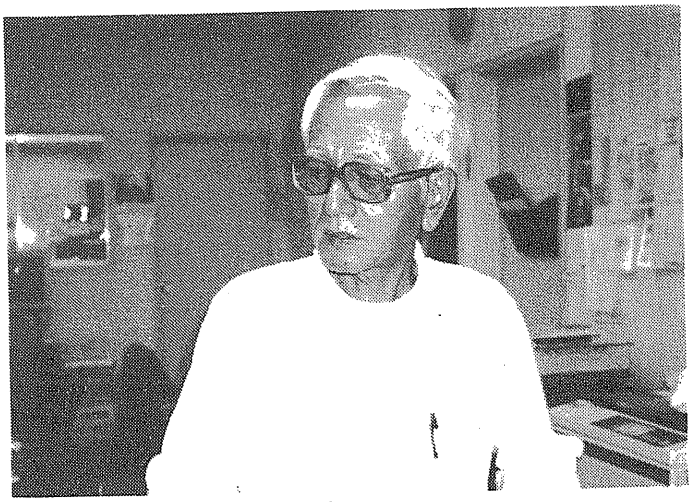

Nhà báo Như Phong Lê Văn Tiến

tin vào thuyết "đổi thay êm thắm" mà ông chủ trương từ khi còn bị cộng sản cầm tù. Ông nói: "Cộng sản Việt Nam rất sợ và đang hô hào đánh phá cái gọi là "diễn biến hòa bình."

Đã từng ở nhóm chủ trương của nhật báo *Tự Do* ở Saigon những năm đầu thập niên 1950 (cùng các ông Phạm Việt Tuyền, Nguyễn Hoạt, Phạm Tăng, Bùi Xuân Uyên, v.v...), ông Như Phong luôn luôn là người theo dõi rất sát thời cuộc, và thường có những phân tích, nhận định sắc bén, những dự tri chính xác.

Là người viết báo chuyên nghiệp với các bút hiệu như Như Phong hoặc Lý Thắng, ông Lê Văn Tiến đã sớm trở thành một kho dữ kiện cho các nhà nghiên cứu, các học giả, và cả các chính khách tìm đến tham khảo.

Ngoài một số báo Việt ngữ trong nước, ông còn cộng tác với nhiều báo quốc tế, như *The Economist* (Anh Quốc), *The New York Times* (Mỹ), *Zurich Zeitung* (Thụy Sĩ), *Le Monde* (Pháp).

Trả lời câu hỏi của *Người Việt* về nguy cơ đất nước có thể bị phá sản vì sự thao túng của "mafia" đỏ, nhà báo có kinh nghiệm cộng sản cũng như tư bản từ nửa thế kỷ qua cho rằng "mafia không thể thắng được kiến thức và truyền thông." Ông nói rằng hiện còn quá sớm để ông đưa ra những phác thảo về một kế hoạch hành động, nhưng ông tin tưởng ở tương lai với sự trưởng thành của lớp người trẻ được hấp thụ tư tưởng đổi mới đất nước.

Nghệ sĩ Trần Văn Trạch qua đời

Nguồn tin từ Paris cho hay nghệ sĩ lão thành Trần Văn Trạch đã từ trần lúc 7 giờ 30 sáng thứ Ba 12-4-1994 tại Paris. Nghệ sĩ Trần Văn Trạch tên thật là Trần Quang Thanh, năm nay 70 tuổi. Ông bị bệnh ung thư bao tử và phải nằm bệnh viện từ hai tháng nay.

Nghệ sĩ lão thành Trần Văn Trạch đã góp phần lớn lao vào nền âm nhạc Việt Nam. Người Việt ở miền Nam Việt Nam không ai là không biết tới Quái Kiệt Trần Văn Trạch, nổi tiếng vì dùng miệng để tạo thành "tiếng động" (sound effect) như tiếng máy bay xe lửa, tiếng máy bay, súng đạn từ trên phi cơ bắn xuống, hoặc bắt chước các giọng ca. Khán thính giả các Đại Nhạc Hội tại Saigon cách đây bốn thập niên rất thích nghệ sĩ Trần Văn Trạch bắt nhái giọng ca của ca sĩ kiêm diễn viên điện ảnh Lý Lệ Hoa và Tino Rossi. Những ai sinh trưởng ở miền Nam, không ai là không biết đến Trần Văn Trạch vào mỗi chiều thứ Năm trên luồng sóng trực tiếp chương trình Xổ Số Kiến Thiết Quốc Gia của đài phát thanh Saigon. Bài hát "Xổ số Kiến Thiết Quốc Gia, giúp đồng bào ta..." là do chính giọng ca của nghệ sĩ Trần Văn Trạch.

Các tác phẩm của nghệ sĩ Trần Văn Trạch khá nhiều nhưng ít được xuất bản mà phần lớn chỉ dùng để ông mang ra trình diễn mà thôi, trong đó phải kể đến Chuyến Xe Lửa Mồng Năm và một bài thuộc loại hùng ca là bài Chiến Xa Việt Nam.

Về phần trình diễn, nghệ sĩ Trần Văn Trạch nổi tiếng ở bài Hải Ngoại Thương Ca và Chiều Mưa Biên Giới của Nguyễn Văn Đông.

Ngoài những hoạt động ca nhạc, ông còn góp phần vào việc lập ra các Hội như Khuyến Lệ Cổ Ca, Hội Ái Hữu Nghệ Sĩ và làm trưởng đoàn Đoàn Văn Tuyên Trung Ương của Bộ Dân Vận Chiêu Hồi.

Hội nghệ sĩ Việt Nam ở Hải Ngoại đã vinh danh Nghệ sĩ Trần Văn Trạch bằng một giải "Oscar Việt Nam" để tri ân công lao của người nghệ sĩ quá cố.■

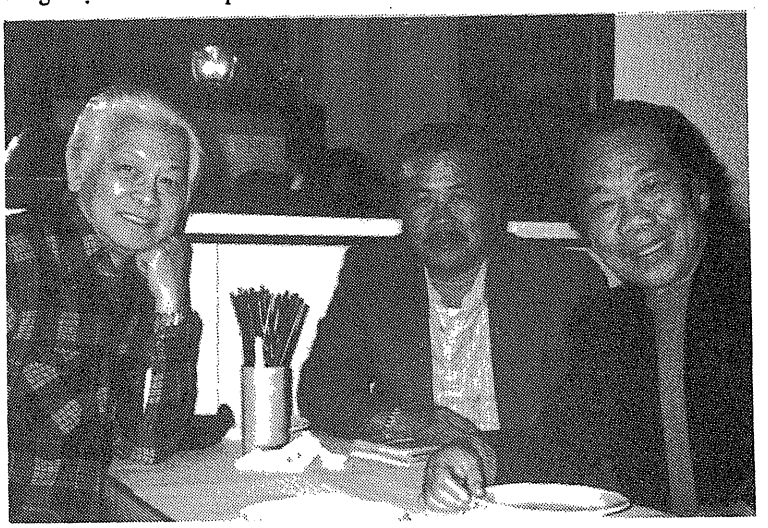

Trần Văn Trạch (bên mặt), cùng Phạm Duy và Cao Thái, ở Paris 1982.

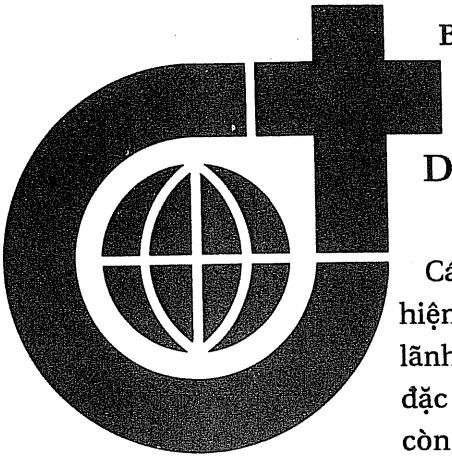

Bạn, muốn hàn gắn những vết thương
nhân loại, hãy đến với

DÒNG TRUYỀN GIÁO NGÔI LỜI

Các linh mục và tu sĩ Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện đang phục vụ tại hơn 59 quốc gia, trong nhiều lãnh vực như giáo dục, kỹ nghệ, y tế, canh nông..... đặc biệt tại những đệ tam quốc gia hay những nơi còn chậm tiến.

Là một tập thể Công Giáo gồm 5,700 thành viên thuộc nhiều sắc tộc trên thế giới, Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời hiện có 2 cơ sở trên toàn nước Mỹ, cung cấp các chương trình tìm hiểu và giáo dục, đào tạo các linh mục và tu sĩ cho cánh đồng truyền giáo:

* Divine Word College Seminary ở Epworth, Iowa là một đại chủng viện với chương trình học 4 năm giúp việc huấn luyện các chủng sinh trở thành những nhà truyền giáo trong tương lai.

* Associate Program là chương trình một năm dành cho những thỉnh sinh đã tốt nghiệp đại học, tới tìm hiểu Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời.

Để biết rõ hơn về Dòng Truyền Giáo Ngôi Lời, bạn hãy liên lạc với:

Rev. Giuse Đặng Xuân Oánh, SVD
Divine Word Missionaries
P.O. Box 380
Epworth, Iowa 52045-0380
TEL: 1-800-553-3321

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.
- Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.
- Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.
- Kế hoạch hoá gia đình.
- Giải phẫu các bệnh phụ nữ.
- Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.

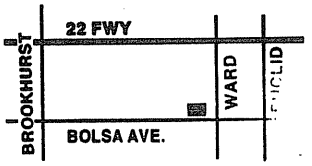

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE
HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

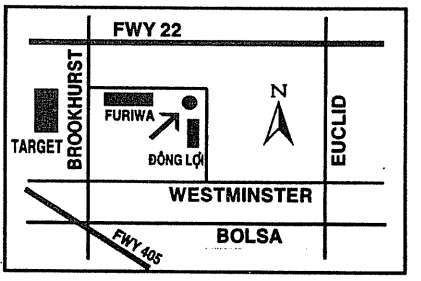

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

Tìm đọc:

PHẬT GIÁO HÒA HẢO TRONG DÒNG LỊCH SỬ DÂN TỘC

Công trình thâm cứu của Cố Cư Sĩ

NGUYỄN LONG THÀNH NAM

- Để thấy sự phối hợp kỳ diệu giữa Đạo và Đời, giữa dân tộc và đạo pháp. Từ Đức Phật Thầy Tây An với Bửu Sơn Kỳ Hương tới Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ với Phật Giáo Hòa Hảo.
- Để có cái nhìn trung thực về những biến cố lịch sử dân tộc đã không ngừng bị cả Thực Dân lẫn Cộng sản bóp méo.
- Một sử liệu không thể thiếu trong tủ sách gia đình của các tín đồ Phật Giáo Hòa Hảo và của bất cứ ai quan tâm tới vận mệnh thăng trầm của đất nước.

* Giá bán 1 cuốn: $US 25.00
(kể cả cước phí)

* Ngoài nước Mỹ: $US 27.00

Tập San ĐUỐC TỪ BI
P.O. Box 3048
Santa Fe Springs, CA 90670

Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...

Một người Việt Nam tự do, đang ưu tư về chính mình và về đất nước mình, muốn biết những vấn đề cũng như những giải pháp đề nghị về chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, khoa học...

TÌM ĐỌC THẾ KỶ 21
THỜI SỰ • KHOA HỌC • VĂN NGHỆ

Tạp chí thời sự, khoa học, văn nghệ ra mỗi đầu tháng, phát hành khắp thế giới. Mua dài hạn $32.40 / một năm. Thơ từ, tiền bạc, bài vở, đề và gửi cho: THẾ KỶ 21.

P.O. Box 2054-H39, Westminster, CA 92683. Tel. (714) 894-9121 • Fax: (714) 894-2752

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

Đã Phát Hành

NGUYÊN SA

NGHỆ SĨ VIỆT NAM Ở HẢI NGOẠI

* PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG * PHẠM DUY * ANH BẰNG * KHÁNH LY * LỆ THU * HẢI LÝ * NGỌC CHÁNH * DUY TRÁC * THANH THÚY * LÊ VĂN THIỆN * HƯƠNG LAN * LYNDA TRANG ĐÀI * TRẦN QUỐC BẢO * TRẦN DUY ĐỨC * TRỌNG NGHĨA-MỘNG LAN * KIM ANH * TUẤN VŨ * DIỄM PHÚC * ĐỨC HUY.

Cuốn I
300 trang - Giá $15

Liên lạc: Đời, P.O. Box 4658, Irvine CA 92716, USA

ĐÒI NỢ MÁU

** Muốn biết tên đầu sỏ VC tự vẽ râu cho mình ra sao.*
** Muốn biết Lý Tự Trọng là đứa nào mà VC ngang nhiên đặt tên cho một con đường của thủ đô Sài Gòn yêu quý của chúng ta.*
** Muốn biết VC âm mưu công khai giết "ngụy quân, ngụy quyền" như thế nào, cùng nhiều hành động bỉ ổi khác chỉ VC mới có.*

Mời độc giả tìm

ĐÒI NỢ MÁU

Tập truyện ngắn của

NGUYỄN NGỌC NGA

Với mười câu chuyện thật phơi bày những mưu ma chước quỷ cùng những tội ác ghê tởm của VC trong cái thế giới xã hội chủ nghĩa cần phải tiêu diệt.
Sách chỉ bán qua bưu điện (bao gồm cước phí cho tất cả các nước)

Giá 13 Mỹ Kim

Xin gửi International Money Order về N. NGUYEN
P.O. Box 171 South Melbourne VIC 3205 Australia

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED — NATIONAL INSTITUTE FOR AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ (MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK $19.00 + $7 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT 4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-TTI CHUYÊN TRỊ:
Vô xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đúng tiêu chuẩn dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT
(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE $50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

HUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

- *Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- *Máy lạnh thổi không ra hơi*
- *Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- *Hệ thống lạnh bị xì*
- *Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- *Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL. (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sĩ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

Sách do THẾ KỶ phát hành:

Đã phát hành:

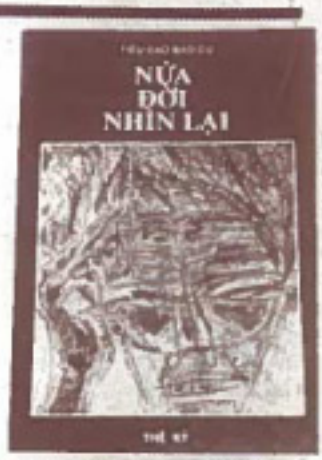

• NỬA ĐỜI NHÌN LẠI

Truyện của Tiêu Dao Bảo Cự (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.

Sách dày 340 trang. Tựa của Đặng Tiến.
Bạt của Hà Sĩ Phu. Giá: $14.00

• CÂY TÙNG TRƯỚC BÃO

Ký của Hoàng Khởi Phong. Tác phẩm mang lại niềm tin rằng, còn có những con người thực sự đã sống và chiến đấu cho dân tộc và quê hương, với đầy đủ tinh thần trách nhiệm và nhân phẩm.

Giá: $15.00

• THƠ BÙI GIÁNG

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá: $8.00

P.O. Box 2054-H39 Westminster CA 92684
ĐT: (714) 894-9021 * Fax: (714) 894-2752

Giá: US $ 3.00